

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

DỰ THẢO

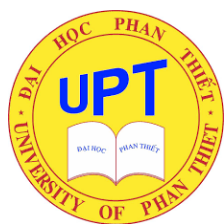


BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bình Thuận, tháng 06 năm 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG
(Giai đoạn: 2020-2024)

**(Theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và
Đào tạo ban hành về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
các trình độ của giáo dục đại học)**

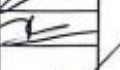
Tài liệu lưu hành nội bộ của Trường Đại học Phan Thiết và sử dụng phục vụ
hoạt động đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Trường.

Bình Thuận, tháng 6 năm 2025

Danh sách thành viên Hội đồng Tự đánh giá:

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG

(Kèm theo Quyết định số 31 /QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS.TS. Võ Khắc Thường	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	PGS.TS. Đinh Phi Hổ	Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy Trường	Phó Chủ tịch	
3	TS. La Nữ Ánh Vân	Phó Trưởng Khoa Du lịch (phụ trách khoa)	Phó Chủ tịch	
4	ThS. Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế (KT-ĐBCL- TT&PC)	Thành viên - Thư ký	
5	ThS. Đinh Thị Kim Chi	Phó trưởng bộ môn, Khoa Du lịch	Thành viên	
6	ThS. Lưu Mỹ Ngọc	Giảng viên Khoa Du lịch	Thành viên	
7	TS. Võ Khắc Trường Thi	Trưởng phòng Quản lý đào tạo (QLĐT)	Thành viên	
8	ThS. Lê Anh Linh	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính (TC-HC)	Thành viên	
9	TS. Trần Tinh	Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT)	Thành viên	
10	ThS. Nguyễn Như Trường	Trưởng phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp (CTCTSV&HTDN)	Thành viên	
11	Đoàn Tổ Uyên	Đại diện Sinh viên ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Thành viên	

(Danh sách gồm có 11 người).

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt	
Phần I. KHÁI QUÁT	
1. Đặt vấn đề	
2. Tổng quan chung	
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	
Tiêu chuẩn 1	
Mở đầu	
Tiêu chí 1.1	
Tiêu chí 1.2	
Tiêu chí 1.3	
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	
Tiêu chuẩn 2	
Mở đầu	
Tiêu chí 2.1	
Tiêu chí 2.2	
Tiêu chí 2.3	
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	
Tiêu chuẩn 3	
Mở đầu	
Tiêu chí 3.1	
Tiêu chí 3.2	
Tiêu chí 3.3	
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	
Tiêu chuẩn 4	
Mở đầu	
Tiêu chí 4.1	
Tiêu chí 4.2	
Tiêu chí 4.3	
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	
Tiêu chuẩn 5	
Mở đầu	
Tiêu chí 5.1	
Tiêu chí 5.2	
Tiêu chí 5.3	
Tiêu chí 5.4	
Tiêu chí 5.5	
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chuẩn 6	
Mở đầu	
Tiêu chí 6.1	
Tiêu chí 6.2	
Tiêu chí 6.3	
Tiêu chí 6.4	
Tiêu chí 6.5	
Tiêu chí 6.6	
Tiêu chí 6.7	
Kết luận về Tiêu chuẩn 6	
Tiêu chuẩn 7	
Mở đầu	
Tiêu chí 7.1	
Tiêu chí 7.2	
Tiêu chí 7.3	
Tiêu chí 7.4	
Tiêu chí 7.5	
Kết luận về Tiêu chuẩn 7	
Tiêu chuẩn 8	
Mở đầu	
Tiêu chí 8.1	
Tiêu chí 8.2	
Tiêu chí 8.3	
Tiêu chí 8.4	
Tiêu chí 8.5	
Kết luận về Tiêu chuẩn 8	
Tiêu chuẩn 9	
Mở đầu	
Tiêu chí 9.1	
Tiêu chí 9.2	
Tiêu chí 9.3	
Tiêu chí 9.4	
Tiêu chí 9.5	
Kết luận về Tiêu chuẩn 9	
Tiêu chuẩn 10	
Mở đầu	
Tiêu chí 10.1	
Tiêu chí 10.2	
Tiêu chí 10.3	

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chí 10.4	
Tiêu chí 10.5	
Tiêu chí 10.6	
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	
Tiêu chuẩn 11	
Mở đầu	
Tiêu chí 11.1	
Tiêu chí 11.2	
Tiêu chí 11.3	
Tiêu chí 11.4	
Tiêu chí 11.5	
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	
Phần III. KẾT LUẬN	
1. Tóm tắt những điểm mạnh	
2. Tóm tắt những điểm tồn tại	
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến	
4. Tổng hợp kết quả TĐG	
Phần IV. PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu viết tắt	Ý nghĩa thay thế
1	BGH	Ban Giám hiệu
2	BLQ	Bên liên quan
3	CBGVNV	Cán bộ, giảng viên, nhân viên
4	CBQL	Cán bộ quản lý
5	CĐR	Chuẩn đầu ra
6	CLB	Câu lạc bộ
7	CNTT	Công nghệ thông tin
8	CSVC	Cơ sở vật chất
9	CTDH	Chương trình dạy học
10	CTĐT	Chương trình đào tạo
11	CVHT	Cổ vấn học tập
12	ĐCCT	Đề cương chi tiết
13	ĐH	Đại học
14	GDDH	Giáo dục đại học
15	GDDT	Giáo dục và Đào tạo
16	GTCL	Giá trị cốt lõi
17	GV	Giảng viên
18	HĐT	Hội đồng trường
19	HĐKH-ĐT	Hội đồng Khoa học và Đào tạo
20	HP	Học phần
21	HSV	Hội sinh viên
22	HV	Học viên
23	KHCL	Kế hoạch chiến lược
24	KTX	Ký túc xá
25	MTCL	Mục tiêu chất lượng
26	NCKH	Nghiên cứu khoa học
27	NCS	Nghiên cứu sinh
28	NNL	Nguồn nhân lực
29	NV	Nhân viên
30	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
31	P. CTCTSV&HTDN	Phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp
32	PGS, GS	Phó giáo sư, Giáo sư
33	P.KH-TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính
34	P. KT-ĐBCL-TT&PC	Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế
35	PPDH	Phương pháp dạy học

STT	Ký hiệu viết tắt	Ý nghĩa thay thế
36	P. QLKH&HTQT	Phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế
37	P. QLSDH	Phòng Quản lý sau đại học
38	P. TC-HC	Phòng Tổ chức - Hành chính
39	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
40	P. QLĐT	Quản lý đào tạo
41	ThS	Thạc sĩ
42	TKB	Thời khoá biểu
43	DL	DL
44	QTNH&DVAU	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
45	TĐG	Tự đánh giá
46	THPT	Trung học phổ thông
47	TTTT&QTM	Thông tin truyền thông và quản trị mạng
48	SV	Sinh viên
49	UPT	University of Phan Thiết – Tên giao dịch viết tắt của Trường Đại học Phan Thiết

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

a) Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT

Khoa DL tiến hành tự đánh giá chất lượng CTĐT cử nhân ngành QTNH&DVAU theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT và Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT. Cấu trúc của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành QTNH&DVAU thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Cục quản lý chất lượng về tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT là công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 và công văn 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

Cấu trúc của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành QTNH&DVAU bao gồm 04 phần.

Phần I. Khái quát - Tóm tắt báo cáo tự đánh giá và mô tả ngắn gọn về Trường ĐHPT và Khoa Kỹ thuật Công nghệ.

Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí: Gồm 50 tiêu chí/11 tiêu chuẩn theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT. Mỗi tiêu chuẩn được trình bày đầy đủ theo cấu trúc nội dung như sau:

1. Mở đầu

2. Đánh giá từng tiêu chí, mỗi tiêu chí được trình bày theo 5 nội dung:

- *Mô tả*

- *Điểm mạnh*

- *Điểm tồn tại*

- *Kế hoạch hành động*

- *Tự đánh giá*

3. Kết luận về tiêu chuẩn

Phần III. Kết luận – Là phần tóm tắt những điểm mạnh, những điểm tồn tại, kế hoạch hành động cải tiến chất lượng CTĐT, tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT.

Phần Phụ lục: Gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng của CTĐT, Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Kế hoạch TĐG, Danh mục minh chứng.

Báo cáo TĐG CTĐT ngành QTNH&DVAU có Danh mục minh chứng đi kèm, được để riêng ở một phụ lục. Trong Danh mục minh chứng, các tiêu chí/ tiêu chuẩn đều có một hệ thống minh chứng đi kèm. Cách mã hóa thông tin, minh chứng trong Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành QTNH&DVAU như sau:

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi gồm 11 ký tự: theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**. Trong đó:

H: viết tắt của “Hộp minh chứng”

n: số thứ tự của Hộp minh chứng (có giá trị từ 1 đến 11)

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 của các tiêu chuẩn viết 01).

ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí gồm 2 chữ số.

Ví dụ: **[H1.01.01.02]** - Minh chứng thứ 02 của tiêu chí 1, thuộc tiêu chuẩn 1, ở hộp 1.

Trong file Danh mục minh chứng của Báo cáo TĐG CTĐT ngành QTNH&DVAU có đính kèm đường link Hồ sơ minh chứng online ngành QTNH&DVAU. Trong đó, mỗi tiêu chuẩn được tổ chức thành một tệp, bên trong tệp Tiêu chuẩn có các tệp Tiêu chí, trong mỗi tệp Tiêu chí có các tệp hoặc file minh chứng riêng, được đặt tên theo đúng Mã minh chứng trong Danh mục minh chứng.

b) Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

- Mục đích tự đánh giá

Giúp Khoa DL tự xem xét, nghiên cứu các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GDĐT ban hành, tự rà soát mọi hoạt động, đánh giá thực trạng tổ chức thực hiện CTĐT, các yếu tố tác động đến chất lượng đào tạo cử nhân QTNH&DVAU của Khoa. Trong quá trình tự xem xét, đánh giá, Khoa nhận định được những điểm mạnh và phát hiện được điểm tồn tại, từ đó đưa ra kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT cử nhân QTNH&DVAU, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan. Đây cũng là cơ sở để Khoa đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT cử nhân QTNH&DVAU. Hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD đối với Nhà trường, với xã hội và các bên liên quan.

- Quy trình tự đánh giá CTĐT

Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước chính sau:

- + Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá;
- + Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá;
- + Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. Phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
- + Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá;
- + Bước 5: Công bố nội bộ dự thảo BCTĐG và tiếp tục hoàn thiện BCTĐG;
- + Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá như: Lưu trữ và triển khai thực hiện các kế hoạch hành động cải tiến chất lượng trong Báo cáo tự đánh giá; Báo cáo Cục QLCL - Bộ GDĐT;

Và tiếp tục đăng ký đánh giá ngoài để kiểm định chất lượng CTĐT theo chỉ đạo của lãnh đạo Trường.

- Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 và theo hướng dẫn của công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019; các tài liệu quy định và hướng dẫn khác như Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục quản lý chất lượng và công văn 774 /QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

- Phương pháp và quá trình tổ chức triển khai tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành QTNH&DVAU được thành lập gồm có 11 thành viên (*gồm đại diện BGH, lãnh đạo và giảng viên Khoa DL, đại diện các phòng ban, đoàn thể và đại diện sinh viên ngành QTNH&DVAU*). Giúp việc cho Hội đồng TĐG là Ban thư ký gồm 16 thành viên (*gồm GVCBNV của Khoa DL, một số CBNV Phòng QLĐT, Phòng TC-HC, Phòng KH-TC, Phòng CTCTSV&HTDN, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, Phòng QLKH&HTQT,...*) được tổ chức thành 4 nhóm chuyên trách

tham gia chính vào quá trình viết báo cáo TĐG. Báo cáo TĐG các phiên bản luôn được thông qua ý kiến của Hội đồng TĐG, các bên liên quan trong Trường, phiên bản cuối được công khai đến các bên liên quan, người học của Trường góp ý.

+ Nhóm 1: phụ trách các tiêu chuẩn 1, 2, 3 (về mục tiêu, CDR, bản mô tả, cấu trúc và nội dung CTĐT) do TS. La Nữ Ánh Vân – Trưởng khoa làm Trưởng nhóm; có sự tham gia của Phó trưởng phòng QLĐT;

+ Nhóm 2: phụ trách các tiêu chuẩn 4, 5, 10 (về phương pháp tiếp cận trong dạy và học, đánh giá KQHT của người học, nâng cao chất lượng) do ThS. Đinh Thị Kim Chi – Phó trưởng bộ môn, khoa DL làm Trưởng nhóm; có sự tham gia hỗ trợ của nhân viên Phòng QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC;

+ Nhóm 3: phụ trách các tiêu chuẩn 6, 7, 9 (Đội ngũ GV, nghiên cứu viên, đội ngũ nhân viên, CSVC và trang thiết bị) do TS. La Nữ Ánh Vân – Trưởng khoa làm Trưởng nhóm; có sự tham gia hỗ trợ của nhân viên Phòng TC-HC, thư viện, Phòng KH-TC, Phòng QLKH&HTQT;

+ Nhóm 4: phụ trách các tiêu chuẩn 8, 11 (Người học và hoạt động hỗ trợ người học, kết quả đầu ra) do ThS. Lưu Mỹ Ngọc – GV Khoa DL làm Trưởng nhóm; có sự tham gia hỗ trợ của nhân viên QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC; Phòng CTCTSV&HTDN;

Khoa DL đã lập kế hoạch chi tiết để tổ chức đánh giá CTĐT ngành QTNH&DVAU, tiến hành họp toàn Khoa và các thành viên các nhóm chuyên trách để phổ biến kế hoạch và phân công công việc cụ thể như: Phân công thư ký phụ trách đầu mỗi tập hợp tình hình thực hiện của các nhóm, mỗi nhóm phân công cá nhân phụ trách chính mỗi tiêu chuẩn; Phân tích tìm hiểu tiêu chí; các thành viên hỗ trợ thu thập minh chứng; Viết báo cáo tự đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn; sau đó Lãnh đạo Khoa rà soát lại và viết dự thảo báo cáo tổng hợp để Hội đồng tự đánh giá có ý kiến và phê duyệt dự thảo báo cáo và triển khai các bước tiếp theo. Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành QTNH&DVAU được thực hiện từ tháng 02/2025 đến tháng 7/2025. Báo cáo sẽ tiếp tục được cập nhật, bổ sung sau khi thẩm định đề đăng ký đánh giá ngoài CTĐT cử nhân ngành QTNH&DVAU.

2. Tổng quan chung

2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Phan Thiết (UPT)

Trường Đại học Phan Thiết được thành lập theo Quyết định số 394/QĐ-TTg ngày 25/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ và được giao nhiệm vụ đào tạo đa ngành và đa trình độ nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trí tuệ, bản lĩnh, sáng tạo cho vùng Nam trung bộ nói riêng và cả nước nói chung. Trường Đại học Phan Thiết (tên tiếng Anh là University of Phan Thiet, tên giao dịch viết tắt là UPT) là trường đại học duy nhất hiện nay của tỉnh Bình Thuận, có diện tích đất hiện nay là 119.875,9 m², tại khu phố 5, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Website: <http://www.upt.edu.vn>.

Sứ mạng:

Đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức vững, kỹ năng toàn cầu và tinh thần khởi nghiệp, tạo ra các giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, tổ chức và xã hội ở tỉnh Bình Thuận và khu vực. Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu và quản lý khoa học công nghệ ứng dụng, phục vụ nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận và cả nước. Xúc tiến các hoạt động xã hội PVCD trong tỉnh Bình Thuận và cả nước.

Tầm nhìn:

UPT phấn đấu đến năm 2030 trở thành đại học có uy tín, chất lượng và sáng tạo; được kiểm định chất lượng quốc gia và khu vực; có mạng lưới quan hệ hợp tác rộng rãi, đa ngành trong nước và quốc tế.

Giá trị cốt lõi:

Giá trị cốt lõi của Trường là: "Nhân văn – Hội nhập – Phát triển bền vững".

Mục tiêu:

Trường xác định mục tiêu đào tạo định hướng ứng dụng nghề nghiệp với triết lý giáo dục “Thực học - Thực nghiệp - Học suốt đời để làm việc suốt đời”, đa dạng các lĩnh vực đào tạo. Mục tiêu giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến 2040 của Trường với các nội dung chính là: Đẩy mạnh công tác tuyển sinh và đào tạo, mở thêm đa dạng các ngành học mới hệ đại học và thạc sĩ, phấn đấu mở được ngành đào tạo tiến sĩ; tăng quy mô đào tạo; kết hợp phương thức đào tạo Elearning; Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học (NCKH) trong GV và SV: 100% GV cơ hữu tham gia NCKH, đảm bảo mỗi GV có ít nhất 2 bài

báo trong 1 năm học, các sản phẩm về KHCN có khả năng ứng dụng và triển khai, có hiệu quả về mặt kinh tế-xã hội, xây dựng và phát triển tạp chí khoa học của Trường; Có các đối tác hợp tác lâu dài ở địa phương, trong và ngoài nước; Xây dựng và phát triển được đội ngũ CBGVNV có năng lực và trình độ cao; Có hệ thống CSVC, kỹ thuật đồng bộ và hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH; Các nguồn lực tài chính được phát triển trên cơ sở tự chủ tài chính, đảm bảo để thực hiện các mục tiêu chiến lược đề ra.

Sau hơn 15 năm hình thành và phát triển, UPT hiện nay đang có 9 Khoa chuyên môn, tổ chức đào tạo tổng cộng 15 ngành ở trình độ đại học gồm đa dạng các lĩnh vực như: Nhân văn, Kinh doanh và quản lý, Pháp luật, Máy tính và công nghệ thông tin, Kỹ thuật, Kiến trúc và xây dựng, Sức khỏe, DL, khách sạn; và 03 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ là Quản trị kinh doanh, Ngôn ngữ Anh, Luật kinh tế; Quy mô đào tạo là tính đến 31/12/2024 là 2867 SV và 107 HV; Đội ngũ GV cơ hữu có 191 người, trong đó có 5,8% GS, PGS, 16,8% TS, 57,1% ThS; Đã xuất bản được Tạp chí khoa học UPT; đã phát triển được các đối tác hợp tác quốc tế; có mạng lưới hợp tác hơn 100 doanh nghiệp, nhà tuyển dụng lao động; Tỷ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp đạt trên 93%, tỷ lệ hài lòng của doanh nghiệp đối với SV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị đạt trên 85%.

Các chính sách và hoạt động bảo đảm chất lượng

UPT cam kết kiểm soát chặt chẽ hệ thống ĐBCL bên trong, thường xuyên rà soát và cải tiến mọi mặt hoạt động nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, đáp ứng tốt và ngày càng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan, cụ thể:

- Chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ GV, cán bộ quản lý và cán bộ hành chính có đủ số lượng, trình độ, phẩm chất và năng lực theo quy định của Nhà nước và đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội: Hằng năm, Phòng TC-HC hướng dẫn các đơn vị làm báo cáo rà soát, đánh giá tình hình và nhu cầu về tuyển dụng và bồi dưỡng đào tạo nhân sự. Nhà Trường vẫn đang tăng cường tuyển dụng và tạo điều kiện để CBGVNV tham gia các khóa học nâng cao trình độ và các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ, các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước;

- Đào tạo đáp ứng CĐR theo Quy định của Bộ GDĐT, của Nhà trường và yêu cầu của các bên liên quan, nhất là Nhà tuyển dụng: Nhà trường định kỳ rà soát, cập nhật yêu cầu của nhà tuyển dụng và cập nhật các quy định của Bộ GDĐT để xây dựng các CĐR

và nội dung các CTĐT theo hướng tăng thực hành, thực tế và ngày càng đáp ứng hơn yêu cầu của các bên liên quan; Nhà trường tổ chức cập nhật CTĐT định kỳ 2 năm/1 lần. CTĐT từ khóa 2019 rút ngắn thời gian đào tạo còn 3,5 năm. Bộ CTĐT từ năm 2022 áp dụng cho khóa tuyển sinh 2022 được Nhà trường xây dựng phù hợp với Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước và nước ngoài. CTĐT 2024 tiếp tục được cập nhật, chỉnh sửa định kỳ, áp dụng cho khóa 2024-2028 cho phù hợp với nhu cầu về nguồn nhân lực của xã hội và của các bên liên quan, đặc biệt là nhà sử dụng lao động và người học.

- Lấy người học làm trung tâm, luôn luôn quan tâm và tạo môi trường thuận lợi để người học tự do phát triển năng lực sáng tạo của mình: Trường tổ chức Hội nghị dạy tốt – Học tốt định kỳ hằng năm cho GV và SV; GV thường xuyên cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực chuyên môn và các kỹ năng của người học;

- Đầu tư đảm bảo CSVC, tăng cường ứng dụng CNTT vào dạy – học và quản lý đào tạo hướng đến tiếp cận và thích ứng với cuộc cách mạng công nghệ 4.0, tiếp cận với giáo dục khu vực và thế giới;

- Đẩy mạnh các hoạt động NCKH, PVCD trong SV và GV, trong đó GV là lực lượng nòng cốt: Nhà trường đang tích cực đẩy mạnh hoạt động NCKH như tăng cường kinh phí, cải tiến quy định về hoạt động NCKH cho GV và SV, với những chỉ tiêu cụ thể được giao, đồng thời có cơ chế giám sát và thúc đẩy, khuyến khích GV, SV tham gia NCKH;

- Tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác là các cơ sở giáo dục, tổ chức đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức NCKH trong và ngoài nước;

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan đối với hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD của Nhà trường để không ngừng cải tiến chất lượng;

- Phát triển văn hóa chất lượng, xây dựng ý thức kỷ luật, tinh thần tập thể, phát huy tiềm năng và sự cống hiến của mọi cá nhân, đơn vị thuộc Trường;

- Thực hiện tự đánh giá và KĐCLGD cấp Trường và cấp CTĐT theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành, theo định kỳ, hướng tới KĐCLGD trong khu vực và quốc tế: UPT đã đạt kiểm định chất lượng CSGD theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành 2 chu

kỳ, lần 1 năm 2019 và lần 2 vào ngày 10/01/2025 do Trung tâm KĐCLGD – ĐHQG Hà Nội công nhận; Đã đạt kiểm định chất lượng 8 CTĐT theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành vào năm 2021-2022 (các CTĐT trình độ đại học *Quản trị kinh doanh, Quản trị khách sạn, Công nghệ thông tin, Ngôn ngữ Anh, Quản trị dịch vụ DL và Lữ hành, Tài chính – Ngân hàng, Luật kinh tế*, và CTĐT trình độ thạc sĩ *Quản trị kinh doanh*) do Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh công nhận.

2.2. Giới thiệu về Khoa DL

Được thành lập theo quyết định số 46/QĐ-ĐHPT ngày 02/8/2012 của Chủ tịch HĐQT trường Đại học Phan Thiết. Khoa DL hiện đang đào tạo 03 ngành là QTNH&DVAU, Quản trị Khách sạn và Quản trị dịch vụ DL & Lữ hành trình độ đại học và tiếp tục phát triển các CTĐT. Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu của Khoa tính đến 20/6/2025 có 27 CBGV cơ hữu, trong đó có 3 Tiến sĩ, 20 ThS và 4 Đại học. Ngoài ra, Khoa còn có một số GV thỉnh giảng là các GS, PGS, Tiến sĩ, Thạc sĩ có kinh nghiệm và uy tín cao từ các Viện nghiên cứu, các trường ĐH trong nước và các doanh nghiệp về lĩnh vực DL tại TP. HCM trực tiếp tham gia giảng dạy và NCKH góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa.

Khoa DL thường xuyên củng cố, phát triển Tổ ĐBCL của Khoa và thực hiện đầy đủ các hoạt động ĐBCL chung của Trường và các hoạt động ĐBCL của Khoa, bộ môn đối với các CTĐT của Khoa phụ trách như:

- Rà soát, đánh giá và phát triển đội ngũ nhân lực của Khoa hằng năm, đảm bảo đáp ứng số lượng và chất lượng GV giảng dạy các CTĐT và đội ngũ cán bộ quản lý, CVHT hỗ trợ người học; Tạo điều kiện để CBGVNV của Khoa tham gia các khóa học nâng cao trình độ và các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ;

- Định kỳ rà soát, cập nhật, phát triển các CTĐT của Khoa quản lý theo kế hoạch chung của Trường; chú trọng tham khảo các yêu cầu của các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng để xây dựng các CTĐT theo hướng tăng cường thực hành, thực tế, cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn và lữ hành; CTĐT Đại học QTNH&DVAU của Khoa đã được xây dựng, vận hành từ năm 2020, đã qua các lần cập nhật CTĐT của Trường vào 2021, 2022, 2024. CTĐT từ năm 2022 áp dụng cho khóa tuyển sinh 2022 được Nhà trường xây dựng theo Thông tư số 17/2021/TT- BGDĐT;

- Tổ chức các chương trình sinh hoạt học thuật của Khoa, tham gia chương trình Dạy tốt – Học tốt của Trường, giúp cho GV đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng và phát triển năng lực tự học, sáng tạo của người học; cập nhật các phần mềm thực hành mới nhất từ các ngân hàng, doanh nghiệp để giảng dạy cho người học; Thực hiện đánh giá và cải tiến hình thức, phương pháp, đề thi kiểm tra đánh giá hằng năm theo kết quả học tập của người học;

- Cải tiến, biên soạn giáo trình tài liệu giảng dạy phục vụ cho các ngành đào tạo của Khoa, đáp ứng tốt hơn về tài liệu học tập cho người học;

- Khuyến khích các hoạt động NCKH đối với GV và SV trong Khoa. GV phải thực hiện tốt quy định của Trường về tiết nghĩa vụ NCKH và tích tham gia hướng dẫn SV thực hiện NCKH;

- Thực hiện các hoạt động cổ vấn học tập, hỗ trợ người học trong suốt khóa học;

- Tăng cường hợp tác với các đơn vị, các doanh nghiệp, ngân hàng trong và ngoài Tỉnh và tổ chức các hoạt động thực hành, thực tế, thực tập cho người học trong mỗi khóa học và giới thiệu việc làm cho SV;

- Định kỳ thực hiện sinh hoạt Khoa, sinh hoạt cổ vấn học tập lấy ý kiến người học, trao đổi với các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức... phối hợp với các hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan do Trường tổ chức để không ngừng cải tiến chất lượng CTĐT và các hoạt động của Khoa, nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa đáp ứng sự hài lòng các bên liên quan;

- Thực hiện tự đánh giá và kiểm định chất lượng các CTĐT của Khoa theo quy định của Bộ GDĐT và của Trường.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu:

Trường Đại học Phan Thiết đã thiết lập một hệ thống quy trình chặt chẽ và toàn diện cho việc thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTĐT và học phần, trong đó có ngành QTNH&DVAU thuộc Khoa DL. Hệ thống này đảm bảo CDR của chương trình và các học phần được xây dựng, rà soát, điều chỉnh định kỳ nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan như sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng và xã hội. Theo quy định của Nhà trường, tối thiểu hai năm một lần, CTĐT phải được tổ chức rà soát, đánh giá và cập nhật, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc hoàn thiện CDR sao cho phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp trong lĩnh vực nhà hàng và dịch vụ ăn uống.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng:

CTĐT cử nhân ngành QTNH&DVAU đã được xây dựng và tổ chức đào tạo từ năm 2020 [H1.01.01.01]. Từ đó đến nay, Trường đã trải qua 3 lần xây dựng, cập nhật CTĐT một cách hệ thống vào năm 2021, 2022, 2024. Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành QTNH&DVAU được xác định rõ ràng qua mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT. [H1.01.01.02]

Mục tiêu chung:

“CTĐT Cử nhân ngành Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống được xây dựng nhằm hướng tới mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống. Đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc của các doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống trong bối cảnh hội nhập quốc tế.”

Mục tiêu cụ thể:

+ Về kiến thức:

PO1. Đào tạo người học các kiến thức nền tảng sâu rộng về lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam và an ninh quốc phòng trong thực tiễn.

PO2. Đào tạo người học các kiến thức chung về quản trị kinh tế, tổng quan du lịch, quản trị về nhân sự du lịch, quản trị chuỗi cung ứng và đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ trong nhà hàng và các cơ sở dịch vụ ăn uống.

PO3. Đào tạo người học các kiến thức chuyên ngành sâu rộng về phương pháp xây dựng thực đơn, chế độ dinh dưỡng, các phương pháp chế biến món ăn Á, Âu, pha chế đồ uống, các kiến thức về tổ chức và nghiệp vụ phục vụ nhà hàng, tổ chức và phục vụ tiệc trong thực tiễn công việc.

PO4. Đào tạo người học các phương pháp nghiên cứu khoa học, các phương pháp xây dựng và triển khai các kế hoạch kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng và dịch vụ ăn uống.

+Về kỹ năng

PO5. Đào tạo người học phát triển các kỹ năng nghiệp vụ phục vụ, quản lý, tổ chức hoạt động kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống; các kỹ năng sử dụng các máy móc, trang thiết bị hỗ trợ làm việc trong môi trường nhà hàng.

PO6. Đào tạo người học rèn luyện tốt các kỹ năng tin học, giao tiếp, ngoại ngữ, nghiên cứu độc lập và làm việc nhóm tốt trong môi trường nhà hàng chuyên nghiệp, cũng như đào tạo người học có kỹ năng giải quyết những vấn đề thực tế trong nhà hàng và dịch vụ ăn uống.

+Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO7. Đào tạo người học có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp phù hợp với ngành nghề, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng.

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành QTNH&DVAU phù hợp với “Tầm nhìn - Sứ mệnh” của trường Đại học Phan Thiết. **[H1.01.01.03]**. Sứ mệnh của Trường ĐHPT: “Đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức vững, kỹ năng toàn cầu và tinh thần khởi nghiệp, tạo ra các giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, tổ chức và xã hội ở tỉnh Bình Thuận và khu vực. Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu và quản lý khoa học công nghệ ứng dụng, phục

vụ nhu cầu phát triển bền vững Kinh tế - xã hội trong tỉnh Bình Thuận và cả nước - Xúc tiến các hoạt động xã hội phục vụ cộng đồng trong tỉnh Bình Thuận và cả nước”. Tầm nhìn: Trường ĐHPT phấn đấu đến năm 2030 trở thành đại học có uy tín, chất lượng và sáng tạo; được kiểm định chất lượng quốc gia và khu vực; có mạng lưới quan hệ hợp tác rộng rãi, đa ngành trong nước và quốc tế.

Bên cạnh đó, khoa xác định mục tiêu của CTĐT ngoài việc phải phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của Nhà trường thì cũng xây dựng dựa trên mục tiêu của GDĐH: “Đào tạo sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo”. **[H1.01.01.04]**.

Dựa trên sự thay đổi về tầm nhìn, sứ mệnh của Nhà trường **[H1.01.01.05]**, Khoa đã tiến hành rà soát và điều chỉnh CTĐT (CTĐT) và chuẩn đầu ra (CĐR) của ngành QTNH&DVAU theo định kỳ, đồng thời cập nhật để đáp ứng Quy định về chuẩn CTĐT theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT vào năm 2021, 2022 và 2024 **[H1.01.01.06]**. Các điều chỉnh sau đó đã được hội đồng khoa học của Trường thẩm định và đánh giá **[H1.01.01.07]**.

Trong quá trình rà soát CTĐT và CĐR, Khoa đã thu thập ý kiến từ các bên liên quan (BLQ) như chuyên gia trong lĩnh vực, giảng viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và sinh viên hiện tại. Nhiều hình thức đã được sử dụng để tiếp nhận ý kiến, bao gồm khảo sát trực tiếp, hoạt động tuyển dụng tổ chức tại trường, cũng như thông qua quá trình thực tập nghề nghiệp của sinh viên **[H1.01.01.08]**, **[H1.01.01.09]**, **[H1.01.01.09]**.

Đồng thời Mục tiêu CTĐT ngành QTNH&DVAU luôn được phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức khác nhau như: qua website của Khoa và Nhà trường, các cuộc họp giữa cán bộ quản lý, GV với SV trong Khoa, các cuộc thảo luận, hội nghị, lấy ý kiến góp ý từ các bên liên quan và một số hình thức khác nhằm giúp người dạy, người học và người sử dụng lao động nắm rõ mục tiêu CTĐT của ngành **[H1.01.01.11]**.

2. Điểm mạnh:

Mục tiêu của CTĐT ngành QTNH&DVAU được xác định rõ ràng, đầy đủ và phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của Trường Đại học Phan Thiết cũng như quy định của Luật Giáo dục Đại học. Các mục tiêu cụ thể được chia theo kiến thức, kỹ năng và năng lực

tự chủ, tạo nền tảng toàn diện cho người học. CTĐT đã được rà soát và cập nhật định kỳ qua các năm 2021, 2022, 2024 với sự tham gia của các bên liên quan. Ngoài ra, mục tiêu CTĐT còn được phổ biến qua nhiều kênh như website và các cuộc họp.

3. Điểm tồn tại:

Khi rà soát, cải tiến CTĐT chưa khảo sát cụ thể về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành QTNH&DVAU nên việc đánh giá mức độ phù hợp giữa mục tiêu đào tạo và yêu cầu thực tiễn còn gặp một số hạn chế. Bên cạnh đó, việc đối sánh mục tiêu của CTĐT với các chương trình tương đương ở các cơ sở giáo dục đại học khác vẫn chưa được thực hiện rõ ràng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và đối sánh mục tiêu của CTĐT với chương trình tương đương ở các cơ sở giáo dục đại học khác	Khoa DL	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Mục tiêu CTĐT đã được xác định rõ ràng, phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của CSGD, và Luật GDĐH. Thường xuyên cập nhật định kỳ qua các năm 2021, 2022, 2024.	Khoa DL	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng:

Căn cứ vào văn bản chính thức phát biểu về tầm nhìn - sứ mệnh của Trường [H1.01.02.01], theo định kỳ 2 năm/1 lần, Khoa DL cũng tiến hành xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT và các môn học/học phần [H1.01.02.02], đồng thời chỉnh sửa ma trận kỹ năng [H1.01.02.03] để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan. Hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR cũng được thực hiện dựa theo quy định hướng

dẫn chung của Nhà trường [H1.01.02.04], [H1.01.02.05] và luôn bám sát với Thông tư 07/2015/TT-BGD&ĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của BGD&ĐT nhằm đem lại hiệu quả cao và chính xác trong công việc

Qua đó CDR của CTĐT ngành QTNH&DVAU được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu đã đề ra của CTĐT. Mỗi CDR của CTĐT hoặc môn học/học phần đều phản ánh và đáp ứng tương ứng với những mục tiêu cụ thể mà CTĐT hoặc môn học/học phần đã đề ra cho người học. Đồng thời, mỗi CDR riêng lẻ của từng môn học/học phần cũng chính là căn cứ để hình thành tổng thể CDR của CTĐT. Điều này làm tăng tính khả thi của các CDR cũng như lý giải được giá trị của mỗi CDR trong chuyên ngành QTNH&DVAU [H1.01.02.02]. Nhìn chung, thông qua các biên bản họp lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan như giảng viên, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng, doanh nghiệp để điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động trong và ngoài Tỉnh.

Bảng 1.2.1: Bảng mô tả mục tiêu của CTĐT

PO	Nội dung
PO1	Đào tạo người học các kiến thức nền tảng sâu rộng về lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam và an ninh quốc phòng trong thực tiễn.
PO2	Đào tạo người học các kiến thức chung về quản trị kinh tế, tổng quan du lịch, quản trị về nhân sự du lịch, quản trị chuỗi cung ứng và đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ trong nhà hàng và các cơ sở dịch vụ ăn uống.
PO3	Đào tạo người học các kiến thức chuyên ngành sâu rộng về phương pháp xây dựng thực đơn, chế độ dinh dưỡng, các phương pháp chế biến món ăn Á, Âu, pha chế đồ uống, các kiến thức về tổ chức và nghiệp vụ phục vụ nhà hàng, tổ chức và phục vụ tiệc trong thực tiễn công việc.
PO4	Đào tạo người học các phương pháp nghiên cứu khoa học, các phương pháp xây dựng và triển khai các kế hoạch kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng và dịch vụ ăn uống.
PO5	Đào tạo người học phát triển các kỹ năng nghiệp vụ phục vụ, quản lý, tổ chức hoạt động kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống; các kỹ năng sử dụng các máy móc, trang thiết bị hỗ trợ làm việc trong môi trường nhà hàng.
PO6	Đào tạo người học rèn luyện tốt các kỹ năng tin học, giao tiếp, ngoại ngữ, nghiên cứu độc lập và làm việc nhóm tốt trong môi trường nhà hàng chuyên nghiệp, cũng như đào tạo người học có kỹ năng giải quyết những vấn đề thực tế trong nhà hàng và dịch vụ ăn uống.
PO7	Đào tạo người học có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp phù hợp với ngành nghề, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng

Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT ngành QTNH&DVAU cũng nêu cụ thể từng CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT [H1.01.02.02].

Bảng 1.2.2: Bảng mô tả CĐR của CTĐT

PLO	Nội dung
PLO1	Phân tích được những kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, văn hoá, địa lý, môi trường kinh doanh ở Việt Nam.
PLO2	Áp dụng được kiến thức chung của quản trị, đặc biệt là quản trị Nhà hàng và các dịch vụ ẩm thực.
PLO3	Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành sâu rộng về phương pháp xây dựng thực đơn, chế độ dinh dưỡng, các phương pháp chế biến món ăn A, Âu, pha chế đồ uống, các kiến thức về tổ chức và nghiệp vụ phục vụ nhà hàng trong hoạt động kinh doanh nhà hàng và các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.
PLO4	Áp dụng thành thạo các thao tác nghiệp vụ chuyên ngành trong hoạt động kinh doanh cơ sở ẩm thực như: nghiệp vụ lễ tân (chăm sóc khách hàng, quản lý sổ bản đặt trước và yêu cầu của khách) trong nhà hàng, các phương pháp bán sản phẩm dịch vụ - nghiên cứu thị trường và chăm sóc khách hàng, các hoạt động duy trì bảo đảm chất lượng trong cơ sở kinh doanh ăn uống
PLO5	Vận dụng được các kiến thức chính của ngành vào việc khởi nghiệp, lập kế hoạch kinh doanh, marketing, thiết kế vận hành công việc cụ thể để quản lý cơ sở kinh doanh ẩm thực
PLO6	Áp dụng được tư duy hệ thống, phản biện trong các hoạt động nghề nghiệp nói chung và thành thực kỹ năng thuyết minh, thuyết trình, xử lý tình huống trong tổ chức và thực hiện nghiệp vụ cơ bản như: tổ chức sự kiện, giải quyết phàn nàn của khách trong nhà hàng – các dịch vụ ăn uống
PLO7	Áp dụng thuần thục các kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, quản lý thời gian và quản lý xung đột, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong quá trình điều hành cơ sở kinh doanh Nhà hàng và dịch vụ ăn uống
PLO8	Phân tích quá trình quản lý, có khả năng quyết định và phương án xử lý các vấn đề, tình huống thông thường và phức tạp trong kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống
PLO9	Hòa nhập tốt với môi trường làm việc chuyên nghiệp, biết chấp hành kỷ luật lao động trong ngành; thực hiện tốt các quy định tiêu chuẩn phục vụ - làm việc tại cơ sở kinh doanh ẩm thực.
PLO10	Nhận biết tôn trọng pháp luật, chấp hành chủ trương, chính sách của nhà nước, thể hiện quan điểm chính trị rõ ràng, hiểu được đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với xã hội.
PLO11	Áp dụng khả năng tư duy, phản biện và nghiên cứu khoa học phục vụ học tập chuyên sâu và phát triển nghề nghiệp sau khi ra trường.

Trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa của Khoa, lãnh đạo Khoa sẽ trực tiếp trình bày và phổ biến cho SV được biết về: CTĐT, nội dung đào tạo, mục tiêu đào tạo, CĐR và một số thông tin quan trọng khác. Các nội dung trên cũng được công bố trên website Trường, của khoa để người dạy và người học có thể tìm hiểu, nắm rõ nội dung và thực hiện hiện quả CTĐT [H1.01.02.06].

CTĐT ngành QTNH&DVAU cũng luôn chú trọng đến vấn đề cải thiện thêm về chất lượng CĐR của CTĐT, Khoa DL cũng tiến hành khảo sát ý kiến các BLQ [H1.01.02.07], đối sánh CĐR của CTĐT hiện hành với các chương trình trước [H1.01.02.08] và thảo luận chỉnh sửa để CTĐT có CĐR phù hợp, cải tiến để đáp ứng với nhu cầu sử dụng lao động trong xã hội.

Bảng 1.2.3. Mối liên kết giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
PO1	X								X		X
PO2	X	X	X								
PO3	X	X	X			X			X		
PO4			X	X	X	X					X
PO5				X	X	X					
PO6		X	X	X			X	X	X		X
PO7	X				X		X		X	X	X

2. Điểm mạnh:

Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT ngành Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ Ăn uống được xác định rõ ràng, bao quát đầy đủ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. CĐR có sự liên kết chặt chẽ với mục tiêu đào tạo (POs) và được xây dựng trên cơ sở lấy ý kiến từ các bên liên quan như giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng. Việc công bố thông tin CĐR đến người học thông qua các kênh như tuần sinh hoạt công dân, website trường/khoa giúp đảm bảo tính minh bạch và dễ tiếp cận.

3. Điểm tồn tại:

Việc khảo sát và đối sánh với các CTĐT tiên tiến hiện vẫn còn hạn chế, cần được tiếp tục hoàn thiện để nâng cao hiệu quả cải tiến và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát, đối sánh với các CTĐT tiên tiến nhằm cải tiến CDR.	Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và cập nhật định kỳ CDR; tiếp tục lấy ý kiến các bên liên quan và công bố công khai.	Khoa DL	Thường xuyên, định kỳ 2 năm/lần	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường Đại học Phan Thiết đã thiết lập một hệ thống quy trình chặt chẽ và toàn diện cho việc thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTĐT và học phần, trong đó có ngành QTNH&DVAU của Khoa DL. Hệ thống này đảm bảo CDR của chương trình và các học phần được xây dựng, rà soát, điều chỉnh định kỳ nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan như sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng và xã hội [H1.01.03.01]. Theo quy định của Nhà trường, tối thiểu 2 năm/1 lần, CTĐT phải được tổ chức rà soát, đánh giá và cập nhật, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc hoàn thiện CDR sao cho phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp trong lĩnh vực nhà hàng và dịch vụ ăn uống.

Việc rà soát, điều chỉnh CDR và nâng cao chất lượng CTĐT cử nhân ngành QTNH&DVAU được thực hiện định kỳ thông qua việc lấy ý kiến của các bên liên quan [H1.01.03.02], [H1.01.03.03], sau đó họp HĐKH của Khoa đề xuất điều chỉnh cho HĐKH Trường để có những hiệu chỉnh phù hợp [H1.01.03.04], [H1.01.03.05]. Nhà trường, Khoa đã thực hiện các lần đánh giá, rà soát và cải tiến CTDH vào các năm 2020, 2021, 2022, 2024. Sau khi CDR và CTĐT được ban hành và triển khai áp dụng, theo quy định, định kỳ 2 năm/1 lần, Khoa DL tiếp tục triển khai các bước của Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật CDR và CTĐT. Qua các đợt điều chỉnh, Khoa DL đã thay thế một số học phần cho phù hợp với từng chuyên ngành của Khoa, tiến hành xây dựng lại

khung CTĐT và bộ CĐR phù hợp với nhu cầu thực tiễn của thời đại CMCN 4.0, cập nhật các tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo CBGV Khoa đã tham khảo thể hiện qua bảng mô tả CTĐT và đề cương học phần [H1.01.03.06], [H1.01.03.07]. Việc rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT cử nhân ngành QTNH&DVAU cũng đã góp phần làm tăng tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp khá giỏi, tăng tỷ lệ có việc làm của SV ngành QTNH&DVAU trong những năm gần đây.

CĐR và CTĐT ngành QTNH&DVAU sau khi điều chỉnh đã được hội đồng khoa học Khoa, hội đồng khoa học nhà trường thông qua, nghiệm thu và được nhà trường thông qua và quyết định thực hiện và được công bố công khai trên Website của Trường, của Khoa DL, Sổ tay sinh viên để các bên liên quan được biết [H1.01.03.08], [H1.01.03.09].

2. Điểm mạnh:

Trường, khoa đã thiết lập và thực hiện hiệu quả quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT một cách bài bản, định kỳ, có sự tham gia của các bên liên quan và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Chuẩn đầu ra và CTĐT được công bố công khai, minh bạch trên các kênh thông tin chính thức của Nhà trường và Khoa, tạo điều kiện thuận lợi cho người học và các bên liên quan tiếp cận, theo dõi và giám sát.

3. Điểm tồn tại:

Việc đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của sinh viên sau tốt nghiệp chưa được thực hiện một cách định lượng, hệ thống và chưa có cơ chế theo dõi thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường và Khoa cần thiết lập cơ chế đánh giá định lượng mức độ đạt chuẩn đầu ra của sinh viên sau tốt nghiệp thông qua khảo sát cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và phân tích dữ liệu việc làm, đồng thời xây dựng hệ thống theo dõi	P.QLĐG K.DL	Từ năm học 2025–2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		thường xuyên để phục vụ cải tiến CTĐT và đảm bảo chất lượng			
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra, bảo đảm tính định kỳ và sự tham gia thực chất của các bên liên quan, đặc biệt là doanh nghiệp trong lĩnh vực nhà hàng và dịch vụ ăn uống - Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý, theo dõi và cập nhật chuẩn đầu ra; mở rộng các hình thức công bố chuẩn đầu ra thông qua nền tảng số, tài liệu hướng dẫn sinh viên và hệ thống hỗ trợ cố vấn học tập, nhằm nâng cao tính tiếp cận và gắn kết với người học.	P.QLĐT K.DL	Hàng năm (Từ năm học 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

CTĐT ngành Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ Ăn uống được xây dựng với mục tiêu rõ ràng, phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của Trường Đại học Phan Thiết và đáp ứng các yêu cầu của Luật Giáo dục Đại học. Chuẩn đầu ra (CĐR) được xác định cụ thể, bao quát đầy đủ các năng lực cần thiết về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, đồng thời đảm bảo sự liên kết chặt chẽ với mục tiêu đào tạo. Việc xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR được thực hiện định kỳ, có sự tham gia của các bên liên quan như giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng. Thông tin về mục tiêu và CĐR được công bố minh bạch trên các kênh chính thức của Nhà trường và Khoa, đảm bảo khả năng tiếp cận và giám sát của người học và xã hội.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Tuy nhiên, việc đối sánh mục tiêu và CĐR của chương trình với các CTĐT tương đương trong và ngoài nước còn hạn chế. Việc đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra

của sinh viên sau tốt nghiệp chưa được thực hiện một cách định lượng, hệ thống; đồng thời khảo sát nhu cầu thị trường lao động phục vụ cải tiến chương trình vẫn chưa thật sự đầy đủ.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí, trong đó 2 tiêu chí đạt điểm 5/7, 1 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu:

CTĐT trình độ cử nhân ngành QTNH&DVAU của Khoa DL – Trường Đại học Phan Thiết được xây dựng theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo đầy đủ cấu trúc và nội dung theo yêu cầu hiện hành.

Bản mô tả CTĐT được thiết kế đầy đủ và rõ ràng, bao gồm: mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra chương trình, cấu trúc khóa học, kế hoạch giảng dạy dự kiến, ma trận thể hiện sự liên kết giữa các học phần và chuẩn đầu ra, cùng hệ thống đề cương chi tiết cho từng học phần.

Các đề cương học phần được xây dựng theo mẫu thống nhất, cung cấp đầy đủ thông tin về mã học phần, số tín chỉ, mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra, phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá và kế hoạch giảng dạy dự kiến. Bản mô tả chương trình và đề cương học phần được rà soát, cập nhật định kỳ và công khai trên các kênh thông tin chính thức như website của Khoa và Phòng Quản lý Đào tạo, đảm bảo các bên liên quan có thể dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng:

Căn cứ theo Quy định của Trường ĐHPT về việc xây dựng và điều chỉnh CĐR và CTĐT trình độ Đại học hệ chính quy được ban hành năm 2020, 2021, 2022 và 2024 [H2.02.01.01]; theo nội dung tập huấn v/v rà soát, xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của Trường [H2.02.01.02], Khoa DL đã thiết kế bản mô tả CTĐT đầy đủ nội dung, bao hàm đầy đủ thông tin và luôn được cập nhật và điều chỉnh

theo quy chế đào tạo Đại học của Bộ GDĐT các giai đoạn **[H1.02.01.03]**, **[H2.02.02.04]**, **[H2.02.02.05]**.

Bản mô tả CTĐT ngành QTNH&DVAU có đầy đủ nội dung và thông tin gồm: tên cơ sở đào tạo; tên CTĐT; mã ngành đào tạo; thời gian đào tạo; cơ sở pháp lý và thực tiễn của CTĐT; mục tiêu và CDR; đối tượng tuyển sinh; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; cấu trúc của CTĐT; phương pháp giảng dạy và học tập; tiến trình đào tạo; quy trình đào tạo; điều kiện tốt nghiệp; nội dung chương trình; số lượng tín chỉ từng học phần và toàn bộ CTĐT; thời điểm ban hành, được đối sánh với các chương trình trước **[H2.02.02.06]**; mô tả chi tiết các học phần có trong CTĐT qua các năm 2020, 2021, 2022, 2024 **[H2.02.02.05]**; ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CDR của chương trình **[H2.02.02.03]**.

Bản mô tả CTĐT các ngành thuộc khoa DL được điều chỉnh 2 năm một lần, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới về lĩnh vực DL nói chung và kinh doanh ẩm thực nói riêng. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, chú trọng triển khai kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp.

CTĐT và các môn học của CTĐT được công bố rộng rãi cho các SV, GV, nhà tuyển dụng và các đối tượng có quan tâm thông qua Website của trường và của Khoa **[H2.02.02.07]**, **[H2.02.02.08]**. Các nội dung của bản mô tả CTĐT ngành QTNH&DVAU gồm: Tên chương trình tiếng Việt; Tên chương trình tiếng Anh; Trình độ đào tạo; Ngành đào tạo tiếng Việt; Ngành đào tạo tiếng Anh; Mã ngành; Thời gian đào tạo; Loại hình đào tạo; Số tín chỉ; Văn bằng tốt nghiệp; Ngôn ngữ giảng dạy; Mục tiêu đào tạo; Chuẩn đầu ra... **[H2.02.02.03]**.

Trường và Khoa tổ chức thu thập, tổng hợp và phân tích các thông tin, minh chứng nhằm xác định tính cần thiết trong việc rà soát, cập nhật chương trình đào tạo. Các nguồn thông tin bao gồm: (i) những thay đổi trong quy định của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của Trường về chương trình đào tạo; (ii) các tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực ngành/chuyên ngành đào tạo; (iii) các vấn đề kinh tế - xã hội và kết quả nghiên cứu có liên quan; (iv) phản hồi từ các bên liên quan gồm người học, giảng viên, cựu sinh viên và người sử dụng lao động về nội dung, cấu trúc học phần, môn học và yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động. Việc thu thập và lưu trữ minh chứng được thực hiện

thông qua các biểu mẫu BM.20.QT.PDT.01, BM.20a.QT.PDT.01, BM.20b.QT.PDT.01 và BM.20c.QT.PDT.01, nhằm đảm bảo tính hệ thống, minh bạch và đáp ứng yêu cầu cải tiến liên tục chương trình đào tạo. **[H2.02.02.09], [H2.02.02.10].**

Nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin của các bên liên quan, Khoa DL đã định kỳ rà soát, cập nhật và điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống vào các năm 2020, 2021, 2022 và 2024.

Hoạt động rà soát được thực hiện theo đúng quy trình, thông qua các cuộc họp Khoa với sự tham gia của giảng viên và đại diện các bên liên quan để đánh giá mức độ phù hợp của CTĐT với yêu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập. Việc lấy ý kiến được thực hiện bài bản, có biên bản ghi nhận và được sử dụng làm căn cứ xây dựng kế hoạch điều chỉnh CTĐT **[H2.02.02.11], [H2.02.02.12].**

Sau quá trình rà soát, Khoa đã lập báo cáo đối sánh giữa CTĐT hiện hành và CTĐT cũ **[H2.02.01.06]**, trình Hội đồng Khoa học của Trường xem xét, góp ý và thông qua. Các góp ý được tiếp thu, chỉnh sửa và thể hiện trong phiên bản CTĐT mới đã được Hội đồng thông qua và ban hành chính thức **[H2.02.01.13], [H2.02.01.14].**

Việc cập nhật này nhằm nâng cao chất lượng chương trình, tăng cường tính ứng dụng, đáp ứng tốt nhu cầu nguồn nhân lực của ngành và đảm bảo phù hợp với bối cảnh phát triển hiện tại của xã hội.

2. Điểm mạnh:

Bản mô tả chương trình đào tạo được xây dựng đầy đủ, cập nhật định kỳ theo đúng quy định của Bộ GDĐT, phản ánh rõ ràng mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc và tiến trình đào tạo.

Hoạt động rà soát, điều chỉnh có sự tham gia của các bên liên quan và được công khai minh bạch qua website, đảm bảo tính cập nhật và khả năng tiếp cận thông tin.

3. Điểm tồn tại:

Việc công bố bản mô tả CTĐT chưa được đa dạng hóa hình thức tiếp cận, chủ yếu thông qua website, có thể mở rộng thêm qua nền tảng mạng xã hội hoặc hệ thống quản lý học tập trực tuyến để tăng khả năng tiếp cận và phản hồi nhanh.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Mở rộng công bố CTĐT qua mạng xã hội, hệ thống LMS và bổ sung biểu mẫu góp ý trực tuyến nhằm tăng tính tương tác và khả năng tiếp cận của các bên liên quan	Khoa DL, P. QLĐT	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục duy trì việc cập nhật định kỳ bản mô tả CTĐT theo quy định, đồng thời mở rộng kênh lấy ý kiến các bên liên quan và tăng cường công khai thông tin trên nhiều nền tảng để nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận.	Khoa DL	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng:

Đề cương chi tiết học phần do giảng viên khoa, tổ rà soát biên soạn, cung cấp cho sinh viên vào buổi học đầu tiên và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Khoa. Nội dung đề cương bao gồm: thông tin chung về học phần và giảng viên, mục tiêu và tóm tắt học phần, nội dung chi tiết theo chương, giáo trình chính và tài liệu tham khảo, hình thức tổ chức đánh giá. Đề cương được xây dựng và cập nhật định kỳ, phản ánh đầy đủ yêu cầu của các bên liên quan theo kế hoạch của Khoa và Nhà trường.

Đề cương chi tiết học phần được cấu trúc đầy đủ theo mẫu quy định, bao gồm các phần chính: thông tin chung về học phần, mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra, mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chương trình đào tạo, phương pháp và hình thức đánh giá, kế hoạch giảng dạy theo tuần, học liệu sử dụng và rubric đánh giá tổng thể. Cấu trúc này đảm bảo tính logic, minh bạch và thuận tiện cho việc triển khai, theo dõi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Trong nội dung chi tiết học phần, ứng với từng chương, mục; có ghi rõ số tiết lý thuyết, số tiết thực hành, tài liệu học tập chính, tài liệu tham khảo của học phần, phương pháp giảng dạy và học tập, phương pháp đánh giá bao gồm

điểm đánh giá quá trình (chuyên cần trọng số 10%, giữa kỳ trọng số 30%) và điểm thi kết thúc học phần (trọng số 60%) [H1.02.02.01], [H1.02.02.02], [H2.02.01.03], [H2.02.01.05].

Toàn bộ ĐCCT các học phần trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung theo kế hoạch chung của Nhà trường. Việc cập nhật ĐCCT học phần ngành QTNH&DVAU được tiến hành thường xuyên, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các học phần, danh mục tài liệu học tập. Để kịp thời chuẩn bị cho năm học mới, tất cả GV trong Khoa đều phải thực hiện rà soát, cập nhật bổ sung nội dung học tập, đề cương và giáo trình căn cứ trên ý kiến của người sử dụng lao động trong các đợt khảo sát, hội thảo, gặp gỡ trao đổi; các ý kiến đóng góp của cựu SV/SV năm cuối và các nhân viên, GV trong Khoa; các thông tin cập nhật từ các cơ quan liên quan. Từ đó, Hội đồng khoa học Khoa tổ chức rà soát, đánh giá, lựa chọn những nội dung cập nhật phù hợp nhất trình BGH phê duyệt và công bố đến toàn thể SV và các cá nhân/ tổ chức có nhu cầu tìm hiểu qua kênh thông tin điện tử của Khoa [H2.02.01.08], [H2.02.02.03], [H2.01.01.11], [H1.01.03.03].

Việc cập nhật ĐCCT giúp việc giảng dạy và học tập được hiệu quả hơn; đặc biệt giúp người học cập nhật các kiến thức mới, phù hợp với thời đại với yêu cầu của thị trường lao động và giúp SV thích ứng nhanh với công việc và làm việc hiệu quả hơn khi tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh:

Việc cập nhật đề cương chi tiết học phần góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập, đồng thời giúp người học tiếp cận kịp thời với kiến thức mới, phù hợp với yêu cầu của thời đại và thị trường lao động. Qua đó, sinh viên có thể thích ứng nhanh với công việc và nâng cao năng lực làm việc sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại:

Các ý kiến đóng góp của Nhà tuyển dụng và cựu SV cho việc cải tiến cập nhật chi mới tập trung cho CTĐT và CDR; việc góp ý cho cải tiến, cập nhật ĐCCT học phần còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng thêm các kênh tiếp nhận ý kiến đóng góp từ các Nhà tuyển dụng về ĐCCT học phần để cập nhật, hiệu chỉnh ĐCCT học phần ngày càng hiệu quả hơn.	Khoa DL;	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục duy trì việc xây dựng và cập nhật đề cương chi tiết học phần đầy đủ, đúng quy định; đồng thời tăng cường sự tham gia góp ý từ các bên liên quan nhằm đảm bảo nội dung luôn phù hợp với thực tiễn và yêu cầu nghề nghiệp.	Khoa DL	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng:

Tất cả CTĐT, các ĐCCT học phần, các kế hoạch giảng dạy được Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành, được công bố công khai trên Website của trường, khoa; qua tài liệu hướng dẫn sinh hoạt công dân đầu khóa, buổi học đầu tiên,... Các bên liên quan: cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, SV, cựu sinh viên đều có thể dễ dàng tiếp cận tất cả các bản mô tả CTĐT một cách thuận tiện thông qua kênh thông tin của Trường và Khoa. Ngoài ra, trong các buổi sinh hoạt đầu khóa, buổi học đầu tiên, GV luôn chú trọng triển khai ĐCCT các học phần và sự quan trọng của học phần trong CTĐT của ngành [H2.02.01.03], [H2.02.01.05], [H2.02.01.08], [H2.02.03.01], [H2.02.03.02].

Đối với sinh viên, Trường và Khoa đã tận dụng các kênh thông tin khác nhau để đảm bảo SV luôn tiếp cận được với bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần; giúp SV có được cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT, tiếp cận và nắm được CĐR của ngành QTDVDL&LH. Tương tự, SV mới nhập học được lãnh đạo Khoa và các GV giới thiệu tổng quát về CTĐT và các học phần thông qua các buổi gặp gỡ tân SV và các buổi sinh hoạt đầu năm học [H2.02.03.03]. Ngay từ buổi học đầu tiên, tất cả GV phải phổ biến ĐCCT học phần đến SV trong lớp học. Mặt khác, trong suốt quá trình học, CTĐT và

ĐCCT các học phần được công bố công khai, rõ ràng và đầy đủ thông qua cố vấn học tập, cẩm nang SV, do GV đảm nhận giảng dạy học phần cung cấp, qua đó SV luôn được hướng dẫn và tiếp cận đầy đủ thông tin, giúp cho SV nắm được các học phần trong học kỳ tiếp theo.

Đối với GV, Khoa đã sử dụng bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần bản đã điều chỉnh để gửi đến từng GV, giúp GV chuẩn bị kế hoạch giảng dạy cũng như nắm được nội dung giảng dạy của các bộ môn khác để phối hợp tạo nên sự liên thông giữa các học phần, giữa các năm học [H2.02.03.04].

Đối với các bên liên quan khác, bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần được phân biện bởi các chuyên gia trong và ngoài trường, được thông qua hội đồng khoa học của Khoa [H2.02.0112]. Vì vậy, CTĐT đi kèm bản mô tả chương trình và các ĐCCT học phần định kỳ được điều chỉnh dựa trên việc thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV, SV năm cuối [H1.01.03.03]. Thông qua việc thu thập ý kiến này, nội dung của bản mô tả CTĐT và đề cương học phần trong CTĐT cử nhân ngành QTNH&DVAU được phổ biến tới các bên liên quan. Ngoài ra, các bên liên quan khác như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần một cách dễ dàng và thuận tiện nhất bằng cách truy cập vào Website của Khoa để xem đặc điểm của CTĐT và các học phần; dự đoán năng lực SV tốt nghiệp của ngành [H2.02.01.08]. Từ đó, nhà quản lý có thể kiểm soát, hoặc có thể tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và các doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng các yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

2. Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ngành QTNH&DVAU được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sử dụng, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại:

Việc công bố thông tin về chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần tuy đã được triển khai trên nhiều kênh, nhưng hình thức truyền tải vẫn chủ yếu theo chiều

hướng một chiều; mức độ tương tác phản hồi từ sinh viên và các bên liên quan chưa được khai thác hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng cơ chế tiếp nhận phản hồi trực tuyến thông qua biểu mẫu khảo sát và nền tảng số (LMS, mạng xã hội, website Khoa) để thu thập ý kiến từ sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên và nhà tuyển dụng; từ đó kịp thời điều chỉnh nội dung CTĐT và ĐCCT học phần phù hợp với nhu cầu thực tiễn.	Ban TT-TT&QTM Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	
2.	Phát huy điểm mạnh	Nâng cao chất lượng công khai thông tin bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đến các bên liên quan theo hướng ngày càng tốt hơn.	Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Cập nhật định kỳ, đầy đủ, đúng quy định: Bản mô tả CTĐT được xây dựng đầy đủ, cập nhật định kỳ theo quy định của Bộ GDĐT, phản ánh rõ ràng mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, cấu trúc và tiến trình đào tạo.

Công khai minh bạch, dễ tiếp cận: Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần được công bố rộng rãi qua nhiều kênh thông tin như website trường/khoa, sinh hoạt đầu khóa, giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

Gắn kết thực tiễn, đáp ứng thị trường lao động: Việc cập nhật ĐCCT học phần giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy – học tập, hỗ trợ sinh viên tiếp cận kịp thời kiến thức mới, phù hợp yêu cầu thực tiễn, tăng khả năng thích ứng và làm việc hiệu quả sau tốt nghiệp.

Có sự tham gia của các bên liên quan: Hoạt động rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo có sự góp ý từ giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng, tạo tiền đề cho cải tiến liên tục và phù hợp thực tiễn.

Điểm tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Công bố thông tin còn mang tính một chiều: Hình thức truyền tải thông tin CTĐT và ĐCCT học phần chủ yếu theo chiều hướng một chiều; mức độ tương tác phản hồi từ người học và các bên liên quan chưa cao.

Thiếu đa dạng hình thức công bố: Việc công bố bản mô tả CTĐT vẫn chủ yếu tập trung trên website, chưa tận dụng hiệu quả các nền tảng như mạng xã hội, hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS) để tăng khả năng tiếp cận và phản hồi.

Phản hồi góp ý chưa toàn diện: Ý kiến đóng góp từ nhà tuyển dụng và cựu sinh viên chủ yếu tập trung vào CTĐT và chuẩn đầu ra; việc góp ý cụ thể cho cải tiến ĐCCT học phần vẫn còn hạn chế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 2 có 03 tiêu chí, trong đó 02 tiêu chí đều đạt điểm 5/7, 01 tiêu chí đạt điểm 4/7.

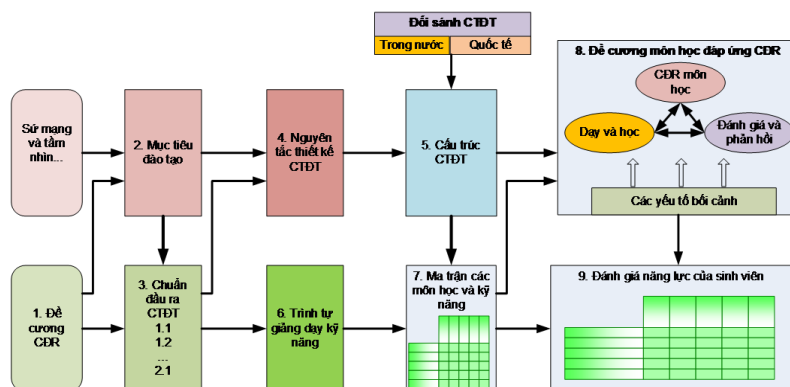
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu:

CTĐT trình độ đại học ngành QTNH&DVAU được Khoa thiết kế trên cơ sở Chuẩn đầu ra (CĐR) đã được xây dựng và công bố. Trong quá trình xây dựng, chương trình có đối sánh với các CTĐT đã được kiểm định của một số cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước; đồng thời có điều chỉnh phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của Nhà trường, đáp ứng nhu cầu học tập của người học, yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập và phản hồi từ các bên liên quan.

CTĐT thể hiện được sự cân đối về khối lượng giữa các học phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành, đảm bảo tính logic, liên thông giữa các học phần, và hỗ trợ đạt được các CĐR đã xác định. Bên cạnh đó, CTĐT được thiết kế đảm bảo tính liên thông hợp lý giữa các trình độ đào tạo, phương thức đào tạo và giữa các cơ sở đào tạo khác nhau.

Quy trình xây dựng CTĐT và CĐR được thực hiện theo trình tự rõ ràng, có minh chứng, và có thể khái quát bằng sơ đồ sau.



Hình 3.1 Quy trình xây dựng CTĐT và CĐR

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng:

Sau khi xây dựng xong CĐR, việc thiết kế CTDH cử nhân ngành QTNH&DVAU được Khoa DL triển khai theo các bước của Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT và CĐR (QT01) và dựa trên các yêu cầu CĐR của chương trình. Qua đó, Khoa DL xây dựng bản dự thảo của CTDH: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT; xây dựng CTDH đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp.

Nhằm đạt được mục tiêu đào tạo là cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng trong lĩnh vực Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống, có đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, chương trình đào tạo đã xác định rõ yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cho người học đối với tất cả các học phần. Việc xác định này bảo đảm tính nhất quán với Chuẩn đầu ra của chương trình và là cơ sở để xây dựng nội dung học phần, lựa chọn phương pháp giảng dạy, đánh giá phù hợp, góp phần phát triển toàn diện năng lực người học:

Về kiến thức, chương trình đào tạo trang bị cho người học nền tảng vững chắc về lý luận chính trị, khoa học xã hội – nhân văn, pháp luật và quốc phòng; kiến thức cơ bản trong lĩnh vực quản trị kinh tế, DL và quản trị chuỗi cung ứng dịch vụ ăn uống; kiến thức chuyên sâu về xây dựng thực đơn, dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến món ăn Á – Âu,

pha chế đồ uống, tổ chức phục vụ nhà hàng và tiệc; đồng thời rèn luyện năng lực nghiên cứu khoa học và triển khai kế hoạch kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng và dịch vụ ăn uống

Về kỹ năng, chương trình đào tạo giúp người học phát triển các kỹ năng nghiệp vụ trong phục vụ, quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh nhà hàng, sử dụng thành thạo trang thiết bị chuyên dụng; đồng thời rèn luyện kỹ năng tin học, giao tiếp, ngoại ngữ, làm việc nhóm, nghiên cứu độc lập và giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn trong môi trường nhà hàng và dịch vụ ăn uống chuyên nghiệp.

Về mức tự chủ và trách nhiệm, chương trình đào tạo hướng đến việc hình thành cho người học phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp phù hợp với ngành nghề, đồng thời xây dựng tinh thần trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng.

Chương trình đào tạo ngành Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống (QTNH&DVAU) năm 2024 được xây dựng trên cơ sở bảo đảm tính logic, tích hợp và phù hợp với yêu cầu của chuẩn đầu ra. Tổng số tín chỉ của chương trình là **125 tín chỉ** (không bao gồm Giáo dục quốc phòng – an ninh và Giáo dục thể chất), được phân bổ hợp lý giữa các khối kiến thức: Giáo dục đại cương (8.8%), Khoa học cơ bản (17.6%), Cơ sở và cốt lõi ngành (56.8%), Thực tập và trải nghiệm (13.6%) và Nghiên cứu khoa học cùng các thành phần khác (3.2%). Cấu trúc chương trình thể hiện rõ định hướng ứng dụng, tăng cường trải nghiệm thực tiễn, đồng thời phát triển năng lực nghề nghiệp toàn diện cho người học trong lĩnh vực nhà hàng và dịch vụ ăn uống. [H3.03.01.01].

Bảng 3.1.1. Tỷ lệ phân bổ giữa các khối kiến thức ngành QTNH&DVAU

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn	
I	Giáo dục đại cương	11		8,8%
II	Khoa học cơ bản	22		17,6%
III	Cơ sở và cốt lõi ngành	63	8	56,8%
IV	Thực tập và trải nghiệm	17		13,6%
V	Nghiên cứu khoa học và các thành phần khác	4		3,2%
Tổng số		117	8	
		125		100

(125 Tín chỉ không bao gồm Giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất)

Để đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất, các học phần được bố trí qua các học kỳ, sắp xếp các môn học có kiến thức phát triển theo thang đo Bloom trong đó có lưu ý đến các học phần tiên quyết, học phần học trước, học phần song hành; đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, thể hiện được tính hệ thống của các học phần, tính linh hoạt còn được thể hiện qua sự lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp **[H3.03.01.02]**.

Khi xây dựng và rà soát chương trình đào tạo (CTĐT), chuẩn đầu ra (CĐR) và đề cương chi tiết học phần (ĐCCT), bên cạnh ý kiến đóng góp từ nhà tuyển dụng, cựu người học và các bên liên quan khác, ý kiến của đội ngũ giảng viên đóng vai trò then chốt. Giảng viên trực tiếp giảng dạy trong chương trình ngành Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống (QTNH&DVAU) là những người tham gia tích cực vào quá trình xây dựng, chỉnh sửa và thẩm định ĐCCT của các học phần **[H3.03.01.03]**.

Trong ĐCCT các học phần cũng có mô tả rõ phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá để đạt được CĐR của môn học và được xác định rõ qua từng bài học, từng tuần giảng dạy. Trọng số điểm từng phần thể hiện rõ trong ĐCCT như điểm chuyên cần 10%, điểm kiểm tra quá trình 30% thể hiện qua các hình thức kiểm tra đánh giá thảo luận, thuyết trình, bài thu hoạch... và điểm thi kết thúc học phần 60% thể hiện qua các tiêu chí kiến thức trọng tâm, kiến thức chuyên sâu và mở rộng của học phần nhằm đánh giá kết quả đạt CĐR của học phần một cách tối ưu. Trình tự các học phần mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều môn học trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo **[H3.03.01.04]**. Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của SV ngành QTNH&DVAU trong tất cả các học phần trong CTDH đều phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Điều này được thể hiện rất chi tiết và rõ ràng ở bản mô tả CTDH và bản mô tả học phần **[H3.03.01.01]**.

Song song với việc xây dựng CĐR, mục tiêu đào tạo, CTĐT, Khoa DL và trường đại học Phan Thiết luôn chú trọng tìm tòi các phương pháp giảng dạy tiên tiến, khuyến khích sự sáng tạo của SV trong học tập và nghiên cứu. ĐCCT các học phần thể hiện rõ phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá đa dạng và phù hợp với từng học phần.

Trước năm 2019, việc rà soát CĐR, CTĐT, đề cương môn học/học phần hàng năm của Khoa chưa có các biểu mẫu thống nhất. Từ học kỳ 2 của năm 2019 trở đi, Khoa chủ động trong việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật hai năm một lần **[H3.03.01.05], [H3.03.01.06], [H3.03.01.07]**.

2. Điểm mạnh:

CTDH cử nhân ngành QTNH&DVAU được thiết kế được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học. Đồng thời, để góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, giảng viên của Khoa đã lựa chọn tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTĐT hợp lý, phù hợp.

3. Điểm tồn tại:

Chương trình dạy học thiết kế nhiều hoạt động gắn kết giữa doanh nghiệp bên ngoài trường với sinh viên trường giúp đạt được chuẩn đầu ra, tuy nhiên sự phản hồi của các doanh nghiệp đối với chất lượng sinh viên thuộc CTĐT ngành QTNH&DVAU vẫn chưa đầy đủ và hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các mối liên hệ với doanh nghiệp nhằm tăng vai trò, hiệu quả phản hồi của doanh nghiệp khi tham gia vào xây dựng CTDH nhằm tăng hiệu quả đạt được CĐR của CTĐT.	- Khoa DL; -P.CTCTSV-QHDN	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện CTDH theo định kỳ, cập nhật bám sát CĐR của CTĐT, và ý kiến phản hồi của các bên liên quan để ngày càng đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.	- Khoa DL; - P. QLĐT	Từ năm học 2021-2022	

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng:

Chương trình đào tạo ngành Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống được xây dựng với cấu trúc gồm 5 khối kiến thức chính: Giáo dục đại cương, Khoa học cơ bản, Cơ sở và cốt lõi ngành, Thực tập và trải nghiệm, và Nghiên cứu khoa học cùng các thành phần khác. Các khối kiến thức này được bố trí theo trình tự logic và liên kết chặt chẽ nhằm trang bị cho người học nền tảng lý luận, kiến thức chuyên môn sâu rộng, kỹ năng nghề nghiệp vững vàng và năng lực nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn trong lĩnh vực nhà hàng và dịch vụ ăn uống. Cấu trúc chương trình thể hiện rõ định hướng ứng dụng, tăng cường trải nghiệm thực tiễn và khả năng thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động.

Mỗi học phần đóng một vai trò nhất định trong khối kiến thức mà người học tiếp nhận, nó cũng phản ánh vai trò của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của ngành QTNH&DVAU. Khi xây dựng danh mục CĐR của CTĐT, mỗi CĐR đều được thiết kế gắn với các học phần tương ứng nhằm đạt được CĐR đó. Sự gắn kết giữa CĐR của mỗi học phần với CĐR của ngành được thể hiện rõ thông qua ma trận tích hợp CĐR của các học phần của CTĐT. Việc bố trí các học phần trong Bảng ma trận học phần thể hiện các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Đồng thời các CĐR có sự phát triển xuyên suốt quá trình học tập của SV với mức độ đáp ứng tăng dần theo thời gian học cũng như tăng theo mức độ chuyên sâu của học phần [H3.03.02.01].

Các học phần xã hội và kỹ năng cơ bản nhằm mục đích trang bị và hoàn thiện kỹ năng mềm, đạo đức và ý thức cho sinh viên. Các học giáo dục đại cương và khoa học cơ bản cung cấp kiến thức cơ bản cho quá trình học tập và tiếp thu các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Các học phần cơ sở ngành là nền tảng cho các học cốt lõi ngành. Các học phần ở những học kỳ trước đóng vai trò làm nền tảng cho các học phần ở học kỳ sau. Chiều sâu kiến thức bảo đảm bởi mối liên hệ dọc (*liên hệ ràng buộc*) xuyên suốt cả 5 khối kiến thức và trong từng khối kiến thức riêng biệt của CTDH.

Toàn bộ các học phần trong CTDH cử nhân ngành QTNH&DVAU khi xây dựng, được Khoa xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh

giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Từng học phần của CTĐT cử nhân ngành QTNH&DVAU đều có ĐCCT học phần, các hình thức kiểm tra, thi được thể hiện cụ thể trong ĐCCT và được giảng viên công bố trực tiếp trong lớp học. Khi xây dựng ĐCCT, Khoa DL phải đảm bảo đề cương có mục tiêu và CĐR rõ ràng, tương ứng với CĐR nào của CTĐT; mỗi bài học phải đáp ứng CĐR nào của học phần. Việc đánh giá SV ngành QTNH&DVAU được thực hiện bằng nhiều phương pháp nhằm mục đích đạt được CĐR của CTĐT. Cụ thể, ở mỗi học phần điểm đánh giá SV được thực hiện thông qua 3 thành phần: đánh giá quá trình, điểm giữa và thi kết thúc học phần. Với mỗi thành phần, có các quy định với các trọng số rõ ràng (10/30/60). Đánh giá quá trình, GV quy định các thành phần khác nhau tùy học phần như: Tham gia lớp học của sinh viên, làm bài tập nhóm, Thuyết trình, Kiểm tra cá nhân. Ngoài ra, trong từng phương pháp đánh giá sinh viên, giảng viên phải ghi rõ đáp ứng với CĐR nào của học phần và có đáp án rõ ràng [H3.03.01.04]. Dựa vào các tiêu chí đánh giá SV được quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GDĐT, trong quy chế học vụ của Nhà trường, Khoa đã cụ thể thành các hướng dẫn Báo cáo kiến tập, Báo cáo thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp để thực hiện mục đích đào tạo là lý luận kết hợp với thực tiễn [H2.02.03.02], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03], [H3.03.02.04], H3.03.02.05].

Bảng 3.1.1. Đánh giá của SV năm cuối khoá 2021-2025 về chất lượng CTĐT

TT	Nội dung câu hỏi	Điểm TB	Mức độ đánh giá				
			1	2	3	4	5
1	Chương trình đào tạo	3,91%	0%	1,79%	22,45%	45,24%	24,53%
2	Hoạt động dạy và học trong khóa học	3,94%	0%	1,56%	17,19%	67,19%	14,06%
3	Tổ chức đào tạo và đánh giá người học	4,08%	0%	1,79%	17,71%	56,35%	26,04%
4	Giáo trình, tài liệu và CSVCS phục vụ học tập	3,64%	1,3%	5,21%	14,58%	64,58%	12,5%
5	Tư vấn, hỗ trợ người học	4,05%	0%	1,79%	9,82%	69,64%	18,75%
6	Cảm nhận về kết quả đạt được từ khóa học	3,97%	0%	1,33%	12,5%	58,33%	27,34%

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học đối với chương trình đào tạo ngành QTNH&DVAU cho thấy phản hồi tích cực trên nhiều phương diện. Trong đó, hoạt động dạy và học được đánh giá cao với 81,25% người học hài lòng, đạt điểm trung bình 3.94/5. Tổ chức đào tạo và đánh giá người học là tiêu chí có điểm trung bình cao

nhất (4.08), cho thấy sự minh bạch và hiệu quả trong quá trình kiểm tra, đánh giá. Tư vấn và hỗ trợ người học cũng nhận được sự đồng thuận cao (88,39%), với điểm trung bình 4.05. Về chương trình đào tạo, 69,77% người học bày tỏ sự hài lòng, đạt điểm trung bình 3.91. Trong khi đó, giáo trình, tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập có điểm trung bình thấp hơn (3.64), phản ánh vẫn còn một tỷ lệ nhỏ người học chưa hài lòng. Nhìn chung, người học đánh giá cao hiệu quả đào tạo, thể hiện qua tiêu chí “cảm nhận về kết quả đạt được sau khóa học” với mức hài lòng 85,67% và điểm trung bình 3.97.

Trong giai đoạn từ 2020 đến nay, Khoa DL đã cập nhật, chỉnh sửa đề ĐCCT các học phần, hoàn thiện bộ giáo trình, tài liệu học tập cho sinh viên, tạo điều kiện cho người học cập nhật kiến thức mới một cách liên tục, đáp ứng nhu cầu trong công tác chuyên môn cho người học ở hiện tại và tương lai [H3.03.01.04], [H3.03.01.05].

Ngoài việc nội dung từng các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR nào của CTDH, việc thường xuyên lấy ý kiến các bên liên quan hàng năm để cải tiến nội dung học phần là không thể thiếu được, nhất là ý kiến của GV – những người trực tiếp giảng dạy. Trong giai đoạn từ 2020 đến nay, Khoa DL đã cập nhật, chỉnh sửa đề ĐCCT các học phần, tài liệu tham khảo cho SV, tạo điều kiện cho người học cập nhật kiến thức mới một cách liên tục, đáp ứng nhu cầu trong công tác chuyên môn cho người học ở hiện tại và tương lai [H3.03.02.06], [H3.03.01.06], [H3.03.02.07].

ĐCCT học phần cùng các quy định, quy chế của Trường về đánh giá SV được Khoa phổ biến rộng rãi, công khai tới các GV và SV. Đối với GV, Thư ký khoa thông báo cho từng GV qua địa chỉ email của họ cung cấp cho Khoa. Ngoài ra, GV có thể tìm hiểu những thông tin này qua website của Khoa. Đối với SV, thông qua website của Khoa hoặc thông qua sổ tay SV, thông qua hoạt động đánh giá cuối mỗi HP của Phòng KT-ĐBCL-TTPC để phản hồi ý kiến về các môn học [H3.03.02.08], [H3.03.02.09].

2. Điểm mạnh:

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH và toàn bộ ĐCCT học phần của ngành QTNH&DVAU được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng và dựa trên CĐR. Qua ma trận các môn học, ma trận kỹ năng cũng như qua việc lựa chọn các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của giảng viên Khoa đã thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các học phần để đạt được CĐR của CTĐT cử nhân ngành QTNH&DVAU.

3. Điểm tồn tại:

Một số học phần trong chương trình vẫn chưa thể hiện rõ mối liên kết chiều sâu về kiến thức và kỹ năng theo hướng phát triển năng lực xuyên suốt; đặc biệt là sự tích hợp giữa các học phần nền tảng, cơ sở ngành với học phần chuyên sâu còn hạn chế, dẫn đến việc tiếp cận và đạt chuẩn đầu ra của người học ở một số giai đoạn chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, điều chỉnh nội dung học phần và ma trận chuẩn đầu ra nhằm tăng tính liên kết và tích hợp trong chương trình.	Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát ma trận kỹ năng CĐR của CTĐT và các học phần để thể hiện xem xét sự phù hợp và phân bổ các HP thể hiện rõ hơn nữa những đóng góp của từng HP giúp đáp ứng CĐR của CTĐT.	- Khoa DL; - P.QLĐT	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính thích hợp.

1. Mô tả hiện trạng:

CTDH ngành QTNH&DVAU được thiết kế với tổng số 125 tín chỉ (không bao gồm giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh). Các học phần trong CTDH của ngành được cấu trúc có sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất, được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, thực tập, làm khóa luận tốt nghiệp. Các học phần thuộc các khối kiến thức được sắp xếp đảm bảo tính logic về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm cần trang bị cho người học trong suốt quá trình đào tạo. Các khối kiến

thức được sắp xếp theo hệ thống, cấu trúc hợp lý, cân đối đáp ứng linh hoạt nhu cầu học tập của người học, cụ thể như sau:

Chương trình đào tạo ngành Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống gồm 5 khối kiến thức chính được bố trí theo trình tự logic và gắn kết chặt chẽ. Khối kiến thức giáo dục đại cương trang bị nền tảng về chính trị, xã hội và thể chất, giúp hình thành tư duy và phẩm chất cơ bản cho người học. Khối kiến thức khoa học cơ bản cung cấp kiến thức nền về pháp luật, tin học và tiếng Anh, hỗ trợ cho việc tiếp cận các học phần chuyên sâu. Khối kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành chiếm tỷ trọng lớn, giúp người học nắm vững kiến thức chuyên môn về quản trị, nghiệp vụ nhà hàng, chế biến món ăn, nghệ thuật ẩm thực, quản trị chất lượng dịch vụ, tổ chức sự kiện và các kỹ năng cần thiết trong lĩnh vực dịch vụ ăn uống. Khối kiến thức thực tập và trải nghiệm tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và vận dụng kiến thức vào thực tiễn qua các học phần thực tập và khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế. Cuối cùng, khối kiến thức nghiên cứu và các thành phần khác giúp sinh viên phát triển tư duy nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và năng lực khởi nghiệp, phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động hiện đại **[H3.03.02.01]**.

Chương trình đào tạo ngành Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống gồm 10 học kỳ, được phân bố hợp lý giữa các học phần lý thuyết, thực hành và thực tập, bảo đảm tiến trình phát triển năng lực cho người học theo từng giai đoạn. Giai đoạn đầu (học kỳ I–III) tập trung vào các học phần đại cương, tiếng Anh, tin học, kinh tế học, pháp luật và các môn chính trị – xã hội nhằm hình thành nền tảng kiến thức chung. Từ học kỳ IV trở đi, sinh viên bắt đầu tiếp cận các học phần cơ sở và chuyên ngành như nghiệp vụ nhà hàng, kỹ thuật chế biến món ăn, quản trị ẩm thực, tâm lý khách DL, tổ chức sự kiện, quản trị chất lượng dịch vụ... Các học phần thực hành, thực tập được lồng ghép xuyên suốt chương trình (các học kỳ IV, VII, IX và X), góp phần tăng cường kỹ năng thực tiễn. Học kỳ cuối cùng dành cho khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế (gồm kỹ năng mềm và thực tập tốt nghiệp), tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng tổng hợp kiến thức và chuẩn bị cho môi trường làm việc thực tế. Cấu trúc này thể hiện rõ tính liên thông, tích hợp và định hướng ứng dụng của chương trình **[H3.03.01.01]**, **[H3.03.03.01]**, **[H3.03.03.02]**.

Các học phần tự chọn là các học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng SV được tự chọn trong khối kiến thức mà Khoa DL xác định trước trong chương trình, nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn của ngành đào tạo QTNH&DVAU.

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học của SV, có khối lượng 9 tín chỉ trong CTĐT cử nhân ngành QTNH&DVAU. Thực hiện khóa luận tốt nghiệp nhằm giúp cho SV thể hiện được khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tế cũng như vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã được học để phân tích, giải quyết những vấn đề cụ thể gắn với chuyên ngành QTNH&DVAU mà SV đã được đào tạo. Qua đó, giúp SV nâng cao các kỹ năng nghiên cứu, làm việc độc lập sau khi tốt nghiệp [H3.03.02.03], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03].

Mỗi học phần thể hiện rõ thời lượng, trong đó có bao nhiêu tín chỉ lý thuyết, bao nhiêu tín chỉ thực hành/thực tập. Việc bố trí qua 10 học kỳ trên bảng ma trận môn học thể hiện rõ các môn học điều kiện, tiên quyết, học phần học trước, học phần được học ở học kỳ tiếp theo, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho SV sắp xếp lịch học và đăng ký môn học trong từng học kỳ một cách linh động, giúp sinh viên chủ động tốt nghiệp trước thời hạn trong quy định cho phép. Các học phần giữa các khối kiến thức của CTĐT có sự hỗ trợ lẫn nhau, có tính kế thừa, đảm bảo quá trình phát triển có tính hệ thống của sản phẩm đào tạo cả về kiến thức và kỹ năng [H3.03.01.04].

Việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CTDH ngành QTNH&DVAU được tiến hành định kỳ hàng năm (*với những thay đổi, cập nhật nhỏ*) và định kỳ 2 năm một lần theo quy định chung của Trường qua các giai đoạn (2020, 2021, 2022, 2024) [H3.03.01.05], [H3.03.03.03], [H3.03.03.04], [H3.03.02.06]. Quá trình rà soát, điều chỉnh, Khoa DL dựa trên các mục tiêu cụ thể từ thực tiễn đặt ra, từ sự phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các CTDH của các trường ĐH uy tín quốc tế trong và ngoài nước, cập nhật những kiến thức mới nhất trong chuyên ngành nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của Nhà sử dụng lao động. Trên cơ sở đó, ĐCCT học phần cũng được điều chỉnh và cập nhật vào CTDH [H3.03.01.06], [H3.03.02.07], [H3.03.03.05].

2. Điểm mạnh:

CTDH cử nhân ngành QTNH&DVAU có cấu trúc hợp lý, các học phần trong CTDH được sắp xếp theo trình tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành

và chuyên ngành. CTDH cử nhân ngành QTNH&DVAU cũng đảm bảo tính tích hợp và tính cập nhật của nội dung chương trình.

3. Điểm tồn tại:

Việc rà soát, điều chỉnh cải tiến CTDH chưa có sự đối sánh với các chương trình tương đương trong và ngoài nước.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu sự cập nhật, cải tiến quy trình rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH	P.QLĐT	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát định kỳ, cải tiến CTDH phù hợp với xu hướng, nguồn lực của Nhà trường nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người học và các bên liên quan.	- Khoa DL; - P.QLĐT	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Cấu trúc CTĐT ngành QTNH&DVAU được thiết kế hợp lý, các học phần được bố trí theo trình tự logic, từ kiến thức giáo dục đại cương đến kiến thức cơ sở và chuyên ngành, thể hiện rõ định hướng tích hợp và ứng dụng.

Nội dung chi tiết các học phần được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng, gắn với CĐR và được thể hiện cụ thể thông qua ma trận học phần, ma trận kỹ năng. Các phương pháp giảng dạy, kiểm tra – đánh giá được lựa chọn phù hợp, bảo đảm hỗ trợ người học đạt được CĐR của chương trình.

CTĐT được xây dựng dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ, có sự tham gia của đội ngũ giảng viên trong việc xác định tổ hợp phương pháp dạy học và đánh giá cho từng học phần, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật chương trình chưa thực hiện đầy đủ việc đối sánh với các chương trình tương đương trong và ngoài nước để nâng cao tính cạnh tranh và hội nhập.

Một số học phần vẫn chưa thể hiện rõ mối liên kết chiều sâu về kiến thức và kỹ năng theo hướng phát triển năng lực xuyên suốt; sự tích hợp giữa các học phần nền tảng, cơ sở và chuyên sâu còn hạn chế.

Dù chương trình có triển khai các hoạt động gắn kết với doanh nghiệp nhằm hỗ trợ đạt chuẩn đầu ra, tuy nhiên phản hồi từ phía doanh nghiệp về chất lượng sinh viên vẫn chưa đầy đủ và chưa được khai thác hiệu quả phục vụ cải tiến chương trình.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 3:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 3 có 03 tiêu chí, trong đó 02 tiêu chí đều đạt điểm 5/7, 01 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu:

Triết lý giáo dục của Trường ĐHPT được truyền tải rõ ràng trong mục tiêu đào tạo của CTĐT QTNH&DVAU. Khoa DL với cách tiếp cận lấy NH làm trung tâm và với phương pháp dạy học tích cực, NH chuyển từ cách học bị động sang cách học chủ động. Từng HP trong CTĐT đều có những phương pháp dạy và học phù hợp nhằm đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm, thúc đẩy việc học tập suốt đời của NH. GV của CTĐT ngành QTNH&DVAU đều được đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy tích cực, tiên tiến để đáp ứng phương thức đào tạo.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng:

Đối với Trường ĐHPT, triết lý giáo dục là nền tảng để xây dựng mục tiêu đào tạo, CDR của CTĐT, từ đó phát triển các nội dung đào tạo và các phương pháp dạy và học nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo và CDR. Qua quá trình xây dựng triết lý giáo dục với sự đóng góp ý kiến của các CBGVNV, sự phê duyệt của chủ tịch HĐT. Nhà trường đã chọn triết lý giáo dục: “*Thực học – Thực nghiệp*”. Triết lý giáo dục của Trường

ĐHPT cũng được lồng ghép trong sứ mạng, mục tiêu phát triển và Chiến lược phát triển của Nhà trường. Triết lý giáo dục không chỉ kế thừa những giá trị cốt lõi của triết lý trước đây, mà còn được mở rộng và nhấn mạnh hơn nữa vai trò của người dạy trong việc thấu hiểu đúng mục đích của giáo dục, truyền đạt kiến thức một cách chọn lọc, thiết thực và hiệu quả đến NH. Trong đó, trọng tâm là giảng dạy thực chất, kiểm tra đánh giá phản ánh đúng chất lượng giáo dục, đồng thời yêu cầu NH phải nỗ lực hết mình, chủ động, không ngừng học tập để hoàn thiện bản thân và hướng đến một cuộc sống tích cực, hạnh phúc. Điều này thể hiện rõ tầm nhìn chiến lược phát triển của Nhà trường trong việc trang bị cho SV không chỉ kiến thức và kỹ năng cần thiết, mà còn khơi dậy tinh thần học tập suốt đời, khả năng thích nghi và sự sẵn sàng đối mặt với những thách thức của thời đại. Dựa trên Triết lý giáo dục và Chiến lược phát triển của Nhà trường, Khoa DL đã xác định 4 giá trị cốt lõi như là mô hình triết lý xuyên suốt của Khoa: “*Nhân văn – Hội nhập – Phát triển bền vững*” [H4.04.01.01], [H4.04.01.02].

Song song đó, Triết lý giáo dục được trực tiếp chuyển tải vào trong các CTĐT, trong đó có CTĐT ngành QTNH&DVAU được thể hiện trong mục tiêu của CTĐT: “*CTĐT Cử nhân ngành QTNH&DVAU được xây dựng nhằm hướng tới mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống. Đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc của các doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống trong bối cảnh hội nhập quốc tế*”. Ngoài ra, triết lý giáo dục của Nhà trường được thực hiện trong hoạt động giảng dạy, NCKH và tham gia phát triển cộng đồng của ngành ĐNAH và được thiết kế trong ĐCHP cho NH [H4.04.01.03], [H4.04.01.04].

Ngay sau khi ban hành triết lý giáo dục, để tạo tiền đề cho việc thực hiện triết lý này, Trường đã phổ biến rộng rãi triết lý giáo dục tới tất cả các BLQ (GV, SV, cựu SV, NTD,...) thông qua nhiều hình thức khác nhau: Giới thiệu sứ mạng mục tiêu giáo dục tới CB, GV, NV, SV của Trường thông qua hệ thống Email nội bộ, website/fanpage của Trường [H4.04.01.05]; Thông qua các cuộc hội nghị, họp giao ban phổ biến sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục cho toàn CBGVNV Nhà trường hằng năm [H4.04.01.06]; Sinh hoạt tuần lễ công dân vào đầu mỗi năm học [H4.04.01.07]. Bên cạnh các hình thức phổ biến trên, hằng năm, Nhà trường đều có tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ về tầm nhìn, sứ mạng và triết lý giáo dục của Nhà trường. Thông qua việc trả lời khảo sát

CBGVNV, NTD đã hiểu rõ hơn về triết lý giáo dục từ đó thúc đẩy việc thực hiện triết lý ngày một tốt hơn. Bên cạnh các đối tượng trong Nhà trường [H4.04.01.08], Trường ĐHPT đã bắt đầu triển khai phổ biến triết lý giáo dục tới các BLQ bằng nhiều cách thức như: Công khai triết lý giáo dục trên Website của Trường/Khoa [H4.04.01.09], Ngày hội việc làm, Thực tập doanh nghiệp – cơ hội nghề nghiệp tương lai... Bên cạnh đó, triết lý giáo dục của Nhà trường được tuyên truyền phổ biến đến học sinh tại các trường phổ thông thông qua các buổi tư vấn tuyển sinh [H4.04.01.10]. Những hoạt động này không chỉ giúp lan tỏa triết lý giáo dục của Nhà trường tới các đối tác bên ngoài mà còn giúp CBGVNV của Trường thấm nhuần hơn triết lý giáo dục từ đó chuyển đổi thành những hành động cụ thể để mang lại những thành tựu mới trong giáo dục của Trường trong thời gian tới.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã ban hành văn bản xác định rõ ràng mục tiêu và triết lý giáo dục, đồng thời công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và các Khoa. Triết lý giáo dục được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CBGVNV, SV, cũng như các chuyên gia cộng tác với Khoa và Nhà trường. Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, Nhà trường và Khoa DL đã triển khai các hình thức truyền thông, quảng bá phù hợp với từng đối tượng cụ thể, nhằm đảm bảo người dạy và NH hiểu rõ, thấm nhuần và thực hiện hiệu quả mục tiêu của triết lý giáo dục trong thực tiễn giảng dạy và học tập.

3. Điểm tồn tại:

Một số GV thỉnh giảng chưa thực sự chú trọng đến việc vận dụng triết lý giáo dục của Nhà trường trong quá trình giảng dạy, dẫn đến việc truyền tải triết lý này đến NH còn hạn chế. Bên cạnh đó, việc lồng ghép triết lý giáo dục vào các hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học của SV vẫn chưa được thực hiện một cách đồng bộ, nhất quán và cần được tiếp tục đẩy mạnh trong thời gian tới nhằm phát huy hiệu quả triết lý giáo dục trong toàn bộ quá trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện /hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường công tác truyền thông về triết lý giáo dục của Trường đến các BLQ, đặc biệt là GV thỉnh giảng. Triển khai các hội nghị, hội thảo chuyên đề, các buổi gặp gỡ, trao đổi giữa Khoa và GV trước mỗi học kỳ nhằm nâng cao nhận thức và ứng dụng triết lý giáo dục trong giảng dạy.	Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật nội dung triết lý giáo dục phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Trường. Định kỳ phổ biến rộng rãi triết lý giáo dục đến toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và SV để đảm bảo sự thấu hiểu và thực hiện hiệu quả.	HĐT; BGH; P.TC-HC; Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng:

Các HP trong CTĐT ngành QTNH&DVAU được phân ra thành 02 hoạt động dạy học cụ thể như sau: *Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại Nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên....)* [H4.04.02.01].

Khoa DL đã áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy đa dạng, điều này đã được xác định khi xây dựng CTĐT và được cụ thể hóa trong các ĐCCT các HP với các phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt CĐR, gồm các phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận nhóm, vấn đáp, bài tập tình huống, thực hành, thực tế... Các phương pháp này giúp NH nhớ lâu hơn, hình thành khả năng áp dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề gặp phải, giúp SV ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tế, so sánh những kiến thức được học trong Nhà trường với thực tế, rèn luyện tính chủ động, sự tư duy, sự nhanh nhẹn, hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV [H4.04.02.01].

Trong năm 2021, 2022, 2024, Trường và Khoa DL đã xây dựng kế hoạch tổ chức điều chỉnh CTĐT ĐH ngành QTNH&DVAU. Khi tổ chức thực hiện rà soát, cập nhật và điều chỉnh CTĐT ngành QTNH&DVAU đều có sự tham khảo ý kiến của các BLQ (*Các chuyên gia đầu ngành, GV, NTD, SV, Cựu SV*) về sự phù hợp và hiệu quả của các hoạt động dạy và học trong việc giúp NH đạt được CĐR [H4.04.02.02].

Về phía Nhà trường và Khoa, để SV có thể chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR, GV Khoa DL đã hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp, từ đó giúp NH tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR thể hiện trong quá trình xây dựng tổ hợp các phương pháp giảng dạy trong CTDH ngành QTNH&DVAU [H4.04.02.01], xây dựng ĐCCT các HP và đáp ứng chất lượng giảng dạy theo nội dung trong hồ sơ GV [H4.04.02.03]. Đối với các môn học lý thuyết, GV hướng dẫn NH thực hiện phương pháp thuyết trình nhóm, thảo luận nhóm theo từng chủ đề. Đối với các môn học thực hành, GV hướng dẫn NH làm bài tập, thực hành trên lớp, thực hành tại Nhà (*viết tiểu luận, báo cáo thực tập và các sản phẩm khác có liên quan đến môn học*) và hướng dẫn NH tự học, tìm kiếm tài liệu liên quan đến môn học. Hàng năm, Nhà trường và Khoa liên hệ, giới thiệu cho SV năm cuối đi thực tập tại các Doanh nghiệp, Khách sạn, Nhà hàng dưới sự hướng dẫn những người có kinh nghiệm tại nơi thực tập, giúp SV học hỏi đúng chuyên môn ở các vị trí công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo tại [H4.04.02.05]. Để thường xuyên hỗ trợ, giúp đỡ NH, hàng năm, Nhà trường đều có phân công CVHT để hướng dẫn, hỗ trợ cho SV trong quá trình học tập, sinh hoạt tại Trường [H4.04.02.05].

Về phía SV, ngay những ngày đầu bước vào ngưỡng cửa ĐH, các SV đầu khóa đã được Nhà trường, Khoa tổ chức Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa có các buổi hướng dẫn về phương pháp học, trong đó có phương pháp tự học ở bậc ĐH, tìm hiểu về ngành QTNH&DVAU cũng như các hoạt động cộng đồng ngoại khóa để tích lũy điểm rèn luyện trong suốt khóa học. Đây là bước đầu để SV có thể định hướng được việc học tập, NCKH, hoạt động đoàn thể. Đây cũng là một hoạt động nằm trong chuỗi hoạt động học tập đa dạng trong suốt khóa học của SV [H4.04.02.06]. Mỗi SV khi vào trường đều được cung cấp tài khoản cá nhân giúp SV dễ dàng tra cứu thông tin liên quan đến khóa học [H4.04.02.07]. Song song đó, Trường còn mở cổng thông tin SV trên website của Nhà trường để phổ biến những thông tin liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi của SV

trong quá trình học tập tại Trường [H4.04.02.08]. Ngoài ra, Nhà trường còn thành lập Câu lạc bộ Tiếng Anh, Câu lạc bộ văn nghệ, Câu lạc bộ bóng đá, Câu lạc bộ bóng rổ, Câu lạc bộ SV 5 tốt,...nhằm giúp SV có môi trường sinh hoạt và trao đổi thêm kiến thức về Tiếng Anh, bên cạnh đó giúp SV rèn luyện các KNM cần thiết để phục vụ cho ngành đào tạo sau khi SV tốt nghiệp [H4.04.02.09]. Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp, Nhà trường đã tiến hành phương pháp giảng dạy trực tuyến. Để giúp cho NH có thể vận hành được tài khoản và thực hiện được các thao tác trong quá trình học và kiểm tra đánh giá, Nhà trường đã ban hành các kế hoạch triển khai việc học tập trực tuyến, ban hành các quy định về tổ chức thi trực tuyến và cử CB, GV tham gia tập huấn cho SV trước khi đưa vào thực hiện [H4.04.02.010].

Ngoài ra, phương pháp dạy học, tài liệu học tập, tác phong của GV cũng được đánh giá và phản hồi từ phía NH. Kết thúc mỗi học kỳ, mỗi khóa học, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức lấy ý kiến của SV về sự hài lòng đối với sự đa dạng về các hình thức giảng dạy cũng như sự phù hợp của PPDH, nội dung giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV. Đa số SV có những phản hồi tích cực đến việc tổ chức dạy học của GV và cho rằng phương pháp dạy học của Nhà trường đã mang lại hiệu quả cao trong việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV. Bên cạnh đó, đội ngũ GV của Khoa rất hài lòng về các phương pháp/hoạt động giảng dạy và học tập của CTDH ngành QTNH&ĐVAU, đồng thời hài lòng về CSVC, trang thiết bị phục vụ trong giảng dạy và học tập để đáp ứng CĐR của HP [H4.04.02.11].

2. Điểm mạnh:

Các HP được thiết kế theo CĐR của CTĐT, nhằm giúp NH có được phương pháp học tập phù hợp, theo định hướng tư duy tích cực, có khả năng xác định và giải quyết vấn đề, có khả năng giao tiếp cao, cũng như khả năng học tập suốt đời và phương pháp làm việc khoa học.

NH nắm được chương trình cùng các hoạt động phục vụ cho việc học một cách chủ động, sẽ giúp cho họ định hướng và lập kế hoạch phù hợp hơn, do đó họ thấy việc học có hiệu quả hơn. CTĐT đã có nhiều hoạt động thực tập, thực hành, ngoại khóa đa dạng. Các hoạt động dạy và học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng

lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt CĐR, đồng thời tạo ra môi trường dạy và học tích cực, hợp tác, hỗ trợ, hiệu quả.

3. Điểm tồn tại:

Các hoạt động học tập ngoại khóa, hướng dẫn học nhằm nâng cao kỹ năng cho SV còn chưa được thực hiện thường xuyên, hình thức chưa phong phú nên chưa thu hút được toàn bộ SV tham gia.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch học tập ngoại khóa, trong đó đặc biệt chú trọng đến các hoạt động thực tập, tham quan thực tế nhằm nâng cao trải nghiệm và năng lực nghề nghiệp cho SV. Trợ lý Khoa và CVHT thường xuyên khuyến khích, động viên SV chủ động tham gia các hoạt động do Trường tổ chức.	Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ NH. Đảm bảo các điều kiện CSVC, trang thiết bị phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học nhằm đáp ứng CĐR của từng HP và của CTĐT. Thường xuyên khảo sát ý kiến các BLQ về các hoạt động dạy và học/các phương pháp dạy và học để cải tiến cho phù hợp đảm bảo đạt CĐR của HP, CTĐT.	Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả hiện trạng:

CTĐT ngành QTNH&DVAU của Trường ĐHPT được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức chuyên ngành nền tảng và nâng cao kiến thức cao trong lĩnh vực kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống. SV được đào tạo các nội dung như: Tổng quan du lịch,

quản trị về nhân sự du lịch, quản trị chuỗi cung ứng, quản trị chất lượng dịch vụ.... giúp SV hoàn thiện kỹ năng chuyên môn và vận dụng tốt vào thực tiễn công việc. Đồng thời, chương trình còn chú trọng trang bị các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phân biện, sử dụng công nghệ thông tin và phương pháp nghiên cứu NCKH [H4.04.03.01].

Để đáp ứng mục tiêu đó, chiến lược dạy và học của Khoa DL là lấy SV làm trung tâm và kích thích việc học tập có chất lượng cao. Trong đó, tất cả các ĐCCT HP có mô tả về các PPDH trên lớp phù hợp với từng môn học, rèn luyện kỹ năng thiết yếu là phân tích, đánh giá và ra quyết định nhằm kích thích tư duy, tính chủ động của SV trong học tập. Đồng thời các môn kỹ năng mềm được thêm và CTĐT giúp rèn luyện thêm các kỹ năng mềm về giao tiếp, phân tích, tổng hợp vấn đề cho SV. Ngoài ra, trong các ĐCCT HP cũng mô tả đến việc tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV thông qua việc cung cấp các tài liệu tham khảo, yêu cầu SV tìm hiểu bài trước khi đến lớp, giao các bài tập về Nhà, các chủ đề nghiên cứu thêm... Việc rèn luyện các kỹ năng phân tích, tổng hợp, thuyết trình và khả năng tự học, tự nghiên cứu của SV còn thể hiện qua các yêu cầu của HP thực tập và khóa luận tốt nghiệp [H4.04.03.01]. Ngoài ra, cổng thông tin học tập trực tuyến của Khoa, Trường cũng đã hỗ trợ SV tích cực trong rèn luyện kỹ năng tự học, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV [H4.04.03.02].

GV giảng dạy ngành QTNH&DVAU thực hiện các hoạt động giảng dạy theo như mô tả trong ĐCCT HP, đồng thời trong quá trình giảng dạy có điều chỉnh, bổ sung, phát huy các PPDH phù hợp, hiệu quả với từng đối tượng lớp học theo trình độ và tinh thần học tập của SV nhằm hỗ trợ tối đa việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. Các phương pháp giảng dạy như lồng ghép tình huống thực tế, tương tác trực tiếp để giải quyết các vấn đề trong môi trường Nhà hàng, thảo luận nhóm... được triển khai thường xuyên. Những phương pháp này không chỉ giúp NH ghi nhớ kiến thức lâu hơn mà còn phát triển khả năng vận dụng vào thực tiễn, so sánh giữa lý thuyết được học tại trường với thực tế nghề nghiệp. Đồng thời, SV được rèn luyện tính chủ động, tư duy linh hoạt, phản ứng nhanh, qua đó từng bước nâng cao năng lực tự học và khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.01], [H4.04.03.03].

Bên cạnh đó, SV còn được khuyến khích tham gia NCKH, các hoạt động thực tế, hướng nghiệp, thực tập giúp SV hiểu được những chiến lược học tập khác nhau sao cho phù hợp, đáp ứng các yêu cầu đề ra. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa DL cũng tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học nhằm tiếp tục về đổi mới PPGD cho GV [H4.04.03.04].

Ngoài ra, định kỳ mỗi năm, mỗi học kỳ, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC sẽ tổ chức khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của từng môn học, khảo sát ý kiến Nhà tuyển dụng về mức độ đáp ứng các kiến thức, các kỹ năng và thái độ của SV tốt nghiệp Trường ĐHPT đã và đang làm việc tại các đơn vị tuyển dụng. Các kết quả khảo sát được tổng hợp và chuyển cho Khoa để sử dụng làm căn cứ điều chỉnh PPGD ngày càng phù hợp hơn, đảm bảo rèn luyện được các kỹ năng thiết yếu và khả năng tiếp tục nâng cao cho SV đáp ứng yêu cầu xã hội [H4.04.03.05].

2. Điểm mạnh:

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của NH được thể hiện trong ĐCCT HP. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết cho ngành Kế toán và nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

3. Điểm tồn tại:

SV chưa thật sự chủ động và quyết tâm trong việc học tập của mình, nhất là việc tự học, tự nghiên cứu thêm theo hướng dẫn.

4. Kế hoạch hành động:

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Khoa tăng cường thực hiện công tác định hướng, hỗ trợ, khơi dậy tính chủ động học tập trong SV trong các buổi sinh hoạt chuyên môn của Khoa với SV; - GV giảng dạy tích cực động viên SV hơn nữa, tạo điều kiện để SV tham gia các hoạt động trong giờ học và việc tự học, tự nghiên cứu theo các chủ đề liên quan.	Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thực hiện tốt các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. - GV tiếp tục sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.	Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Nhà trường đã ban hành văn bản xác định rõ ràng mục tiêu và triết lý giáo dục, đồng thời công bố công khai rộng rãi đến các BLQ trong và ngoài trường.

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CDR môn học và CTĐT. NH được tạo điều kiện chủ động tiếp cận các hoạt động học tập phù hợp. Mặt khác, các hoạt động dạy học được thiết kế hình thành và phát triển kỹ năng mềm, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp trong tương lai và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Một số GV thỉnh giảng chưa quan tâm lắm đến triết lý giáo dục của Trường để chuyển tải vào các hoạt động giảng dạy cho phù hợp. SV của Khoa chưa thật sự chủ động trong việc tham gia các hoạt động học tập tích cực trên lớp cũng như việc tự học, tự nghiên cứu thêm, chưa thích ứng tốt với các hoạt động tại nơi thực tập.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 4:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 4 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đều đạt điểm 4/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu:

Việc đánh giá kết quả NH là một trong những yếu tố góp phần quan trọng trong việc dạy và học. Để đảm bảo được việc đánh giá kết quả học tập của NH một cách chính xác thì Ban lãnh đạo Khoa và Phòng QLĐT xây dựng kế hoạch đánh giá vào mỗi học kỳ, cùng với GV phải có phương pháp đánh giá phù hợp với từng khóa SV để có thể đo lường và đánh giá được mức độ của SV đã đạt được trong CĐR. Trong những năm qua, Trường và khoa sử dụng quy trình tổ chức thi tập trung với những môn lý thuyết, những môn thực hành sẽ được thi tùy theo tính đặc thù của môn để có thể đánh giá tốt nhất với từng môn học, trong đó có đầy đủ các quy định về việc chuẩn bị một kỳ thi cuối kỳ, ra đề thi, phân công giám thị, công bố điểm, phúc khảo, lưu trữ... Cũng như NH được thông tin một cách rõ ràng, minh bạch về các quy định khiếu nại để chủ động lập kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện dựa trên các quy định cụ thể theo Quy chế đào tạo theo tín chỉ của Bộ GD&ĐT và các quy trình nội bộ của Nhà trường [H5.05.01.01]. Song song với đó, bản mô tả CTĐT CTĐT và ĐCCT luôn được điều chỉnh, cập nhật phù hợp với các thay đổi về quy chế và nhằm đảm bảo việc đánh giá phù hợp với CĐR của ngành QTNH&DVAU [H5.05.01.02]. Các Quy chế học vụ áp dụng trong Trường được công bố công khai cho các BLQ thông qua website Trường, website Khoa DL, Sổ tay SV... với các biểu mẫu hướng dẫn rõ ràng cho GV, NH hiểu rõ và thực hiện [H5.05.01.03]. Kế hoạch về đào tạo, thi cử, kiểm tra và đánh giá được thể hiện qua Kế hoạch đào tạo của Trường, Khoa, lịch thi mỗi học kỳ, được công bố trên website, SV tự truy cập vào hệ thống để theo dõi và thực hiện [H5.05.01.04].

Để đảm bảo việc đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá và tương ứng với mức độ đạt được CĐR, trong từng giai đoạn đánh giá. Nhà trường đã ban hành quy trình lựa chọn, thiết kế các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá NH theo CĐR và đánh giá sự phù hợp của các phương pháp kiểm tra đánh giá NH [H5.05.01.05].

Trong bản mô tả CTĐT ngành QTNH&DVAU có xây dựng các phương pháp về kiểm tra đánh giá NH; Trong mỗi ĐCCT môn học, GV phải xác định và thiết kế các

phương pháp kiểm tra đánh giá cho điểm quá trình và điểm cuối kỳ của môn học. Các bài kiểm tra đánh giá giữa kỳ, thi cuối kỳ GV phải đảm bảo nội dung kiểm tra nhằm đo lường mức độ đạt CDR nào của môn học, cách thức kiểm tra phải phù hợp với đặc điểm của môn học và được thể hiện trong ĐCCT môn học **[H5.05.01.02]**.

- Về đánh giá đầu vào (tuyển sinh): Theo đề án tuyển sinh, Trường tổ chức xét tuyển theo 02 hình thức là dựa vào kết quả thi Trung học phổ thông quốc gia và kết quả học tập ở bậc Trung học phổ thông **[H5.05.01.06]**.

+ Đối với tiêu chí xét tuyển dựa vào kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia, NH phải tốt nghiệp phổ thông trước khi nhập học và đạt đủ điểm xét tuyển (tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên khu vực và đối tượng theo quy định).

+ Đối với xét dựa trên kết quả học tập, NH phải tốt nghiệp phổ thông trước khi nhập học và đạt đủ điểm xét tuyển (điểm trung bình cả năm của lớp 12 hoặc điểm trung bình theo tổ hợp môn xét tuyển hoặc điểm trung bình chung theo tổ hợp môn của năm lớp 10, năm lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 cộng với điểm ưu tiên khu vực và đối tượng theo quy chế).

- Về Đánh giá quá trình/Đánh giá môn học: Đánh giá SV thông qua môn học là nhiệm vụ của GV từng môn học, GV chịu trách nhiệm về kết quả học tập của SV trước Bộ môn, Ngành, Khoa và Nhà trường. Nội dung này đã được cụ thể hóa trong Quy chế đào tạo theo tín chỉ do trường ĐHPT ban hành **[H05.05.01.01]**.

+ GV có thể sử dụng nhiều hình thức đánh giá quá trình khác nhau như: Tự luận, trắc nghiệm, thực hành, thực tập, bài tập lớn,...hoặc kết hợp các hình thức nói trên tùy theo tính đặc thù của từng môn học, nhằm đảm bảo đánh giá được kiến thức, kỹ năng và năng lực của NH.

+ Đối với các HP, điểm tổng hợp đánh giá HP tính từ các điểm chuyên cần (10%), điểm thi giữa HP (30%) và điểm thi kết thúc HP (60%), có các tiêu chí đánh giá rõ ràng được thể hiện trong từng ĐCCT của từng HP **[H5.05.01.02]**.

Điểm đánh giá HP là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của HP nhân với trọng số tương ứng. Điểm HP làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ.

Căn cứ theo hình thức đánh giá của từng HP đã được phê duyệt, GV ra đề thi theo biểu mẫu thống nhất được quy định trong quy trình tổ chức thi học kì, nộp về Khoa trước khi kết thúc môn học 2 tuần; Trước khi đề thi và đáp án được chuyển về Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, trưởng khoa/trưởng bộ môn chịu trách nhiệm phê duyệt đề thi. Việc tổ chức thi kết thúc môn học được Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phụ trách, đảm bảo tổ chức thi học kì diễn ra nghiêm túc, đảm bảo chất lượng **[H5.05.01.07]**.

- Về Đánh giá đầu ra khóa học: Việc đánh giá cuối khóa được thông qua khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập tốt nghiệp:

+ Khóa luận tốt nghiệp (9 tín chỉ): Chỉ áp dụng đối với những SV thỏa mãn đồng thời hai tiêu chuẩn là điểm trung bình chung học tập tích lũy đến hết học kỳ 7 phải trên 7.0 và không còn nợ môn. SV có thể tự đăng ký chọn đề tài và được GV hướng dẫn. Khóa luận tốt nghiệp của SV sẽ do 2 GV chấm theo sự phân công của Khoa chuyên môn (GV không chấm KLTN do mình hướng dẫn), điểm khóa luận tốt nghiệp là điểm trung bình cộng của 2 GV chấm. **[H5.05.01.08]**.

+ Báo cáo thực tập tốt nghiệp (6 tín chỉ) và các môn học bổ sung (Kỹ năng mềm): Thực tập tốt nghiệp cuối khóa được tiến hành theo hình thức thực tập tại doanh nghiệp nhằm giúp SV có điều kiện khảo sát thực tế, quan sát và ghi nhận thực tiễn của các kiến thức đã học tại giảng đường, tiếp cận các điều kiện kỹ thuật mà lý thuyết chưa đề cập đến do hạn chế thời gian. Các SV sẽ được GV của Khoa hướng dẫn tìm hiểu, phân tích và đánh giá các vấn đề thực tế. Tại cơ sở, SV cũng được hướng dẫn bởi Cán bộ tại cơ sở. Cuối kỳ thực tập, SV có nhiệm vụ viết báo cáo thực tập tốt nghiệp có sự xác nhận, đánh giá của cơ sở thực tập và GV trực tiếp hướng dẫn. Ngoài đi thực tập tốt nghiệp SV phải học thêm HP kỹ năng mềm (3 tín chỉ) để đảm bảo đủ điều kiện tốt nghiệp. **[H5.05.01.08]**.

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của NH được thực hiện đánh giá theo học kỳ và thông qua 4 cấp đánh giá, bao gồm: Cá nhân tự đánh giá, tập thể lớp đánh giá, hội đồng đánh giá cấp khoa và hội đồng đánh giá cấp Trường **[H5.05.01.09]**. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá (ý thức tham gia học tập; ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường; ý thức tham gia các hoạt động chính trị, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã

hội; ý thức công dân trong quan hệ với cộng đồng; và ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể của Đảng, Đoàn, Hội, các tổ chức hợp pháp khác trong nhà trường hoặc có thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của SV) được quy định theo thang điểm 100 và xếp loại từ kém đến xuất sắc.

Để được công nhận tốt nghiệp, ngoài việc hoàn thành đủ số tín chỉ theo quy định và điểm trung bình tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên, NH phải có chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học, chứng chỉ GDQP và giáo dục thể chất **[H5.05.01.01]**.

Để đánh giá phù hợp trong quá trình học tập của NH với từng HP trong CTĐT, Trường ĐHPT lên kế hoạch khảo sát ý kiến SV và các BLQ thông qua phiếu khảo sát thể hiện 5 mức độ từ 1 đến 5, kết quả khảo sát được Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổng hợp **[H5.05.01.10]**.

Quy chế học vụ và các quy định về thi, kiểm tra đánh giá NH của Trường để hướng dẫn chung cho các Khoa cũng được thường xuyên rà soát, điều chỉnh cho phù hợp. Để đảm bảo thực hiện các quy định trên, Trường ĐHPT đã lập kế hoạch thanh tra năm học, thành lập ban thanh tra, kiểm tra tình hình lên lớp và thi kết thúc HP **[H5.05.01.11]**.

2. Điểm mạnh:

Các quy định về kiểm tra đánh giá NH được công bố công khai. Tổ hợp các phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV được Khoa DL thiết kế đa dạng và phù hợp theo mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá của NH.

Việc đánh giá đề tài tốt nghiệp được thực hiện theo đúng quy định với các tiêu chí đánh giá và thang chấm điểm rõ ràng, cụ thể.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù, Khoa đã chú trọng thiết kế việc đánh giá kết quả học tập theo các thang bậc cao của CDR đối với các HP chuyên ngành, nhưng đối với các HP chung của toàn Trường như các khối ngành, việc đánh giá phần nhiều dừng ở nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích. CDR về thái độ hầu như chỉ được đánh giá thông qua 10% điểm chuyên cần.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Việc đánh giá CĐR về thái độ vẫn dựa trên tiêu chí 10% điểm chuyên cần đến lớp đầy đủ, tuy nhiên các HP trực tiếp đề cập đến thái độ thực tập, với các HP thi vấn đáp, Khoa triển khai đánh giá kết quả học tập dựa trên toàn bộ quá trình học tập và điều này được thông báo cho SV ngay từ khi bắt đầu HP.	Khoa DL	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ tổ chức tổng kết và rà soát mức độ bám sát CĐR trong nội dung các bài kiểm tra đánh giá kết quả của NH.	Khoa DL	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 5.2 Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường ĐHPT đã ban hành đầy đủ các tài liệu và hướng dẫn liên quan đến quy trình kiểm tra, đánh giá trong đào tạo, bao gồm các nội dung cụ thể như: Thời gian, hình thức, phương pháp đánh giá; Tiêu chí và trọng số các thành phần đánh giá, cũng như cơ chế phản hồi của NH và GV. Các quy định này được áp dụng thống nhất trong các kỳ thi kết thúc HP, cũng như trong các hình thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên khác [H5.05.01.01], [H5.05.01.02].

Cụ thể, trong Quy chế đào tạo của Nhà trường có nêu rõ về đánh giá kết quả học tập của SV. Trong đó, có xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH và cơ chế phản hồi của NH, GV về việc kiểm tra, đánh giá như sau:

- Đánh giá kết quả của một HP gồm có 3 phần chính là: (i) Điểm chuyên cần 10%: đánh giá về mức độ chuyên cần, thái độ học tập của NH; (ii) Điểm giữa kỳ 30%: có thể bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên trên lớp, đánh giá về thái độ và mức độ tham gia của NH bài học, tiểu luận, bài tập nhóm hay kiểm tra viết giữa kỳ, ...; (iii) Điểm thi kết

thức HP 60%. Điểm đánh giá thành phần và điểm trung bình của HP theo thang điểm 10 và sẽ chuyển đổi sang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ của Bộ GDĐT.

Bảng 5.2.1. Các mức điểm trung bình đánh giá kết quả của HP

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm 4	Thang điểm chữ
Đạt	Giỏi	8,5 → 10	4	A
	Khá	7,5 → 8,4	3	B
	Trung bình	5,5 → 6,9	2	C
	Trung bình yếu	4,0 → 5,4	1	D
Không đạt	Kém	Dưới 4,0	0	F

- Trong ĐCCT mỗi môn học cũng có nêu cụ thể hơn về các phương pháp kiểm tra, đánh giá của môn học đó, thời điểm sẽ tiến hành các bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, trọng số và hình thức, tiêu chí của các bài kiểm tra,... nhằm đáp ứng mục tiêu của HP và mức độ đạt được về CDR của HP. Về thời gian, bài kiểm tra giữa kì được thực hiện sau khi học xong $\frac{1}{2}$ thời lượng môn học, bài kiểm tra cuối kì được thực hiện sau khi kết thúc HP từ 1 đến 2 tuần. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá được ghi trong ĐCCT của HP. Tất cả 100% ĐCCT của Khoa DL có xác định rõ trọng số đánh giá từng điểm đánh giá bộ phận của HP [H5.05.02.01].

- Về cơ chế phản hồi: NH phản hồi về kết quả đánh giá quá trình trực tiếp trên lớp sau khi được GV giảng dạy công bố kết quả vào tuần học cuối của môn học hoặc NH phản hồi nếu có thắc mắc về kết quả thi kết thúc HP thông qua Khoa đến P.KT-ĐBCL-TT&PC theo quy trình phúc khảo đã được hướng dẫn [H5.05.02.02].

Nhằm đảm bảo tính công khai và giúp NH có thể nắm rõ về phương pháp đánh giá kết quả học tập của mình từ việc đánh giá mỗi HP, đến cách tính điểm cả quá trình tích lũy trong CTĐT, cũng như CDR của ngành học... Các Quy chế đào tạo, quy định, tài liệu hướng dẫn cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong đến việc đánh giá kết quả học tập của NH đều được công bố công khai cho SV trên website của Trường, Khoa DL, Sổ tay SV, hệ thống email cá nhân của SV được Trường cấp [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03].

Ngoài ra, vào đầu khóa học, SV đều được tham dự tuần sinh hoạt công dân đầu khóa của Trường tổ chức và các buổi họp đầu năm của riêng SV Khoa DL cũng như sinh hoạt với cố vấn học tập để phổ biến cụ thể hơn cho SV về các nội dung liên quan

trong khóa học, trong đó có việc đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của SV. SV được hướng dẫn cách để theo dõi và tự tính được kết quả học tập của mình [H5.05.02.03]. Thêm nữa, thực hiện theo quy chế đào tạo của Trường, vào đầu mỗi môn học, GV có trách nhiệm công bố ĐCCT môn học, yêu cầu của môn học, phương pháp kiểm tra đánh giá, thời điểm tiến hành các bài kiểm tra đánh giá,...cho SV được rõ ràng trước khi bắt đầu môn học, để SV chủ động học tập đáp ứng được CĐR của môn học đó.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có quy định rõ ràng về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH. Kế hoạch và những quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai với NH ngay từ khi bắt đầu khóa học, học kỳ, môn học bằng nhiều hình thức. Toàn bộ GV của Khoa DL đều thực hiện việc thông báo quy định về đánh giá đến SV ngay từ đầu tuần 1 của quá trình giảng dạy. Những yêu cầu cụ thể về kỳ thi cuối kỳ được nhấn mạnh lại ít nhất một lần nữa ngay trước khi kết thúc quá trình giảng dạy; Bộ phận trợ lý của Khoa phối hợp với Phòng QLĐT, các đội ngũ cố vấn học tập hướng dẫn cụ thể về kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho SV hiểu rõ và thực hiện.

3. Điểm tồn tại:

Còn nhiều SV chưa quan tâm đến các quy định về kiểm tra đánh giá khi được phổ biến vào đầu khóa, trước khi bắt đầu HP, dẫn tới chưa nắm rõ các quy định và chủ động theo dõi kết quả học tập của mình.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	GV cố vấn học tập từng lớp tổ chức sinh hoạt hàng tháng để phổ biến các quy định, và đánh giá kết quả học tập. Hướng dẫn SV nếu có thắc mắc thì trước hết phải tự tìm hiểu trong Sổ tay SV / hỏi bạn bè/ tham khảo trên website trường trước khi liên hệ với Khoa/trường.	Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật các quy định mới, quy chế của Bộ GDĐT, các thay đổi của CTĐT để kịp thời xây dựng, cải tiến các Quy định về thi, kiểm tra đánh	Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		giá NH cho phù hợp, đáp ứng mục tiêu đo lường mức độ đạt CDR. Đồng thời phổ biến rõ ràng, chi tiết để tất cả SV nắm rõ về quy chế, cách thức thi khi kết thúc HP vào đầu khóa học, học kỳ, môn học.			

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng:

Trong quy chế đào tạo và các tài liệu hướng dẫn về kiểm tra, đánh giá học tập do Trường ĐHPT ban hành, đã quy định cụ thể và đầy đủ các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau. Các phương pháp này bao gồm kiểm tra thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và thi kết thúc HP, tạo điều kiện để các Khoa, GV lựa chọn áp dụng phù hợp với mục tiêu, đặc điểm của từng HP và đối tượng NH [H5.05.01.01], [H5.05.01.02].

Đối với Khoa DL, GV linh hoạt lựa chọn tổ hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp, đồng thời đảm bảo đúng quy định trong CTĐT và ĐCCT. GV có trách nhiệm phổ biến rõ ràng các hình thức đánh giá cho SV ngay từ đầu HP; đồng thời, các phương pháp thi, kiểm tra cuối kỳ cũng phải được gửi về Phòng KT-ĐBCL-TT&PC vào đầu mỗi học kỳ [H5.05.03.01].

Các phương pháp đánh giá được áp dụng đa dạng, bao gồm: Kiểm tra viết tại lớp (tự luận, trắc nghiệm), bài tập cá nhân/nhóm, thuyết trình, tiểu luận, đồ án HP, báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp...[H5.05.03.02]. Việc lựa chọn phương pháp đánh giá đều tuân thủ nguyên tắc đảm bảo đo lường được mức độ đạt CDR của HP, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. GV lập kế hoạch đánh giá cụ thể, công bố tiêu chí chấm điểm từ đầu HP, theo dõi điểm quá trình và thông báo kết quả thành phần cho SV trước khi kết thúc HP [H5.05.03.03].

Thi kết thúc HP được tổ chức theo đúng quy định của Nhà trường. Hình thức thi được phê duyệt và công khai trong ĐCCT HP. Trong trường hợp có điều chỉnh, GV phải đề xuất để được Bộ môn, Khoa và BGH phê duyệt ngay từ đầu học kỳ. Đề thi do GV

phụ trách thiết kế hoặc lấy từ ngân hàng đề thi, kèm theo đáp án, thang điểm rõ ràng và được duyệt, niêm phong trước khi bàn giao cho Phòng KT-ĐBCL-TTPC tổ chức thi **[H5.05.03.04]**.

Việc chấm bài thi được thực hiện nghiêm túc theo quy trình chuẩn hóa, mỗi HP có ít nhất 2 GV chấm để tăng độ tin cậy và tính công bằng. Các trường hợp sai lệch điểm số được rà soát thông qua đối chiếu bài thi và điểm thi trước khi chuyển kết quả chính thức cho Phòng QLĐT **[H5.05.03.05]**.

Sau khi công bố điểm trên hệ thống, SV có quyền phản hồi, khiếu nại hoặc xin phúc khảo trong vòng 7 ngày (không tính ngày chủ nhật và ngày lễ). Việc phúc khảo được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng quy trình như lần chấm đầu tiên và có sự phối hợp giữa Phòng KT-ĐBCL-TT&PC và Khoa. Ghi nhận trong các năm gần đây cho thấy có rất ít trường hợp phúc khảo, phản ánh sự hài lòng cao của SV Khoa DL đối với tính chính xác, khách quan và minh bạch của công tác kiểm tra – đánh giá **[H5.05.03.06]**.

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức khảo sát ý kiến các GV và SV về mức độ hài lòng với quy trình và phương pháp đánh giá. Kết quả khảo sát cho thấy NH hài lòng với các tiêu chí liên quan đến độ tin cậy và tính công bằng của việc đánh giá. **[H5.05.01.10]**

Sau mỗi học kỳ, Phòng QLĐT và Phòng KT-ĐBCL-TT&PC cũng thực hiện phân tích phổ điểm của tất cả các HP, nhằm phát hiện những HP có phân bố điểm lệch chuẩn (tỷ lệ điểm A quá cao, hoặc điểm D/F cao bất thường). Báo cáo được gửi về các Khoa để rà soát đề thi, phương pháp đánh giá, và từ đó điều chỉnh nếu cần thiết thông qua các cuộc họp chuyên môn, sơ kết – tổng kết học kỳ **[H5.05.03.07]**, **[H5.05.03.08]**.

2. Điểm mạnh:

Khoa DL áp dụng đa dạng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với chuyên ngành QTNH&DVAU.

3. Điểm tồn tại:

Hiện nay, việc chưa xây dựng được ngân hàng đề thi theo hướng chuẩn hóa khiến cho đề thi của một số HP còn chưa phong phú, có nguy cơ trùng lặp giữa các đợt

thi. Điều này có thể ảnh hưởng đến độ bao phủ CDR của HP và hạn chế khả năng phân hóa năng lực SV trong quá trình đánh giá.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa tiến hành rà soát, cập nhật đề thi, xây dựng ngân hàng đề thi chuẩn hóa đối với từng HP theo hướng đa dạng, phong phú về nội dung.	Khoa DL	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng hơn nữa các phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV đối với từng HP để đảm bảo kết quả đánh giá phản ánh được kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của SV.	Khoa DL	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 5.4 Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có ban hành cụ thể các quy định về kiểm tra đánh giá NH, trong đó quy định về việc phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá của NH đầy đủ, kịp thời. Theo đó, điểm đánh giá quá trình, điểm giữa kỳ được GV công bố trên lớp, trong buổi học cuối cùng của HP đó và GV giải đáp thắc mắc, giải quyết các khiếu nại của SV về điểm thành phần nếu có và sau đó GV nhập điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ vào hệ thống Quản lý đào tạo theo tài khoản Phòng QLĐT đã cung cấp. Đối với điểm thi kết thúc HP, thời gian công bố chậm nhất là 10 ngày sau khi SV thi kết thúc HP đó. Sau khi biết kết quả kiểm tra đánh giá, SV có thể khiếu nại, phúc khảo kết quả thi nếu chưa hài lòng [H5.05.04.01]. SV cuối khóa còn có kế hoạch, lịch trình cụ thể cho việc thực tập, hoặc làm khóa luận tốt nghiệp, trên đó cũng quy định rõ ràng về thời gian công bố các kết quả của SV [H5.05.04.02].

Các Quy chế, quy định, kế hoạch về việc phản hồi kết quả học tập cho NH được công bố công khai cho Khoa, GV, SV biết qua website của Trường, Khoa, Sổ tay SV,

sinh hoạt công dân đầu khóa học, năm học, hệ thống email nội bộ của Khoa, GV và SV... để các đối tượng nắm rõ và thực hiện [H5.05.02.03].

Kết quả học tập của NH được phản hồi kịp thời bằng nhiều hình thức khác nhau như là: Đối với từng HP, cả học kỳ, năm học, khóa học của SV được cập nhật thường xuyên trên phần mềm hệ thống Quản lý đào tạo, nhưng chỉ có cá nhân SV được Trường cấp tài khoản truy cập mới có thể xem được; Ngoài ra, Phòng QLĐT sẽ gửi kết quả tổng hợp cho từng Khoa để theo dõi chung tình hình học tập của SV Khoa, Khoa cũng có lưu 1 bảng điểm cứng có ký tên của GV, SV để khi cần có thể đối chiếu, kiểm tra; SV có thể tự in bảng kết quả học tập của mình trực tiếp trên website hoặc gửi yêu cầu cho Phòng QLĐT [H5.05.04.01], [H5.05.04.04]. Các thông tin phản hồi về kết quả học tập giúp cho NH kịp thời điều chỉnh kế hoạch học tập cá nhân hoặc nỗ lực phấn đấu hơn nữa để cải thiện kết quả học tập, hoàn thành khóa học kịp tiến độ. Khoa/ GV cố vấn sẽ căn cứ trên kết quả tổng hợp để kịp thời có kế hoạch giúp đỡ SV yếu kém trong quá trình học tập.

Khoa DL/CVHT của các lớp thường xuyên tổ chức buổi họp mặt với Ban cán sự các lớp, sinh hoạt lớp để nhắc lại các quy định có liên quan theo từng giai đoạn như cách tính điểm trung bình, điểm tích lũy hoặc các quy định về công tác kiểm tra đánh giá cũng như lắng nghe ý kiến phản hồi của đại diện SV về các hoạt động giảng dạy, học tập, thi cử, về khóa học, về cơ sở vật chất, chất lượng GV và cán bộ Khoa....trong đó có tiêu chí phản hồi kết quả học tập [[H5.05.04.05]. Ngoài ra, căn cứ trên kết quả học tập, GVCV thường xuyên nhắc, tư vấn SV đăng ký cải thiện điểm đối với các HP chưa đạt [H5.05.04.06].

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện lấy ý kiến khảo sát của các BLQ (SV, GV, Cựu SV, NTD) về CTĐT, chất lượng NH, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH. Sau đó, P.KT-ĐBCL-TT&PC sẽ thu thập và tổng hợp các ý kiến khảo sát gửi đến BGH, các Khoa, đơn vị của Trường. Trên cơ sở đó, Khoa sẽ định hướng và hiệu chỉnh công tác giảng dạy và đánh giá thi cử hoàn thiện hơn [H5.05.04.07]; [H5.05.04.08].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống các văn bản, quy định, quy trình rõ ràng, chi tiết, chặt chẽ về công bố kết quả kiểm tra đánh giá cho NH. Kết quả học tập của NH được công bố kịp thời, đầy đủ, chính xác, giúp NH cải thiện kết quả học tập trong giai đoạn tiếp theo.

3. Điểm tồn tại:

NH chưa có ý thức tự giác cải thiện việc học tập thông qua kết quả kiểm tra đánh giá.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	GVCV các lớp thường xuyên nhắc nhở SV kiểm tra thời khóa biểu, sắp xếp đăng ký học cải thiện/học lại các HP có kết quả chưa đạt vào đầu mỗi kỳ.	Khoa DL	Thường xuyên	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục rà soát hệ thống các văn bản, quy định, quy trình về kiểm tra đánh giá NH; - Công bố kết quả học tập của NH kịp thời, đầy đủ, chính xác, giúp NH cải thiện kết quả học tập trong giai đoạn tiếp theo.	P.QLĐT, P.KT- ĐBCL- TT&PC Khoa DL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 5.5 Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng:

Để thống nhất việc tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập của NH, đảm bảo sự công bằng, chặt chẽ và khách quan trong công tác đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của SV ngành QTNH&DVAU. Trường đã ban hành đầy đủ các văn quy định liên quan trong Quy chế học vụ, quy trình thi học kỳ, xét tốt nghiệp, cùng với các biểu mẫu rõ ràng [H5.05.01.01].

SV có quyền khiếu nại về điểm đánh giá quá trình trực tiếp với SV phụ trách HP khi điểm được công bố tại lớp. Tuy nhiên, sau khi bảng điểm đã được chuyển đến Phòng QLĐT, SV không còn quyền khiếu nại về điểm quá trình. Với điểm thi kết thúc HP,

trong vòng 7 ngày kể từ khi điểm thi kết thúc HP được công bố (không tính ngày lễ và chủ nhật), nếu SV có khiếu nại, muốn xem lại bài thi hoặc muốn phúc khảo bài thi (kể cả bài thi hình thức tiểu luận, báo cáo kiến tập, thực tập) SV thực hiện theo quy trình như sau:

a. SV đến Khoa hoặc Phòng KT-ĐBCL-TT&PC để xin mẫu đơn xin phúc khảo hoặc tải mẫu đơn trên website Phòng <http://dbel.upt.edu.vn/>, điền đầy đủ thông tin;

b. SV đóng lệ phí phúc khảo bài thi theo quy định tại Phòng KH-TC, nộp đơn phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCL-TT&PC hoặc nộp qua email Phòng phong khaothi@upt.edu.vn kèm hình ảnh biên lai đóng lệ phí;

c. Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phối hợp với Khoa tổ chức thực hiện việc chấm phúc khảo bài thi của SV theo quy trình như chấm thi lần 1 và có Biên bản chấm phúc khảo;

d. Trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận đơn phúc khảo, P.KT-ĐBCL-TT&PC công bố kết quả phúc khảo bài thi cho SV, gửi đến Khoa liên quan và gửi biên bản đến P.QLĐT để cập nhật lại điểm thi nếu có thay đổi điểm.

Ngay từ năm thứ nhất, SV đã được Khoa, CVHT hướng dẫn về những quy định chung của Nhà trường, trong đó có quy định về thủ tục, quy trình khiếu nại về kết quả học tập và xem lại kết quả thi HP bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo Khoa, GV và SV biết để thực hiện như: Website của Trường, Khoa DL, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, cẩm nang SV, vào các buổi sinh hoạt công dân đầu năm học... **[H5.05.01.03]**, **[H5.05.02.03]**. Mặt khác, các phòng ban liên quan và cán bộ, GV Khoa DL luôn quan tâm hướng dẫn và giải quyết nhanh chóng, tốt nhất các khiếu nại hoặc thắc mắc của NH về kết quả học tập của mình. Như vậy, NH hoàn toàn dễ dàng tiếp cận và thực hiện việc khiếu nại về kết quả học tập của mình nếu có. Tính đến nay, theo thống kê sơ bộ về công tác phúc khảo của các HP ngành do Khoa DL quản lý thuộc CTĐT ngành QTNH&DVAU không ghi nhận đơn phúc khảo nào. Điều này nhằm khẳng định sự nghiêm túc, chính xác và minh bạch trong khâu tổ chức thi, chấm thi và công bố kết quả đến SV.

2. Điểm mạnh:

SV Khoa DL dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình thông qua hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn của Trường, Khoa;

Khoa DL luôn quan tâm giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập của NH trong suốt quá trình NH tham gia học tập tại trường dưới nhiều hình thức.

3. Điểm tồn tại:

Một số SV chưa tập trung nên chưa hiểu rõ quy trình kiểm tra đánh giá cũng như khiếu nại khi được GV, CVHT phổ biến nên chưa biết cách theo dõi kết quả học tập của mình cũng như phản hồi các thắc mắc liên quan.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan phổ biến rộng rãi quy trình kiểm tra, đánh giá, khiếu nại cho SV vào đầu mỗi năm học, học kỳ cũng như trong quá trình học.	P. QLĐT; P.KT-ĐBCL-TT&PC; Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục rà soát, cập nhật hệ thống văn bản, quy định về đánh giá, công bố kết quả học tập cho SV; - Hướng dẫn và giải quyết sớm các vấn đề khiếu nại của SV về kết quả học tập. (nếu có)	P. QLĐT; P.KT-ĐBCL-TT&PC; Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Nhà trường có quy định rõ ràng về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH. Kế hoạch và những quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai với NH ngay từ khi bắt đầu khóa học, học kỳ, môn học.

Khoa DL áp dụng đa dạng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp bám sát các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ; thực hiện đánh giá nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với chuyên ngành QTNH&DVAU.

Kết quả học tập của NH được công bố kịp thời, đầy đủ, chính xác, giúp NH cải thiện kết quả học tập trong giai đoạn tiếp theo. SV Khoa DL dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình thông qua hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn của Trường, Khoa. Nhà trường và Khoa luôn quan tâm giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập của người học trong suốt quá trình người học tham gia học tập tại trường dưới nhiều hình thức.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Khoa chưa thường xuyên thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần so với yêu cầu của các CĐR để có hướng điều chỉnh thích hợp hơn. Số lượng môn học được xây dựng ngân hàng đề thi chung còn khá ít.

Còn nhiều SV chưa quan tâm đến các quy định về kiểm tra đánh giá khi được phổ biến vào đầu khóa, trước khi bắt đầu HP, dẫn tới chưa nắm rõ các quy định và chủ động theo dõi kết quả học tập của mình cũng như phản hồi các thắc mắc liên quan.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 5:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí, trong đó cả 5 tiêu chí đều đạt điểm 4/7.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu:

Đội ngũ GV đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc tổ chức thực hiện CTĐT và chất lượng đào tạo. Khoa DL luôn coi việc phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng là nhiệm vụ trọng tâm. Dựa trên các quy định của Nhà nước, Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHPT, đội ngũ GV của Trường ĐHPT nói chung và Khoa DL nói riêng được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV của Khoa có năng lực chuyên môn cao, tham gia tích cực vào các hoạt động nghiên cứu và giảng dạy. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý

theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động PVCD.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường luôn xác định rõ nguồn nhân lực là một trong những yếu tố tiên quyết nhất khi xây dựng Trường ĐH. Công tác quy hoạch đội ngũ GV của Khoa DL được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, khoa học, phù hợp với quy định chung của Bộ GD&ĐT và Nhà trường. Kế hoạch chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Trường được dựa trên KHCL phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2040 với mục tiêu chiến lược: *“Thực hiện hiệu quả chính sách thu hút và đào tạo nhân tài của tỉnh; Coi trọng phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp trong công tác tuyển dụng; Đồng thời xây dựng chế độ đãi ngộ hợp lý để thu hút đội ngũ trí thức có trình độ cao, chuyên môn vững vàng về công tác tại Trường”* [H6.06.01.01]. Hàng năm, căn cứ vào chiến lược phát triển nguồn nhân lực, Trường ĐHPT đã đề ra các mục tiêu cụ thể, các nhóm giải pháp nhằm tuyển dụng, thu hút, tiếp nhận nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc tại Trường [H06.06.01.02].

Bên cạnh đó, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Trường ĐHPT được cụ thể hóa trong Nghị quyết của Hội đồng Trường về việc ban hành kế hoạch giai đoạn 2020–2025, tầm nhìn đến năm 2040. Theo đó, đến năm 2025, tổng số nhân sự toàn Trường dự kiến khoảng 350 người, trong đó tối thiểu 40% GV có trình độ tiến sĩ, 20% có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư và ít nhất 80% sử dụng thành thạo ngoại ngữ. Đến năm 2040, đội ngũ GV cơ hữu được nâng lên khoảng 1.000 người, trong đó ít nhất 70% có trình độ tiến sĩ, 30% trong số đó có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư và ít nhất 95% sử dụng thành thạo ngoại ngữ [H06.06.01.03].

Để triển khai hiệu quả chiến lược phát triển nguồn nhân lực và phù hợp với điều kiện thực tiễn, Trường ĐHPT đã xây dựng kế hoạch nhu cầu nhân lực gắn với hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD, được lồng ghép trong đề án vị trí việc làm. Trong đề án vị trí việc làm, Trường đã xác định cụ thể định biên nhân sự, mô tả vị trí cần tuyển dụng, đồng thời chỉ rõ yêu cầu về số lượng và chất lượng đối với từng vị trí, làm căn cứ quan trọng cho công tác quy hoạch và tuyển dụng đội ngũ trong những năm tới [H6.06.01.04].

Việc xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng được thực hiện dựa trên báo cáo về nhu cầu sử dụng và phát triển nguồn nhân lực của các Khoa, trong đó có kế hoạch chiến lược nhân sự giai đoạn 2020–2025, tầm nhìn đến năm 2040, cùng với các báo cáo tổng kết năm học của Khoa DL [H06.06.01.05]. Trên cơ sở đó, Phòng TC-HC tham mưu xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân sự theo từng năm học, đồng thời thông báo một cách rõ ràng, minh bạch đến các đơn vị thông qua hệ thống email nội bộ của Trường và trực tiếp giám sát quá trình triển khai [H6.06.01.06].

Đề tạo được sự chủ động, có tầm nhìn chiến lược trong công tác cán bộ, chuẩn bị từ xa và tạo nguồn cán bộ dồi dào đủ về số lượng, Nhà đã xây dựng các chính sách về nhân sự để thực hiện tốt công tác quy hoạch, trong đó thể hiện rõ các chính sách về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, chế độ phúc lợi, môi trường làm việc và chính sách thu hút, giữ chân nhân tài [H06.06.01.07]. Bên cạnh đó, Trường cũng xây dựng Quy trình tuyển dụng, được tiêu chí, tiêu chuẩn bổ nhiệm, tuyển dụng rõ ràng, minh bạch, tập trung được trí tuệ tập thể trong lựa chọn cán bộ [H6.06.01.08]. Công tác quy hoạch cán bộ quản lý cũng được thực hiện theo trình tự, thủ tục rõ ràng trong quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ và miễn nhiệm cán bộ quản lý của Trường [H06.06.01.09].

Nhà trường cũng đã ban hành quy trình mời giảng và quản lý hoạt động giảng dạy của GV, kèm theo các hướng dẫn và biểu mẫu cụ thể, rõ ràng. Quy trình này nhằm đảm bảo việc tuyển chọn đội ngũ GV có chuyên môn vững, đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy và tham gia hiệu quả vào các hoạt động NCKH [H6.06.01.10]. Theo đó, nguồn nhân lực hiện nay của Khoa tham gia giảng dạy CTĐT ngành QTNH&DVAU ở các khối kiến thức. Việc phân công giảng dạy đảm bảo tính liên thông giữa các bộ môn trong Khoa, phù hợp với năng lực của GV, đồng thời đảm bảo bố trí, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực của Khoa [H6.06.01.11].

Bảng 6.1.1. Cơ cấu về trình độ của GV tham gia giảng dạy ngành QTNH&DVAU giai đoạn 2020-2024

Năm	Giới tính		Độ tuổi					Trình độ chuyên môn					Tổng
	Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60	GS	PGS	TS	ThS	ĐH	
2020	6	5	-	6	4	1	-	-	-	1	10	-	11
2021	9	9	2	10	5	1	-	-	-	3	12	3	18

2022	8	10	1	10	5	1	1	-	1	4	10	3	18
2023	3	5	-	5	2	-	1	-	1	1	3	3	8
2024	4	5	1	5	3	-	-	-	-	1	5	3	9

Mặc dù, số lượng GV cơ hữu của Khoa có biến động trong các năm gần đây do tình hình một số GV nghỉ hưu, một số GV chuyển công tác do thay đổi nơi cư trú, hoàn cảnh gia đình hoặc có nguyện vọng làm việc tại đơn vị phù hợp hơn với định hướng phát triển cá nhân Tuy nhiên, tỷ lệ GV/NH luôn đảm bảo đáp ứng tốt các quy định của Bộ GD&ĐT và Quy chế đào tạo trình độ ĐH Trường ĐHPT [H6.06.01.12]. Căn cứ vào nhu cầu tuyển sinh, kế hoạch đào tạo và tình hình cân đối nhân lực giảng dạy của Khoa, hằng năm Khoa đều chủ động xác định tỷ lệ GV/NH cho phù hợp. Tỷ lệ này được sử dụng làm cơ sở để phân bổ khối lượng giảng dạy, NCKH, hướng dẫn thực tập và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà trường. Đồng thời phù hợp với định hướng phát triển CTĐT. Tỷ lệ này được giám sát, cập nhật thường xuyên để làm cơ sở điều chỉnh kế hoạch tuyển sinh, phân bổ nhân sự và tổ chức đào tạo phù hợp với thực tế quy mô NH từng năm [H6.06.01.13].

Trong 5 năm qua, nhằm đảm bảo số lượng và chất lượng đội ngũ giảng dạy cho CTĐT, Khoa luôn chú trọng thu hút, tuyển dụng GV có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm giảng dạy [H6.06.01.14]. Ngoài đội ngũ GV cơ hữu vững chuyên môn, ngành QTNH&DVAU còn nhận được sự cộng tác thường xuyên của các GV có uy tín, trình độ cao đến từ các trường ĐH tại TP. HCM và các tỉnh lân cận, tham gia giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, NCKH,... nhằm trao đổi kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo. [H6.06.01.15].

Bên cạnh việc thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo được phân công, các GV trong đơn vị còn có nhiều công trình NCKH phục vụ đào tạo, chuyển giao tri thức, phục vụ cộng đồng ở phạm vi trong nước hoặc liên kết với các nhà khoa học của các Trường ĐH, cơ quan nghiên cứu có uy tín ở các nước trên thế giới như: Bỉ, Ấn Độ, Hàn Quốc...[H6.06.01.16]. Trong đó, các GV cơ hữu cho ngành QTNH&DVAU hiện nay cũng có một số công trình khoa học được công bố trong nước và quốc tế [H6.06.01.18] bảng thống kê [H6.06.01.17].

Bảng 6.1.2. Thống kê các công trình NCKH đăng trên các tạp chí, kỷ yếu của GV ngành QTNH&DVAU (GD 2020-2024)

STT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Đề tài NCKH cấp bộ	0	1 (thành viên)	0	0	0
2	Đề tài NCKH cấp tỉnh	0	0	0	1 (thành viên)	0
3	Đề tài NCKH cấp trường	1	1	0	0	0
4	Bài báo đăng tạp chí trong nước	3	10	2	0	0
5	Bài báo đăng tạp chí quốc tế	0	0	1	3	0
6	Bài báo đăng kỷ yếu trong nước	5	3	1	0	2
7	Bài báo đăng kỷ yếu quốc tế	-	10	1	0	0
8	Sách	0	0	0	0	0
9	Giáo trình	0	0	0	0	0

Khoa DL nói riêng và Nhà trường nói chung luôn chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ toàn diện cho đội ngũ CBGVNV. Nội dung này được cụ thể hóa qua các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng định kỳ, tập trung vào việc nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực ngoại ngữ, kỹ năng nghề nghiệp, phương pháp giảng dạy và năng lực NCKH [H6.06.01.18]. Mặt khác, để khích lệ nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên, Nhà trường có những chính sách hỗ trợ và khen thưởng. Đối với những khóa tập huấn ngắn hạn, Nhà trường hỗ trợ toàn bộ kinh phí khi tham gia tập huấn. Với những khóa tập huấn ngoài trường, nếu như không có đơn vị và tổ chức tài trợ, Nhà trường sẽ hỗ trợ kinh phí ăn ở, đi lại và một phần kinh phí khi tham gia khóa học. Đây cũng chính là một trong những cơ sở để Khoa và Nhà trường ghi nhận để đánh giá thành tích khen thưởng cuối mỗi năm học [H6.06.01.19].

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện lấy ý kiến khảo sát của các BLQ, trong đó triển khai khảo sát ý kiến GV về các chính sách về nhân sự. Theo thống kê, phần lớn GV đều bày tỏ sự hài lòng về các tiêu chí liên quan đến hoạt động giảng dạy của các GV thuộc khoa DL với kết quả đồng thuận >85% [H6.06.01.19].

2. Điểm mạnh:

Công tác quy hoạch đội ngũ được thực hiện đúng quy định bám sát định hướng phát triển của Nhà trường và của Khoa DL theo phương hướng công tác cán bộ hằng năm. Ngành QTNH&DVAU có đủ số lượng cán bộ giảng dạy, cán bộ hành chính và đảm bảo chất lượng đội ngũ

Quy trình và tiêu chuẩn tuyển dụng của Trường đối với tất cả vị trí đều rõ ràng, minh bạch, mang lại hiệu quả cao, tuyển chọn được các ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng cán bộ đạt học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư hiện còn khá khiêm tốn. Điều này cũng dẫn đến phần nào ảnh hưởng đến uy tín học thuật và năng lực NCKH chuyên sâu của Khoa.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Khoa sẽ phối hợp với P.TCHC tham mưu cho BGH trong việc xây dựng kế hoạch và đề xuất các chính sách đãi ngộ hấp dẫn hơn, nhằm thu hút và tuyển dụng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao. Đặc biệt, chú trọng đến năng lực NCKH, hướng đến mục tiêu nâng cao số lượng và chất lượng các công bố khoa học	P.TC-HC; Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác bồi dưỡng CB, GV, nâng cao chế độ chính sách, phúc lợi và thường xuyên rà soát, cập nhật các văn bản liên quan đến công tác quản lý nhân sự.	P. TC-HC; Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng:

Tổng số cán bộ của Khoa DL hiện nay (tính đến tháng 6 năm 2025) có 27 cán bộ, trong đó có 18 GV cơ hữu tham gia giảng dạy các CTĐT của Khoa. Độ tuổi bình quân của cán bộ cơ hữu Khoa là 39 tuổi. Số lượng cán bộ có học vị TS là 3 người (chiếm 11,11% tổng số cán bộ); Số cán bộ là Thạc sĩ có 15 người (chiếm 55,56% tổng số cán bộ); Số cán bộ là kỹ sư và cử nhân có 09 người (chiếm 33,33% tổng số cán bộ). Trong số đó, số cán bộ tham gia giảng dạy và phục vụ ngành QTNH&DVAU là 5 người, bao gồm 4 GV cơ hữu. Trong tổng số 4 GV có 01 Tiến sĩ (chiếm 25%), 03 Thạc sĩ (chiếm 75%) [H6.06.02.01].

Ngoài GV cơ hữu, hàng năm Khoa DL còn mời các GV thỉnh giảng là những GV có học vị học hàm cao, có kinh nghiệm giảng dạy từ các trường ĐH có uy tín khác như: Trường ĐH Ngoại Thương, Hutech, Tây Đô, Quốc tế Sài Gòn... [H6.06.02.02]. Cho đến nay, tỷ lệ GV/SV của CTĐT Ngành QTNH&DVAU đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ ĐH hiện hành của Bộ GD&ĐT.

Bảng 6.2.1. Thông kê số lượng GV thực hiện CTĐT ngành QTNH&DVAU theo quy định của Bộ GD&ĐT (GD 2020-2024)

Năm học	Số lượng GV	Nam	Nữ	Trình độ					Tổng số GV quy đổi
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH	
Hệ số quy đổi				5.0	3.0	2.0	1.0	0.3	
2020	11	6	5	-	-	1	10		9.9
2021	18	9	9	-	-	3	12	3	14.8
2022	17	8	9	-	-	4	10	3	12.5
2023	23	10	3	-	1	3	15	4	15
2024	8	3	5	-	-	1	4	3	6

Bảng 6.2.2. Thống kê số lượng số lượng GV thực hiện CTĐT ngành QTNH&DVAU theo quy định của Bộ GD&ĐT (GD 2020-2024)

Năm	Giới tính		Độ tuổi					Trình độ chuyên môn					Tổng
	Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60	GS	PGS	TS	ThS	ĐH	
2020	6	5	-	6	4	1	-	-	-	1	10	-	11
2021	9	9	2	10	5	1	-	-	-	3	12	3	18
2022	8	10	1	10	5	1	1	-	1	4	10	3	18
2023	3	5	-	5	2	-	1	-	1	1	3	3	8
2024	4	5	1	5	3	-	-	-	-	1	5	3	9

Khối lượng công việc của GV trong mỗi năm học đối với đội ngũ GV được quy định cụ thể theo quy chế chi tiêu nội bộ; Quy định về tổ chức và hoạt động của Nhà trường; Quy định về thực hiện chế độ hợp đồng lao động; Quy định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ; Quy định về thời giờ làm việc, nghỉ ngơi, nghỉ việc riêng của CBGVNV; Quy chế làm việc của GV của Trường ĐHPT...**[H6.06.02.03]**.

Trên cơ sở bám sát các quy chế, quy định chung của Trường, Khoa DL đã chủ động xây dựng mô tả công việc chi tiết đối với từng vị trí công tác, bao gồm các chức danh quản lý và GV trong Khoa **[H6.06.02.04]**. Ngoài 02 nhiệm vụ trọng tâm là giảng dạy và NCKH, GV còn được phân công thực hiện các nhiệm vụ học thuật và quản lý khác như: Hướng dẫn SV thực tập tốt nghiệp; Tham gia coi thi, chấm thi, ra đề thi; Cố vấn học tập; Xây dựng và cập nhật CTĐT; Tổ chức hội thảo khoa học cũng như tham gia các hoạt động đoàn thể và phong trào thi đua của Khoa và Nhà trường. Đồng thời, Khoa thường xuyên tổ chức họp chuyên môn Khoa để triển khai một số công việc cụ thể, định kỳ và theo tình hình thực tế của Trường/Khoa nhằm bảo đảm khối lượng công việc của GV được cân đối và triển khai thực hiện tốt **[H6.06.02.05]**.

Định mức công tác giảng dạy và NCKH của GV được quy định rõ ràng, tính theo giờ chuẩn giảng dạy và được vận dụng linh hoạt tùy theo chức danh, trình độ và nhiệm vụ chuyên môn của từng cá nhân. Đây là căn cứ quan trọng để Nhà trường và các đơn vị chức năng thực hiện việc giám sát, đánh giá khối lượng công việc, đồng thời là cơ sở để xét thi đua, khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ vào cuối năm học. Theo quy định hiện hành, mỗi GV phải hoàn thành tối thiểu 350 giờ chuẩn giảng dạy và 100 giờ chuẩn NCKH trong một năm học. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy và NCKH, GV còn đảm nhận nhiều công tác chuyên môn và học thuật khác như: Biên soạn tài liệu giảng dạy, hướng dẫn SV viết NCKH, tham gia xây dựng, cập nhật và điều chỉnh CTĐT, thực hiện vai trò cố vấn học tập, tham gia chấm thi, coi thi và các hoạt động đoàn thể, phong trào trong Nhà trường **[H6.06.02.06]**.

Đối với hoạt động NCKH, căn cứ vào định hướng phát triển chuyên môn và năng lực cá nhân, Khoa phân công nhiệm vụ NCKH phù hợp với từng GV. Hoạt động này được triển khai thông qua nhiều hình thức đa dạng như: thực hiện đề tài nghiên cứu cấp trường, viết và công bố bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín, tham

gia viết tham luận tại hội thảo, hội nghị khoa học trong và ngoài nước; biên soạn giáo trình, tài liệu học tập,... **[H6.06.02.05]**.

Vào cuối năm học, căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, nhiệm vụ được giao, mỗi CBGV thực hiện tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học thông qua bảng tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác GV năm học **[H6.06.02.08]**. Sau đó sẽ được đánh giá bởi Khoa DL và cuối cùng do Hội đồng thi đua – khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét kết quả thi đua cuối năm **[H6.06.02.09]**. Tiêu chí đánh giá phần lớn dựa vào khối lượng công việc mà GV đã thực hiện trong năm: Khối lượng NCKH do Phòng QLKH&HTQT thống kê; Khối lượng giảng dạy sẽ do Phòng QLĐT thống kê; Khối lượng về các hoạt động PVCD Phòng CTCTSV-HTDN thống kê **[H6.06.02.10]**. Phòng KHTC tổng hợp số lượng thời gian giảng dạy, NCKH và các hoạt động liên quan để thanh toán quyền lợi cho GV về số tiết vượt giờ giảng dạy, NCKH, thanh toán cho GV **[H6.06.02.11]**. Hàng năm, các GV hết hạn hợp đồng sẽ làm báo cáo kết quả công việc, lấy ý kiến của lãnh đạo và tập thể CBGV Khoa DL gửi về Phòng TC-HC tiến hành gia hạn hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng đối với GV không đạt yêu cầu **[H6.06.02.12]**.

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ GV của Khoa DL có đủ số lượng, có thâm niên công tác, kinh nghiệm giảng dạy lâu năm để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và PVCD.

GV được giám sát, đo lường hiệu quả công việc giảng dạy, NCKH bằng nhiều hình thức, tiêu chí đánh giá cụ thể. Nhà trường và Khoa có chính sách hỗ trợ phù hợp tạo động lực cho GV phấn đấu trong hoạt động chuyên môn.

Trường ĐHPT có các tiêu chí rõ ràng, minh bạch để đo lường giám sát khối lượng công việc của GV, làm căn cứ để đánh giá thi đua khen thưởng vào cuối năm học.

3. Điểm tồn tại:

Đội ngũ GV trong Khoa đã hoàn thành tốt về công tác giảng dạy hàng năm. Tuy nhiên, số lượng công trình NCKH và hoạt động PVCD còn hạn chế, mặc dù Nhà trường đã có chính sách và nhiều chế độ ưu đãi đối với GV tham gia NCKH.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò và ý nghĩa hoạt động NCKH ở Khoa; - Mở rộng mối quan hệ hợp tác nghiên cứu với các tổ chức trong và ngoài nước, tổ chức hội thảo và gặp gỡ các chuyên gia, hỗ trợ tài chính và kỹ thuật, đào tạo nghiên cứu, khuyến khích công bố khoa học và đánh giá ghi nhận đóng góp nghiên cứu của GV	BGH; P.TC-HC; Khoa DL	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục duy trì và phát triển đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao; - Tiếp tục rà soát các quy định về tỷ lệ GV/SV, đồng thời tăng cường công tác giám sát và đánh giá khối lượng công việc theo hướng minh bạch, đa chiều.	P.TC-HC; Khoa DL	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng:

Trường đã xác định việc phát triển đội ngũ GV là một yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển của trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2040, thể hiện qua các chỉ tiêu cụ thể [H6.06.03.01] và được cụ thể hóa trong các Nghị quyết của Hội đồng Trường [H6.06.03.02]. Trường đã xây dựng kế hoạch nhu cầu nhân lực với yêu cầu về phẩm chất đạo đức, năng lực học thuật phù hợp với từng vị trí được tích hợp trong Đề án vị trí việc làm [H6.06.03.03].

Trường đã ban hành các văn bản quy định rõ ràng về quy trình và tiêu chí tuyển dụng đội ngũ GV [H6.06.03.04]. Quá trình tuyển chọn được thực hiện từ khâu rà soát

và đề xuất nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị, xây dựng kế hoạch tuyển dụng, công bố thông báo tuyển dụng cho đến bước thành lập Hội đồng tuyển chọn để đánh giá và lựa chọn ứng viên một cách khách quan, minh bạch [H6.06.03.05]. Tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn đối với từng vị trí được quy định cụ thể như sau: Đối với GV, yêu cầu có trình độ Thạc sĩ trở lên, chuyên ngành đúng hoặc gần đúng với vị trí cần tuyển. Bên cạnh các yêu cầu bắt buộc về trình độ và kỹ năng, Nhà trường ưu tiên các ứng viên có trình độ cao hơn, có kinh nghiệm thực tế tại doanh nghiệp, từng được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế phù hợp. GV được tuyển dụng sẽ phải qua thời gian tập sự theo quy định và được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách hiện hành của Trường [H6.06.03.06]. Sau khi kết thúc thời gian tập sự, GV sẽ được người hướng dẫn trực tiếp trong giai đoạn này thực hiện việc nhận xét, đánh giá toàn diện về chuyên môn, kỹ năng, thái độ làm việc và các tiêu chí liên quan khác. Đồng thời, GV phải thực hiện giảng cấp Khoa, sau khi được Khoa thông qua, GV phải hoàn thành giảng dạy trước Hội đồng đánh giá giảng dạy cấp để được công nhận giảng dạy chính thức trước khi kết thúc tập sự và ký hợp đồng lao động chính thức [H6.06.03.07].

Căn cứ vào chiến lược phát triển theo từng giai đoạn và yêu cầu thực hiện công tác quy hoạch, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định cụ thể về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo ở các cấp thuộc Trường. Trên cơ sở đó, công tác quy hoạch và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý được triển khai theo định hướng phát triển chung và phù hợp với nhu cầu hoạt động thực tiễn của Trường từng giai đoạn cụ thể **[H6.06.03.08]**. Việc bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý trong Nhà trường được thực hiện trên cơ sở xem xét trình độ chuyên môn, năng lực công tác và thành tích NCKH, nhằm bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Đối với một số vị trí cán bộ quản lý, tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm đã được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường **[H6.06.03.09]**. Quy chế về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức và miễn nhiệm cán bộ quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường được thực hiện một cách công khai, minh bạch, với các tiêu chí bổ nhiệm được quy định rõ ràng. Toàn bộ quy trình đều tuân thủ đúng các quy định hiện hành, bảo đảm tính khách quan và phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường **[H6.06.03.10]**. Quy chế bổ nhiệm cán bộ quản lý của Nhà trường quy định rõ ràng và thống nhất các tiêu chí liên quan đến phẩm chất đạo đức, độ tuổi, trình độ chuyên môn, bằng cấp cũng như yêu cầu về kinh nghiệm công

tác. Ví dụ, đối với vị trí Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng, yêu cầu có trình độ tiến sĩ; trong trường hợp bằng tiến sĩ do CSGD nước ngoài cấp, phải có bản dịch sang tiếng Việt và giấy công nhận của Cục Quản lý chất lượng, đồng thời phải có uy tín khoa học và kinh nghiệm quản lý giáo dục. Riêng Phó Hiệu trưởng, trong trường hợp đặc biệt không đủ nguồn nhân sự có trình độ tiến sĩ, có thể bổ nhiệm người có trình độ thạc sĩ nhưng không giao phụ trách hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ. Đối với vị trí Trưởng khoa và Trưởng bộ môn, yêu cầu có trình độ tiến sĩ và kinh nghiệm giảng dạy. Các vị trí Trưởng phòng như Phòng QLĐT, Phòng QLKH&HTQT phải có trình độ tiến sĩ. Đối với các vị trí quản lý còn lại, cán bộ phải có trình độ từ thạc sĩ trở lên, trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng Trường quyết định.

Các văn bản quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp GV được Nhà trường phổ biến rộng rãi đến toàn thể GV, ứng viên thông qua nhiều hình thức khác nhau, bao gồm hệ thống Email nội bộ và Website chính thức của Trường [H6.06.03.11]. Các thông tin được công khai bao gồm điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng, yêu cầu về hồ sơ và mô tả công việc cụ thể đối với từng vị trí, nhằm tạo điều kiện để GV nắm bắt đầy đủ nội dung cần thiết trước khi nộp hồ sơ ứng tuyển.

Nhà trường thường xuyên tổ chức lấy ý kiến đóng góp của CBGVNV đối với các quy chế, quy định của Nhà trường, cũng như các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá năng lực, thông qua các thông báo góp ý, phiếu khảo sát và các buổi họp như Hội nghị người lao động hằng năm [H6.06.03.12].

Đồng thời, nhằm đánh giá chất lượng của đội ngũ GV, định kỳ hàng tháng và hàng năm, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về công tác đánh giá và xếp loại thi đua đối với CBGVNV, hướng dẫn đã quy định rõ ràng về nội dung đánh giá, trình tự thực hiện, thẩm quyền đánh giá cũng như bộ tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá kết quả công việc của CBGVNV [H6.06.03.13].

2. Điểm mạnh:

Trường có chiến lược phát triển đội ngũ GV rõ ràng, quy trình tuyển dụng minh bạch, tiêu chí cụ thể và ưu tiên ứng viên có kinh nghiệm, trình độ cao. Công tác bổ nhiệm, đánh giá, thi đua được thực hiện công khai, đúng quy định. Các thông tin được phổ biến rộng rãi, đảm bảo minh bạch.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù, các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai, tuy nhiên vẫn còn hạn chế như số lượng nhân sự trình độ tiến sĩ chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa kiến nghị với Nhà trường đa dạng hơn các hình thức thông báo tuyển dụng để các ứng viên có thể tiếp cận được nhiều hơn: thông báo trên báo điện tử, truyền hình, mạng lưới liên hệ với cựu SV...	Khoa DL; P.TC-HC; Ban TTTT & QTM	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các quy định, quy chế của Nhà trường và rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy định về bổ nhiệm, điều chuyển CBGV.	P.TC-HC; Khoa DL	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng:

Trong chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, Nhà trường xác định phát triển đội ngũ GV là nhiệm vụ then chốt với các tiêu chí cụ thể phấn đấu đạt cả về số lượng và năng lực chuyên môn, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác đào tạo, NCKH và hội nhập quốc tế [H6.06.04.01]. Nghị quyết của Hội đồng Trường đã được ban hành để phê duyệt Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực Trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến 2040 [H6.06.04.02]. Kế hoạch nêu rõ tỷ lệ GV có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, học hàm giáo sư/phó giáo sư, kỹ năng sư phạm, năng lực NCKH, năng lực ngoại ngữ – tin học, kỹ năng mềm và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đạt được trong từng giai đoạn, làm cơ sở xây dựng lộ trình đào tạo bồi dưỡng đội ngũ GV.

Đối với Khoa DL, việc phát triển năng lực đội ngũ GV cũng được cụ thể hóa trong Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2040

[H6.06.04.03]. Kế hoạch đề ra mục tiêu nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ học thuật, kỹ năng sư phạm và NCKH của GV, đồng thời xác định các hoạt động cụ thể như đào tạo sau đại học, bồi dưỡng nghiệp vụ, tham gia đề tài khoa học và hội thảo chuyên ngành.

Căn cứ các quy định hiện hành và mục tiêu phát triển, Nhà trường đã xây dựng khung tiêu chuẩn năng lực cho các chức danh, bao gồm phẩm chất, bằng cấp, kỹ năng, kinh nghiệm và đặc biệt chú trọng phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý. Các tiêu chuẩn này được cụ thể hóa trong Đề án vị trí việc làm **[H6.06.04.04]**, quy định quản lý CBGVNV **[H6.06.04.05]** và các chính sách tuyển dụng **[H6.06.04.06]**. Việc xây dựng Đề án vị trí việc làm với khung năng lực và tiêu chuẩn cho từng vị trí là cần thiết để mỗi cá nhân và đơn vị hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ, đồng thời sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực nâng cao hiệu quả hoạt động của Khoa/Trường **[H6.06.04.07]**.

Tiêu chuẩn năng lực của GV được mô tả chi tiết trong Đề án vị trí việc làm **[H6.06.04.04]**, Quy chế chi tiêu nội bộ **[H6.06.04.08]**, và Quy chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ tại Trường **[H6.06.04.09]**. Đối với đội ngũ GV, Nhà trường quy định rõ định mức giờ chuẩn giảng dạy trong một năm học là 350 giờ, cùng với đó là định mức NCKH bắt buộc là 100 giờ/năm đối với GV chính thức và 175 giờ chuẩn đối với GV tập sự. Nhà trường còn xây dựng và triển khai chiến lược phát triển NCKH giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2040. Chiến lược này tập trung vào việc nâng cao chất lượng các sản phẩm NCKH, bao gồm quy định cụ thể về số lượng bài báo khoa học công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế, các báo cáo tại tọa đàm và hội thảo chuyên môn, đồng thời thúc đẩy số lượng đề tài NCKH các cấp. Trường cũng chú trọng đến việc bổ sung, hoàn thiện hệ thống học liệu như giáo trình, sách chuyên khảo nhằm phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập **[H6.06.04.01]**.

Tiêu chuẩn năng lực đối với cán bộ quản lý được quy định cụ thể, bao gồm các tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn riêng và các điều kiện để được bổ nhiệm thể hiện rõ trong Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ, từ chức và miễn nhiệm cán bộ quản lý **[H6.06.04.10]**. Bên cạnh đó, một số tiêu chuẩn năng lực khác còn được đề cập trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường **[H6.06.04.11]**, tạo cơ sở thống nhất trong công tác tổ chức, quản lý GV của Nhà trường.

Ngoài ra, các tiêu chí liên quan đến trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng cũng được Nhà trường công khai minh bạch trong các thông báo tuyển dụng, nhằm đảm bảo tính công bằng, rõ ràng và thu hút đội ngũ ứng viên để phát triển nguồn nhân lực của Trường **[H6.06.04.12]**.

Trên cơ sở các quy định chung của Trường, Khoa DL đã xây dựng bảng mô tả công việc cụ thể cho từng vị trí quản lý và từng GV trong Khoa. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy và NCKH, GV còn được phân công thực hiện các nhiệm vụ khác như hướng dẫn thực tập, coi thi, tham gia xây dựng CTĐT,... Việc phân công nhiệm vụ được thực hiện một cách rõ ràng, minh bạch, dựa trên năng lực chuyên môn và khối lượng công việc, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao **[H6.06.04.13]**.

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể về phương thức và quy trình đánh giá năng lực đối với GV, làm cơ sở xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ GV để đánh giá và khen thưởng **[H6.06.04.14]**.

Việc đánh giá năng lực của GV được triển khai định kỳ hằng tháng và hằng năm. Hằng tháng, từng cá nhân thực hiện tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, mức độ tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiên cứu và phong trào; kết quả này được Trường/Khoa xem xét và làm căn cứ để chi trả lương hằng tháng **[H6.06.04.15]**. Hằng năm, căn cứ thông báo đánh giá phân loại nhân sự từ Phòng TC-HC, Khoa tổ chức đánh giá phân loại từng GV, sau khi cá nhân tự đánh giá, Khoa tổ chức họp toàn thể để thảo luận, đánh giá trình độ chuyên môn, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, mức độ tham gia các hoạt động chuyên môn, NCKH và PVCD **[H6.06.04.16]**. Đồng thời, vào mỗi học kỳ Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV. Kết quả đánh giá là căn cứ để Khoa xem xét, đề xuất và bình chọn danh hiệu thi đua theo đúng tiêu chuẩn, quy định của Nhà trường **[H6.06.04.17]**. Sau khi Khoa hoàn tất việc đánh giá và đề xuất, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp Trường tiến hành họp để thẩm định, xét duyệt và xếp loại thi đua chính thức cho CBGVNV **[H6.06.04.18]**.

2. Điểm mạnh:

Trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ GV rõ ràng, có lộ trình và tiêu

chí cụ thể. Hệ thống văn bản quy định tiêu chuẩn năng lực, quy trình tuyển dụng, đánh giá và khen thưởng được ban hành đầy đủ. Việc xây dựng Đề án vị trí việc làm giúp chuẩn hóa năng lực theo từng chức danh. Đánh giá năng lực được thực hiện thường xuyên, minh bạch và có sự tham gia của nhiều cấp. Đội ngũ GV được phân công công việc phù hợp với năng lực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại:

Tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ còn ở mức khiêm tốn; một số GV vẫn đang trong quá trình nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường cần triển khai các chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo hấp dẫn, bao gồm học bổng, tài trợ nghiên cứu, hoặc hỗ trợ chi phí học tập cho GV tham gia các CTĐT sau đại học. Việc hợp tác với các trường ĐH, viện nghiên cứu trong và ngoài nước sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho GV có thể theo học và hoàn thành chương trình tiến sĩ.	BGH; P.TC-HC	Từ năm học 2025-2026	
		Cần rà soát, bổ sung, điều chỉnh chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH, chẳng hạn như tăng cường hỗ trợ kinh phí và khuyến khích công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế. Bên cạnh đó, Khoa cần khuyến khích, động viên GV tích cực tham gia NCKH và có các chính sách hỗ trợ công việc tạo điều kiện thuận lợi cho GV trong quá trình nghiên cứu.	BGH; P.QLKH & HTQT; Khoa DL	Từ năm 2025-2026-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV, có quy trình hướng dẫn cụ thể, rõ ràng để triển khai đánh giá. Đồng thời, khuyến khích GV tham gia hội thảo khoa	Khoa DL	Từ năm 2025-2026-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		học và công bố nghiên cứu để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH.			

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng:

Trong những năm qua, Trường ĐHPT luôn coi việc phát triển đội ngũ CBGV là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, phải được tiến hành thường xuyên, liên tục. Chính vì vậy, xác định nhu cầu đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là bước đầu tiên quan trọng trong xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Trường ĐHPT [H6.06.05.01], [H6.06.05.02], [H6.06.05.03]. Dựa trên định hướng chiến lược phát triển của Trường, Khoa DL đã xây dựng Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020 – 2025, trong đó xác định rõ đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ là nhiệm vụ trọng tâm, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH của Khoa [H6.06.01.04].

Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, Nhà trường và Khoa DL đã nghiên cứu khảo sát đánh giá nhu cầu đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Nhà trường thực hiện phân tích nhu cầu trên cơ sở quy hoạch và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Trường, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của CBGV để lập kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa. Kế hoạch phải dựa trên nguyên tắc công khai, công bằng và hiệu quả [H6.06.05.05].

Nhà trường đã triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV. Trước tiên, Nhà trường đã có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV. Nhà trường cũng dành một tỷ lệ ngân sách nhất định để chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV. Nhà trường có các chế độ, chính sách để khuyến khích đội ngũ GV tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ như: GV đi học theo hình thức tập trung được

miễn giảm 100% khối lượng giảng dạy, 100% NCKH, được nhà trường hỗ trợ học phí, được hưởng lương cơ bản **[H6.06.05.05]**.

Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT, phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường và được triển khai thực hiện. Đồng thời, Khoa DL đã lập kế hoạch về nhu cầu đào tạo cho GV dựa trên nhu cầu về nguồn nhân lực và nguyện vọng của các GV **[H6.06.05.01], [H6.06.05.04], [H6.06.05.05]**.

Công tác đào tạo cho đội ngũ CBGV trẻ, mới tuyển dụng vào Khoa được Nhà trường chú trọng, nhằm giúp đội ngũ mới này nhanh chóng tiếp cận, hòa nhập, tìm hiểu về Trường để nắm bắt và định hướng làm việc phù hợp như đã nêu trên. Thực tế, các cán bộ, GV Khoa DL rất nhiệt tình, nhiệt huyết trong công việc, có nhu cầu tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn, tham dự các hội nghị, hội thảo chuyên đề. Các nhu cầu này cũng được Nhà trường và Khoa hỗ trợ về thời gian để tham gia khóa học, hội thảo **[H6.06.05.06]**.

Căn cứ kế hoạch chiến lược về nhân sự, dựa trên yêu cầu của CTĐT ngành QTNH&ĐVAU và dựa trên các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm được phê duyệt, Nhà trường triển khai các hình thức đào tạo bồi dưỡng như sau: (i) Đào tạo tại chỗ: Về nội quy, chính sách, lề lối làm việc, phương pháp giảng dạy; (ii) Đào tạo nội bộ: Các lớp ngoại ngữ như tiếng Anh, vi tính văn phòng, các kỹ năng mềm, (giao tiếp, làm việc đội nhóm, quản lý thời gian...), phương pháp giảng dạy, tập huấn cán bộ coi thi; (iii) Đào tạo chuyên sâu: Do Phòng TC-HC chủ động liên hệ hoặc tiếp nhận thông tin đào tạo của các tổ chức bên ngoài về các lớp đào tạo chuyên môn đặc thù như nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về công tác ĐBCL và tự đánh giá chất lượng giáo dục, hoặc các CTĐT sau đại học; (iv) Tự đào tạo chuyên sâu: Do cá nhân CBGVNV có nhu cầu theo học các lớp đào tạo chuyên môn đặc thù hoặc các CTĐT sau đại học và nộp chứng chỉ, chứng nhận về văn phòng Khoa và Trường sau mỗi khóa đào tạo. Nhà trường và Khoa cũng công khai thông báo các chương trình học bổng nước ngoài, tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ của Khoa tham gia dự tuyển **[H6.06.05.05], [H6.06.05.06]**.

Việc triển khai công tác đào tạo bồi dưỡng đã nhận được sự đồng thuận và tích cực tham gia của toàn thể CBGV của Khoa, thông qua các hình thức khảo sát, họp rút kinh nghiệm để Nhà trường có những điều chỉnh và kế hoạch triển khai cho các năm học tiếp theo, giúp công tác phát triển đội ngũ nguồn nhân lực ngày càng đa dạng và đạt được hiệu quả cao. Đây là những thành quả miệt mài nỗ lực học tập sau thời gian công tác tại Khoa, xứng đáng để Khoa DL và Nhà trường ghi nhận và khen thưởng. Điều này cũng khẳng định được rằng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV Khoa nói riêng và toàn trường nói chung, luôn luôn được xác định và được Nhà trường triển khai đáp ứng nhu cầu thực tế này.

2. Điểm mạnh:

Công tác xác định nhu cầu và triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cho đội ngũ GV được Nhà trường và Khoa DL thực hiện bài bản, có định hướng chiến lược rõ ràng và phù hợp với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Nhà trường và Ban lãnh đạo Khoa đã có những biện pháp và chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các GV của Khoa tham gia học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, giao lưu trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, NCKH trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại:

Việc tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chưa đồng đều giữa các năm. Hoạt động đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn ở bậc Tiến sĩ còn hạn chế, số lượng GV được cử đi học chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa sẽ tăng cường công tác tuyên truyền, khuyến khích GV chủ động đăng ký các khóa học nâng cao, đặc biệt là trình độ Tiến sĩ; Đa dạng hóa hình thức đào tạo thông qua các chương trình trực tuyến, hợp tác quốc tế và liên kết	Khoa DL; P.TC-HC	Từ năm học 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		với doanh nghiệp. Việc đánh giá hiệu quả sau đào tạo sẽ được thực hiện định kỳ và gắn với tiêu chí thi đua, xếp loại cuối năm nhằm nâng cao chất lượng và tính thực chất của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy thế mạnh trong công tác xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng gắn với chiến lược phát triển đội ngũ, đồng thời duy trì tỷ lệ GV được đào tạo thường xuyên. Các chính sách hỗ trợ phát triển chuyên môn sẽ tiếp tục được hoàn thiện, gắn với cơ chế khuyến khích và đánh giá hiệu quả sau đào tạo.	P.TC-HC; Khoa DL	Từ năm học 2025-2026	

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Hệ thống quản trị theo kết quả công việc của GV được Nhà trường triển khai bao gồm các bước: xác định nội dung, mục tiêu công việc; tổ chức thực hiện; theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện nhằm đảm bảo hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của GV, góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược chung của Trường. Để đảm bảo tính minh bạch và công bằng, Nhà trường đã xây dựng các quy trình và tiêu chí đánh giá rõ ràng, làm cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả công việc, xếp loại thi đua, công nhận và khen thưởng. Các tiêu chí này được quy định cụ thể trong các văn bản nội bộ, bao gồm: Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ tại Trường, Quy định về hoạt động kết nối và PVCD, Quy định về thời giờ làm việc, nghỉ ngơi, nghỉ việc riêng của CBGVNV, Quy chế làm việc của CBGVNV, Quy định đánh giá, phân loại CBGVNV, Quy chế thi đua, khen thưởng, Hướng dẫn về việc khen thưởng chuyên đề “Dạy tốt – Học tốt” [H6.06.06.01].

Trên cơ sở các quy chế, quy định của Trường, Khoa DL đã xây dựng bảng mô tả công việc cụ thể cho từng vị trí quản lý và từng GV trong Khoa. Ngoài nhiệm vụ giảng

dạy, NCKH, các GV còn được phân công thực hiện các nhiệm vụ khác như: hướng dẫn thực tập, coi thi, xây dựng CTĐT,... Việc phân công được thực hiện một cách rõ ràng, minh bạch, căn cứ vào năng lực chuyên môn và khối lượng công việc, nhằm đảm bảo hiệu quả và chất lượng trong thực hiện nhiệm vụ được giao **[H6.06.06.02]**.

Công tác đánh giá kết quả công việc của GV được thực hiện công khai, minh bạch và theo quy trình chặt chẽ từ cấp Khoa đến cấp Trường. Kết quả đánh giá được Nhà trường công khai thông qua hình thức gửi email đến toàn thể cá nhân và đơn vị trong Trường, đảm bảo sự minh bạch, đồng thuận và trách nhiệm giải trình.

Quy trình tổ chức đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV hằng năm được thực hiện theo các bước sau:

- *Tự đánh giá của GV*: Trường ban hành các quy định cụ thể về trách nhiệm và tiêu chí đánh giá đối với từng GV **[H6.06.06.03]**. Theo đó, vào cuối mỗi năm học (tháng 8), từng cá nhân thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xây dựng kế hoạch công tác cho năm học tiếp theo, đồng thời tự xếp loại và đề xuất danh hiệu thi đua tương ứng **[H6.06.06.04]**.

- *Đánh giá tại cấp Khoa*: Trên cơ sở bản tự đánh giá của GV, Khoa tiến hành họp toàn thể để thảo luận, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và tham gia các hoạt động của từng cá nhân. Kết quả cuộc họp là cơ sở để bình chọn danh hiệu thi đua theo đúng tiêu chuẩn, quy định của Trường **[H6.06.06.05]**.

- *Đánh giá tại cấp Trường – Hội đồng Thi đua, Khen thưởng*: Sau khi các đơn vị hoàn tất đánh giá và đề xuất danh hiệu thi đua, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp Trường tiến hành họp để thẩm định, đánh giá và chính thức xét duyệt, xếp loại thi đua cho toàn thể CBGVNV **[H6.06.06.06]**.

Bên cạnh hình thức đánh giá nội bộ từ cấp Khoa và cấp Trường, hoạt động đánh giá hiệu quả công việc của GV còn được thực hiện thông qua kênh đánh giá từ NH ở tất cả các hệ đào tạo. Cụ thể, vào cuối mỗi học kỳ, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV thông qua phần mềm xem điểm thi. Trong những năm gần đây, kết quả khảo sát từ SV cho thấy mức độ hài lòng cao đối với hoạt động giảng dạy của đội ngũ GV **[H6.06.06.07]**.

Từ năm 2021, Nhà trường đã triển khai thực hiện quy định đánh giá, phân loại GV

theo từng tháng. Quy trình đánh giá được tiến hành trên cơ sở cá nhân tự đánh giá và lãnh đạo Khoa đánh giá. Phòng TC-HC là đơn vị chủ trì, có trách nhiệm tổng hợp và tham mưu cho BGH ra quyết định phân loại GV theo bốn mức: loại A (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ), loại B (Hoàn thành tốt nhiệm vụ), loại C (Hoàn thành nhiệm vụ) và loại D (Không hoàn thành nhiệm vụ). Kết quả phân loại này là căn cứ để chi trả lương hàng tháng, chi lương tháng 13, xét danh hiệu thi đua và nâng lương thường xuyên theo quy định **[H6.06.06.08]**. Đối với GV có kết quả xếp loại cuối năm từ loại B trở lên và đáp ứng các tiêu chí về định mức giảng dạy, NCKH, PVCĐ theo quy định, sẽ được xem xét tăng lương 5% trên mức lương bậc hiện tại. Đối với lãnh đạo Khoa, việc xem xét tăng lương được căn cứ vào kết quả đánh giá công việc hằng năm và thời gian xét nâng lương là 36 tháng làm việc với mức tăng 10% trên mức lương hiện tại.

Hằng năm, Khoa báo cáo về công tác thi đua và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân theo quy chế hiện hành, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng của Trường sẽ tiến hành xem xét và quyết định hình thức khen thưởng. Phòng TC-HC có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ theo quy định, bao gồm bản tự nhận xét của GV, biên bản họp đánh giá và biên bản xếp loại danh hiệu thi đua của Khoa trong từng năm học **[H6.06.06.09]**. Kết quả đánh giá, phân loại và thi đua khen thưởng của CBGVNV trong từng năm học được tổng hợp, thống kê và gửi đến toàn thể CBGVNV để nắm thông tin và thực hiện các quyền lợi liên quan **[H6.06.06.10]**.

Từ kết quả đánh giá hiệu quả công việc, Nhà trường triển khai chế độ khen thưởng tương ứng nhằm ghi nhận và động viên kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích **[H6.06.06.11]**, đồng thời đề xuất các danh hiệu, hình thức thi đua khen thưởng ở cấp cao hơn **[H6.06.06.12]**. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thực hiện hiệu quả công tác khen thưởng theo chuyên đề và khen thưởng đột xuất đối với những cá nhân có đóng góp nổi bật cho sự phát triển chung của Trường **[H6.06.06.13]**.

Kết quả đánh giá công việc của GV cũng được sử dụng làm căn cứ quan trọng trong việc xác định định hướng đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ hoạt động giảng dạy, NCKH. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để Nhà trường xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, điều động đội ngũ GV một cách phù hợp. Trên nền tảng đó, Nhà trường đã xây dựng và triển khai các chính sách thiết thực nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ GV như hỗ trợ học phí cho cán bộ theo học các CTĐT tại Trường và tham

gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn nhằm phát triển kỹ năng, chuyên môn nghề nghiệp [H6.06.06.14].

Tất cả CBNVGV của Trường đều được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng các tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả công việc. Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát sự hài lòng và lấy ý kiến của CBNVGV về các quy chế, quy trình đánh giá hiệu quả công việc, chính sách khen thưởng. Kết quả khảo sát sẽ là căn cứ để Nhà trường rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện quy trình, quy chế quản trị kết quả công việc của GV nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD [H6.06.06.15].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã triển khai hệ thống quản trị theo kết quả công việc một cách bài bản, minh bạch và có sự tham gia từ nhiều cấp. Quy trình đánh giá rõ ràng, kết hợp giữa tự đánh giá, đánh giá của đơn vị và phản hồi từ SV. Kết quả đánh giá được sử dụng hiệu quả trong thi đua, khen thưởng, nâng lương và phát triển đội ngũ. Nhà trường cũng có chính sách hỗ trợ chuyên môn, đồng thời thường xuyên lấy ý kiến đóng góp để cải tiến quy trình.

3. Điểm tồn tại:

Nhà trường chưa lượng hóa rõ các tiêu chí cụ thể về hoạt động PVCD trong bảng đánh giá công tác năm học, dẫn đến khó khăn trong việc quản trị kết quả công việc cá nhân theo hướng toàn diện.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, bổ sung thêm các tiêu chí cụ thể về PVCD vào các quy định nhiệm vụ của GV nhằm quản trị kết quả công việc của CBGV về hoạt động PVCD được hiệu quả và rõ ràng hơn.	P.TC-HC; Khoa DL	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy	Tiếp tục định kỳ triển khai công tác đánh giá hiệu quả công việc của GV. Chú trọng	BGH; P.TC-HC; Khoa DL	Từ năm học 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	điểm mạnh	chính sách và xây dựng các văn bản quy định cụ thể, nghiêm túc, hiệu quả, tạo động lực hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD. Các quy định này được bổ sung, hiệu chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể, đáp ứng được các yêu cầu, nguyện vọng của CBGV trong toàn Trường.			

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng hoạt động NCKH mà GV phải thực hiện, phù hợp với các quy định của Chính phủ và Bộ GD&ĐT [H6.06.07.01]. Một số quy định liên quan đến các chính sách về NCKH nhằm đảm bảo tính minh bạch, chuẩn mực và nâng cao chất lượng trong hoạt động NCKH, trong đó có các quy định về vấn đề sở hữu trí tuệ, Quy trình, hướng dẫn đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ; Quy trình chuyển giao công nghệ; quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức nhà giáo trong hoạt động NCKH; Quy định về trích dẫn và chống đạo văn,...[H6.06.07.02].

Sau năm 2019, trên cơ sở định hướng, mục tiêu và kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của địa phương, khu vực cũng như nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, Nhà trường đã cập nhật, sửa đổi, ban hành Quy chế quản lý hoạt động KH&CN và điều chỉnh, bổ sung Quy định về chế độ làm việc của GV [H6.06.07.03]. Theo đó, Nhà trường đã quy định mức chuẩn về thời gian làm việc và định mức chuẩn khối lượng công việc NCKH của GV, tương ứng với nhiều loại hình và sản phẩm khoa học khác nhau. Cụ thể, nghĩa vụ NCKH đối với GV được quy định là 100 giờ NCKH/năm học, tương đương với 586 giờ hành chính. Kết quả thực hiện nhiệm vụ NCKH của GV được đánh giá thông qua các sản phẩm khoa học và công nghệ cụ thể như: Thực hiện đề tài NCKH,

viết bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học trong và ngoài nước, các báo cáo tham luận tại hội nghị hội thảo các cấp, biên soạn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, xây dựng CTĐT, hướng dẫn SV NCKH, tham gia hội đồng xét duyệt đề tài NCKH các cấp,.... Đồng thời, trong mỗi năm học, GV có nghĩa vụ bắt buộc phải hướng dẫn SV thực hiện nghiên cứu khoa học, đồng thời phải tham gia ít nhất một hoạt động nghiên cứu khoa học được công nhận và có quy đổi tiết chuẩn theo quy định.

Ở cấp Trường, Phòng QLKH&HTQT là đơn vị đầu mối, thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát, kiểm tra, giúp Hiệu trưởng quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường và việc giám sát, rà soát các hoạt động NCKH được tiến hành định kỳ hằng năm, đề ra phương hướng hoạt động NCKH của năm sau [H6.06.07.04]. Ở cấp Khoa, hoạt động khoa học và công nghệ đội ngũ GV luôn được giám sát chất lượng bởi HĐKH Khoa [H6.06.07.05] và được Khoa theo dõi, giám sát, đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu chất lượng định kỳ [H6.06.07.06].

Việc giám sát và rà soát các hoạt động NCKH được tiến hành định kỳ hằng năm, qua đó đề xuất phương hướng hoạt động cho năm tiếp theo. Việc đăng ký nhiệm vụ khoa học của GV được xét chọn công khai, với tiêu chí rõ ràng được quy định cụ thể trong Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường. Các sản phẩm NCKH được tuyển chọn, đánh giá nghiệm thu theo đúng quy định [H6.06.07.07].

Trong giai đoạn 2020-2024, hoạt động NCKH của Khoa đã có những bước phát triển mạnh mẽ, thể hiện qua sự gia tăng đáng kể về cả số lượng lẫn chất lượng các sản phẩm khoa học. Các ấn phẩm được công bố đa dạng về loại hình, bao gồm: sách chuyên khảo, giáo trình giảng dạy, tài liệu học tập cho các HP chuyên ngành QTNH&DVAU do Khoa phụ trách, các đề tài NCKH các cấp, bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong và ngoài nước, báo cáo tham luận tại hội nghị, hội thảo học thuật các cấp, đặc san khoa học, cùng với việc tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm nghiên cứu khoa học dành cho SV và hoạt động hướng dẫn SV tham gia NCKH.

Số lượng công trình khoa học được công bố trong kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế có xu hướng tăng đều qua các năm. Những kết quả này cho thấy năng lực nghiên cứu của đội ngũ GV trong Khoa không ngừng được nâng cao. Trong thời gian tới, Khoa tiếp tục định hướng đẩy mạnh hơn nữa hoạt động NCKH, nhằm đáp ứng yêu cầu phát

triển của GDĐH trong bối cảnh hội nhập.

Bảng 6.1. Thống kê kết quả NCKH của GV Khoa DL (GD2020-2024)

STT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Đề tài NCKH cấp bộ	-	1 (thành viên)	-	-	-
2	Đề tài NCKH cấp tỉnh	-	-	-	1 (thành viên)	-
3	Đề tài NCKH cấp trường	9	21	4	6	3
4	Bài báo đăng tạp chí trong nước	1	2	3	3	0
5	Bài báo đăng tạp chí quốc tế	8	13	4	6	6
6	Bài báo đăng kỷ yếu trong nước	0	15	6	3	0
7	Bài báo đăng kỷ yếu quốc tế	0	0	0	0	0
8	Sách	0	0	0	0	0
9	Giáo trình	0	0	0	0	0

Hàng năm, căn cứ thống kê kết quả hoạt động NCKH của GV để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Mức quy đổi từ các hoạt động NCKH được quy định cụ thể trong Quy định chế độ làm việc của GV. Đây là căn cứ để đối sánh, đánh giá hiệu quả, chất lượng hoạt động NCKH của từng GV và đánh giá phân loại GV hàng năm [H6.06.03.08]. Song song đó, Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến GV và SV về hoạt động NCKH và xem đó như là một kênh thông tin quan trọng, nhằm cải tiến chất lượng hoạt động này được tốt hơn. Đồng thời, trường cũng tạo điều kiện cho các GV trao đổi các xu hướng nghiên cứu mới, định hướng phát triển NCKH trong tương lai, thúc đẩy phong trào NCKH của Khoa [H6.06.07.09].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các văn bản quy định, hướng dẫn liên quan đến hoạt động NCKH, phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT và pháp luật hiện hành, tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho việc triển khai hoạt động NCKH. Quy trình đăng ký, xét chọn, nghiệm thu nhiệm vụ NCKH được tổ chức công khai với các tiêu chí cụ thể, đảm bảo công bằng, minh bạch và nâng cao chất lượng. Quy định rõ ràng về nghĩa vụ NCKH của GV, được quy đổi cụ thể, giúp đo lường hiệu quả và đánh giá xếp loại GV

một cách khách quan. Hoạt động NCKH được giám sát, đối sánh định kỳ bởi Phòng QLKH&HTQT ở cấp Trường và HĐKH Khoa, góp phần nâng cao chất lượng chuyên môn và tính trách nhiệm. Số lượng và loại hình công trình khoa học tăng trưởng tích cực, đặc biệt là bài báo đăng trên tạp chí uy tín và bài viết trong kỷ yếu hội thảo, tăng đều qua các năm.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù số lượng bài báo tăng, nhưng tỷ trọng các bài được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín còn khiêm tốn. Một số GV còn gặp khó khăn về thời gian, kinh phí và công cụ hỗ trợ cho hoạt động NCKH, đặc biệt với các đề tài chuyên sâu hoặc mang tính liên ngành.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động NCKH của GV bằng nhiều hình thức như: khen thưởng xứng đáng đối với công bố khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín; chế tài các GV chưa hoàn thành nghĩa vụ NCKH, đặc biệt là những GV đang làm nghiên cứu sinh.	Khoa DL; P.QLKH & HTQT	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV và NCV.	Khoa DL	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường và Khoa đã có định hướng chiến lược rõ ràng trong công tác phát triển đội ngũ GV, có kế hoạch và triển khai tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ có cơ sở khoa học, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Việc tuyển dụng được thực hiện công khai, minh bạch, dựa trên các tiêu chí rõ ràng về học hàm, học vị, năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu đào

tạo và định hướng phát triển của Trường/Khoa.

Đội ngũ GV cơ hữu và thỉnh giảng của Khoa được đánh giá có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm thực tiễn và được trẻ hóa, bảo đảm sự kế thừa và phát triển lâu dài giúp nâng cao chất lượng đào tạo.

Tỷ lệ GV/SV được xác định phù hợp, đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT, là cơ sở để phân bổ khối lượng công việc, đảm bảo chất lượng đào tạo và giám sát hiệu quả hoạt động giảng dạy. Khối lượng công việc của GV cũng được phân định rõ ràng, có quy chế quy đổi giờ chuẩn giảng dạy và NCKH theo từng vị trí, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi, đánh giá và xét thi đua, khen thưởng.

Nhà trường cũng ban hành đầy đủ các văn bản quy định về công tác đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ CBGVNV với các tiêu chí định lượng rõ ràng, minh bạch, có sự tham gia của nhiều cấp quản lý từ cá nhân, Khoa đến các đơn vị chức năng. Việc đánh giá diễn ra định kỳ hàng tháng, học kỳ và năm học, kết hợp giữa tự đánh giá, đánh giá từ cấp trên và lấy ý kiến SV, tạo sự khách quan, toàn diện và góp phần thúc đẩy động lực làm việc trong đội ngũ GV.

Hoạt động NCKH được triển khai đồng bộ, có quy trình giám sát hàng năm, với nhiều GV đạt được thành tích tốt, được công nhận bằng các danh hiệu thi đua, khen thưởng từ cấp Trường đến cấp Bộ và Tỉnh.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Công tác quy hoạch GV của Khoa chưa chú trọng về tỷ lệ nam/nữ. Tỷ lệ GV có học hàm học vị GS, PGS, TS của Khoa vẫn còn ít. Đội ngũ GV thỉnh giảng đến từ các tổ chức, doanh nghiệp còn chưa nhiều, phần nào hạn chế việc tiếp cận với kiến thức thực tiễn.

Năng lực NCKH, trình độ ngoại ngữ của các GV chưa đồng đều. Một số khóa đào tạo bồi dưỡng Nhà trường tổ chức có hỗ trợ kinh phí như Tiếng Anh, số lượng GV tham gia chưa nhiều.

Chưa lượng hóa các tiêu chí cụ thể về hoạt động PVCD để quản trị kết quả công việc của CBGVNV.

Số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế chưa nhiều, chưa có các đề tài NCKH cấp Bộ và cấp Nhà nước.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 5:

Căn cứ kết quả đánh giá từng tiêu chí, tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí, trong đó cả 7 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu:

Trường quan tâm quy hoạch và tuyển dụng đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách bài bản, đáp ứng đầy đủ yêu cầu phục vụ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ tại các đơn vị đào tạo, trong đó có Khoa DL. Nhà trường cũng thiết lập hệ thống quản lý kết quả công việc một cách chặt chẽ, giúp theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu suất lao động một cách minh bạch, khách quan. Song song đó, kế hoạch đào tạo – bồi dưỡng chuyên môn và phát triển nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên cũng được triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao năng lực cá nhân và chất lượng phục vụ chung, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho việc nâng cao chất lượng đào tạo và các hoạt động chuyên môn tại Khoa cũng như toàn Trường.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHPT đã xác định việc quy hoạch đội ngũ nhân viên, định hướng rõ phát triển nhân lực theo từng nội dung, từng ngành nghề dựa trên những thế mạnh, yêu cầu của Tỉnh, từ đó đưa ra những yêu cầu, định hướng đáp ứng nhu cầu thực tế nhằm phát triển đội ngũ nhân viên có năng lực và tâm huyết nhằm đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ cho Nhà trường. Cụ thể, Trường ĐHPT đã ban hành các Chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến 2040; Kế hoạch phát triển nhân sự giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2040 [H7.07.01.01]. Trong đó, Nhà trường đã xây dựng các chiến lược phát triển nguồn nhân sự, cụ thể là có các kế hoạch quy hoạch nguồn nhân lực đối với từng nhóm chức danh và dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên

làm việc tại các đơn vị Phòng/Khoa/Ban và Bộ môn nhằm lựa chọn đội ngũ nhân viên hỗ trợ phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Dựa vào các chiến lược phát triển nguồn nhân sự của Nhà trường qua các giai đoạn và những báo cáo nhu cầu nhân sự của từng đơn vị **[H7.07.01.02]**. Nhà trường giao cho Phòng TC-HC thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho BGH trong công tác tổ chức cán bộ, quản lý nhân sự; công tác đào tạo, bồi dưỡng và được cụ thể hóa các nhiệm vụ trong Quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị được ban hành năm 2021 và Đề án xây dựng vị trí việc làm năm 2018 và được rà soát và cập nhật lại vào năm 2022 **[H7.07.01.03]**, **[H7.07.01.04]**. Từ đề án vị trí việc làm đã được xây dựng, hằng năm Nhà trường đều có các kế hoạch tuyển dụng nhằm đáp ứng các nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ cho ngành QTNH&DVAU **[H7.07.01.05]**. Bên cạnh đó, Trường cũng đã có ban hành về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giáo dục và đào tạo **[H7.07.01.06]**.

Hiện nay, nhân viên làm việc tại các bộ phận hỗ trợ cho Khoa như: Phòng TC-HC, Phòng QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, Phòng KHTC, Phòng QLKH&HTQT, Thư viện,... đảm bảo cả về số lượng và chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Cụ thể, nhân viên hỗ trợ đến từ nhiều phòng ban khác nhau trong Nhà trường, trong đó mỗi phòng ban có những chức năng, nhiệm vụ riêng biệt nhằm đảm bảo cho các nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ của ngành QTNH&DVAU đã thực hiện một cách hiệu quả và nhanh chóng. Tất cả các chức năng, nhiệm vụ của các vị trí nhân viên hỗ trợ đều được quy định rõ ràng trong bảng mô tả công việc của nhân viên ở từng đơn vị **[H7.07.01.06]**. Ngoài ra, số lượng nhân viên hỗ trợ khá đông và đa số có trình độ từ ĐH trở lên, có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, phù hợp với vị trí việc làm đảm bảo cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của khoa được hoàn thành tốt và đúng tiến độ **[H7.07.01.07]**.

Hàng năm, dựa vào các phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của từng đơn vị, Nhà trường quy hoạch lại đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng ban nhằm đầy mạnh và tạo hiệu quả hơn nữa trong công tác hỗ trợ cho các ngành đào tạo trong đó có ngành QTNH&DVAU **[H7.07.01.08]**.

Ngoài ra, hằng năm Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của NH về chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên. Kết quả khảo sát cho thấy NH khá hài lòng với sự phục vụ và hỗ trợ của đội ngũ nhân viên Nhà trường trong các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H7.07.01.09].

2. Điểm mạnh:

Trường ĐHPT có các chiến lược phát triển nhân sự lâu dài, trong đó có đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Hàng năm, Trường luôn phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên, từ đó có các chính sách thu hút, tuyển dụng, quy hoạch nhằm phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ;

Đội ngũ cán bộ nhân viên hỗ trợ có năng lực, trình độ chuyên môn đạt yêu cầu của Nhà trường đề ra đồng thời phù hợp với nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ; có số lượng đông đảo, năng động, nhiệt tình làm việc có hiệu quả, giải quyết được các vấn đề một cách nhanh chóng và hiệu quả.

3. Điểm tồn tại:

Một số CBNV hỗ trợ của các đơn vị thường hay biến động, nên việc quy hoạch đội ngũ nhân viên còn chưa đảm bảo tính ổn định, lâu dài. Khả năng tiếp cận chính sách, công nghệ mới, khả năng ngoại ngữ của đội ngũ nhân viên (*giáo vụ khoa, nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác*) để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ còn hạn chế trong xu thế hội nhập thế giới và phát triển đa dạng các kiến thức như hiện nay.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Nhà trường cần tăng cường chính sách động viên nhân viên, quy hoạch đội ngũ nhân viên phù hợp giữa vị trí việc làm với trình độ chuyên môn, năng lực để đảm bảo tính ổn định lâu dài của đội ngũ CBNV hỗ trợ; - Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, khuyến khích nhân viên tự	BGH; P.TC-HC, Khoa DL	Từ năm học 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
		nghiên cứu, tự học để hoàn thiện khả năng đáp ứng các nhu cầu đổi mới ngày càng đa dạng và phát triển trong những giai đoạn tiếp theo.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên, từ đó có các chính sách thu hút, tuyển dụng, quy hoạch nhằm phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.	BGH; P.TC-HC, Khoa DL	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng:

Đề tuyển chọn được đội ngũ nhân viên hỗ trợ đáp ứng nhu cầu sử dụng và bổ sung lực lượng lao động cần thiết nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược đã xây dựng, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng và cụ thể. Về tiêu chuẩn tuyển dụng, ngoài tiêu chuẩn chung, còn có các tiêu chuẩn cụ thể đối với từng vị trí việc làm [H7.07.02.01].

Nhà trường có ban hành văn bản quy định về tuyển dụng nhân viên với các tiêu chí đảm bảo yêu cầu chung về chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, tin học văn phòng. Việc sắp xếp bố trí nhân lực theo đúng các tiêu chí của Nhà trường. Quy trình bổ nhiệm dựa theo điều 8 của Quy định tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy chế bổ nhiệm, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm nhân sự lãnh đạo các đơn vị thuộc Trường ĐHPT và thành lập Hội đồng tuyển dụng [H07.07.02.02].

**Tiêu chuẩn chung:*

- Có lý lịch rõ ràng;
- Có đủ sức khỏe để đảm nhận nhiệm vụ;

- Không thuộc đối tượng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

**Tiêu chuẩn cụ thể (Đối với chức danh nhân viên):*

- Có bằng ĐH trở lên phù hợp với chuyên ngành dự tuyển;
- Có ít nhất 01 năm kinh nghiệm ở vị trí tương đương.

Ví dụ tuyển dụng nhân viên vị trí giáo vụ Khoa, Nhà trường công bố các tiêu chí như ở bảng sau:

Bảng 7.2.1: Thông báo tuyển dụng vị trí Trợ lý khoa

Vị trí tuyển dụng	Trợ lý khoa
Hình thức làm việc	Toàn thời gian
Mô tả công việc	- Thực hiện các công việc hành chính phục vụ cho hoạt động giảng dạy, học tập tại khoa; - Thực hiện công tác khác theo yêu cầu của lãnh đạo.
Kinh nghiệm	- Ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm thư ký hành chính trong lĩnh vực giáo dục.
Yêu cầu bằng cấp	- Tốt nghiệp đại học trở lên.
Yêu cầu khác	- Thành thạo tin học văn phòng; - Kỹ năng giao tiếp tốt; - Cẩn thận, chính xác; - Có tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng làm việc ngoài giờ.
Hạn chót nộp hồ sơ	30 ngày kể từ ngày thông báo

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Phòng TC-HC xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích và khảo sát nhu cầu của các đơn vị chuyển lên. Cụ thể, hàng năm Nhà trường xem xét công việc cụ thể được phân công và hoàn thành trong báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị, làm cơ sở đánh giá về khối lượng công việc được giao, mức độ hoàn thành để xác định kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm bổ sung nhân sự, giúp các đơn vị đáp ứng được nhu cầu hỗ trợ của các đơn vị và của Khoa [H7.07.02.03].

Nhà trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chuẩn bổ nhiệm, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm các CB quản lý và nhân viên theo đúng quy trình. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của

các BLQ. Cụ thể, tiêu chí quy định trong tuyển dụng, lựa chọn của Khoa DL bao gồm 05 tiêu chí chung theo quy định; các tiêu chí đặc điểm chuyên môn nghiệp vụ như: Năng khiếu, giới tính, các chứng chỉ quản lý, trình độ đào tạo trên chuẩn của vị trí tuyển dụng; 02 tiêu chí tuyển chọn CBNV, kỹ thuật viên.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được quy định rõ trong quyết định số 157/QĐ-ĐHPT về việc Ban hành Quy trình tuyển dụng và quản lý nhân viên Trường ĐHPT bao gồm:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng;
- Trình độ chuyên môn: Đúng chuyên ngành, phù hợp với nhu cầu tuyển dụng;
- Trình độ ngoại ngữ: Bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Trình độ tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;
- Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp với vị trí dự tuyển;
- Có đủ sức khỏe làm việc, ngoại hình cân đối;
- Chữ viết rõ ràng; không nói ngọng, nói lắp.

Các bước tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy trình được ban hành **[H7.07.02.04]**. Dựa trên kế hoạch phát triển đội ngũ của Khoa, Nhà trường sẽ xác định định mức tuyển dụng hàng năm căn cứ trên kế hoạch tuyển dụng và phát triển của Trường **[H7.07.02.05]**. Việc sắp xếp, bố trí đội ngũ nhân viên được tùy thuộc theo yêu cầu của công việc và có đánh giá thi đua - khen thưởng cuối năm **[H7.07.02.06]**.

Ngoài ra, Phòng TC-HC còn dựa vào các báo cáo phân tích dữ liệu phản hồi từ các BLQ về đội ngũ nhân viên hỗ trợ và dựa vào báo cáo tổng kết cuối năm của các đơn vị để xây dựng các tiêu chí tuyển dụng và điều chuyển nhân viên. Căn cứ trên chi tiêu về đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Nhà trường và căn cứ trên đề nghị tuyển dụng của Lãnh đạo Khoa, Phòng TC-HC sẽ xây dựng kế hoạch tuyển dụng đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa. Việc điều chuyển nhân sự giữa các bộ phận trong Trường được Phòng

TC-HC thực hiện tùy theo nhu cầu của các đơn vị và năng lực cá nhân của từng NV [H7.07.02.07].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể CBGVNV và được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường. Tất cả nội dung về tuyển dụng được thông báo công khai về tiêu chuẩn, số lượng, hình thức thi tuyển trên website Trường, qua hệ thống Email, website của Phòng TC-HC và trên các phương tiện truyền thông khác như báo giấy, báo điện tử... Việc bổ nhiệm, điều chuyển NV được Phòng TC-HC công bố bằng email nội bộ và qua các cuộc họp giao ban hàng tháng [H7.07.02.08]. Ngoài ra, để đảm bảo tính chính xác và khách quan, trong quá trình tuyển dụng, Nhà trường còn thành lập Hội đồng tuyển dụng và cập nhật nhân sự phù hợp thực tế hoạt động theo từng năm học, đặc biệt trong Hội đồng này có đại diện của lãnh đạo Khoa. Kết quả tuyển dụng được báo cho ứng viên biết và công bố công khai sau khi ứng viên được Hội đồng đồng ý tuyển dụng [H7.07.02.09].

Số lượng NV được tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm hàng năm được phổ biến công khai cho đội ngũ GV, NV trong Nhà trường được biết. Các chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ NV được Nhà trường công bố công khai trên website của trường, các phương tiện thông tin đại chúng và được niêm yết tại Phòng TC-HC [H7.07.02.10]. Để đảm bảo tính chính xác và khách quan, trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng được thành lập. Sau khi có kết quả tuyển dụng, Phòng TC-HC có trách nhiệm niêm yết và công bố theo đúng quy định. Khi đã trúng tuyển, ứng viên phải trải qua thời gian tập sự theo quy định. Sau khi hoàn thành thời gian tập sự và đạt được các yêu cầu của Nhà trường, người tập sự sẽ được chính thức nhận việc [H7.07.02.11].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Các tiêu chí tuyển dụng của Trường được xác định rõ ràng, minh bạch và công khai, đảm bảo mọi CBGVNV được lựa chọn đều đáp ứng đầy đủ yêu cầu chuyên môn và tiêu chuẩn chất lượng. Quy trình tuyển dụng và phân công nhiệm vụ được tổ chức bài bản, góp phần nâng cao hiệu quả công việc và phát huy năng lực cá nhân. Nhờ có quy trình tuyển dụng chặt chẽ, Khoa DL đã tuyển được đội ngũ CBGVNV có trình độ chuyên

môn cao, mọi vị trí tuyển dụng đều tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chí do Trường ban hành, góp phần duy trì chất lượng đào tạo và quản lý chuyên môn hiệu quả.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù các thông báo tuyển dụng của Trường được công khai rộng rãi, tuy nhiên số lượng ứng viên nộp hồ sơ trong các đợt tuyển dụng vẫn còn hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do Trường nằm ở địa phương, chưa phải trung tâm kinh tế - giáo dục lớn nên chưa thực sự thu hút được nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao. Phần lớn nhân sự chất lượng cao hiện nay vẫn tập trung tại các thành phố lớn.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Nhà trường cần có về chính sách ưu đãi và cam kết trong tuyển dụng. Tăng cường truyền thông về thông tin tuyển dụng; - Các Khoa, phòng ban tích cực giới thiệu nguồn nhân lực chất lượng cao cho trường xem xét tuyển dụng.	BGH; P.TC-HC; Các đơn vị	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục xây dựng các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng và có quy hoạch lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển và phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông.	BGH; P.TC-HC; Các đơn vị	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Tại Trường ĐHPT công tác đánh giá năng lực đội ngũ CBGVNV nói chung và đội ngũ nhân sự của Khoa DL nói riêng, được thực hiện một cách bài bản, có hệ thống và minh bạch. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và ban hành các văn bản chính thức quy định rõ ràng về quy trình và tiêu chí đánh giá năng lực, bao gồm trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm và kết quả thực hiện công việc. Các quy định này được phổ biến công khai tên hệ thống hoạch định

nguồn nhân lực, đặc biệt là trong Đề án Vị trí việc làm và Quy chế về công tác thi đua khen thưởng của Trường **[H7.07.03.01]**.

Việc đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên được thực hiện dưới nhiều cấp và theo đúng quy trình: Từ tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá qua cuộc họp tổng kết năm học và bỏ phiếu bầu chọn danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua. Trường các đơn vị dựa vào các kết quả trên để đánh giá xếp loại lao động và cuối cùng là phần đánh giá của Hội đồng đánh giá Nhà trường **[H7.07.03.02]**.

Tùy vào từng vị trí công việc cụ thể mà Nhà trường có những quy định, tiêu chí đánh giá các tiêu chuẩn về trình độ, năng lực cũng như các kỹ năng cần thiết. Đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa làm việc giờ hành chính theo quy định của Nhà trường, các GV kiêm nhiệm công việc CVHT luôn có giờ trực công việc cụ thể (2 buổi/tuần) **[H7.07.03.03]**.

Để có thể xác định, phân loại được năng lực của đội ngũ NV bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các BLQ, hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ của CB-GV-NV được Nhà trường xây dựng là một quá trình gồm các bước từ xác định nội dung, mục tiêu công việc đến theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện công việc giữa các BLQ và NV nhằm đảm bảo các nhiệm vụ và mục tiêu công việc được thực hiện thành công, đóng góp vào mục tiêu chung của Trường. Nội dung này được thực hiện hiệu quả sẽ là một trong những công cụ giúp Nhà trường lựa chọn được nguồn nhân lực ưu tú, trả lương hiệu quả, công bằng, kích thích được năng suất lao động. Hệ thống quản lý việc thực hiện công việc của Trường được thực hiện một cách khoa học từ cơ cấu quản lý, triển khai thực hiện, đào tạo bồi dưỡng đến ghi nhận kết quả và khen thưởng kỷ luật. Phòng TC-HC là đơn vị chịu trách nhiệm tổng hợp bảng đánh giá hiệu quả công việc của CB-GV-NV hàng năm **[H7.07.03.05]**.

Tại Khoa DL đội ngũ nhân viên hỗ trợ luôn được ghi nhận có tinh thần trách nhiệm cao, nhiều năm liền đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, có cá nhân đạt Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và được xét nâng lương trước thời hạn. Đây là sự ghi nhận xứng đáng từ Khoa và Nhà trường đối với những đóng góp thiết thực của đội ngũ **[H7.07.03.06]**.

Tuy nhiên, đội ngũ NV chưa tham gia nhiều trong công tác PVCĐ. Các quy định chưa đủ tính khuyến khích dành riêng cho CBNV hỗ trợ trong việc tham gia NCKH. Hàng năm, Khoa và Nhà trường luôn thực hiện việc đánh giá chất lượng công việc và phân loại thi đua cho các cán bộ hỗ trợ nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức; Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Ngoài hệ thống đánh giá năng lực NV theo quy trình của Nhà trường, mức độ đáp ứng đội ngũ NV các đơn vị còn được đánh giá bởi GV và SV hàng năm do Phòng KT- ĐBCL-TT&PC tổ chức khảo sát độc lập [H7.07.03.07]. Kết quả khảo sát cho thấy sự nhất trí cao với CBGVNV đánh giá công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên là phù hợp. Bên cạnh đó, trước khi ban hành chính thức các quy định, quy trình, quy chế, thì Nhà trường luôn phổ biến rộng rãi cho CBGVNV thông qua hệ thống email nội bộ của Trường gửi các văn bản dự thảo, nhằm tổ chức lấy ý kiến của tất cả CBGVNV trong trường góp ý cho các quy chế, quy định đã ban hành để có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp [H7.07.03.08].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực cho đội ngũ nhân viên, bao gồm các tiêu chí về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và mức độ hài lòng của các BLQ. Việc đánh giá được thực hiện định kỳ, có phân loại năng lực đội ngũ và đảm bảo tính công bằng, minh bạch thông qua nhiều bước, từ tự đánh giá đến thẩm định và ra quyết định của Hội đồng Thi đua - khen thưởng hàng năm.

3. Điểm tồn tại:

Đội ngũ NV chưa tham gia nhiều trong công tác PVCĐ. Các quy định chưa đủ tính khuyến khích dành riêng cho CBNV hỗ trợ trong việc tham gia NCKH. Nhà trường đã triển khai việc khảo sát ý kiến từ NH và CBGVNV.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cải tiến các chính sách cũng như các quy định nhằm động viên khuyến khích đội ngũ CBNV hoàn thành nhiệm vụ, làm tốt vai trò hỗ trợ cho công tác đào tạo, đồng thời tích cực tham gia PVCD và NCKH nếu có thể.	BGH; P.TC-HC; P.KHTC	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì hoạt động đánh giá, phân loại năng lực đội ngũ CBNV một cách công bằng, công khai thông qua các bước đánh giá nhiều cấp và qua ý kiến đánh giá của NH và GV về đội ngũ NV.	P. TC-HC; KhoaDL; P.KT-ĐBCL-TT&PC	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng:

Công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của CBNV hỗ trợ của Nhà trường được thực hiện một cách có tổ chức và có kế hoạch [H7.07.04.01]. Nhà trường đã triển khai các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu của đội ngũ nhân viên căn cứ vào kết quả đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên [H7.07.04.02].

Ngoài các chính sách hỗ trợ CBGVNV nâng cao chuyên môn nghiệp vụ đã được nêu rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ; Nhà trường còn hỗ trợ tìm học bổng và thực hiện các thủ tục cần thiết đối với CBGVNV cơ hữu có nguyện vọng và năng lực theo học các chương trình đào tạo Tiến sĩ, Thạc sĩ theo chương trình học bổng trong hoặc ngoài nước. Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, CBGVNV sẽ được tiếp nhận và bố trí công tác tại đơn vị cũ hoặc bổ nhiệm vào các vị trí cao hơn, đồng thời được hưởng các chế độ đãi ngộ tương đương học hàm, học vị mới. Thời gian theo học các chương trình này được tính vào thâm niên công tác tại Trường [H7.07.04.03].

Mặt khác, trong các Chỉ tiêu chất lượng của Khoa có rà soát các chứng chỉ của CBNV, ai chưa đủ thì đề xuất bắt buộc, ai có mong muốn học lên thì lập danh sách nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng của NV. Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và tạo điều kiện cho đội ngũ NV hỗ trợ được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với từng vị trí công tác của NV như nghiệp vụ thư viện, nghiệp vụ quản lý và sử dụng phần mềm quản lý, ... [H7.07.04.04].

Trong 5 năm qua, các cán bộ của Nhà trường nói chung, của Khoa DL nói riêng thường xuyên được Nhà trường và Khoa cử tham gia các đợt học tập, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ ngay tại trường hoặc tại các tỉnh/thành phố khác [H7.07.04.05].

Bảng 7.4.1. Số lượng CBGVNV Khoa DL được cử đi đào tạo (GD 2020-2024)

STT	Nội dung	2020	2021	2022	2023	2024
1	Đào tạo văn bằng 2	0	4	0	11	0
2	Đào tạo trình độ Tiến sĩ	0	0	1	0	0
3	Đào tạo trình độ Thạc sĩ	3	0	3	9	3
Tổng		3	4	4	20	3

Bảng 7.4.2. Số lượt tham gia bồi dưỡng, tập huấn Khoa DL (GD 2020-2024)

STT	Nội dung	Lượt người tham gia				
		2020	2021	2022	2023	2024
1	Tham gia Hội thảo, Hội nghị, làm việc với chuyên gia.....	2	32	12	18	8
2	Các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn...	19	39	38	83	10
Tổng		21	71	50	101	18

Bảng 7.4.3. Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng (GD 2020-2024)

STT	Năm	Kinh phí hoạt động đào tạo (đồng)
1	2020	71.400.000
2	2021	96.440.000
3	2022	41.000.000
4	2023	550.955.000
5	2024	298.100.000
Tổng cộng		1.240.970.000

Để xác định đúng nhu cầu đào tạo Nhà trường đã tiến hành điều tra tổng thể trình độ và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV hỗ trợ, thực hiện phân tích nhu cầu và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm. Cụ thể, vào

đầu năm học, đội ngũ NV các đơn vị đăng ký đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng về nhu cầu phát triển nhân lực của đơn vị và Nhà Trường. Các đơn vị tiếp nhận, tổng hợp và báo cáo về Phòng TC-HC tập hợp, phân tích nhu cầu và đưa vào kế hoạch công tác năm học **[H7.07.04.06]**.

Phòng TC-HC triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV dựa trên các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm được phê duyệt với các hình thức đào tạo bồi dưỡng sau: (i) Đào tạo tại chỗ: về nội quy, chính sách, lề lối làm việc, phương pháp giảng dạy; (ii) Đào tạo nội bộ: các lớp Anh văn giao tiếp, vi tính văn phòng, các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian...); (iii) Đào tạo chuyên sâu: do Phòng TC-HC chủ động liên hệ hoặc tiếp nhận thông tin đào tạo của các tổ chức bên ngoài về các lớp đào tạo chuyên môn đặc thù hoặc SDH; (iv) Tự đào tạo chuyên sâu: do cá nhân CB-GV-NV có nhu cầu theo học các lớp đào tạo chuyên môn đặc thù hoặc SDH và nộp chứng chỉ, chứng nhận về Phòng TC-HC sau mỗi khóa đào tạo **[H7.07.04.06]**, **[H7.07.04.07]**. Đối với các NV trẻ mới tuyển dụng được Phòng TC-HC gửi về các đơn vị thử việc 2 tháng, việc đánh giá nhân sự mới một phần được dựa trên đánh giá nhận xét của đơn vị mà NV về thực tập. Riêng đối với GV mới sẽ có thời gian 1 năm tập sự, hết thời gian tập sự phòng TC-HC sẽ thành lập hội đồng đánh giá nhận xét và quyết định GV có đủ khả năng để tiếp tục giảng dạy và NCKH hay không **[H7.07.04.08]**.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch phân bổ ngân sách cho các hoạt động năm học trong đó có ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ NV. Nhà trường cũng đã ban hành các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân sự trong đó thể hiện rõ các chính sách về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, chế độ phúc lợi, môi trường làm việc và chính sách thu hút, giữ chân nhân tài; chính sách hỗ trợ kinh phí cho CBGVNV tham gia các CTĐT trong và ngoài nước. Cụ thể, đối với CBGVNV được Trường cử đi đào tạo, bồi dưỡng (trong nước hoặc nước ngoài): Được bố trí nghỉ làm việc để đi học theo lịch của cơ sở đào tạo; Được Trường hỗ trợ tiền học phí (nếu có); Trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng CBGVNV được hưởng tiền lương và các chế độ khác theo các quy định hiện hành của Trường **[H7.07.04.09]**.

Tuy nhiên, công tác và cơ chế hỗ trợ cho CBGVNV trong việc học tập và nâng cao trình độ chuyên môn tại Trường vẫn chưa thực sự tạo được động lực, do còn mang nặng tính tự túc từ phía cá nhân CBGVNV.

2. Điểm mạnh:

Hàng năm, Nhà trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ NV và CB hỗ trợ. Căn cứ nhu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV, Phòng TC-HC có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và triển khai kế hoạch để đáp ứng nhu cầu của đội ngũ này.

3. Điểm tồn tại:

Công tác và cơ chế hỗ trợ cho CB NV học tập nâng cao trình độ của Nhà trường chưa đủ kích thích CB NV vì còn mang tính tự túc từ CBGV.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và tổ chức thêm nhiều hoạt động, khóa tập huấn, đồng thời có cơ chế khuyến khích và tạo điều kiện để đội ngũ NV và CB hỗ trợ có thể tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	BGH; P.TC-HC; Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát và xác định nhu cầu về việc nâng cao chuyên môn của đội ngũ NV và CB hỗ trợ để có kế hoạch đào tạo phù hợp.	P. TC-HC; Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc

của đội ngũ này, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Hệ thống các quy định, quy chế này được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học **[H7.07.04.10]**.

Các chính sách về đánh giá và khen thưởng được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương đã giúp Nhà trường đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường. Hàng năm, vào những ngày lễ lớn (*Ngày thành lập trường, ngày Khai giảng, ngày Hiến chương Nhà giáo 20/11 và Tổng kết năm học...*) Nhà trường tổ chức khen thưởng những cá nhân, tập thể đạt thành tích cao trong công tác các cấp (*Trường, thành phố, trung ương,...*). Điều đó chính là yếu tố động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ tích cực hơn trong công tác, sẵn sàng đóng góp công sức cho hoạt động của Khoa DL và Nhà trường **[H7.07.04.11]**.

Ngoài việc công nhận và khen thưởng, Nhà trường còn có quy định về việc xét nâng bậc lương trước hạn đối với các nhân viên đạt được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, danh hiệu Chiến sĩ thi đua các Cấp nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ NV phấn đấu hoàn thành thành xuất sắc nhiệm vụ được giao qua từng năm học **[H7.07.05.12]**.

Để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCĐ của đội ngũ NV hỗ trợ, tất cả nhân viên hỗ trợ của Khoa đều có kế hoạch cụ thể, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành... Từ đó, nhân viên hỗ trợ có thể cập nhật các kế hoạch cá nhân để tạo thành kênh theo dõi, giám sát của Nhà trường. Nhà trường và Lãnh đạo Khoa DL đã triển khai theo dõi, giám sát và đánh giá công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên các quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công, dựa trên kế hoạch công tác cá nhân mà mỗi nhân viên đã xây dựng **[H7.07.05.13]**. Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; Mức độ chấp hành nội quy, kỷ luật lao động; Đóng góp ý kiến, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác, làm lợi cho Trường và mức độ tham gia các hoạt động khác từ theo dõi của Phòng TC-HC, thông tin ghi nhận và báo cáo của Ban Thanh tra; Phòng QLĐT, thông tin ghi nhận và báo cáo của Công đoàn, Đoàn Thanh niên, kết quả tự đánh giá của cá nhân,

đánh giá của Lãnh đạo Khoa DL, Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường đánh giá hiệu quả công việc của mỗi nhân viên hỗ trợ **[H7.07.04.14]**.

Nhằm đạt sự đồng thuận và thống nhất của đội ngũ nhân viên trong Nhà trường về các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác, trước khi ban hành các văn bản quy định chính thức, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của tất cả CBGVNV trong trường góp ý cho các quy chế quy định đã ban hành để có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp. Khoa DL cũng thường xuyên có các buổi họp định kỳ để lấy ý kiến một cách dân chủ, làm cơ sở đề xuất với Nhà trường các kiến nghị của Khoa về đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Qua đó tất cả nhân viên đều được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Điều đó giúp Nhà trường có đầy đủ thông tin khách quan xây dựng các quy chế quy định giúp Nhà trường quản trị kết quả công việc của CBGVNV được hiệu quả **[H7.07.04.15]**.

Kết quả đánh giá các cấp được công khai tại các buổi họp và trên tài khoản cá nhân của nhân viên. Các danh hiệu thi đua khen thưởng được đăng tải trên email nội bộ của Trường. Vì vậy, 100% nhân viên Khoa DL hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường. Tính đến thời điểm này, chưa có trường hợp nào của nhân viên Khoa khiếu nại về kết quả đánh giá hoặc xét thi đua khen thưởng.

2. Điểm mạnh:

Khoa, Trường có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ NV hỗ trợ, có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ và có chính sách khen thưởng kịp thời và minh bạch. Có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. 100% NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc.

3. Điểm tồn tại:

Chỉ tiêu khen thưởng, danh hiệu thi đua hàng năm còn hạn chế, nên số lượng nhân viên đạt các danh hiệu thi đua còn ít, các hình thức khen thưởng cho đối tượng này chưa được đa dạng, chưa tạo động lực để đội ngũ CBNV tham gia hỗ trợ nhiều hơn nữa cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

Các tiêu chí đánh giá chất lượng công việc còn nhiều điểm chưa lượng hóa được mức độ cụ thể hoàn thành công việc vì nhân viên có nhiều nhiệm vụ, chức năng khác biệt nhau.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Nhà trường cần có chính sách động viên, khen thưởng cho những nhân viên đạt thành tích cao trong việc hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ bằng cách tăng chỉ tiêu khen thưởng cho các đối tượng này và có các hình thức khen thưởng đa dạng hơn; - Hoàn thiện bộ tiêu chuẩn đánh giá CBNV theo hướng định lượng phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của Trường, nghiên cứu kết hợp giữa việc đánh giá kết quả công việc với ưu tiên phát triển đội ngũ về chuyên môn.	P.TC-HC; P.KH-TC; Khoa DL	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát và thực hiện đầy đủ thường xuyên quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, gồm cả các quy định về khen thưởng và công nhận hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên.	P.TC-HC; P.KH-TC; Các đơn vị	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Căn cứ nhu cầu và dự báo nguồn nhân lực hỗ trợ, Nhà trường và Khoa đã lập kế hoạch, tuyển dụng, thu hút đội ngũ NV hỗ trợ đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Đội ngũ NV hỗ trợ của Trường có năng lực chuyên môn và sẵn sàng phục vụ. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về tuyển dụng của Nhà trường đã được công bố công khai. Trường, Khoa luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho CB hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp

vụ. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ NV được thực hiện định kỳ hằng năm một cách công bằng và đúng theo quy định.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được công khai, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển vẫn còn chưa nhiều. Công tác và cơ chế hỗ trợ cho CBNV học tập nâng cao trình độ của Nhà trường chưa đủ khích lệ CBNV vì còn mang tính tự túc từ phía CBNV. Đội ngũ NV chưa tiên phong trong công tác PVCĐ. Các quy định chưa đủ tính khuyến khích cho CBNV tham gia NCKH.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Căn cứ kết quả đánh giá từng tiêu chí, tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí, trong đó cả 5 tiêu chí đều đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu:

Trường ĐHPT luôn tạo điều kiện tối đa trong phạm vi nguồn lực hiện có để sinh viên ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống được học tập và rèn luyện trong môi trường giáo dục đại học định hướng ứng dụng, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và thực tiễn nghề nghiệp. Chính sách và đề án tuyển sinh được công khai, minh bạch và cập nhật định kỳ, giúp thí sinh tiếp cận thông tin đầy đủ, lựa chọn ngành học phù hợp. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đảm bảo tính công bằng, khách quan, đồng thời có sự điều chỉnh hằng năm dựa trên yêu cầu thực tế và góp ý từ các bên liên quan.

Nhà trường triển khai hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên một cách đồng bộ, phối hợp hiệu quả giữa Khoa DL và các đơn vị chức năng như Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV&HTDN. Trong suốt quá trình học, sinh viên được tạo điều kiện tiếp cận thực tiễn thông qua các hoạt động gặp gỡ doanh nghiệp, học phần thực hành tại cơ sở ngoài trường, từ đó nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và tăng cơ hội việc làm sau tốt nghiệp. Đồng thời, các vấn đề học vụ, khối lượng học tập, kết quả rèn luyện đều được giám sát thường xuyên, giúp phát hiện sớm khó khăn và có biện pháp hỗ trợ kịp thời.

Ngoài ra, Trường cũng đặc biệt chú trọng đến yếu tố môi trường học tập. Cảnh quan sư phạm được đảm bảo xanh – sạch – đẹp, văn hóa ứng xử trong nhà trường được xây dựng theo hướng văn minh, thân thiện, góp phần hình thành môi trường học đường tích cực, hỗ trợ người học phát triển toàn diện cả về chuyên môn lẫn tâm lý – xã hội.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng:

Hàng năm, căn cứ vào Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng với kết quả tuyển sinh các năm trước, Trường Đại học Phan Thiết xây dựng các chính sách và đề án tuyển sinh riêng cho từng ngành đào tạo một cách rõ ràng, đầy đủ và chi tiết [H8.08.01.01]. Các chính sách và đề án này được rà soát, điều chỉnh thường xuyên nhằm đảm bảo phù hợp với bối cảnh thực tiễn và xu hướng phát triển nguồn nhân lực. Trước mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường tổ chức các cuộc họp chuyên môn để phân tích kết quả tuyển sinh của năm trước, đồng thời tiến hành dự báo nhu cầu nhân lực trong năm tiếp theo trên cơ sở định hướng tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường và chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của địa phương. Những dữ liệu và phân tích này là cơ sở quan trọng để Nhà trường hoạch định chính sách và xây dựng đề án tuyển sinh hàng năm một cách phù hợp và hiệu quả [H8.08.01.02].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát, thu thập ý kiến đóng góp của cán bộ, giảng viên, nhân viên và các thành viên trong Ban tuyển sinh nhằm thảo luận và xây dựng phương thức tuyển sinh phù hợp với tình hình thực tiễn và định hướng phát triển của Nhà trường [H8.08.01.03]. Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường tiến hành tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh và lập báo cáo để xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho năm học kế tiếp, bảo đảm tính kế thừa và điều chỉnh kịp thời trong công tác tuyển sinh [H8.08.01.04].

Trong quá trình triển khai hoạt động tuyển sinh, phương thức xét tuyển được điều chỉnh linh hoạt qua các năm nhằm nâng cao hiệu quả thu hút người học. Cụ thể, năm 2015, Nhà trường áp dụng hai phương thức xét tuyển với tỷ lệ ngang nhau: xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT Quốc gia và xét tuyển theo học bạ THPT, mỗi phương thức chiếm 50% tổng chỉ tiêu. Sang năm 2016, tỷ lệ phân bổ thay đổi theo hướng tăng

cường vai trò của xét học bạ: xét tuyển kết quả kỳ thi THPT Quốc gia chiếm 40%, trong khi xét học bạ chiếm 60% tổng chỉ tiêu. Từ năm 2021 đến nay, Nhà trường tiếp tục duy trì hai phương thức truyền thống, đồng thời bổ sung phương thức thứ ba là xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức. Tỷ lệ phân bổ cho ba phương thức này lần lượt là: 25% cho kết quả kỳ thi THPT Quốc gia, 70% cho học bạ THPT và 50% cho kết quả kỳ thi đánh giá năng lực. Việc điều chỉnh các phương thức xét tuyển thể hiện nỗ lực của Nhà trường trong việc đa dạng hóa hình thức tuyển sinh, tăng tính linh hoạt và phù hợp với năng lực, nguyện vọng của thí sinh

Đối với Khoa DL, tổ hợp môn xét tuyển vào ngành QTNH&DVAU được Khoa và Nhà trường xác định kỹ lưỡng.

Bảng 8.1. Các tổ hợp môn xét tuyển vào ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống

STT	Tổ hợp môn	Môn 1	Môn 2	Môn 3
1	A00	Toán	Vật lý	Hóa học
2	A01	Toán	Vật lý	Tiếng Anh
3	D01	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
4	C04	Toán	Ngữ văn	Địa lý

Bảng 8.2. Tổng kết công tác tuyển sinh – Nhập học ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống

Năm	Số lượng tuyển được	Chỉ tiêu	Tỷ lệ số lượng tuyển được/ Chỉ tiêu
2020	24	60	40%
2021	22	60	36.7%
2022	11	60	18.3%
2023	26	60	43.3%
2024	33	60	55%

Nhà trường công bố công khai các chính sách tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào, đối tượng ưu tiên,...) trên nhiều kênh truyền thông nhằm đảm bảo thí sinh trên toàn quốc dễ dàng tiếp cận [H8.08.01.05]. Phòng Quản lý Đào tạo chủ trì công tác lập kế hoạch, tổ chức và giám sát hoạt động truyền thông tuyển sinh.

Hàng năm, Nhà trường triển khai các hoạt động tư vấn trực tiếp tại các trường THPT, đồng thời tham gia các Ngày hội tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp tại tỉnh Bình Thuận và các địa phương khác. Giảng viên các khoa, trong đó có Khoa phụ trách ngành đào tạo, tham gia hỗ trợ tư vấn, góp phần kết nối hiệu quả giữa Nhà trường với người học tiềm năng, từ đó cải tiến hoạt động đào tạo **[H8.08.01.06]**.

Ngoài các hoạt động trực tiếp, Nhà trường còn đẩy mạnh truyền thông qua website tuyển sinh riêng, các phương tiện truyền thông đại chúng (báo giấy, báo điện tử, đài truyền hình), các ấn phẩm quảng bá (brochure, sổ tay tuyển sinh), và nền tảng trực tuyến như fanpage, chat trực tuyến, Zalo, hộp thư tuyển sinh và tổng đài tư vấn. Hệ thống này hỗ trợ thí sinh tiếp cận thông tin đầy đủ, chính xác, đồng thời định hướng lựa chọn ngành học phù hợp với sở thích và năng lực **[H8.08.01.07]**.

Nhà trường không ngừng cập nhật cải tiến chính sách tuyển sinh, quy trình tuyển sinh và nhập học, cải tiến phương thức tuyển, tiêu chí tuyển, cải tiến công tác truyền thông,... Quy trình nhận hồ sơ xét tuyển của Trường không ngừng được cải tiến sao cho tiện lợi nhất cho các thí sinh khi nộp hồ sơ xét tuyển như: nộp hồ sơ online, xét tuyển trực tuyến, tư vấn trực tuyến... Dựa trên các kết quả tổng kết sau mỗi kỳ tuyển sinh về công tác tuyển sinh, số lượng thí sinh nhập học, Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường sẽ tổ chức họp phân tích, nhận định tình hình tuyển sinh của Nhà trường cũng như trên cả nước, cơ hội, thách thức và xu hướng, để tìm ra những điểm đạt và chưa đạt theo mục tiêu đã đề ra. Từ đó, Hội đồng tuyển sinh rút kinh nghiệm trong việc đặt ra các tiêu chí tuyển sinh, vùng tuyển, công tác truyền thông... Dựa trên kinh nghiệm đó, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho khóa mới hoàn chỉnh hơn, nhằm đạt kết quả tuyển sinh tốt nhất, đúng và đủ chỉ tiêu tuyển sinh được duyệt **[H8.08.01.08]**.

Các chính sách tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có tham khảo ý kiến của các bên liên quan và dựa vào kết quả phân tích dữ liệu tuyển sinh – nhập học của năm trước cũng như xu hướng nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động **[H8.08.01.09]**. Trước mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường tiến hành rà soát nhu cầu nhân lực theo từng ngành nghề để điều chỉnh chính sách tuyển sinh phù hợp. Đồng thời, thông qua các hoạt động như Ngày hội việc làm, tọa đàm với cựu sinh viên và nhà tuyển dụng, Nhà trường ghi nhận các ý kiến đóng góp liên quan đến chương trình đào tạo, yêu cầu kỹ năng nghề nghiệp

và nhu cầu nhân lực thực tiễn từ doanh nghiệp. Những thông tin này góp phần định hướng và nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh. Nhờ các cải tiến liên tục trong công tác tuyển sinh và nhập học, số lượng sinh viên nhập học có xu hướng tăng qua từng năm, có một số năm biến động do tình hình dịch bệnh.

2. Điểm mạnh:

- Chính sách và đề án tuyển sinh được xây dựng rõ ràng, tuân thủ quy định của Bộ GD&ĐT và được cập nhật hằng năm dựa trên kết quả phân tích tuyển sinh và dự báo nhu cầu nhân lực.

- Chính sách tuyển sinh được công bố công khai qua nhiều kênh: website, mạng xã hội, báo chí, tờ rơi, ngày hội tuyển sinh...

- Phương thức tuyển sinh linh hoạt, đa dạng, phù hợp với năng lực thí sinh và xu hướng chung.

- Có sự tham gia tích cực của cán bộ, giảng viên và các bên liên quan trong công tác tư vấn, hoạch định và cải tiến tuyển sinh.

- Quy trình tiếp nhận hồ sơ và tư vấn được số hóa, tạo thuận lợi cho người học (xét tuyển trực tuyến, tư vấn online,...).

3. Điểm tồn tại:

Dữ liệu tuyển sinh ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống (2020–2024) cho thấy số lượng nhập học còn biến động, có năm chưa đạt chỉ tiêu (như 2022 chỉ có 11 SV).

4. Kế hoạch hành động:

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Phân tích nguyên nhân biến động số lượng tuyển sinh ngành QTNH&ĐVAU qua các năm. - Xây dựng kế hoạch truyền thông, tư vấn tuyển sinh riêng cho ngành. - Tăng cường phối hợp giữa Khoa DL, Phòng QLĐT và Ban Tư vấn	-Phòng QLĐT - Khoa DL - Ban tuyển sinh	Từ năm học 2025–2026	

		tuyển sinh để tiếp cận đúng nhóm đối tượng tiềm năng.			
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục duy trì và mở rộng các phương thức tuyển sinh linh hoạt (xét học bạ, xét kết quả thi tốt nghiệp THPT, xét điểm ĐGNL). - Tăng cường truyền thông đa kênh: fanpage, Zalo, tư vấn trực tuyến, ngày hội hướng nghiệp... - Tối ưu hóa quy trình xét tuyển online để nâng cao trải nghiệm người học.	- Phòng QLĐT - Ban tuyển sinh - Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng:

Hàng năm, BGH tổ chức họp Hội đồng Tuyển sinh để xác định tiêu chí lựa chọn người học, hình thức thi/xét tuyển và phương pháp tuyển chọn phù hợp cho từng CTĐT, trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý từ các bên liên quan. Căn cứ vào các quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và các dữ liệu báo cáo của Phòng QLĐT, Nhà trường tiến hành họp phân tích kết quả tuyển sinh của năm học trước, đồng thời dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cho năm tiếp theo, đảm bảo phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của CSGD và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trong giai đoạn 2020–2024, Trường thực hiện tuyển sinh theo ba phương thức: (1) xét tuyển theo kết quả học tập ở bậc THPT; (2) xét tuyển theo kết quả thi THPT Quốc gia; và (3) xét tuyển theo kết quả kỳ thi ĐGNL do Đại học Quốc gia TP. HCM tổ chức. Dựa trên dữ liệu do Phòng QLĐT cung cấp, trong các cuộc họp xây dựng đề án tuyển sinh, Hội đồng Tuyển sinh đã phân tích tỷ lệ nhập học giữa các phương thức và đưa ra đề xuất điều chỉnh tỷ lệ chỉ tiêu phù hợp.

Năm 2024 ngành QTNH&DVAU có 9 (43%) sinh viên xét tuyển dựa trên kết quả tốt nghiệp THPT và 12 (57%) sinh viên xét tuyển dựa trên xét tuyển kết quả học tập cấp TNPT). Với mỗi phương thức tuyển sinh, Nhà trường xây dựng các tiêu chí cụ thể và phương pháp tuyển chọn đầu vào phù hợp nhằm bảo đảm chất lượng, minh bạch và đáp ứng yêu cầu của từng CTĐT [H8.08.02.01].

Hàng năm, căn cứ vào quy chế tuyển sinh, quy định cách thức xác định chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ GDĐT và nhu cầu xã hội, Nhà trường xác định và công bố chỉ tiêu, tiêu chí tuyển sinh **[H8.08.02.01]**. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành QTNH&ĐVAU và của Nhà trường rất rõ ràng, được xác định và ghi rõ trong CTĐT, chính sách tuyển sinh, có tổ chức thi tuyển và xét tuyển. Cụ thể là:

Nhà trường đã xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó áp dụng đồng thời cả 3 phương thức xét tuyển (xét tuyển kết quả thi THPT quốc gia, xét theo học bạ THPT, xét tuyển theo kết quả kỳ thi ĐGNL do Đại học quốc gia TP. HCM tổ chức). Để phù hợp với nhu cầu tuyển sinh của Nhà trường, phụ huynh và học sinh, cũng như đặc điểm ở địa phương, Trường đã điều chỉnh, bổ sung thêm đề án tuyển sinh hằng năm, điều chỉnh các tổ hợp môn, cân đối chỉ tiêu xét tuyển. Tiêu chí xét tuyển theo từng phương thức:

- Phương thức xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia: Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông trước khi nhập học; và thí sinh có điểm đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng do Trường Đại học Phan Thiết quy định.

- Phương thức xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT: Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông trước khi nhập học; và thí sinh đạt được 1 trong số các tiêu chí sau:

- Điểm trung bình của cả năm học lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên;
- Điểm trung bình 3 môn thuộc nhóm môn (khối) xét tuyển của cả năm học lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên;
- Điểm trung bình của cả năm học lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên;
- Điểm trung bình 3 môn thuộc nhóm môn (khối) xét tuyển của năm học lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên;
- Điểm trung bình học kỳ 1 lớp 11, học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên;
- Điểm trung bình 3 môn thuộc nhóm môn (khối) xét tuyển của học kỳ 1 lớp 11, học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.

- Phương thức xét tuyển theo kết quả kỳ thi ĐGNL do Đại học quốc gia TP. HCM tổ chức: Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông; thí sinh đã tham dự kỳ thi đánh giá

năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức và có kết quả đạt từ mức điểm xét tuyển do trường Đại học Phan Thiết quy định.

Với sự đa dạng về phương thức xét tuyển và điều kiện xét tuyển tạo điều kiện để thí sinh có cơ hội trúng tuyển vào Trường và ngành. Khi chưa tuyển đủ chỉ tiêu, Nhà trường sẽ ban hành thông báo tuyển sinh cho các đợt tiếp theo thông qua tất cả các kênh thông tin. Điểm chuẩn của từng đợt xét tuyển bổ sung có thể thay đổi để phù hợp với tình hình số lượng và chất lượng thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển **[H8.08.02.01]** **[H8.08.02.02]**. Nhằm thu hút những học sinh THPT khá, giỏi tham gia học tập tại trường, Nhà trường đưa ra chính sách học bổng:

- Học sinh khá: được giảm 50% học phí học kỳ I năm nhất.
- Học sinh giỏi: được miễn học phí học kỳ I năm nhất.

Đây là ưu điểm lớn trong công tác tuyển sinh và thu hút học sinh của Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến các tiêu chí cũng như phương pháp tuyển chọn người học nhằm đảm bảo tuyển đúng, tuyển đủ chỉ tiêu, đồng thời thu hút được người học có chất lượng, phù hợp với yêu cầu của từng ngành đào tạo. Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Hội đồng Tuyển sinh Nhà trường tổ chức họp để phân tích, đánh giá toàn diện tình hình tuyển sinh của Trường và so sánh với xu hướng chung trong cả nước, dựa trên các báo cáo tổng hợp về số lượng thí sinh nhập học và hiệu quả các phương thức tuyển sinh **[H8.08.02.03]**. Hội đồng cũng nhận diện các cơ hội, thách thức và rút ra các điểm mạnh, điểm hạn chế trong công tác tuyển sinh, từ đó đề xuất điều chỉnh các tiêu chí như tổ hợp môn xét tuyển, phương pháp tuyển chọn, vùng tuyển và chiến lược truyền thông. Những phân tích và kinh nghiệm này là cơ sở để xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm tiếp theo một cách hiệu quả hơn, nhằm đạt được kết quả tuyển sinh đúng, đủ chỉ tiêu được giao, đáp ứng nguyện vọng của thí sinh và phụ huynh, đồng thời vẫn bảo đảm chất lượng đầu vào phù hợp với yêu cầu đào tạo của Nhà trường **[H8.08.02.04]**.

Theo quy trình xét tuyển trong công tác tuyển sinh hàng năm **[H8.08.02.05]**, trước khi công bố mức điểm chuẩn cho từng ngành, hội đồng tuyển sinh (HĐTS) sẽ họp thống nhất và thông báo mức điểm chuẩn trên tất cả các kênh thông tin của Nhà trường **[H8.08.02.06]**. Ví dụ: Khi tham gia phương thức xét tuyển bằng kết quả học tập ở bậc

THPT, các thí sinh phải đảm bảo đủ điều kiện về điểm nộp hồ sơ. Ngưỡng điểm này đã được HĐTS nghiên cứu, tổng hợp, phân tích dựa trên nhiều yếu tố để xác định sao cho phù hợp nhất với từng CTĐT.

Căn cứ vào đề án tuyển sinh và chỉ tiêu được giao hằng năm, Nhà trường thường xuyên theo dõi tình hình tuyển sinh thực tế của từng ngành. Đối với những ngành chưa tuyển đủ chỉ tiêu sau đợt đầu, Nhà trường sẽ ban hành thông báo tuyển sinh bổ sung cho các đợt tiếp theo nhằm hoàn thành kế hoạch tuyển sinh. Thông báo này được công khai qua nhiều kênh như website, fanpage, Zalo, các nền tảng tư vấn trực tuyến và gửi đến các trường THPT. Đồng thời, Nhà trường cũng tăng cường hoạt động truyền thông và tư vấn nhằm hỗ trợ thí sinh tiếp cận kịp thời thông tin và lựa chọn ngành học phù hợp **[H8.08.02.07]**.

Sau khi trúng tuyển, tất cả sinh viên đều được tham dự buổi gặp mặt đầu năm do Khoa tổ chức với sự tham gia của Lãnh đạo Khoa, Trợ lý đào tạo và đội ngũ giảng viên. Trong buổi gặp mặt, tân sinh viên được giới thiệu tổng quan về Khoa, ngành đào tạo, định hướng nghề nghiệp, chương trình đào tạo, phương pháp học tập ở bậc đại học, cũng như các yêu cầu về chuẩn đầu ra sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, đây cũng là dịp để sinh viên bày tỏ cảm nghĩ của mình về Nhà trường, Khoa và ngành học đã lựa chọn, qua đó tăng cường sự kết nối giữa người học và đơn vị đào tạo.

Bên cạnh đó, thông qua hoạt động gặp gỡ giữa cựu sinh viên và doanh nghiệp trong khuôn khổ Ngày hội việc làm được tổ chức hằng năm, Khoa đã tiếp nhận nhiều ý kiến góp ý thiết thực liên quan đến các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn sinh viên đầu vào. Những phản hồi này là nguồn thông tin quan trọng giúp Nhà trường và Khoa điều chỉnh kế hoạch tuyển sinh và đào tạo một cách sát thực hơn với nhu cầu thực tế của xã hội, từ đó nâng cao khả năng thu hút người học và chất lượng đào tạo **[H8.08.02.08]**.

2. Điểm mạnh:

Tiêu chí lựa chọn người học rõ ràng, minh bạch, được điều chỉnh hằng năm phù hợp với từng phương thức tuyển sinh và yêu cầu của CTĐT.

Hoạt động lấy ý kiến từ cựu sinh viên, doanh nghiệp và tổ chức gặp mặt đầu khóa giúp nâng cao chất lượng tuyển chọn và gắn kết với nhu cầu thực tiễn.

3. Điểm tồn tại:

Hoạt động truyền thông tuyển sinh chưa đa dạng và chưa thực sự tạo được điểm nhấn để thu hút sự quan tâm của thí sinh.

Các tiêu chí lựa chọn người học còn mang tính phổ thông, chưa có nhiều yếu tố đổi mới hoặc khác biệt để tạo dấu ấn riêng của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Đa dạng hóa hình thức truyền thông tuyển sinh. - Tạo điểm nhấn trong thông điệp truyền thông để thu hút thí sinh - Đổi mới tiêu chí lựa chọn người học phù hợp với định hướng phát triển.	- P.QLĐT, - Ban Tuyển sinh - Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	- Phát huy hiệu quả của tiêu chí tuyển chọn rõ ràng, phù hợp. - Tăng cường kết nối thực tiễn trong thu hút người học.	- P.QLĐT, - Ban Tuyển sinh - Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.

1. Mô tả hiện trạng:

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ... được Nhà trường giao cho các đơn vị chuyên trách bao gồm: Khoa DL, Phòng CTSV & HTDN và Phòng QLĐT. Tại Khoa DL, lãnh đạo Khoa, Cố vấn học tập, thư ký Khoa ở cấp lớp, Ban Cán sự lớp là những lực lượng chủ chốt đảm nhiệm vai trò kết nối giữa Nhà trường với SV. Việc tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực hoạt động, chất lượng nghiệp vụ cho lực lượng này đã và đang được Nhà trường triển khai thực hiện qua các năm học [H8.08.03.01]. Cụ thể, ban Cán sự lớp hỗ trợ Nhà trường và Khoa trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động học tập, rèn luyện và các hoạt động sinh hoạt khác theo kế hoạch của Trường và Khoa. Ngoài ra, Ban cán sự lớp cũng theo dõi, nắm bắt tình hình SV, thường xuyên liên lạc và báo cáo tình hình SV với Cố vấn học tập. Cố

vấn học tập cũng định kỳ hàng tháng tổ chức họp lớp nhằm nắm bắt tình hình lớp học và phổ biến những hoạt động, quy định mới liên quan đến sinh viên (nếu có) của Nhà trường. Việc này giúp các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và rèn luyện tại Trường được giải quyết kịp thời. Đồng thời, Nhà trường phân công một Phó Hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo hoạt động công tác này trong toàn trường **[H8.08.03.02]**.

Nhà trường còn xây dựng một hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV một cách chặt chẽ. Bao gồm: Giám sát hoạt động đào tạo; giám sát học tập, xử lý học vụ; giám sát rèn luyện, ngoại trú SV **[H8.08.03.03]**.

Ngoài hệ thống phần mềm, Nhà trường còn sử dụng nhiều kênh thông tin khác nhau để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV như:

Mỗi học kỳ, Phòng QLĐT tiến hành thống kê kết quả học tập của sinh viên, tính tỷ lệ điểm F theo từng học phần và học kỳ. Đồng thời, Phòng phối hợp với các Khoa trao đổi, lấy ý kiến để xác định nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả học tập và tình trạng bỏ học. Dữ liệu này được báo cáo trong các cuộc họp giao ban BGH, họp toàn trường và họp Khoa nhằm đề xuất giải pháp phù hợp. Một số giải pháp đã được triển khai như: tìm kiếm học bổng, hỗ trợ thủ tục vay vốn cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức tư vấn học vụ, và điều chỉnh thời gian đào tạo xuống còn 3,5 năm nhằm tạo điều kiện cho sinh viên hoàn thành chương trình sớm, hạn chế tình trạng nghỉ học. Bên cạnh đó, công tác tư tưởng và định hướng thái độ học tập cũng được tăng cường nhằm giúp sinh viên nâng cao ý thức học tập tích cực và bền vững **[H8.08.03.04]**.

Cuối mỗi học kỳ, Phòng CTCTSV&HTDN phối hợp với các khoa triển khai công tác đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên theo 5 tiêu chí: học tập, chấp hành nội quy, tham gia hoạt động, ý thức cộng đồng và đóng góp tập thể. Có vấn học tập tổ chức họp lớp để sinh viên tự đánh giá, sau đó Khoa tổng hợp và gửi về Phòng CTSV&HTDN. Kết quả được thống kê và báo cáo tại các buổi họp giao ban BGH và toàn trường, giúp các đơn vị kịp thời nắm bắt tình hình người học để điều chỉnh hoạt động hỗ trợ phù hợp. Song song đó, việc theo dõi học tập của sinh viên còn được thực hiện thông qua sổ điểm danh,

đánh giá điểm chuyên cần và kết quả học vụ từng học kỳ – là những kênh truyền thống nhưng hiệu quả trong quản lý quá trình học tập của sinh viên **[H8.08.03.05]**.

Hằng năm, Nhà trường phối hợp với các Khoa tổ chức các buổi gặp gỡ, trao đổi với sinh viên nhằm tạo diễn đàn chia sẻ cởi mở giữa người học và đơn vị đào tạo. Thông qua các buổi gặp mặt này, sinh viên được chia sẻ kinh nghiệm học tập, bày tỏ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình học tập, rèn luyện, cũng như phản ánh các vấn đề liên quan đến chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, hoạt động hỗ trợ học tập và sinh hoạt tại trường. Đây không chỉ là cơ hội để sinh viên thể hiện tiếng nói của mình mà còn là kênh quan trọng giúp Khoa và Nhà trường tiếp thu những đề xuất, ý kiến đóng góp trực tiếp từ người học – đối tượng trung tâm của quá trình đào tạo. Những phản hồi được ghi nhận, tổng hợp và là cơ sở để điều chỉnh, cải tiến hoạt động đào tạo, hỗ trợ học tập cũng như nâng cao chất lượng phục vụ người học một cách thiết thực và hiệu quả hơn **[H8.08.03.06]**.

Trường ĐHPT phát huy tính dân chủ và tích cực của người học thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu có kết quả đánh giá người học trong cả tiến trình học tập. Kết thúc mỗi học phần, SV truy cập vào website Trường ĐHPT theo link: <http://pdt.upt.edu.vn/sinhvien/> đăng nhập vào tài khoản mật khẩu Trường ĐHPT đã cung cấp để xem điểm. Đồng thời, SV phải hoàn thành phiếu khảo sát đánh giá môn học. Dựa trên những đánh giá của SV, Nhà trường xây dựng những kế hoạch để cải tiến chất lượng đào tạo trong những môn học sau. Ngoài ra, SV còn có thể bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của mình thông qua các kênh Facebook, trang Fanpage Trường ĐHPT <https://www.facebook.com/upt.edu.vn/> qua Zalo, Email ĐHPT. Trường luôn luôn chú trọng về chất lượng đầu ra của SV, cũng như tích cực tổ chức các hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV thông qua website liên kết với doanh nghiệp cũng như các KH tổ chức ngày hội việc làm cho SV năm cuối.

Đặc điểm là trường đại học tư thục và ở địa phương nên Trường ĐHPT có số lượng và chất lượng SV đầu vào không cao. Vì lẽ đó, Hội Đồng Trường, Ban Giám Hiệu và Khoa thường xuyên quan tâm chăm sóc SV, theo dõi kết quả học tập, rèn luyện, theo dõi tỷ lệ bỏ học, và xem đây là một nhiệm vụ quan trọng. Từ các kết quả thống kê của các phòng và của Khoa, Nhà trường/Khoa đề ra nhiều biện pháp khắc phục nhanh chóng nhằm hạn chế tối đa tỷ lệ bỏ học, cải thiện kết quả học tập và rèn luyện. Cụ thể: (1) Cảnh báo học vụ sớm cho SV và phụ huynh qua việc: gửi thư, gặp mặt trực tiếp, gọi điện

thoại,...; (2) tăng cường nhân sự tại mỗi khoa hỗ trợ về công tác SV để theo dõi tỷ lệ lên lớp của SV, nếu SV nào vắng nhiều sẽ gọi điện thoại trực tiếp cho SV hoặc phụ huynh để tìm hiểu lý do; (3) phân bổ hợp lý khối lượng học tập đảm bảo người có học lực trung bình cũng có thể hoàn thành CTĐT đúng thời hạn **[H8.08.03.07]**.

Ban Giám Hiệu yêu cầu các Khoa và các phòng/ban có liên quan, có biện pháp giúp những SV năm đầu còn gặp khó khăn trong việc thích nghi với môi trường học tập cũng như cách học tập mới ở bậc Đại học; áp dụng nhiều biện pháp để những SV có kết quả học tập, rèn luyện yếu kém có thể nâng cao kết quả. Ngoài ra, Khoa còn có trách nhiệm theo dõi, nhắc nhở SV trong sinh hoạt lớp, họp cán bộ lớp phân công giúp đỡ; phối hợp với GV theo dõi tình hình đến lớp của SV và có những biện pháp xử lý, hỗ trợ kịp thời; tổ chức hội thảo tư vấn phương pháp học tập **[H8.08.03.08]**. Bên cạnh đó, trợ lý Khoa sẽ gọi điện thoại, gửi thư cho phụ huynh và SV về vấn đề cảnh báo học vụ. Về phía GV, chủ động tăng tiết dạy thêm và tăng giao tiếp qua Email, qua mạng xã hội, qua gặp ngoài giờ cho những đối tượng này để hỗ trợ tối đa cho SV còn gặp khó khăn trong học tập... Khoa cũng phân công GV hướng dẫn tư vấn cho SV về việc chọn nơi thực tập, làm báo cáo thực tập tốt nghiệp, làm khóa luận tốt nghiệp; hỗ trợ thêm các kênh thông tin tìm kiếm chỗ thực tập/thực hành và tìm kiếm việc làm bán thời gian cho SV đang học hoặc toàn thời gian cho SV tốt nghiệp ra trường.. **[H8.08.03.09]**.

Hiệu quả của hệ thống giám sát, theo dõi tiến độ học tập và rèn luyện của sinh viên đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và kết quả học tập của người học. Nhà trường và Khoa DL thường xuyên theo dõi tình hình học tập, rèn luyện, tỷ lệ chậm tiến độ và tốt nghiệp của sinh viên để kịp thời triển khai các biện pháp hỗ trợ phù hợp như tư vấn học vụ, điều chỉnh kế hoạch học tập hoặc kết nối với các nguồn lực hỗ trợ khác. Đặc biệt, việc triển khai hệ thống giám sát này tại Khoa DL đã cho thấy hiệu quả tích cực, thể hiện ở tỷ lệ sinh viên ngành QTNH&DVAU có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp ở mức cao, phản ánh sự gắn kết giữa hoạt động đào tạo và nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động **[H8.08.03.10]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã thiết lập hệ thống giám sát tiến độ học tập và rèn luyện của người học một cách chặt chẽ, với sự phối hợp của các đơn vị chuyên trách như Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV&HTDN và các Khoa, trong đó có Khoa DL.

Giám sát được phân công rõ ràng từ BGH, cố vấn học tập đến ban cán sự lớp, sử dụng dữ liệu học tập – rèn luyện được thống kê và phân tích định kỳ để phát hiện, hỗ trợ kịp thời cho người học.

Nhiều biện pháp hỗ trợ thiết thực được triển khai như: cảnh báo học vụ sớm, tư vấn học tập, hỗ trợ học bổng – vay vốn, tư vấn thực tập, định hướng nghề nghiệp, góp phần nâng cao tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại:

Một số kênh giám sát truyền thống như điểm danh, báo cáo từ cán sự lớp vẫn còn phụ thuộc vào tính chủ động cá nhân, chưa được tích hợp vào hệ thống quản lý tập trung; đồng thời, các hoạt động hỗ trợ cá nhân hóa cho sinh viên gặp khó khăn chủ yếu thực hiện thủ công, chưa có công cụ theo dõi và đánh giá tiến trình can thiệp một cách hệ thống và liên tục.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cao hiệu quả giám sát và hỗ trợ người học thông qua số hóa và tích hợp hệ thống quản lý.	- P.QLĐT, P.CTCTSV&HTDN; - Khoa DL	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì và nâng cao hiệu quả hệ thống giám sát tiến độ học tập, rèn luyện thông qua phối hợp giữa các đơn vị và cập nhật dữ liệu học vụ định kỳ. - Tăng cường hỗ trợ người học gắn với thực tiễn bằng cách kết nối doanh nghiệp, tư vấn thực tập, định hướng nghề nghiệp và phân công giảng viên theo dõi sát sao.	- P.QLĐT, P.CTCTSV&HTDN; - Khoa DL	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

1. Mô tả hiện trạng:

Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học và giám sát quá trình học tập, rèn luyện được Nhà trường giao cho các đơn vị chuyên trách như Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV&HTDN và các Khoa, trong đó có Khoa DL. Cố vấn học tập và Thư ký Khoa là những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này tại cấp Khoa, với sự hỗ trợ tích cực từ Ban Cán sự lớp. **[H8.08.04.01]**

Đối với ngành QTNH&DVAU, Khoa DL tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, mời giảng viên có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực nhà hàng, dịch vụ ăn uống tham gia giảng dạy, phối hợp doanh nghiệp tổ chức học phần thực hành phần mềm chuyên ngành. Những hoạt động này giúp sinh viên tiếp cận kiến thức thực tế, định hướng nghề nghiệp rõ ràng và tăng tính ứng dụng trong học tập. Một Phó Hiệu trưởng được phân công trực tiếp chỉ đạo công tác này nhằm bảo đảm sự nhất quán và hiệu quả trong toàn trường **[H8.08.04.02]**.

Phòng CTCTSV&HTDN và các Khoa chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho SV, mở rộng các mối quan hệ với các doanh nghiệp, tăng cường phối hợp thực tiễn để nâng cao công tác giảng dạy học tập của Nhà trường, giới thiệu SV cho các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng, giới thiệu việc làm thực tập cho SV năm cuối. Ngoài ra, Phòng CTCTSV&HTDN còn thường xuyên ký kết hợp tác với các doanh nghiệp, mời các cơ quan, doanh nghiệp tham dự các buổi hội thảo, các buổi tư vấn phổ biến kinh nghiệm chinh phục nhà tuyển dụng, tổ chức Ngày hội việc làm... **[H8.08.04.03]**.

Thông qua một số quy trình và kế hoạch công tác của các đơn vị, các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập được xây dựng và triển khai một cách chặt chẽ.

+ Về công tác đào tạo, NCKH SV: Triển khai và giám sát công tác đào tạo qua Quy chế đào tạo của Trường; hệ thống các quy trình nghiệp vụ như: Quy trình hướng dẫn và chấm khóa luận tốt nghiệp, báo cáo thực tập; Quy trình xét tốt nghiệp; Quy trình tổ chức thi học kỳ **[H8.08.04.04]**. Đầu năm học, Trường thành lập Ban thường trực tuyển

sinh và xây dựng kế hoạch tuần sinh hoạt công dân rất chi tiết, tân SV và SV sẽ được phổ biến chi tiết, đầy đủ mục tiêu đào tạo, CTĐT và các văn bản hướng dẫn của Nhà trường; các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động học tập của SV trong quá trình tuyển sinh, hỗ trợ đăng ký nhập học và tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học. Khi vào Website của Phòng QLĐT, Khoa, Phòng CTCTSV-HTDN hoặc xem Sổ tay SV,... SV sẽ được hỗ trợ các thông tin liên quan đến công tác đào tạo. Ngoài ra, để hỗ trợ tối đa cho người học, và chắc chắn mọi thông tin đều đến được với từng SV, Trường còn cung cấp cho mỗi SV một tài khoản email cá nhân, thông qua đó, SV sẽ biết được CTĐT, các thông báo và hướng dẫn đóng học phí, thời khóa biểu, lịch thi, kết quả thi, cảnh báo học vụ, phúc khảo, thực tập, tốt nghiệp, việc làm... [H8.08.04.05], [H8.08.04.06]. Khoa, Cố vấn học tập được giao nhiệm vụ tham gia sinh hoạt lớp, tổ chức cuộc gặp SV đầu năm để giới thiệu về định hướng phát triển của Trường hiện nay, CTĐT, phương thức đào tạo, phương pháp học tập, các quy định, biểu mẫu hướng dẫn các hoạt động tại Trường và giải đáp một số thắc mắc của tân SV và SV các khóa. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức đối thoại giữa SV và lãnh đạo Nhà trường hằng năm nhằm thu thập thông tin phản hồi của SV về tất cả các phương diện của Trường, Khoa [H8.08.04.06].

NCKH của SV là hoạt động luôn được Nhà trường và Khoa DL quan tâm, khuyến khích. SV được tạo điều kiện tham gia các đề tài, chương trình nghiên cứu và trao đổi học tập cùng các GV và NCV của Trường. Các chương trình Hội thảo Khoa học của Trường và các Khoa tăng dần về số lượng và chất lượng hằng năm nên đã thu hút hàng nhiều SV tham gia. Sinh viên viết bài nội san và đến năm 2024 SV đã có bài viết đăng tạp chí nhờ sự hướng dẫn của GV khoa [H8.08.04.07].

Để hỗ trợ cho việc học tập và NCKH của SV, thư viện Nhà trường ngày càng được trang bị, cập nhật đủ giáo trình, tài liệu học tập sát với từng CTĐT. Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động Thư viện cũng được Nhà trường chú trọng. Cơ sở dữ liệu trực tuyến được cập nhật liên tục nhằm hỗ trợ tối đa cho SV về nguồn tài liệu học tập và NCKH [H8.08.04.08].

+ Về các hoạt động ngoại khóa, các dịch vụ hỗ trợ khác: Phòng CTCTSV&HTDN giữ vai trò chính trong công tác quản lý giáo dục về phẩm chất đạo đức, nhân cách của SV. Nội dung trọng tâm của công tác này bao gồm: giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong SV; Thực hiện thi đua, khen thưởng, kỷ luật, chăm lo và hỗ trợ SV; Đánh

giá rèn luyện SV toàn Trường; Phát động phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, câu lạc bộ; Giữ liên lạc với Cựu SV; Tổ chức các chương trình sự kiện cấp trường. Để thực hiện tốt các động phục vụ và hỗ trợ người học, Phòng CTCTSV&HTDN đã xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể **[H8.08.04.09]**.

Trường đã thiết lập hệ thống thông tin trải rộng trong toàn trường với nhiều kênh thông tin đa dạng, phong phú nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV được tiếp cận, nắm bắt những chủ trương, chính sách của Nhà trường, hiểu biết những quy trình, thủ tục, các quy định, quy chế cũng như những chương trình, sự kiện cấp Khoa, cấp Trường. Đặc biệt, cổng thông tin điện tử Trường là trang ngôn luận chính thống của Nhà trường, mọi thông tin liên quan đều được thể hiện một cách trực quan, cụ thể, rõ ràng thông qua chuyên mục SV **[H8.08.04.10]**.

Trường xây dựng Quỹ học bổng dành cho SV với nhiều chương trình học bổng phong phú để động viên, khích lệ SV đạt thành tích cao trong học tập, hoạt động phong trào, đồng thời hỗ trợ SV gặp hoàn cảnh khó khăn về tài chính. Ngoài ra, SV cũng có thể nhận được các học bổng được tài trợ bởi chính các đối tác, doanh nghiệp ký kết hợp tác với Trường ĐHPT. Nhà trường đảm bảo SV được tiếp cận đầy đủ các thông tin về chương trình học bổng trong và ngoài Trường qua chuyên mục Học bổng hỗ trợ SV, thống kê nguồn học bổng, tổng hợp theo dõi tình hình SV nhận học bổng **[H8.08.04.11]**, **[H8.08.04.12]**.

Bảng 8.1. Thống kê các hoạt động huy động học bổng

STT	Hoạt động	Giá trị (VNĐ)	Ghi chú
1	Học bổng huy động năm 2021-2022	76.500.000đ 648 Euro	Học bổng huy động gồm học bổng khuyến học và học bổng từ các doanh nghiệp đồng hành với Nhà trường.
2	Học bổng huy động năm 2022-2024	750USD 648 Euro 357.500.000đ	
3	Học bổng huy động năm 2023-2024	648 Euro 630.500.000đ	
4	Học bổng huy động năm 2024-2025	446.000.000đ	

Ngoài các dịch vụ hỗ trợ trên, tất cả những SV thuộc diện chính sách đều được Trường ĐHPT đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách xã hội đúng theo quy định Nhà

nước như hoạt động cấp giấy xác nhận SV giới thiệu về địa phương để vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội tạo điều kiện cho SV học tập và sinh hoạt.

Bảng 8.2. Thống kê các hoạt động hỗ trợ SV vay vốn học tập

STT	Hoạt động	Số lượng	Thời gian
1	Cấp giấy xác nhận cho SV vay vốn năm 2021	63	Đầu mỗi học kỳ
2	Cấp giấy xác nhận cho SV vay vốn năm 2022	398	Đầu mỗi học kỳ
3	Cấp giấy xác nhận cho SV vay vốn năm 2023	441	Đầu mỗi học kỳ
4	Cấp giấy xác nhận cho SV vay vốn năm 2024	443	Đầu mỗi học kỳ
5	Cấp giấy xác nhận cho SV vay vốn năm 2025	68	Đầu mỗi học kỳ

Về hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao: Đầu năm học, Đoàn trường ĐH Phan Thiết sẽ lên kế hoạch hoạt động trong năm. Trong kế hoạch sẽ đưa ra các thông tin cụ thể về mục tiêu của hoạt động, nội dung hoạt động, dự trù kinh phí và thời gian thực hiện. Nhờ đó, các phòng/khoa có thể tiếp cận thông tin, lên kế hoạch thực hiện cho phòng/khoa và có những góp ý phù hợp nhằm hỗ trợ các hoạt động được tốt hơn. Một số kế hoạch triển khai các hoạt động chính trong năm học: chương trình chào đón tân sinh viên, các giải bóng đá cho SV nam/nữ và các hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn. Hiện nay, Trường ĐHPT có 4 câu lạc bộ do Đoàn TN và Hội SV trực tiếp quản lý tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao để thu hút đông đảo SV tham gia. Khoa DL đã chỉ đạo Ban chấp hành đoàn Khoa, GV phụ trách các mảng hoạt động phong trào tổ chức các hoạt động ngoại khóa trong suốt năm học; tham gia cuộc thi Khúc hát tri ân, các giải bóng đá mini, cuộc thi cắm hoa, hội chợ ẩm thực và trò chơi, hội thao Trường ĐHPT. Đặc biệt, Khoa TCKTNH thường chủ trì tổ chức giải bóng đá mini nữ hàng năm [H8.08.04.13].

Về sức khỏe SV: Hỗ trợ các vấn đề về sức khỏe (sơ cứu khi có tai nạn, khám sức khỏe, bảo hiểm y tế), tư vấn tâm lý cho SV. Việc khám sức khỏe cho SV được tổ chức khi SV nhập học. SV được Nhà trường hỗ trợ đăng ký bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn cho SV. Bên cạnh đó, SV được còn được tư vấn tâm lý miễn phí khi có nhu cầu. Trung bình mỗi năm học Phòng Y tế Trường ĐHPT đã khám và cấp phát thuốc cho hơn 1.000 lượt người, cấp cứu tại chỗ trên 50 trường hợp [H8.08.04.14].

Định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm cho SV hằng năm, Trường ĐHPT đều tổ chức ngày Hội việc làm cho SV với sự tham gia của hơn 30 doanh nghiệp mỗi năm và có hơn 1000 vị trí việc làm cho các bạn ứng tuyển [H8.08.04.09].

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trung bình toàn Trường trong những năm gần đây duy trì ở mức ổn định, dao động từ 80% đến 85%, phản ánh hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ học tập, giám sát học vụ và đồng hành của giảng viên trong suốt quá trình đào tạo. Đồng thời, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp đạt từ 90% đến 96%, cho thấy chương trình đào tạo của Trường gắn kết tốt với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Kết quả này còn cho thấy sự hiệu quả của các hoạt động hướng nghiệp, tư vấn nghề nghiệp, kết nối doanh nghiệp và tổ chức ngày hội việc làm được Nhà trường duy trì thường xuyên nhằm hỗ trợ sinh viên sớm tìm được việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp. **[H8.08.04.15].**

Dịch vụ tiện ích tại Trường ĐHPT từng bước được nâng cấp để đáp ứng nhu cầu học tập và sinh hoạt của sinh viên. Ký túc xá hiện đáp ứng khoảng 40% nhu cầu chỗ ở nội trú. Căn tin được bố trí phục vụ đa dạng, có phát sóng trực tiếp các giải đấu lớn của Đội tuyển Việt Nam nhằm tạo không gian sinh hoạt chung, gắn kết sinh viên. Thư viện mở rộng thời gian phục vụ, đặc biệt trong các kỳ thi, hỗ trợ sinh viên ôn tập hiệu quả. Bên cạnh đó, phần lớn các phòng học đã được trang bị điều hòa và thiết bị giảng dạy hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng học tập **[H8.08.04.16].**

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TTPC tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ SV về khóa học và về chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ **[H8.08.04.17]**. Các kết quả khảo sát sẽ được báo cáo cho BGH và cho các đơn vị liên quan để cải tiến chất lượng công tác hỗ trợ người học. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được Nhà trường triển khai theo một nguyên tắc nhất quán xuyên suốt trong mọi hoạt động, có kế hoạch, triển khai, rà soát và cải tiến các kết quả hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Kết quả khảo sát ý kiến SV về hiệu quả các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học cho thấy SV Khoa DL hài lòng cao về hoạt động này **[H8.08.04.18]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống hỗ trợ sinh viên toàn diện trong học tập, rèn luyện, NCKH và hoạt động ngoại khóa, với phân công rõ ràng và phối hợp hiệu quả giữa các đơn vị. Đội ngũ cố vấn học tập và trợ lý Khoa DL nhiệt tình, giàu kinh nghiệm, luôn đồng hành

và hỗ trợ kịp thời cho sinh viên, góp phần nâng cao kết quả học tập và khả năng tìm việc sau tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại:

Các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa của SV ngành QTNH&DVAU còn chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa phối hợp với các đơn vị sẽ tổ chức thêm các hoạt động phong trào, học thuật, ngoại khóa hấp dẫn hơn và tích cực phổ biến rộng rãi thông tin về các hoạt động cho sinh viên kịp thời, nhanh chóng thông qua tất cả các kênh, trang mạng xã hội khác.	- Khoa DL, - P.CTCTSV &HTDN, - Các đơn vị	Từ giữa năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cấp hệ thống giám sát và hỗ trợ người học theo hướng đồng bộ, liên thông hiệu quả giữa các cấp Trường và Khoa. Đồng thời, tăng cường khuyến khích, ghi nhận và tạo động lực cho đội ngũ CBNV tham gia công tác hỗ trợ sinh viên để phát huy tinh thần trách nhiệm và nhiệt huyết.	- BGH, - P.QLĐT, - Khoa DL, - Các đơn vị.	Thường niên	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHPT có đủ số phòng học, giảng đường, phòng thực hành phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và NCKH đáp ứng yêu cầu học tập và NCKH của SV và GV ngành QTNH&DVAU. Phan Thiết là một trong các thành phố DL, nơi tập trung rất nhiều khu nghỉ dưỡng bậc nhất của Việt Nam, hệ thống các ngân hàng cũng có mặt khá đông đủ ở đây, rất thuận lợi cho đào tạo ngành QTNH&DVAU theo định hướng đào tạo kết hợp với thực tiễn. Với khuôn viên rộng 12 ha, Trường ĐHPT định hướng đến sự kết hợp giữa xanh, sạch, đẹp và hiện đại. Tất cả các phòng học đều được trang bị đầy đủ

thiết bị phục vụ công tác dạy và học. Khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng/khoa,... KTX được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CBGV, SV. Cảnh quan sư phạm của Trường và Khoa DL luôn sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các SV. Trang bị máy điều hòa cho toàn bộ phòng học, phòng làm việc, phòng nghỉ cho các GV từ xa đến công tác. Nhà trường có bộ phận xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và PVCD [H8.08.05.01].

Nhà trường đã ban hành nội quy và quy tắc ứng xử áp dụng cho toàn thể sinh viên, cán bộ, giảng viên và nhân viên, nhằm xây dựng môi trường học tập và làm việc văn minh, kỷ cương và chuyên nghiệp. Nội quy, quy tắc ứng xử được công khai rõ ràng trên các kênh thông tin chính thức của Trường như website, bảng tin, sổ tay sinh viên, và được phổ biến trong các buổi sinh hoạt đầu khóa, các buổi họp lớp định kỳ. Nội dung quy tắc không chỉ quy định những hành vi được khuyến khích hoặc không được phép trong học đường, mà còn đề cao tinh thần trách nhiệm, thái độ tôn trọng, hợp tác giữa các bên trong Nhà trường. Đây là cơ sở để điều chỉnh hành vi, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật và tạo dựng môi trường giáo dục tích cực, thân thiện và hiệu quả [H8.08.05.02].

Khoa luôn tạo dựng môi trường học tập và sinh hoạt cho SV ngành QTNH&DVAU được thuận lợi, thoải mái nhất. SV dễ dàng liên hệ với Khoa thông qua Trợ lý Khoa, GV một cách dễ dàng, thân thiện. Tất cả các vấn đề có liên quan đến học tập, chính sách hỗ trợ cho SV, hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ, Khoa luôn cố gắng thông tin đến SV kịp thời, rõ ràng nhất. Nếu SV cần sự hỗ trợ về các vấn đề khác ngoài học tập, tất cả thành viên của Khoa DL bao gồm ban lãnh đạo khoa đều luôn sẵn lòng. Với các trường hợp gia cảnh khó khăn hoặc gặp trở ngại về tâm lý làm ảnh hưởng đến việc học tập, Trợ lý khoa sẽ kết hợp với CVHT trao đổi, tư vấn giúp đỡ SV. Hàng năm, Nhà trường, Khoa DL có khảo sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan khuôn viên Trường [H8.08.05.03].

Vấn đề an toàn phòng chống cháy nổ được Trường rất quan tâm. Hằng năm, Trường đều nghiêm túc cử người tham gia tập huấn [H8.08.05.04]. Để đảm bảo vấn đề sức khỏe cho SV, CB-GV-NV; Trường chú trọng nguồn nước sạch và chất lượng thực phẩm phục vụ trong Nhà trường [H8.08.05.05].

Số lượng sinh viên lưu trú tại ký túc xá khá nhiều nên Nhà trường cũng chú trọng về công tác đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm như: báo cáo kết quả triển khai về việc thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm; kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại căn tin, các giấy chứng nhận liên quan; Lập tờ trình gửi Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Bình Thuận về xin ký cam kết đảm bảo ATTP cho bếp ăn tập thể. **[H8.08.05.05]**

SV Khoa DL được tham gia BHYT, BHTN đồng thời đều được Khoa thông báo tham dự các buổi tư vấn sức khỏe học đường, tâm lý do các đơn vị trong Trường tổ chức đầy đủ **[H8.08.05.06]**. Nhà trường đã lập Phương án giúp hỗ trợ việc di chuyển của SV là người có nhu cầu đặc biệt. Cụ thể, Nhà trường đã lắp ráp, chế tạo xe điện hỗ trợ di chuyển **[H8.08.05.07]**.

Ngoài ra, SV Khoa DL còn tham gia hoạt động thường niên là Tổ chức giải bóng đá Nam/ Nữ tại trường và nhiều hoạt động khác của Đoàn Thanh niên. Những hoạt động này thu hút SV của Khoa và toàn Trường quan tâm, tham gia **[H8.08.05.08]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường luôn quan tâm đầu tư và cải tiến môi trường học tập toàn diện, bao gồm môi trường sinh thái, không gian học tập, khu thực hành, công tác y tế học đường, phòng cháy chữa cháy và các yếu tố an toàn khác. Văn hóa ứng xử trong trường được xây dựng theo hướng văn minh, lịch sự và thân thiện.

Hằng năm, Nhà trường và các Khoa tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm. Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích và sử dụng làm cơ sở để đánh giá mức độ hài lòng, từ đó đưa ra các điều chỉnh nhằm không ngừng nâng cao chất lượng môi trường học tập và sinh hoạt cho sinh viên.

3. Điểm tồn tại:

Nhà trường đã xây dựng phương án hỗ trợ người học có nhu cầu đặc biệt nhưng cơ sở vật chất chưa đầy đủ phục vụ riêng cho những người có nhu cầu đặc biệt.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Rà soát số SV có nhu cầu đặc biệt cần hỗ trợ hằng năm để có kế hoạch trang bị CSVC phù hợp, cũng như các hoạt động hỗ trợ khác để tạo điều kiện thuận lợi cho SV học tập tại Trường.	- Khoa DL, - P.QLĐT, - P.TCHC	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục nâng cấp về CSVC, môi trường cảnh quan phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động ngoại khóa của SV, đảm bảo an toàn và tạo tâm lý thoải mái cho SV. Tiếp tục duy trì những điểm mạnh về Văn hóa ứng xử của SV trường. Tiếp tục thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan.	- BGH, - P.TCHC, - P.CTCTSV & HTDN	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Chính sách và phương thức tuyển sinh được xây dựng rõ ràng, linh hoạt, công khai qua nhiều kênh và cập nhật hằng năm theo phân tích dữ liệu, dự báo nhu cầu nhân lực. Tiêu chí lựa chọn người học minh bạch, phù hợp với từng phương thức và chương trình đào tạo, có tham vấn từ cựu sinh viên, doanh nghiệp. Hệ thống giám sát, hỗ trợ học tập triển khai đồng bộ từ Ban Giám hiệu đến các bộ phận chuyên trách, với dữ liệu học tập – rèn luyện được theo dõi định kỳ. Hoạt động hỗ trợ sinh viên toàn diện, hiệu quả, góp phần nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và việc làm sau tốt nghiệp. Môi trường học tập được đầu tư đồng bộ, thân thiện, an toàn; khảo sát sự hài lòng người học được thực hiện định kỳ để kịp thời cải tiến.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Một số kênh giám sát còn thủ công, rời rạc, chưa tích hợp với hệ thống quản lý tập trung và thiếu công cụ theo dõi cá nhân hóa. Truyền thông tuyển sinh chưa phong phú, thiếu điểm nhấn thu hút thí sinh. Tiêu chí tuyển chọn người học còn phổ thông, chưa có nét riêng cho từng ngành hoặc cho Trường. Dữ liệu tuyển sinh ngành QTNH&DVAU

chưa ổn định, có năm chưa đạt chỉ tiêu. Hoạt động học thuật và ngoại khóa chuyên ngành còn hạn chế, thiếu gắn kết với thực tiễn. Cơ sở vật chất hỗ trợ người học đặc biệt còn thiếu, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 8:

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 8 gồm có 5 tiêu chí, các tiêu chí đạt điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường ĐHPT có hệ thống CSVC và các trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của Nhà trường nói chung và ngành QTNH&DVAU. Trong những năm gần đây, Nhà trường tăng cường mở rộng, đầu tư về CSVC, cải thiện và xây dựng mới các hệ thống phòng học, phòng thực hành với đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, cần thiết phục vụ cho nhu cầu dạy và học của giảng viên và sinh viên.

Hiện nay, Nhà trường vẫn đang tiếp tục triển khai công tác quy hoạch, giải tỏa mặt bằng, mở rộng hơn nữa diện tích đất, nhằm phục vụ cho các kế hoạch, xây dựng và mở rộng về hệ thống phòng học, phòng thực hành, khuôn viên cho toàn trường nói chung và cho ngành QTNH&DVAU nói riêng.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng:

Phòng TC-HC là đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và PVCD. Phòng lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa và quản lý toàn bộ hệ thống cơ sở hạ tầng bao gồm: các phòng làm việc, phòng thực hành, giảng đường, phòng học, hội trường, ký túc xá, sân vườn cây cảnh, hệ thống cung cấp điện nước; Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy trình, nội quy sử dụng tài sản, trang thiết bị trong các phòng học và phòng thực hành [H9.09.01.01]; Tổ chức mua sắm trang thiết bị chuyên dùng theo nhu cầu của các đơn vị; Chủ trì trong công tác quản lý và sử dụng CSVC, trang thiết bị, phương tiện làm việc,

giảng dạy, nghiên cứu, học tập của Trường hiện tại.

Hệ thống phòng thực hành của Khoa DL được Nhà trường chú trọng quan tâm, cụ thể Nhà trường đầu tư 3 phòng thực hành máy tính và 3 phòng thực hành sử dụng riêng cho Khoa DL, giúp SV tiếp cận với thực tiễn ngay tại Trường. Ngoài ra, Nhà trường trang bị hệ thống đèn, quạt cho toàn bộ phòng học, phòng làm việc, phòng nghỉ cho các GV từ xa đến công tác. Bên cạnh đó, trường đầu tư đầy đủ các phòng tự học, thư viện điện tử... hỗ trợ SV và GV trong quá trình dạy và học tập **[H9.09.01.02]**.

Trường ĐHPT ban hành đã ban hành nội quy sử dụng tài sản, thiết bị trong các phòng học và phòng thực hành **[H9.09.01.03]**. Phòng TCHC có bộ phận quản trị thiết bị theo dõi sử dụng hiệu quả tài sản của trường phục vụ cho giảng dạy, NCKH và học tập **[H9.09.01.04]**. Phòng TCHC có trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ và quản lý toàn bộ hệ thống các phòng làm việc, phòng thực hành, giảng đường, phòng học, hội trường, ký túc xá, sân vườn cây cảnh, hệ thống cung cấp điện nước. Bảo dưỡng và tổ chức thực hiện việc phục vụ trang thiết bị theo yêu cầu của các đơn vị và bảo dưỡng máy móc thiết bị theo chế độ quy định. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc mua sắm thiết bị, vật tư kỹ thuật, dụng cụ, công cụ... phục vụ kịp thời cho giảng dạy, học tập, nghiên cứu và làm việc của CB-GV-NV, SV trong toàn trường. Phối hợp với Phòng KHTC lập kế hoạch, định giá, phân loại tài sản, tiến hành các thủ tục thanh lý tài sản đã hết hạn sử dụng theo nguyên tắc quy định của Nhà nước **[H9.09.01.05]**.

Hàng năm, căn cứ theo kế hoạch của Nhà trường, khoa phối hợp thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ GV, SV, tổng hợp và đề xuất để nhà xây dựng kế hoạch về cải tiến, mua mới, nâng cấp CSVC, trang thiết bị cần thiết cho phòng học, phòng thực hành và các phòng chức năng của Khoa phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu **[H9.09.01.06]**, **[H9.09.01.07]**, **[H9.09.01.08]**.

2. Điểm mạnh:

Các phòng làm việc và phòng học đều được trang bị đầy đủ các thiết bị, công cụ phù hợp với nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH. Có hệ thống phòng thực hành với nhiều phòng thực hành chuyên ngành được trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ cho giảng dạy và học tập.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù Nhà trường và Ban lãnh đạo Khoa có nhiều nỗ lực và quan tâm đến việc trang bị các điều kiện về CSVC cho GV và SV làm việc và học tập, tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như: Một số phòng học còn khá nhỏ và nóng do thời tiết đặc trưng của tỉnh.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Có kế hoạch lắp đặt thêm các thiết bị làm mát để tạo điều kiện học tập làm việc tốt nhất cho SV, HV, CB-GV-NV của Trường trong mùa nóng.	Khoa, P.TCHC	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát, nâng cấp hệ thống trang thiết bị, công cụ dạy học, máy tính thực hành,... phù hợp với nhu cầu học tập, giảng dạy.	P.TCHC	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng:

Thư viện đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ công tác học tập và giảng dạy của một trường Đại học. Thư viện Trường ĐHPT được thành lập, tổ chức và hoạt động từ năm 2014, có chức năng phục vụ việc học tập và nghiên cứu của tập thể GV và SV đang học tập, nghiên cứu và làm việc tại trường [H9.09.02.01], với tổng diện tích sàn hiện nay là 600m² gồm các phòng đọc dành cho SV, CB-GV-NV, phòng thư viện điện tử, kho sách, báo, tạp chí, Phòng tự học phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu và làm việc theo nhóm hoặc cá nhân [H9.09.02.02].

Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động, bao gồm chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính, thiết bị. Thư viện có nội quy, quy định, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng; Thư viện mở cửa từ 7h30 sáng đến 17h00 chiều, tạo điều kiện thuận lợi cho GV và người học khai thác tài liệu phục vụ việc học tập và nghiên cứu. Thư viện được quản lý và theo

đổi chặt chẽ đối với các hoạt động như cho SV, GV mượn/trả sách, giáo trình và các hoạt động khác nhằm tránh thất thoát để đảm bảo nguồn học liệu luôn được đầy đủ [H9.09.02.03]. Để đảm bảo nhân sự cho thư viện, Trường đã cử cán bộ thư viện đi học nghiệp vụ và quyết định bổ nhiệm nhân sự, sau đó tập huấn lại cho các cán bộ thư viện mới [H9.09.02.04].

Thư viện Trường cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Khoa. Trong những năm gần đây, nguồn học liệu của thư viện không ngừng được bổ sung và đa dạng hóa. Hiện tại, thư viện đang phục vụ 9466 đầu sách; 213 tài liệu nội sinh; 304 đề tài NCKH, ebook; 275 luận văn.... Công tác bổ sung tài liệu để tăng nguồn tài liệu tham khảo cho người học và bổ sung giáo trình cho những môn học mới được thực hiện đúng quy trình. Hiện tại Thư viện có một cổng thông tin <http://lib.upt.edu.vn/>, thư viện điện tử của Trường liên kết với thư viện của một số Trường đại học phía nam như Trường ĐH Tây Đô, Trường ĐH Ngoại Thương,...để cung cấp, mở rộng thêm nguồn tài liệu học tập, tham khảo cho SV [H9.09.02.05], [H9.09.02.06], [H9.09.02.07]. Số lượng sách, tài liệu và tạp chí thường xuyên được thống kê và cập nhật định kỳ. Hàng năm, Trường ĐHPT dành một nguồn kinh phí cho công tác bổ sung nguồn tài liệu, Nguồn tài liệu của thư viện bao gồm 2 nguồn chính: Nguồn mua bổ sung hàng năm bằng ngân sách do BGH duyệt; Nguồn cho tặng. Phần lớn giáo trình và các loại sách sử dụng trong trường được mua bằng nguồn kinh phí thường xuyên. Thư viện có báo cáo kế hoạch tổng kết định kỳ hàng năm và có các văn bản đề xuất nhu cầu đầu tư nguồn liệu phục vụ người học [H9.09.02.08].

Hàng năm, thư viện tiến hành khảo sát ý kiến nhằm đánh giá mức độ hài lòng của bạn đọc. Nội dung khảo sát tập trung vào việc đánh giá mức độ đầy đủ, phong phú của nguồn sách báo, tài liệu; về thái độ, tinh thần phục vụ của các nhân viên; về mức độ đáp ứng CSVC, trang thiết bị tại Thư viện. Kết quả khảo sát giúp Thư viện khắc phục những hạn chế, tồn tại, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ [H9.09.02.09].

2. Điểm mạnh:

Thư viện của Nhà trường có không gian thoáng mát, các đầu sách được cập nhật hằng năm để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường và Khoa. Xây dựng

đầy đủ các quy trình sử dụng thư viện và hướng dẫn cho toàn thể SV và CBGV biết và thực hiện.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù Nhà trường đã có sự quan tâm, chú trọng đầu tư, xây dựng, mở rộng thư viện, tuy nhiên diện tích dành cho thư viện còn khá nhỏ. Các tài liệu, sách tại thư viện vẫn còn hạn chế. Việc khai thác nguồn tài liệu mua của nước ngoài vẫn còn hạn chế. Cách quản lý của Thư viện chưa được hiện đại hóa.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Nhà trường đang triển khai dự án mở rộng đầu tư CSVC, hạ tầng, trong đó có việc xây dựng khu thư viện mới, mở rộng hơn về diện tích. Đồng thời phát triển đầu sách, tài liệu cứng và tài liệu điện tử đáp ứng cho việc học tập và nghiên cứu. - Đổi mới phần mềm quản lý và công tác quản lý thư viện.	- BGH, - P.TCHC, - Thư viện, - Bộ phận IT	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	- Cập nhật đầu sách mới các ngành học. Xây dựng các hoạt động nâng cao văn hóa đọc sách cho SV nhằm nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu thông qua việc đọc sách. - Định kỳ tham khảo ý kiến các bên liên quan để tiếp tục cải tiến hoạt động phục vụ của thư viện.	- Thư viện, - Khoa DL, - P.QLĐT	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng:

Ngành QTNH&DVAU hiện có 3 phòng thực hành gồm 1 phòng thực hành bếp và 1 phòng thực hành nhà hàng và 1 phòng thực hành máy tính phục vụ cho sinh viên ngành QTNH DVAU. Phòng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị như bếp ga, tủ lạnh, nồi, muống, nĩa, đĩa, dao, thớt, ly... [H9.09.03.01], [H9.09.01.02], [H9.09.03.02]. Nhà

Commented [1]: thêm thống kê cơ sở vật chất phòng thực hành ngành DVAU

trường ban hành quy chế sử dụng phòng thực hành chuyên ngành và phòng thực hành máy tính. Đồng thời, Nhà trường có các bảng nội quy, quy định sử dụng phòng thực hành được dán ngay tại phòng thực hành để SV, GV dễ dàng thực hiện [H9.09.01.03].

Nhà trường luôn quan tâm đến hiệu quả công tác quản lý, sử dụng các phòng thí nghiệm và trang thiết bị nhằm phục vụ tốt nhất công tác học tập, giảng dạy và NCKH. Tại các phòng máy tính, phòng thực hành luôn có các sổ theo dõi tần suất sử dụng, tất cả thiết bị thực hành được quản lý chặt chẽ [H9.09.01.04]. Định kỳ, căn cứ vào phản hồi của GV và SV, Phòng TCHC tiến hành kiểm kê, rà soát chất lượng và bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị thực hành. Nhà trường bố trí một khoản kinh phí khá lớn để sửa chữa, đầu tư, nâng cấp các phòng thực hành cho phù hợp với nhiệm vụ, kế hoạch, quy mô đào tạo [H9.09.01.05], [H9.09.01.06].

Định kỳ, Nhà trường và Khoa tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị. GV và SV đều đánh giá đáp ứng tốt và rất tốt với tỷ lệ trên 70%. Khoa DL được toàn thể CB-GV-NV và SV đánh giá là đơn vị có hệ thống phòng thực hành đầy đủ, hiện đại và đáp ứng tốt nhu cầu học tập và NCKH của GV và người học. Đồng thời trên cơ sở đánh giá đó, Khoa đề xuất Nhà trường bổ sung, cải tiến, nâng cấp hệ thống CSVC cho phòng thực hành [H9.09.01.07].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã quan tâm đầu tư, nâng cấp các phòng thí nghiệm, thực hành với các trang thiết bị mới, hiện đại, đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo và NCKH. Có riêng phòng thực hành Nhà hàng và phòng thực hành Bếp

Nhà trường và Khoa đã ban hành các quy định về quản lý và sử dụng tài sản công và hướng dẫn quy trình khai thác, sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, thực hành đảm bảo an toàn và hiệu quả.

3. Điểm tồn tại:

Phòng thực hành bếp còn tạm bợ được xây dựng tại khu vực văn tin, chưa có phòng riêng với thiết kế chính chu, đạt tiêu chuẩn học tập và giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch đề xuất Nhà trường xây dựng phòng thực hành chuyên biệt nhằm giúp phục vụ tốt công tác đào tạo ngành QTNH&DVAU của Khoa.	- P.TCHC, - Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Sớm triển khai việc đầu tư mở rộng, nâng cấp hạ tầng, CSVC, trong đó có các phòng thực hành chuyên ngành cho khoa để tăng cường tổ chức cho SV học thực hành, nâng cao khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn cho SV.	- HĐT, - BGH, - P.TCHC, - Khoa	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng:

Hệ thống CNTT của Nhà trường đã được tập trung đầu tư và có khả năng đáp ứng khá tốt nhu cầu giảng dạy, đào tạo và NCKH của Khoa cũng như Nhà trường. Về hạ tầng mạng, Nhà trường hiện sử dụng 2 đường cáp quang tốc độ cao (FTTH) để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng học, nhà làm việc, hội trường và phủ sóng Wifi toàn trường phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH [H9.09.04.01].

Trường hiện có khoảng 369 máy vi tính sử dụng cho quản lý, học tập, được bố trí các phòng máy tính phục vụ hoạt động thực hành tin học căn bản và tin học chuyên ngành và các học phần thực hành khác cho nhiều ngành, cùng với một phòng máy tính tại phòng thư viện Trường đáp ứng yêu cầu khai thác tư liệu của SV [H9.09.03.02]. Các ngành, các lớp có lịch thực hành được sắp xếp rõ ràng, đảm bảo 100% SV được sử dụng máy tính cho hoạt động học tập.

Ngoài ra, các phòng học đều có máy chiếu, micro, loa để phục vụ công tác giảng dạy. Trường đã trang bị đầy đủ hệ thống máy tính tại các phòng ban và các Khoa. Nhà trường sử dụng các phần mềm máy tính có bản quyền để phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy và NCKH. Trường ĐHPT đã có các biện pháp bảo vệ an toàn, an ninh cho toàn bộ hệ thống mạng và các máy tính trong Trường. Cụ thể, Trường có kế hoạch trang

bị hệ thống tường lửa (Firewall), Router, hệ thống cảnh báo xâm nhập (IDS) cho các máy chủ và mạng LAN của Trường; Các máy tính có phần mềm diệt vi rút. Toàn bộ các cổng thông tin, hệ thống email công vụ, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên, đồng thời có hệ thống an ninh mạng tốt để đảm bảo hoạt động thông suốt của Nhà trường cũng như Khoa DL [H9.09.04.01], [H9.09.04.02].

Toàn thể CB-GV-NV của Nhà trường đều được trang bị email công vụ, toàn thể sinh viên cũng có email riêng, được hỗ trợ kỹ thuật về CNTT; Nhà trường đã thành lập Trung tâm CNTT và truyền thông có trách nhiệm duy trì hoạt động website của Nhà trường, là đầu mối tiếp nhận và xử lý các vấn đề kỹ thuật về đường truyền, mạng máy tính. Trung tâm đã bố trí chuyên viên phụ trách hệ thống mạng, phụ trách hệ thống máy tính, phụ trách phần mềm với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt giúp hệ thống hoạt động ngày càng hiệu quả. [H9.09.04.02], [H9.09.04.03], [H9.09.04.04].

Đồng thời quá trình sử dụng các thiết bị CNTT đều được ghi chép trong các sổ theo dõi. Các bộ phận chuyên trách thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế kịp thời, đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động hiệu quả [H9.09.01.04].

Hàng năm, Trường có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, đầu tư hệ thống máy chủ, máy trạm và mua thêm một số phần mềm mới [H9.09.01.05].

Qua đó, Trường ĐHPT đã có kế hoạch kịp thời khắc phục các thiếu sót để công tác hỗ trợ CNTT cho giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của Trường ngày càng hiện đại hơn. Cụ thể, Trường đã chỉ đạo rà soát, sửa chữa hoặc thay mới hệ thống mạng, máy chiếu, âm thanh tại các giảng đường nhằm hỗ trợ tốt nhất cho công tác giảng dạy; Đồng thời, Trường ĐHPT đã trang bị và đưa vào sử dụng phòng thư viện điện tử năm 2018 với hệ thống máy tính đồng bộ, nối mạng Internet tốc độ cao để phục vụ SV miễn phí truy cập tra cứu tài liệu học tập... Từ học kỳ hè năm học 2020-2021 đến học kỳ I năm học 2021-2022, Nhà trường đã triển khai phần mềm đào tạo trực tuyến MS Teams nhằm thích ứng kịp thời với tình hình dịch Covid diễn biến phức tạp. Kế hoạch sắp tới Trường sẽ triển khai đầu tư hệ thống máy móc, trang bị phần mềm để thực hiện đào tạo trực tuyến một số học phần theo quy định cho phép của Bộ GDĐT [H9.09.01.06].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường tăng cường đầu tư hiện đại hóa hạ tầng cho CNTT, hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Toàn trường đã được phủ sóng Wifi, tạo điều kiện rất thuận lợi cho CB-GV-NV trong việc cập nhật, chia sẻ thông tin.

3. Điểm tồn tại:

Máy tính tại một vài phòng làm việc đã được sử dụng nhiều năm, cấu hình thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu làm việc của CB, GV và sắp tới là phục vụ cho quản lý và dạy trực tuyến một số học phần.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường tiếp tục triển khai đề đầu tư CSVN, hạ tầng để thực hiện dạy học trực tuyến; nâng cấp chất lượng truy cập Wifi ở một số khu vực còn yếu; tiếp tục rà soát, bổ sung, nâng cấp và thay thế số máy tính cấu hình thấp.	- BGH, - Ban TTTT, - P.TCHC, - P.KHTC	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường các biện pháp khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống CNTT hiện tại của Trường để phục vụ công tác đào tạo và NCKH.	- Ban TTTT, - P.QLĐT, - Khoa, - Các đơn vị	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường luôn chú trọng đến việc trồng và chăm sóc cây xanh, tạo không gian thoáng mát, môi trường xanh, sạch, đẹp giúp CBGVNV và SV, HV có tinh thần phấn khởi trong quá trình làm việc và học tập tại trường. Nhà trường ký hợp đồng lao động với 4 nhân viên cây xanh phụ trách về việc chăm sóc cây, trồng cây, cắt cỏ, tạo không gian thoáng mát trong khuôn viên Nhà trường. Ngoài ra, Nhà trường ký hợp đồng lao động với 4 nhân viên vệ sinh phụ trách việc thu gom rác thải, đảm bảo khuôn viên trường và các phòng học luôn được vệ sinh sạch sẽ. Mỗi tầng học được bố trí 04 khu nhà vệ

sinh (2 nam - 2 nữ), về cơ bản đảm bảo nhu cầu sử dụng của CBGVNV và SV. Nhà trường đã ký hợp đồng với công ty vệ sinh môi trường tỉnh Bình Thuận để thu gom rác thải hằng ngày, đảm bảo vệ sinh môi trường **[H9.09.05.01]**.

Nhà trường đã đầu tư hệ thống xử lý và lọc nước RO theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đảm bảo nguồn nước sạch phục vụ cho việc cung cấp nước uống và nước sinh hoạt cho CBGVNV và SV **[H9.09.05.02]**. Về vấn đề an toàn thực phẩm, tại Trường có 1 căn tin phục vụ ăn uống cho toàn thể CBGVNV và SV trong toàn trường nên vấn đề an toàn thực phẩm luôn luôn được đảm bảo. Nhà trường đã ký cam kết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm **[H9.09.05.03]**.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBGVNV và SV nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động, người học **[H9.09.05.04]**. Ban chỉ đạo y tế được thành lập kèm theo quy định về chức năng và nhiệm vụ **[H9.09.05.05]**, ký hợp đồng lao động với nhân viên phụ trách bộ phận y tế **[H9.09.05.06]**. Trường luôn quan tâm đến các vấn đề sức khỏe và môi trường nên thường xuyên thông báo và đưa ra các biện pháp phòng chống về các dịch bệnh theo mùa mà gần đây nhất là dịch COVID-19 đến toàn thể CBGVNV và SV trong toàn trường **[H9.09.05.07]**. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng thực hiện tốt việc đóng Bảo hiểm xã hội cho CBGVNV và đăng ký, phát thẻ Bảo hiểm y tế cho SV **[H9.09.05.08]**.

Nhằm tạo môi trường làm việc và học tập thoải mái cho CBGVNV và SV, Trường đã đầu tư hệ thống máy lạnh toàn bộ khu hành chính và một phần khu học tập cho SV, các phòng thực hành máy tính, các phòng thực hành các ngành chuyên môn đều được trang bị máy lạnh. Ngoài ra, Nhà trường cũng đang dần chuyển đổi từ sử dụng máy chiếu sang tivi màn hình lớn để giúp SV dễ dàng theo dõi bài giảng hơn. Nhà trường thường xuyên đầu tư CSVC, trang bị các trang thiết bị hiện đại, đáp ứng được các nhu cầu về học tập và thực hành của SV. Hằng năm, Phòng TC-HC cử cán bộ thống kê toàn bộ các vật tư, trang thiết bị trong trường **[H9.09.01.02]**.

Để đảm bảo an ninh trường học, Nhà trường đã xây dựng các quy định, nội quy giảng đường, nhà xe, hội trường và quy định về việc đeo thẻ cho CBGVNV và SV trong toàn trường **[H9.09.05.09]**. Đội ngũ nhân viên bảo vệ trực 24/24 nhằm đảm bảo trật tự, an ninh trong Trường. Trường có mối quan hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương để

phối hợp tốt công tác bảo vệ an ninh chung trong khu vực, có ký kết cơ chế phối hợp, hợp tác với cơ quan công an địa phương để thực hiện các quy định về công tác bảo vệ an ninh, trật tự, đấu tranh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật trong Trường [H9.09.05.10]. Công tác phòng cháy chữa cháy - cứu nạn cứu hộ (PCCC-CNCH) luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong toàn trường. Trường đã thành lập ban PCCC kèm theo danh sách đội PCCC cơ sở và nội quy PCCC đảm bảo công tác PCCC - CNCH khi xảy ra sự cố [H9.09.05.11]. Ban PCCC định kỳ kiểm tra an toàn PCCC tại các phòng học, phòng thí nghiệm, hành lang. Nhà trường đã mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cũng như trang bị các dụng cụ PCCC-CNCH tại khu A, khu B, ký túc xá, khu thực hành và nhà xe; thay thế mới các bình chữa cháy, các đèn chiếu sự cố tại các cầu thang, hành lang [H9.09.05.12]. Phòng cảnh sát PCCC Thành phố Phan Thiết thường xuyên đến Trường làm việc, kiểm tra hệ thống PCCC, các thiết bị PCCC và tình hình nhân sự trong đội PCCC để đảm bảo an toàn trong công tác PCCC tại đơn vị đồng thời cũng tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho CBNV của Trường [H9.09.05.13].

Số lượng SV là người khuyết tật, người có nhu cầu đặc biệt của Trường rất ít, chỉ có một vài trường hợp trong mấy năm gần đây. Tuy nhiên, Nhà trường luôn sẵn sàng hỗ trợ và có sẵn phương án giúp việc di chuyển của SV có nhu cầu đặc biệt được dễ dàng hơn như có các xe điện sẵn sàng cho các nhân viên bảo vệ hỗ trợ đưa các em từ cổng trường vào tới lớp học cũng như đưa các em về khi học xong, khoa luôn động viên và phân công các bạn học trong lớp cùng hỗ trợ các bạn khuyết tật trong quá trình đi lại, học tập tại Trường [H9.09.05.14].

Hàng năm, Nhà trường đều lấy ý kiến của CBGVNV và SV về các nội dung có liên quan đến môi trường, sức khỏe, sự an toàn, khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt; dựa vào đây để đánh giá và tiến hành thực hiện việc cải thiện, cải tiến các nội dung này để đáp ứng được các nhu cầu của CBGVNV và SV thông qua các khảo sát ý kiến SV, đối thoại giữa SV với lãnh đạo Nhà trường hàng năm [H9.09.05.15] qua các khảo sát ý kiến CBGVNV, các buổi họp giao ban định kỳ hằng tuần, hằng tháng và đặc biệt là trong hội nghị người lao động được tổ chức hằng năm [H9.09.05.16]. Cuối năm, Trường luôn có các báo cáo theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư đối với môi trường, sức khỏe, an ninh trật tự và PCCC - CNCH nhằm nắm được tình hình thực tế, từ đó đề ra phương hướng cho năm học kế tiếp.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường rất quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB và SV; khuôn viên Nhà trường luôn xanh - sạch - đẹp, tạo môi trường tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Định kỳ, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, GV và SV, phun thuốc diệt côn trùng.

3. Điểm tồn tại:

CSVC hiện chưa được thiết kế chuyên biệt để đảm bảo khả năng tiếp cận thuận tiện, như thiếu ram dốc, nhà vệ sinh đạt chuẩn cho người khuyết tật, biển báo phù hợp. Việc hỗ trợ còn mang tính tình huống, chưa có quy trình cụ thể. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về môi trường, sức khỏe và an toàn còn hạn chế, chủ yếu thực hiện vào các thời điểm đặc biệt. Khảo sát ý kiến cũng chưa khai thác sâu các nhu cầu cụ thể của đối tượng yếu thế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường đầu tư sửa chữa, nâng cấp KTX, có biện pháp đổi mới cách quản lý KTX, tạo điều kiện tốt nhất về nơi ăn ở cho SV. Triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	- P.TCHC, - Ban QL KTX, - P.CTCTSV - QHDN - HTVLSV, Khoa	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục quan tâm, hoàn thiện hơn nữa về công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB và SV. Tổ chức thêm các lớp tập huấn cho CBNV, GV, SV về các biện pháp phòng chống dịch bệnh, giữ gìn vệ sinh môi trường.	- P.Y tế, - P.TCHC, - P.CTCTSV - QHDN - HTVLSV	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Khoa DL có đầy đủ CSVC và trang thiết bị đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của cho CBGV, SV ngành QTNH&DVAU. Phòng học, phòng làm việc được

đầu tư, sửa chữa và nâng cấp; phòng thực hành được trang bị các thiết bị hiện đại; Thư viện của Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo; Hệ thống CNTT hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH. Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho CB, GV và SV rèn luyện sức khỏe. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho CBNV, GV và SV làm việc và học tập, nghiên cứu.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Tuy nhiên, công tác quản lý, khai thác sử dụng CSVC, CNTT và các trang thiết bị của Nhà trường và Khoa vẫn còn một số hạn chế so với yêu cầu ứng dụng CNTT ngày càng cao. Quy mô thư viện chưa thực sự đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo và NCKH của CBNV và SV.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 9:

Căn cứ kết quả đánh giá từng tiêu chí, tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí, trong đó cả 5 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.

Mở đầu:

Công tác nâng cao chất lượng được Khoa DL thực hiện định kỳ và có hệ thống từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ, thiết kế và phát triển CTDH, dạy và học, đánh giá kết quả học tập của NH, các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đến cơ chế phản hồi các BLQ. Khoa DL thường xuyên rà soát, cập nhật và phát triển CTDH dựa trên các quy trình do Bộ GDĐT và Trường ĐHPT ban hành cũng như kết quả khảo sát các BLQ, đồng thời áp dụng kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học. Trong quá trình triển khai giảng dạy, học tập, các kết quả từ việc dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Bên cạnh đó, Trường ĐHPT và Khoa DL cũng thường xuyên rà soát, cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ, tiện ích và cơ chế phản hồi các BLQ.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả hiện trạng:

CTDH ngành QTNH&DVAU được xây dựng vào năm 2020 và liên tục cập nhật, điều chỉnh vào các năm 2021, 2022 và 2024 để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế - xã hội, theo Quy định của Bộ GDĐT và của Trường ĐHPT [H10.10.01.01]. Quá trình điều chỉnh CTDH ngành QTNH&DVAU được Khoa DL thực hiện dựa trên các quy định, quy trình và kế hoạch hiện hành của Trường ĐHPT, đặc biệt chú trọng đến việc tham khảo ý kiến các BLQ (*gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nhân viên, NH, NTD/tổ chức nghề nghiệp và cựu SV*) [H10.10.01.02], [H10.10.01.03], [H10.10.01.04].

Việc thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ được triển khai thực hiện một cách hệ thống với nhiều hình thức khác nhau. Định kỳ, căn cứ kế hoạch cập nhật và điều chỉnh CTĐT hệ ĐH chính quy tại Trường, Khoa DL tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi các BLQ (NH, GV, NTD/tổ chức nghề nghiệp,...) thông qua việc gửi phiếu khảo sát trực tiếp, đồng thời tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia thông qua các cuộc họp rà soát, đánh giá CTDH [H10.10.01.05]. Bên cạnh đó, hàng năm, Trường ĐHPT tiến hành khảo sát các đối tượng: SV cuối khóa, GV và CBNV, cựu SV và NTD, trong đó có tiêu chí về CTĐT của Trường thông qua các hình thức: Khảo sát trực tuyến trên google forms của P.KT-ĐBCL-TT&PC (*đối với SV cuối khóa, GV và CBNV*); gửi link khảo sát qua email và khảo sát qua facebook, zalo, gọi điện thoại trực tiếp, hỏi người thân, bạn bè, (*đối với SV đã tốt nghiệp*); phát phiếu khảo sát trong “Ngày hội việc làm”, gửi link phiếu khảo sát qua email doanh nghiệp/người quản lý bộ phận, liên hệ trực tiếp doanh nghiệp qua các đợt dẫn SV đi thực tế/thực tập,...(*đối với các đơn vị tuyển dụng*) [H10.10.01.06].

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được Trường ĐHPT và Khoa DL thu thập có hệ thống, đảm bảo đầy đủ các dữ liệu cần thiết, có tính khoa học, độ tin cậy, từ đó Khoa DL tiến hành tổng hợp, phân tích và chọn lọc những ý kiến phù hợp để làm căn cứ phát triển CTDH trình độ ĐH ngành QTNH&DVAU [H10.10.01.07]. Cụ thể, căn cứ phản hồi của các BLQ, CTDH trình độ ĐH ngành QTNH&DVAU năm 2024 đã được bổ sung thêm HP “*Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp*” nhằm đáp ứng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT; đồng thời tiến hành một số điều chỉnh như: giảm khối lượng học tập, rà soát lại tên các HP, điều chỉnh, sắp xếp lại các HP, ... nhằm đáp ứng yêu cầu chung của Nhà trường, góp phần nâng cao hiệu quả tuyển sinh, tăng tính đồng bộ trong CTĐT,

đáp ứng nhu cầu của ngành, tạo điều kiện thuận tiện cho SV khi theo học,....Toàn bộ tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh, thẩm định chương trình như các phiên bản CTĐT cũ và mới, CTĐT chi tiết, văn bản góp ý, biên bản hội thảo và bảng tổng hợp nhu cầu từ các BLQ đều được lưu trữ đầy đủ tại văn phòng Khoa DL theo chu kỳ đánh giá chất lượng đào tạo.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ với hình thức đa dạng, hệ thống văn bản quy định hướng dẫn việc thu thập xử lý và sử dụng thông tin phản hồi các BLQ đầy đủ.

Việc thu thập thông tin phản hồi của các BLQ được thực hiện thường xuyên, đặc biệt duy trì được kênh liên lạc với các cơ sở thực tập, doanh nghiệp và mạng lưới cựu SV.

Thông tin phản hồi được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao và được sử dụng để phát triển CTDH ngành QTNH&DVAU.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng và mức độ quan tâm của các tổ chức nghề nghiệp lĩnh vực QTNH&DVAU tham gia đánh giá CTDH ngành QTNH&DVAU chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa, Nhà trường tăng cường mối liên hệ với các tổ chức nghề nghiệp để tăng cường vai trò của các đơn vị trong việc đóng góp ý kiến xây dựng CTDH.	Khoa DL; P.CTCTSV&HTDN	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Nhà trường tiếp tục duy trì và phát triển hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ, hệ thống văn bản quy định hướng dẫn việc thu thập xử lý và sử dụng thông tin phản hồi các BLQ.	P.QLĐT; P.KT-ĐBCL-TT&PC	Từ năm học 2025–2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
3	Phát huy điểm mạnh 2	Nhà trường và Khoa tiếp tục thực hiện khảo sát các BLQ về CTDH theo kế hoạch định kỳ của Trường, Khoa.	Khoa DL; P.KT-ĐBCL-TT&PC	Từ năm học 2025–2026	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Khoa tiếp tục sử dụng phản hồi của các BLQ làm cơ sở để điều chỉnh CTDH ngày càng phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và xu hướng của xã hội.	Khoa DL; P.QLĐT	Định kỳ 2 năm 1 lần/ theo KH chung của Trường	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng:

CTĐT của ngành QTNH&DVAU được rà soát, điều chỉnh dựa trên quy trình xây dựng, thẩm định ban hành CTĐT và CĐR của Trường ĐHPT. Theo đó, CTDH ngành QTNH&DVAU phải được đánh giá, cập nhật, sửa đổi bổ sung ít nhất 2 năm 1 lần dựa trên các thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo như những thay đổi trong quy định của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT, của Nhà trường về CTĐT; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế – xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến CTDH; phản hồi của SV, giảng viên, đơn vị sử dụng lao động; những thay đổi học phần hoặc nội dung chuyên môn;...[H10.10.01.01].

Năm 2021, Khoa DL đã thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến CTDH ngành QTNH&DVAU trình độ DH hệ chính quy theo kế hoạch của Trường ĐHPT dựa trên quy trình xây dựng và thẩm định CTĐT và CĐR được ban hành năm 2018 và sửa đổi, bổ sung vào đầu năm 2021. Đến cuối năm 2021, Trường ĐHPT tiếp tục tiến hành đánh giá, sửa đổi, cập nhật quy trình xây dựng và thẩm định CTĐT và CĐR chung của Trường với các quy trình xây dựng CTDH, quy trình rà soát, đánh giá, cải tiến CTDH,... được sơ đồ hóa chi tiết hơn; các quy định về hồ sơ được cập nhật và bổ sung; các phụ lục hướng dẫn cụ thể hơn; các biểu mẫu đầy đủ và thống nhất hơn, đặc biệt là các biểu mẫu

về đề ĐCCT HP, chương trình giáo dục ĐH và bản mô tả CTĐT; ... [H10.10.02.02]. Tiếp nối cho năm 2021, Khoa DL đã thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến CTDH ngành QTNH&DVAU trình độ ĐH hệ chính quy năm 2022 và năm 2024 và xây dựng bản thảo CTDH cập nhật dựa trên kết quả khảo sát thực tế các BLQ, báo cáo kết quả về thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải sửa đổi, cập nhật CTĐT, báo cáo về việc rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT, ý kiến chuyên gia trong hội thảo lấy ý kiến về CTĐT và CDR, ... CTDH bản dự thảo phải được hội đồng khoa học cấp Khoa và hội đồng khoa học đào tạo cấp trường xem xét thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật, đồng thời được tiến hành điều chỉnh theo kết luận của các hội đồng và được trình Ban giám hiệu ký ban hành [H10.10.02.03]. Bên cạnh đó, trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cập nhật, Khoa cũng thực hiện đối sánh CTĐT ngành QTNH&DVAU với các chương trình tương ứng tại các trường ĐH uy tín trong nước. Việc đối sánh này giúp Khoa nhận diện điểm mạnh, hạn chế và định hướng cập nhật nội dung đào tạo phù hợp với xu thế phát triển, yêu cầu của thị trường lao động hiện nay [H10.10.02.04].

2. Điểm mạnh:

Trường ĐHPT có thiết lập quy định về việc thiết kế và phát triển CTDH đáp ứng các Quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, bao gồm đầy đủ các quy trình cần thiết, đồng thời có tổ chức rà soát, đánh giá, cải tiến quy trình xây dựng, thẩm định CTĐT và CDR.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng ý kiến phản hồi của các BLQ về quy trình xây dựng, thẩm định CTĐT và CDR chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Gia tăng tương tác với các BLQ và ban hành quy định về việc phản hồi thông tin trong nội bộ nhà Trường để thu thập được nhiều ý kiến phản hồi hơn khi tiến hành đánh giá, rà soát và cập nhật quy trình xây dựng, thẩm định CTĐT và CDR.	Trường ĐHPT; P.QLĐT; Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy	Tiếp tục thường xuyên rà soát, đánh giá, cải tiến quy trình về xây dựng,	Trường ĐHPT;	Từ năm học 2025–2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	điểm mạnh	thẩm định CTĐT và CĐR đáp ứng các Quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.	P.QLĐT; Khoa DL		

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng:

Việc rà soát và đánh giá quá trình dạy và học cũng như việc đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR được Trường ĐHPT quy định đầy đủ, cụ thể trong hệ thống văn bản của nhà trường [H10.10.03.01], bao gồm các quy định về đào tạo, quy định về thi kết thúc HP, các quy trình về quản lý GV, các quy định về hoạt động thanh tra, kiểm tra thường xuyên hoạt động giảng dạy – học tập, dự giờ GV, khảo sát các BLQ, quy định về ngân hàng đề thi, Ngoài ra, nhằm hỗ trợ các khoa, GV, các đơn vị quản lý đào tạo trong việc tổ chức xây dựng, cập nhật điều chỉnh ĐCCT HP và cải tiến thường xuyên hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá HP của tất cả các CTĐT, các hệ đào tạo, Trường ĐHPT đã ban hành các quy trình để hướng dẫn cụ thể việc lựa chọn, thiết kế và đánh giá sự phù hợp của các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá NH đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và phù hợp để giúp NH đạt được CĐR của HP và CĐR của CTĐT, làm cơ sở rà soát và cải tiến các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá NH định kỳ [H10.10.03.02].

Khoa DL đã xây dựng CTDH và tiến hành thực hiện CTDH cử nhân ngành QTNH&ĐVAU kết hợp đa dạng các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá NH; xây dựng ĐCCT cho từng HP thể hiện rõ phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá NH thông qua kế hoạch giảng dạy HP, Rubric đánh giá HP và ma trận mối quan hệ giữa CĐR của HP với các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá; tiến hành đánh giá kết quả học tập của NH thông qua việc sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với đặc thù và CĐR của từng HP. Đề thi kết thúc HP được tiến hành theo quy định về thi kết thúc HP, lịch thi sẽ phòng QLĐT công bố và các đơn

vị phối thực hiện... **[H10.10.03.03]**. Ngoài ra, Khoa DL thường xuyên phối hợp cùng với Phòng QLĐT và Phòng KT-ĐBCL-TT&PC quản lý, rà soát, đánh giá các hoạt động dạy học, đánh giá kết quả học tập của NH thuộc Khoa. Cụ thể:

Phòng QLĐT ghi nhận ý kiến của GV để bố trí lịch giảng dạy phù hợp, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC có trách nhiệm theo dõi lịch giảng dạy, giờ giấc ra vào lớp của GV và Khoa DL tiến hành theo dõi tình hình lên lớp của GV **[H10.10.03.04]**. Bên cạnh đó, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC chủ trì phối hợp với phòng QLĐT và Khoa DL tổ chức hoạt động dự giờ GV để đưa ra ý kiến đóng góp và làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV; đồng thời thường xuyên thực hiện khảo sát SV về hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV, thống kê phân tích phổ điểm thi từng học kỳ,...nhằm có thông tin phản hồi cho việc dạy và học của GV và SV **[H10.10.03.05]**. Ngoài ra, Khoa DL cũng thường xuyên thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng công tác giảng dạy thông qua các cuộc họp chuyên môn với GV, các báo cáo kết quả khảo sát, hội thảo đổi mới phương pháp giảng dạy, việc rà soát hình thức thi kết thúc HP,... **[H10.10.03.06]**.

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phối hợp với Phòng QLĐT triển khai cho các Khoa rà soát, đánh giá mức độ phù hợp của đề thi và kết quả thi các học kỳ để phân tích mức độ đáp ứng của đề thi theo CĐR HP,...từ đó có khuyến nghị để GV, Khoa nâng cao chất lượng công tác ra đề thi, xét duyệt đề thi, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR **[H10.10.03.07]**.

2. Điểm mạnh:

Trường ĐHPT có hệ thống đầy đủ các văn bản quy định và hướng dẫn liên quan đến việc rà soát, đánh giá và cải tiến quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH.

Trường ĐHPT triển khai rà soát, đánh giá và cải tiến quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm túc,... hướng tới việc tương thích và phù hợp với CĐR.

3. Điểm tồn tại:

Công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi chưa được thực hiện ở tất cả các HP, do đó chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi một số HP. Khoa chưa xây dựng ngân hàng đề thi cho các HP.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Rà soát, đánh giá chất lượng đề thi các HP định kỳ và đầy đủ hơn để có cơ sở cải tiến công tác ra đề thi ở các HK sau đó, đảm bảo sự tương thích và phù hợp để đánh giá mức độ đạt CDR HP của SV; - Thiết kế xây dựng ngân hàng đề thi của một số HP môn chung.	Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện quy trình kiểm tra, đánh giá. Cải tiến, hoàn thiện hoạt động đánh giá kết NH đa dạng và linh hoạt hơn nữa nhằm bao quát và đảm bảo tính chuẩn xác trong quá trình đánh giá theo CDR HP.	P.QLĐT; P.KT-ĐBCL-TT&PC; Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường ĐHPT có chính sách và quy định rõ ràng về hoạt động KHCN [H10.10.04.01]. Theo đó, Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho GV chủ trì đề tài các cấp, tham gia hợp tác NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ NCKH, chính sách hỗ trợ kinh phí thực hiện NCKH, quy đổi giờ lao động tham gia hoạt động NCKH, Ngoài ra, NH tại Trường ĐHPT cũng được đăng ký đề tài NCKH, được hỗ trợ kinh phí và được quy đổi điểm học tập. Công tác NCKH tại Trường ĐHPT và Khoa DL được triển khai một cách có hệ thống theo đúng kế hoạch và mục tiêu chất lượng được ban hành [H10.10.04.02]. Phần lớn các đề tài NCKH cấp Trường, các công trình NCKH của GV và SV Khoa DL được triển khai nhằm phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo của Khoa và Nhà trường. Nội dung các đề tài nghiên cứu đa phần bám sát với CTĐT của

ngành QTNH&DVAU, những vấn đề liên quan của ngành và được sử dụng làm tài liệu học tập, giảng dạy, tài liệu tham khảo cho GV và SV trong Khoa **[H10.10.04.03]**.

Thông qua kết quả của các hội thảo “*Dạy, học trực tuyến: thuận lợi, khó khăn và tăng cường hiệu quả trong dạy và học; Đổi mới sáng tạo trong dạy và học tại Trường Đại học Phan Thiết*”, hội nghị “*dạy tốt – học tốt*”, ... cũng như kết quả các đề tài của GV như: “*Ứng dụng mô hình dạy học kết hợp để thiết kế khóa học; Thuận lợi và khó khăn của SV Trường ĐH Phan Thiết khi học trực tuyến trong bối cảnh đại dịch Covid-19; Năng lực dạy học trực tuyến cần thiết cho nhà giáo nhằm đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; Định hướng đổi mới phương pháp dạy học tại Trường ĐHPT bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0; Ứng dụng đa phương tiện trong giảng dạy tại Trường ĐHPT, ...*”. Qua đó, các phương pháp giảng dạy của GV tại Khoa đã có nhiều đổi mới, ứng dụng nhiều phương pháp giảng dạy tích cực và ngày càng tiếp cận với kỹ thuật số.

Dưới sự hỗ trợ tích cực từ phía Nhà trường, GV và SV ngành QTNH&DVAU rất chủ động trong hoạt động NCKH **[H10.10.04.04]**. Khoa DL là một trong những đơn vị nổi bật về phong trào NCKH, thường xuyên phổ biến vấn đề NCKH của SV trong những buổi tọa đàm, buổi sinh hoạt đầu năm học, các đợt triển khai nội san khoa học Khoa hoặc thông qua các biên bản sinh hoạt lớp nhằm khuyến khích SV tham gia nhiều hơn vào hoạt động NCKH **[H10.10.04.05]**.

2. Điểm mạnh:

Khoa DL đã có phong trào NCKH huy động được sự tham gia của GV và SV. Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ đào tạo, cộng đồng, được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng đề tài NCKH của SV ứng dụng vào cải tiến việc dạy và học còn hạn chế.

Kinh phí dành cho NCKH giảng viên và sinh viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các hoạt động khuyến khích SV tham gia NCKH, đặc biệt là các đề tài liên quan đến dạy và học. Thành lập các đội nhóm NCKH trong SV	BGH; P.QLKH-HTQT; Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thực hiện NCKH trong GV và SV; - Tiếp tục phát huy các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ đào tạo, cộng đồng, giúp cải tiến việc dạy và học.	P.QLKH-HTQT; P.QLĐT;; Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng:

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) tại trường ĐHPT được đánh giá và cải tiến theo các quy định hiện hành của Nhà trường [H10.10.05.01]. Theo đó, công tác thực hiện rà soát, cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được chủ trì bởi Phòng KT-ĐBCL-TT&PC và phòng CTCTSV&HTDN cùng sự phối hợp của tất cả các đơn vị trong trường.

Hằng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC triển khai khảo sát ý kiến SV đang học tại trường về hoạt động giảng dạy của GV theo từng học kỳ. Trên cơ sở số liệu thu thập được, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC và Khoa DL tiến hành so sánh mức độ hài lòng của SV về các tiêu chí đánh giá (thông tin chung HP, phương pháp giảng dạy, nội dung giảng dạy, kiểm tra đánh giá môn học, tác phong sư phạm, cảm nhận chung) so với các học kỳ trước, ở tất cả các ngành, tất cả GV thuộc Khoa DL. Theo thống kê, tỷ lệ SV hài lòng về các tiêu chí liên quan đến hoạt động giảng dạy của các GV thuộc khoa DL đạt khoảng 90%. Bên cạnh đó, hằng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC thực hiện khảo sát ý

kiến của NH về CSVC, các hoạt động hỗ trợ NH, hoạt động NCKH và PVCĐ của Trường ĐHPT với đối tượng SV năm 1, 2, 3 đang theo học tại Trường; khảo sát ý kiến của SV năm cuối về CTĐT và các hoạt động đào tạo, hỗ trợ của Nhà trường trong toàn khóa học và khảo sát ý kiến của GV và CBNV về môi trường làm việc của Nhà trường, trong đó có tiêu chí về CSVC, các chính sách đào tạo, NCKH, PVCĐ **[H10.10.05.02]**, **[H10.10.05.03]**.

Định kỳ, Trường ĐHPT tổ chức Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với NH nhằm tiếp thu ý kiến phản hồi của NH, cung cấp, giải thích các thông tin và chia sẻ với NH các vấn đề được quan tâm; thực hiện rà soát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học, kiểm tra CSVC phục vụ dạy và học, tiếp nhận thông tin phản hồi thông qua các kênh trực tuyến (*email, hộp thư trên website/fanpage của Nhà Trường, ...*). Bên cạnh đó, Khoa DL thường xuyên rà soát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thông qua việc tổ chức các buổi sinh hoạt khoa định kỳ, các kênh CVHT với các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng, các kênh tiếp nhận thông tin trực tiếp (*lớp trưởng, trợ lý khoa, GV giảng dạy, lãnh đạo khoa*) và các kênh tiếp nhận thông tin trực tuyến từ hệ thống email khoa, website khoa, trang facebook đoàn Khoa, ... **[H10.10.05.04]**. Theo đó, các phản hồi của NH về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (*Công tác hỗ trợ học tập, Công tác hỗ trợ kỹ năng, Công tác hỗ trợ tài chính, Công tác hỗ trợ việc làm, Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ khác*) được nắm bắt kịp thời và có những cải tiến phù hợp từ Trường ĐHPT và Khoa DL. Cụ thể:

Về công tác hỗ trợ học tập: Trường ĐHPT đã áp dụng phần mềm quản lý đào tạo EduManUni với nhiều tính năng thiết thực giám sát kết quả học tập của NH, Trường ĐHPT tiếp tục bổ sung tính năng song ngữ đối với bảng điểm năm học/học kỳ, bảng điểm tốt nghiệp; cải tiến, chuyển đổi hình thức thi kết thúc HP một số HP đại cương từ hình thức thi trắc nghiệm trên giấy sang hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính để tăng tính khách quan, công bằng trong việc đánh giá năng lực của NH; tăng cường kết nối với các thư viện của các CSGD ĐH khác để mở rộng nguồn tài nguyên học liệu phong phú và đa dạng cho NH; xây dựng, hướng dẫn và triển khai các hoạt động dạy và học online nhằm hỗ trợ NH có thể tiếp tục tiến trình học trong giai đoạn đại dịch COVID-19... **[H10.10.05.05]**. Bên cạnh đó, Khoa DL đã cập nhật, điều chỉnh CTDH ngành QTNH&ĐVAU vào năm 2021, 2022 và 2024 nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng đào

tạo, góp phần đáp ứng nhu cầu của NH, của các đơn vị tuyển dụng và của các BLQ [H10.10.05.06].

Về công tác hỗ trợ kỹ năng: Nhiều câu lạc bộ được thành lập và kiện toàn để hỗ trợ quá trình học tập của NH như CLB văn nghệ, CLB bóng đá, CLB SV 5 tốt, CLB Tiếng Anh.... Trường ĐHPT và Khoa DL rất chú trọng đến việc trang bị các kỹ năng cần thiết cho SV như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng xin việc,... thông qua thiết kế giảng dạy các HP, đặc biệt là HP kỹ năng mềm ở học kỳ cuối khóa, các hoạt động ngoại khóa như giải bóng đá mini nữ truyền thống, giải bóng chuyền nữ, chương trình tọa đàm NCKH trong SV... [H10.10.05.07].

Về công tác hỗ trợ tài chính: Trường ĐHPT tăng cường nguồn học bổng cho SV, tạo điều kiện cho SV gia hạn thời gian đóng học phí, có các chính sách miễn giảm học phí, miễn phí toàn bộ chi phí ở KTX cho SV trong giai đoạn đại dịch COVID-19. Ngoài ra, hằng năm, Trường ĐHPT tài trợ 5 loại học bổng hỗ trợ SV, gồm; Học bổng Tinh hoa, học bổng Đồng hành, học bổng Ươm mầm, học bổng Tài năng và học bổng Điểm thi tốt nghiệp THPT, trị giá học bổng lên đến 50 triệu đồng, đồng thời khen thưởng cho các SV có thành tích tốt trong học tập, hoạt động phong trào [H10.10.05.08].

Về công tác hỗ trợ việc làm, các hoạt động phục vụ và hỗ trợ khác: Trường ĐHPT tăng cường hỗ trợ việc làm cho SV đang theo học, SV sắp tốt nghiệp và cựu SV thông qua đa dạng các kênh thông tin như chương trình ngày hội kết nối doanh nghiệp và việc làm SV hằng năm, chuyên mục việc làm SV trên trang thông tin của Trường, các kênh thông tin trực tuyến.... Bên cạnh đó, Trường ĐHPT cũng chú trọng đến việc hỗ trợ đời sống cho SV thông qua việc hỗ trợ SV trong dịp tết nguyên đán, trong đại dịch dịch COVID-19,... [H10.10.05.09].

2. Điểm mạnh:

Trường ĐHPT có văn bản hướng dẫn cụ thể liên quan đến việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ hỗ trợ và tiện ích, đồng thời tiến hành đánh giá định kỳ.

Trường ĐHPT có cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV hằng năm dựa trên kết quả đánh giá định kỳ.

3. Điểm tồn tại:

Một số phản hồi của các BLQ về CSVC, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường tạo điều kiện đáp ứng kịp thời các phản hồi của các bên liên về CSVC, tiện ích nếu phù hợp.	P.TC-HC; Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ nhằm đánh giá và cải tiến liên tục chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho CBGV, SV; - Tiếp tục thực hiện đánh giá định kỳ và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập hàng năm.	P.TCHC; P.KT-ĐBCL-TT&PC; Khoa DL; Các đơn vị	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng:

Cơ chế phản hồi của các BLQ được Trường ĐHPT xây dựng có tính hệ thống thông qua các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, quy định về quy trình lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ trong và ngoài Trường; được đánh giá và cải tiến liên tục, thường xuyên. Phòng KT-ĐBCL-TT&PC là đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua hệ thống phản hồi của các BLQ, thông tin phản hồi được cung cấp cho các đơn vị có liên quan xử lý và báo cáo để có biện pháp cải tiến ngày càng nâng cao chất lượng các mặt hoạt động. Đầu mỗi năm học, P.KT-ĐBCL-TT&PC lập kế hoạch khảo sát cho cả năm học, bao gồm khảo sát ý kiến của SV đang theo học, khảo sát ý kiến của SV cuối khóa, khảo sát ý kiến của GV và CBNV, khảo sát ý kiến của SV đã tốt nghiệp, khảo sát đơn vị tuyển dụng, khảo sát ý kiến cá nhân/đơn vị đã hợp tác hoặc thụ hưởng các kết quả từ hoạt động NCKH, PVCĐ của Trường [H10.10.06.01]. Mỗi loại hình khảo sát được quy định cụ thể về đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, thời gian thực hiện, biểu mẫu và việc tổ chức khảo sát, việc tích hợp

dữ liệu, viết báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát. Chẳng hạn, đối với khảo sát ý kiến của SV đối với nội dung HP và hoạt động giảng dạy của GV trong các HP, phải tiến hành khảo sát 100% HP giảng dạy trong học kỳ thông qua việc tổ chức lấy ý kiến SV mỗi học kỳ 1 lần thông qua Phần mềm quản lý đào tạo do P.QLĐT phụ trách, kết quả khảo sát cần tách biệt riêng dữ liệu cho từng Khoa, từng GV.

Bên cạnh đó, định kỳ khi tiến hành rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT ngành QTNH&DVAU, Khoa DL thực hiện khảo sát các BLQ theo quy trình xây dựng, thẩm định ban hành CTĐT và CĐR của Trường ĐH Phan Thiết; Trường ĐHPT và Khoa DL thường lấy ý kiến phản hồi của SV thông qua hội nghị đối thoại giữa SV và Lãnh đạo Trường, các buổi họp Khoa với SV, các buổi sinh hoạt lớp với CVHT. Ngoài ra, khi SV có nhu cầu phản hồi thông tin có thể thông tin trực tiếp đến ban giám hiệu, quản lý khoa, GV, trợ lý khoa... theo địa chỉ email/số điện thoại đã được công khai, hoặc liên hệ gặp trực tiếp [H10.10.06.02].

Cơ chế phản hồi của các BLQ được tổ chức đánh giá, rà soát vào năm 2019 và năm 2023. Cụ thể, năm 2019, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tiến hành rà soát hệ thống khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các BLQ của Trường, kết quả đánh giá cho thấy một số loại hình khảo sát chưa có quy trình phân công thực hiện khảo sát, chưa được thực hiện thường xuyên, chưa có báo cáo tổng hợp đánh giá đầy đủ; một số mẫu phiếu khảo sát chưa rõ ràng các tiêu chí đánh giá, thiếu một số nội dung mới trong yêu cầu KĐCL, có nhiều nội dung chưa khoa học; còn thiếu các nội dung về khảo sát ý kiến SV, CBGVNV đối với tầm nhìn, sứ mạng, CSVC, hệ thống CNTT, cảnh quan môi trường, chế độ chính sách,... theo như yêu cầu trong các tiêu chuẩn KĐCLGD. Năm 2023, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tiến hành rà soát các quy định, quy trình trong công tác khảo thí, quản lý văn bằng chứng chỉ, đảm bảo chất lượng, thanh tra nội bộ, trong đó có nội dung rà soát về hệ thống lấy ý kiến phản hồi các BLQ, kết quả đánh giá cho thấy các quy trình hiện nay cơ bản vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện lấy ý kiến phản hồi các BLQ [H10.10.06.03].

Trên cơ sở đánh giá cơ chế phản hồi, Trường ĐHPT đã có những điều chỉnh, cải tiến hệ thống quy định liên quan. Theo đó, cuối năm 2019, Trường ĐHPT đã ban hành 2 quy trình khảo sát ý kiến các BLQ trong trường (*SV, CBGVNV*) và ngoài trường (*Cựu SV, NTD*) với các biểu mẫu chi tiết hơn các năm học trước, bao gồm đầy đủ các nội dung đáp ứng yêu cầu của khuyến nghị sau kiểm định cấp Trường năm 2019; thực hiện thêm

một số khảo sát kể từ năm học 2021-2022; điều chỉnh các biểu mẫu khảo sát ý kiến các BLQ của Trường vào cuối năm 2023 áp dụng từ năm học 2023-2024 [H10.10.06.04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến thường xuyên, liên tục về nội dung các phiếu khảo sát, phương thức tổ chức hoạt động khảo sát. Hệ thống khảo sát, lấy ý kiến phản hồi online thuận tiện cho hoạt động thống kê dữ liệu để cung cấp cho các đơn vị phục vụ kế hoạch cải tiến chất lượng hằng năm cũng như điều chỉnh CTĐT định kỳ.

3. Điểm tồn tại:

Ý thức của SV trong tham gia phản hồi ý kiến còn hạn chế dẫn đến Nhà trường chưa thu thập được đầy đủ các ý kiến phản hồi của SV về các hoạt động đào tạo của Trường. Các BLQ ngoài trường cũng chưa tham gia nhiều, chưa có sự phản hồi rõ nét về CTĐT cũng như các mặt hoạt động khác để khoa và Nhà trường có căn cứ cải thiện.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa, Nhà trường tăng cường các mối liên hệ với cựu SV, NTD,...; tổ chức thêm các hội thảo, các buổi gặp gỡ để thu thập các ý kiến phản hồi sâu sắc hơn về CTĐT, làm cơ sở để điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động.	P.CTCTSV &HTDN; Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục giám sát thực hiện cơ chế, quy trình lấy ý kiến phản hồi của các BLQ và việc sử dụng kết quả khảo sát; - Tiếp tục điều chỉnh, cập nhật thường xuyên về nội dung các Phiếu khảo sát.	P. KT-ĐBCL - TT&PC; Khoa DL	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi hoạt động tích cực, định kỳ 2 năm 1 lần có điều tra khảo sát ý kiến các BLQ để thiết kế và phát triển CTĐT, thường xuyên thu thập thông tin phản hồi về hoạt động dạy học và KTĐG. Việc thiết kế và phát triển CTDH được triển khai theo quy trình và hướng dẫn.

Trường ĐHPT và Khoa DL thường xuyên rà soát, đánh giá quá trình dạy học và KTĐG, các hoạt động hỗ trợ, tiện ích và dịch vụ phục vụ dạy và học, có những biện pháp từng bước cải tiến chất lượng.

Cơ chế phản hồi có tính hiệu quả, được thực hiện thường xuyên.

- Khoa DL đã có phong trào NCKH huy động được sự tham gia của GV và SV. Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ đào tạo, cộng đồng, được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

Những điểm còn hạn chế:

Số lượng ý kiến phản hồi của các BLQ về quy trình xây dựng, thẩm định CTĐT và CDR chưa nhiều. Số lượng và mức độ quan tâm của các tổ chức nghề nghiệp lĩnh vực QTNH&DVAU tham gia đánh giá CTDH ngành QTNH&DVAU chưa nhiều. Số lượng đề tài NCKH của SV ứng dụng vào cải tiến việc dạy và học còn hạn chế. Khoa DL chưa tiến hành phân tích sâu về kết quả học tập của SV.

- Một số phản hồi của các BLQ về CSVC, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường. Cơ chế phản hồi thông qua các kênh khác kênh khảo sát chưa được đánh giá, cải tiến.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 10:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí, trong đó có 03 tiêu chí đạt điểm 4/7 và 02 tiêu chí đạt điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu:

Mục tiêu và CDR của CTĐT ngành kế toán được xác định một cách rõ ràng, tương thích với yêu cầu của thị trường lao động và được đánh giá bởi các BLQ và được công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện. SV tốt nghiệp ngành kế toán đáp ứng được yêu cầu của các BLQ. Công tác NCKH của SV được Nhà trường và Khoa

chú trọng, khuyến khích và đẩy mạnh triển khai thực hiện. Việc khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng dịch vụ giáo dục, CTĐH, kết quả đào tạo được xác lập và giám sát. Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp và có việc làm của SV ngành kế toán được xác lập và được đối sánh qua các năm để từ đó xây dựng và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT.

Tiêu chí 11.1 Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng:

UPT tổ chức đào tạo theo tín chỉ, CTĐT được thiết kế bố trí các học phần một cách hợp lý đảm bảo khối lượng kiến thức và thời gian để SV hoàn thành chương trình học. Từ năm 2019, đối với các CTĐT Đại học hệ chính quy, các ngành có thời gian thiết kế chuẩn là 3,5 năm [H11.11.01.01].

Đầu năm học mới, Phòng QLĐT và các Khoa lập kế hoạch đào tạo trong đó có xác lập, dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của tất cả các CTĐT. Số lượng SV thôi học được Khoa DL cập nhật thường xuyên ngay khi có trường hợp SV thôi học. Số lượng, danh sách SV tốt nghiệp được cập nhật 2 lần trong 1 năm, sau mỗi đợt tổ chức xét công nhận tốt nghiệp của Trường. Đồng thời, căn cứ vào việc đánh giá kết quả học tập, kết quả rèn luyện và tỷ lệ thôi học các năm trước đây để làm cơ sở dự báo tỷ lệ trên. Qua đó, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn của SV ngành QTNH&DVAU được xác lập và đánh giá, phân tích, đối sánh qua các năm và báo cáo BGH trong các Kế hoạch năm học và Báo cáo tổng kết năm học của Khoa DL và Phòng QLĐT [H11.11.01.02]. Nhà trường có hệ thống quản lý, theo dõi giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của SV thông qua các hoạt động như cảnh báo học vụ (Phòng QLĐT phối hợp các Khoa), phần mềm quản lý điểm (Phòng QLĐT), đánh giá kết quả rèn luyện của SV (Phòng CTCTS&HTDN phối hợp với các Khoa). Trong quá trình học tập, người học phải đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được đề ra trong CTĐT, trong ĐCHP [H11.11.01.03].

Trường đã ban hành quy chế đào tạo để theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả học tập, tỷ lệ tốt nghiệp của SV hàng năm nhằm đưa ra các biện pháp cải tiến phù hợp [H11.11.01.04]; ban hành chức năng nhiệm vụ của Phòng QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-

TT&PC, các Khoa để các cán bộ chuyên trách theo dõi và hỗ trợ SV cải thiện kết quả học tập. Trong đó, Phòng QLĐT phụ trách quản lý điểm của người học trên phần mềm quản lý điểm, công bố kịp thời, đầy đủ về kết quả học tập cho người học qua hệ thống quản lý trên website của trường và gửi về cho Khoa theo học kỳ/năm học [H11.11.01.05]. Đồng thời, căn cứ trên kết quả học tập để thông báo cảnh báo học vụ theo quy chế học vụ của Trường. Các trợ lý khoa, cố vấn học tập các Khoa căn cứ trên kết quả học tập để nhắc nhở và đôn đốc người học có kế hoạch học tập nhằm cải thiện kết quả học tập. Trường cũng ban hành quy chế đánh giá rèn luyện để Phòng CTCTSV&HTDN phối hợp với các Khoa chuyên môn đánh giá và theo dõi kết quả rèn luyện của SV từng học kỳ/năm học [H11.11.01.06].

Hàng năm, tỷ lệ SV ngành QTNH&DVAU tốt nghiệp và thôi học được xác lập, giám sát chặt chẽ đồng thời đối sánh với các ngành khác của Trường và các CSGD khác; phân tích nguyên nhân, kết quả và xu hướng để đề ra biện pháp cải tiến.

Bảng 11.1. Bảng thống kê tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn của ngành QTNH&DVAU

Khóa học	SL SV nhập học	SLSV cuối khóa	Ti lệ SV thôi học qua các năm								SLTN	Ti lệ SV TN/ đầu vào (%)	Ti lệ SV TN đúng hạn (%)
			Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4				
			SL	Ti lệ (%)	SL	Ti lệ (%)	SL	Ti lệ (%)	SL	Ti lệ (%)			
2020-2024	24	11	10	41,67	3	21,42	0	0	0	0	10	41.67	90,90
2021-2025	22	16	6	27,27	0	0	0	0	0	0	7	31,82	43,75

Ngành QTNH&DVAU bắt đầu tuyển sinh từ năm 2020 với thời gian đào tạo 3,5 năm, hiện mới có số liệu tốt nghiệp cho hai khóa. Khóa 2020–2024 có 24 sinh viên nhập học, 10 tốt nghiệp đúng hạn (tỷ lệ 41,67% so với đầu vào), còn khóa 2021–2025 có 22 sinh viên nhập học, 7 tốt nghiệp đúng hạn (tỷ lệ 31,82%).

Tỷ lệ thôi học cao nhất tập trung trong năm đầu và năm hai, chủ yếu do tác động của đại dịch Covid-19 (2020–2022) khiến việc học tập gián đoạn, tâm lý và tài chính sinh viên bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó, do ngành còn mới, hệ thống hỗ trợ học tập và thực hành nghề nghiệp chưa hoàn thiện cũng là yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ tốt nghiệp. Những số liệu này là cơ sở để Nhà trường tăng cường hỗ trợ sinh viên, nhất là trong giai đoạn

đầu khóa, nhằm nâng cao tỷ lệ giữ chân và tốt nghiệp đúng hạn trong tương lai.
[H11.11.01.07]

Bảng 11.2. Bảng thống kê số lượng SV thôi học của ngành QTNH&DVAU so với các ngành khác trong Trường

Ngành	Số lượng SV thôi học các năm học gần đây				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
QTNH&DVAU	3	10	10	7	5
QTKS	51	39	48	28	12
QTKD	20	41	60	31	14
KT	7	61	38	19	8
CNTT	10	22	24	15	7
NNA	27	22	53	2	10
TC-NH	0	17	11	5	6

Số liệu thống kê từ Bảng 11.2 cho thấy tình hình sinh viên thôi học tại Trường Đại học Phan Thiết từ năm học 2020–2021 đến học kỳ 2 năm 2024–2025, giúp so sánh ngành Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống với các ngành khác trong trường. [H11.11.01.08]

- Đối với ngành QTNH&DVAU:

+ Tổng số sinh viên thôi học trong 5 năm: 35 SV

+ Giai đoạn cao điểm thôi học: năm học 2021–2022 và 2022–2023 (đều có 10 SV).

+ Xu hướng giảm dần từ năm 2023–2024 (7 SV) đến 2024–2025 (5 SV).

Sau khi có kết quả tổng hợp, đối sánh, phân tích tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học từ Phòng QLĐT gửi về, BGH sẽ có những chỉ đạo kịp thời để các đơn vị liên quan có biện pháp cải tiến nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học. Về phía Khoa cũng đưa ra một số biện pháp cải tiến như: đổi mới PPDH [H11.11.01.09]; theo dõi nhắc nhở SV, tổ chức họp lớp giúp đỡ các SV yếu kém [H11.11.01.10]; phối hợp với GV theo dõi tình hình đến lớp của SV để can thiệp kịp thời. Và để giảm thiểu tỷ lệ SV vắng học, các Khoa đã có các biện pháp ngay từ trong quá trình học tập như lập danh sách điểm danh các buổi học, những SV nghỉ học từ 2 buổi trở lên/môn học, Khoa liên hệ SV và gia đình thông báo tình trạng vắng học của SV, trao đổi tìm hiểu lý do và động viên, yêu cầu SV đi học đầy đủ [H11.11.01.11]; thông báo cho SV về vấn đề cảnh báo học vụ

[H11.11.01.12]. Đối với trường hợp SV đạt kết quả thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu, Khoa lập danh sách, tìm hiểu nguyên nhân, tư vấn và hỗ trợ SV **[H11.11.01.13]**. Trường/Khoa đã tổ chức xây dựng, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp hơn, tăng cường hướng nghiệp cho SV năm đầu.

Ngoài ra, Trường cũng luôn quan tâm đến việc nghỉ học của SV. Mỗi học kỳ ngoài những SV bị xử lý cảnh báo học vụ, buộc thôi học còn có những SV tự thôi học vì nhiều lý do khác nhau như đi du học; chuyển trường; bản thân SV và gia đình chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của tri thức; một số khác do không có khả năng chi trả học phí, có những SV do đi làm ngoài nhiều bị ảnh hưởng đến kết quả học tập, bị cảnh báo học vụ, buộc thôi học,... BGH đã chỉ đạo Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV& HTDN, Khoa DL và Đoàn Thanh niên phối hợp triển khai tìm hiểu nguyên nhân, đề ra hướng khắc phục nhằm nâng cao tỷ lệ SV đạt yêu cầu và hạn chế tối đa tỷ lệ SV nghỉ học **[H11.11.01.14]**. Qua đó, Trường/Khoa DL tăng cường các hoạt động hỗ trợ SV nhằm tích cực nâng cao chất lượng học tập của SV. Cụ thể đối với SV bỏ học, có các biện pháp cải tiến như: Hỗ trợ vay vốn, gia hạn thời gian đóng học phí, xét học bổng “Tiếp bước cho em đến trường”...

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có các quy chế, quy định cụ thể về đào tạo, phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và có bộ phận chuyên trách, phân công cá nhân phụ trách giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV. Tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp ngành QTNH&DVAVU được giám sát và có đối sánh qua các năm để phân tích tìm hiểu nguyên nhân và có giải pháp tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp và giảm tỷ lệ SV thôi học.

3. Điểm tồn tại:

Tỷ lệ SV thôi học vẫn còn cao do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Vẫn còn một tỷ lệ SV chưa tốt nghiệp đúng hạn.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục tăng cường các biện pháp giám sát kết quả học tập của SV và tích cực hỗ trợ kịp thời các vấn đề SV còn khó khăn trong quá trình đào tạo để giảm thiểu tối đa tỷ lệ thôi học và tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn.	K.DL; P.QLĐT; P.CTCTSV &HTDN	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống, cơ chế giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thời học của SV để đưa ra các nhận định phù hợp và có các giải pháp cải thiện hiệu quả hơn.	P.QLĐT; K. DL	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 11.2 Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng:

Vào đầu khóa học, SV sẽ được phổ biến về thời gian đào tạo của khóa học, điều kiện được tốt nghiệp trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Sổ tay SV và website Trường [H11.11.02.01]. Trong thời gian đào tạo, bộ phận chuyên trách của Phòng QLĐT tổng hợp các thông tin về kết quả học tập của SV theo từng học kỳ, năm học gửi về cho Khoa DL cũng như cập nhật lên hệ thống điểm để SV vào tài khoản cá nhân xem kết quả học tập và điểm số tích lũy đã hoàn thành hay chưa hoàn thành. Qua đó, SV có thể sắp xếp thời gian để bố trí lịch học cá nhân cụ thể từng học kỳ, chủ động lên kế hoạch học tập nhằm tốt nghiệp đúng hạn hoặc sớm [H11.11.02.02].

Hàng năm, Trường ra thông báo và tổ chức xét tốt nghiệp 2 lần để cho SV khi đủ điều kiện tốt nghiệp có thể nộp đơn đề nghị xét tốt nghiệp [H11.11.02.03]. Hàng năm, sau mỗi đợt xét tốt nghiệp, Phòng QLĐT sẽ thống kê số lượng SV tốt nghiệp theo khóa học, ngành học, thời gian tốt nghiệp gửi đến các khoa nhằm theo dõi tiến độ tốt nghiệp của SV và báo cáo BGH. Qua đó, Khoa DL có thể đối chiếu lại thời lượng thiết kế CTĐT có phù hợp với thực tế triển khai không [H11.11.02.04]. CTĐT ngành QTNH&DVAU được thiết kế với thời lượng là 3,5 năm, thời gian tối đa là 7 năm, đủ để trang bị đầy đủ kiến thức cần thiết và phù hợp với sức học của SV cũng như đảm bảo thời gian tốt nghiệp

đúng tiến độ. Ngoài ra, để được công nhận tốt nghiệp thì SV phải hoàn thành các điều kiện của CĐR như các chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học cơ bản, nâng cao, GDQP, GDTC.

Bên cạnh việc tư vấn, hỗ trợ SV hoàn thành khóa học đúng tiến độ, Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện để những SV có học lực tốt có thể đăng ký học vượt để có thể tốt nghiệp sớm tiến độ **[H11.11.02.05]**. Những SV có nguy cơ tốt nghiệp không đúng tiến độ, sau khi có các kết quả thi của mỗi học kỳ, Khoa DL phối hợp cùng Phòng QLĐT tiến hành xét học vụ, và gửi kết quả đến những SV bị cảnh báo kết quả học tập. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ nhằm giúp cho SV có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình, hạn chế SV bỏ học ở mức thấp nhất **[H11.11.02.06]**. Đồng thời, Khoa tiến hành họp mặt SV đầu mỗi năm học, theo dõi tình hình học của SV thông qua cố vấn học tập và Ban Cán sự lớp. Đối với SV năm cuối, cố vấn học tập họp với lớp, động viên, khuyến khích và hướng dẫn SV thực hiện tốt các học phần, chương trình thực tập cũng như khóa luận tốt nghiệp. Đây là những biện pháp thiết thực nhằm giảm tỷ lệ bỏ học và giúp SV tốt nghiệp đúng tiến độ **[H11.11.02.07]**. Những SV không tốt nghiệp đúng tiến độ đa số do SV chưa tích lũy đủ số học phần và khối lượng của CTĐT theo quy định; hoặc do điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt dưới 2,00 điểm; hoặc thiếu các môn điều kiện (các môn kỹ năng mềm bắt buộc, tin học, ngoại ngữ, chứng chỉ GDTC, GDQP). Khoa DL luôn quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ cho SV mở các lớp học vụ theo yêu cầu, tạo điều kiện cho SV trả nợ học phần và xét tốt nghiệp sớm nhất có thể trong thời gian đào tạo cho phép **[H11.11.02.08]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường và Khoa DL có giao trách nhiệm cho bộ phận, cá nhân để theo dõi/thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của SV theo từng khóa học. Phòng QLĐT và Khoa DL thường xuyên tìm hiểu, phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn và thực hiện các biện pháp hỗ trợ người học nhằm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng SV tốt nghiệp chậm tiến độ còn cao, một số SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa

hoàn thành các điều kiện CDR. Khoa chưa tiến hành đối sánh trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của SV.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa phối hợp Phòng QLĐT thường xuyên rà soát, nhắc nhở SV về kế hoạch học tập, kịp thời hoàn thành các điều kiện CDR, đề xét tốt nghiệp đúng tiến độ; xây dựng kế hoạch cho các SV còn nợ học phần và nợ chứng chỉ CDR học tập để đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp. Tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các trường trong và ngoài nước.	K. DL; P.QLĐT; Trung tâm PTNNL	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường/Khoa tiếp tục duy trì và phát huy tính hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ SV giúp tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn và rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.	K. DL; P.QLĐT	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 11.3 Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng:

Trường rất quan tâm đến khả năng có việc làm của SV sau khi ra trường. Tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp được theo dõi, giám sát, thống kê, báo cáo. Việc theo dõi thống kê tỷ lệ có việc làm và chất lượng việc làm, thu nhập trung bình của SV sau tốt nghiệp được giao cho Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phụ trách chính phối hợp với Phòng CTCTSV&HTDN và các Khoa thông qua quy trình hướng dẫn cụ thể và kế hoạch về hoạt động khảo sát hàng năm [H11.11.03.01].

Phòng CTCTSV&HTDN là đơn vị cầu nối nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Nhà trường với các đơn vị sử dụng lao động hỗ trợ việc làm, thực tập cho SV [H11.11.03.02]. Hàng năm, đơn vị này phối hợp với các Khoa, Phòng tổ chức ngày hội việc làm để đưa SV đến gần hơn với nhà tuyển dụng, tăng cơ hội tìm được việc làm phù hợp. Qua đó,

100% SV (đang học tập, kể cả SV đã ra trường) có nhu cầu việc làm đều được tư vấn, giới thiệu chỗ thực tập, tham quan thực tế, việc làm bán thời gian và việc làm chuyên môn cho SV [H11.11.03.03]. Bên cạnh đó trên Website của Trường <http://www.upt.edu.vn/> có chuyên mục “Việc làm sinh viên” nhằm giúp SV có thể tìm kiếm việc làm theo chuyên môn hay bán thời gian với các vị trí tuyển dụng phù hợp, thông tin tuyển dụng cũng được bộ phận chuyên trách gửi đến các Khoa và SV thông qua các kênh thông tin truyền thông của Trường nhằm thông báo rộng rãi cho SV có cơ hội tìm việc làm. Song song với các hoạt động trên còn có lãnh đạo, GV các Khoa, Phòng giúp SV tìm kiếm nơi thực tập tốt nghiệp và giới thiệu việc làm cho SV thông qua các mối quan hệ với các doanh nghiệp.

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phối hợp với Khoa DL và các đơn vị triển khai việc khảo sát để tìm hiểu, giám sát tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp [H11.11.03.04]. Theo đó, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC gửi đường link khảo sát online đến email của tất cả SV đã tốt nghiệp 1 năm do Phòng QLĐT cung cấp danh sách và thông tin. Sau một thời gian nhất định, những cựu SV không phản hồi qua email Phòng KT-ĐBCL-TT&PC sẽ yêu cầu các Khoa hỗ trợ gọi điện thoại trực tiếp cho cựu SV hoặc liên hệ qua facebook, zalo, người thân,... đảm bảo thu được dữ liệu tin cậy và đáp ứng yêu cầu quy định. Đây là một trong những kênh thông tin để Nhà trường nhận được những phản hồi của người học, người sử dụng lao động về sự đáp ứng của CTĐT đối với nhu cầu lao động thực tế. Kết quả khảo sát sẽ được Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổng hợp, đối sánh, đánh giá và gửi cho BGH và các Khoa để theo dõi và có những giải pháp, kế hoạch hằng năm như điều chỉnh CTĐT, tổ chức ngày hội việc làm, giới thiệu sinh viên đến các doanh nghiệp có thỏa thuận cộng tác,... nhằm đảm bảo và tăng tỷ lệ SV có việc làm của Khoa và Trường.

Bảng 11.3. Tỷ lệ có việc làm của SV ngành QTNH&DVAU sau 1 năm tốt nghiệp

Stt	Năm khảo sát	Số lượng SVTN 1 năm	Tỷ lệ có việc làm (%)	Tỷ lệ làm việc đúng ngành ĐT (%)	Khu vực làm việc (tỷ lệ %)				Khu vực làm việc chủ yếu	Thu nhập bình quân (triệu VNĐ)
					Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài		
1	2024	13	100.0	92.3	8.3	91.6	0	0	Bình Thuận	4

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ sinh viên ngành QTNH&DVAU có tới 92,3% làm việc đúng ngành đào tạo. Đây là một tín hiệu tích cực, phản ánh mức độ phù hợp giữa chương trình đào tạo và nhu cầu thực tế của thị trường lao động. Khu vực làm việc chủ yếu là tại tỉnh Bình Thuận, phù hợp với định hướng phát triển DL – dịch vụ của địa phương. Tuy nhiên, mức thu nhập bình quân của sinh viên mới tốt nghiệp còn khá thấp. Nhà trường nên tăng cường liên kết doanh nghiệp, bồi dưỡng kỹ năng và ngoại ngữ để nâng cao cơ hội và thu nhập cho sinh viên **[H11.11.03.04]**.

Khoa, Nhà trường tiếp tục hỗ trợ cho SV, nâng cao mức độ đáp ứng yêu cầu công việc và chất lượng công việc của SV sau tốt nghiệp như: Tăng cường sự phối hợp giữa Nhà trường với các đơn vị sử dụng lao động nhằm hỗ trợ việc làm, thực tập cho SV **[H11.11.03.05]**. Tổ chức các ngày hội việc làm, tăng các kênh thông tin việc làm trên website Trường, tăng cường đào tạo kỹ năng mềm, ngoại ngữ cho SV. Ngoài ra, Nhà trường cũng tổ chức Hội cựu SV, thông qua họp mặt cựu SV hàng năm, các Khoa có thể nắm được tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp, nhu cầu và yêu cầu thực tế của các doanh nghiệp khi tuyển dụng, từ đó có các kế hoạch nhằm cải tiến chất lượng đào tạo phù hợp hơn với nhu cầu xã hội, đồng thời, khi tiếp nhận các thông tin tuyển dụng từ các doanh nghiệp **[H11.11.03.06]**. Bên cạnh đó, Khoa phối hợp với phòng CTCTSV&HTDN, chủ động liên hệ, cung cấp thông tin tuyển dụng đến các SV sau tốt nghiệp chưa có việc làm, làm cầu nối để SV dễ dàng tiếp cận đến các thông tin tuyển dụng và ngược lại. Website Khoa thường xuyên đăng tải các tin tức tuyển dụng để các SV chưa có việc làm có thể tiếp cận nhanh chóng với các thông tin tuyển dụng, đồng thời các kênh liên hệ như điện thoại, email, facebook, zalo,... cũng được sử dụng thường xuyên để giới thiệu việc làm cho SV **[H11.11.03.07]**.

2. Điểm mạnh:

Trường và Khoa có hệ thống khảo sát, thống kê tỷ lệ SV ra trường có việc làm hàng năm, có đối sánh và phân tích nguyên nhân đồng thời tìm nhiều giải pháp hỗ trợ SV có việc làm và làm đúng ngành nghề được đào tạo. Tỷ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp được xác lập và giao cho các đơn vị và Khoa thực hiện việc khảo sát và đối sánh, từ đó đưa ra các giải pháp để ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhà trường và Khoa DL có xây dựng mối quan hệ thường xuyên và tốt đẹp với các doanh nghiệp, cơ quan để hỗ trợ SV tìm được việc làm phù hợp nhất.

3. Điểm tồn tại:

Một số SV còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng. Do đó, SV gặp chút khó khăn trong quá trình tìm việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp với thu nhập ổn định.

Chưa đối sánh tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp với nhiều trường đại học khác.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện đối sánh và phân tích tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm cùng ngành đào tạo trong và ngoài nước để đề ra giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm của SV trường.	K. DL; P.KT-ĐBCL-TT&PC	Từ năm học 2025–2026	
		Tăng cường đào tạo định hướng nghề nghiệp cho SV thông qua các hoạt động Đoàn-Hội; thường xuyên theo dõi, đôn đốc SV có kế hoạch học tập và định hướng việc làm sau tốt nghiệp phù hợp với cá nhân.	K. DL; P.CTCTSV &HTDN; P.QLĐT;	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các DN, tổ chức nhằm giới thiệu việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp. - Phát huy vai trò của cựu SV trong việc hỗ trợ thực tập và giới thiệu việc làm cho SV khóa sau.	K. DL; P.CTCTSV &HTDN; P.QLĐT	Từ năm học 2025–2026	
		Tiếp tục định kỳ thực hiện khảo sát tình hình việc làm của SV, nhu cầu	K. DL; P.KT-ĐBCL-	Từ năm học 2025–2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		của doanh nghiệp để dự đoán xu hướng kịp thời và có các giải pháp hiệu quả ổn định tỷ lệ có việc làm cho SV sau tốt nghiệp.	TT&PC; P.QLĐT		

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Từ năm 2015, Trường đã thành lập Phòng QLKH&HTQT nhằm tham mưu cho Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển NCKH phù hợp với điều kiện của Nhà trường [H11.11.04.01]. Năm 2023, Trường đã nhận được giấy phép xuất bản tạp chí khoa học do Bộ Thông tin và truyền thông cấp [H11.11.04.02]. Bên cạnh Kế hoạch của Phòng QLKH&HTQT, Khoa cũng xây dựng kế hoạch về hoạt động NCKH hằng năm của đơn vị mình, trong đó xác lập được loại hình nghiên cứu đặc thù đối với khối ngành kinh tế là nghiên cứu xã hội cũng như số lượng các hoạt động NCKH cho người học là tương thích với mục tiêu, sứ mạng - tầm nhìn của Nhà trường và CDR của CTĐT [H11.11.04.03]. Ngoài ra, Phòng CTCTSV&HTDN còn xây dựng các chỉ tiêu về NCKH cho SV đạt chuẩn SV 5 tốt [H11.11.04.04]. Căn cứ vào kế hoạch NCKH trong năm của Trường, Khoa sẽ lập danh mục các đề tài NCKH của CBGV và SV Khoa mình. Sau đó, Khoa sẽ hướng dẫn SV đăng ký đề tài. Ngoài ra, hằng năm, Phòng QLKH&HTQT sẽ tổng kết thống kê hoạt động NCKH của SV trong năm và gửi lại thông tin để Khoa theo dõi, giám sát [H11.11.04.05].

Hàng năm, Trường/Khoa thường tổ chức hội nghị, hội thảo về khoa học công nghệ dành cho SV [H11.11.04.06]. SV có tham gia hoạt động để tiếp cận với hoạt động NCKH dưới nhiều hình thức khác nhau như: viết tiểu luận, làm khóa luận (theo quy định trong CTĐT, trong ĐCHP), hoặc tham gia viết nội san, viết bài trong các hội thảo, hội nghị, học hỏi các đề tài NCKH ở các cấp, các Hội thảo khoa học. Khóa luận cũng là một học phần cuối khoá dành cho các SV có thành tích học tập đạt điểm trung bình tích lũy của 7 học kỳ đạt từ 7.0 trở lên, được SV lựa chọn thực hiện thay thế cho báo cáo thực

tập và thực hiện theo kế hoạch của Khoa/Trường. Bên cạnh đó, nội san khoa học Khoa cũng nhận được sự quan tâm và tham gia của SV. Các đề tài NCKH ở các cấp, các Hội thảo khoa học, Tạp chí khoa học cũng đang dần được nhiều SV quan tâm và tham gia thực hiện **[H11.11.04.07]**. Phạm vi nghiên cứu của đề tài thường chủ yếu trong lĩnh vực kế toán, tài chính. Đề tài NCKH của SV có thể được thực hiện theo cá nhân hoặc nhóm nghiên cứu, đề tài đăng ký sẽ được các tác giả trình bày, trao đổi trong cuộc họp chung của Khoa tổ chức nhằm mục đích giúp SV xác định rõ hơn tên đề tài, mục tiêu, phương pháp và trình tự tiến hành nghiên cứu.

Việc tổ chức hoạt động NCKH cho SV tuân theo Thông tư 26/2021/TT-BGDĐT quy định về hoạt động NCKH của SV trong các CSGD ĐH của Bộ GDĐT và theo Quy định về quản lý hoạt động KHCN của Trường. Phòng QLKH&HTQT chịu trách nhiệm về các đề tài NCKH từ cấp Trường trở lên, hướng dẫn SV lập hồ sơ, theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả. Khoa cũng thường xuyên quan tâm, thực hiện thống kê, đối sánh về hoạt động NCKH SV, từ đó có thể đưa ra các giải pháp giúp nâng cao NCKH cho SV Khoa **[H11.11.04.08]**. SV được hỗ trợ bởi GV như chọn đề tài, lập đề cương nghiên cứu, làm thực nghiệm, sửa bài, đánh giá... **[H11.11.04.09]**. Khoa thực hiện phân công danh sách GV hướng dẫn SV thực hiện nghiên cứu. Chất lượng hoạt động nghiên cứu của SV được đánh giá bởi các hội đồng nghiệm thu trong Trường và được báo cáo cụ thể trong báo cáo tổng kết hàng năm **[H11.11.04.10]**.

Chính sách về NCKH của SV cũng được quy định rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường **[H11.11.04.11]**. Hằng năm, Nhà trường lập dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động NCKH trong đó có hoạt động NCKH của SV. Nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của SV, Trường đã tăng cường hỗ trợ về tài chính: tăng định mức NCKH, tăng định mức khen thưởng cho những SV đạt thành tích cao trong NCKH và các cuộc thi học thuật các cấp.

Việc rà soát tiến độ, chỉ tiêu các hoạt động NCKH của SV được thực hiện hằng năm do Phòng QLKH&HTQT tổng kết, thống kê từ các Khoa/đơn vị và gửi lại thông tin để Khoa theo dõi, giám sát. Bên cạnh đó, Khoa thực hiện thống kê, đối sánh hoạt động NCKH Khoa **[H11.11.04.12]**. Việc rà soát kết quả SV thực hiện các đề tài NCKH do GV/Khoa và Phòng QLKH&HTQT thực hiện theo quy chế, SV thực hiện gặp gỡ GV hướng dẫn thường xuyên để trao đổi về tiến độ thực hiện và nội dung liên quan. Kết quả

của các dạng hoạt động này thể hiện qua kết quả các bài viết, công trình NCKH của SV [H11.11.04.13]. Đối với đề tài NCKH cấp trường của SV luôn được GV hướng dẫn/Khoa quan tâm, thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình thực hiện. Loại hình các hoạt động NCKH của SV được Khoa phân công theo dõi, giám sát chặt chẽ, cố vấn học tập thường xuyên tổ chức các buổi họp lớp, nhắc nhở SV trong các hoạt động NCKH, mỗi học kỳ sẽ báo cáo về Khoa để Khoa kịp thời nắm bắt tình hình, và đưa ra các giải pháp khuyến khích SV thực hiện NCKH. Bên cạnh đó, các loại hình NCKH như khoá luận tốt nghiệp, SV khi thực hiện đề tài phải có phiếu đăng ký đề tài, thông qua sự đồng ý của GV hướng dẫn và nộp về Khoa. Qua đó, Khoa tổng kết về số lượng và tình hình thực hiện đề tài NCKH của SV, đồng thời báo về các đơn vị, phòng, ban có liên quan. Việc theo dõi, giám sát về số lượng, nội dung đối với các đề tài NCKH của SV ở các cấp cũng được thực hiện tuần tự và xuyên suốt, SV khi thực hiện đề tài, cần trao đổi và được thông qua bởi GV hướng dẫn, Khoa và cuối cùng là hội đồng NCKH cấp Trường. Cuối mỗi năm học, Khoa tổng kết hoạt động NCKH của CBGV và của SV trong Khoa, thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu để đưa ra giải pháp khắc phục những tồn tại, phát huy thế mạnh và đa dạng hoá hơn nữa các loại hình NCKH, từ đó xây dựng kế hoạch KHCN cho năm học mới hoàn thiện hơn về cả số lượng và chất lượng [H11.11.04.14].

Bảng 11.4 Bảng đối sánh số lượng đề tài NCKH của SV các Khoa

Khoa	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	Tổng
DL	0	1	1	0	3	5
TCKTNH	7	13	19	15	9	63
QTKD	2	2	1	-	2	6
CNTT	0	0	0	2	1	3
Ngoại ngữ	4	3	1	0	1	9
Luật Kinh tế	3	0	0	0	2	5

Giai đoạn 2020–2025, Khoa DL có 5 đề tài NCKH sinh viên, thấp hơn nhiều khoa khác. Khoa TCKTNH dẫn đầu với 63 đề tài, Khoa Ngoại ngữ có 9, còn QTKD và Luật Kinh tế tương đương DL với 6 và 5 đề tài. Khoa CNTT có 1 đề tài. Kết quả cho thấy hoạt động NCKH của SV Khoa DL còn hạn chế, cần được quan tâm thúc đẩy nhiều hơn.

Nguyên nhân hoạt động NCKH chưa thực sự phát triển mạnh: SV tập trung cho việc học chính khóa, tham gia các hoạt động đoàn hội và một phần lớn các em làm việc

bán thời gian. Thêm nữa, vẫn còn nhiều SV chưa thấy được vai trò, hứng thú của việc tham gia hoạt động NCKH. SV chưa lựa chọn đúng đề tài nên chưa đủ khả năng nghiên cứu, một số đề tài thuộc lĩnh vực kinh tế kết quả nghiên cứu không có sản phẩm cụ thể khó thuyết phục, việc triển khai nghiên cứu thực tế của một số đề tài gặp khó khăn, kinh phí cho nghiên cứu còn hạn chế... Khoa đề xuất một số các hoạt động NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của người học như tổ chức các hội nghị khoa học của SV, tổ chức các Workshop về NCKH, đẩy mạnh hoạt động NCKH, câu lạc bộ học thuật của Khoa thường xuyên tổ chức những buổi sinh hoạt về học thuật phù hợp với từng chuyên ngành của SV, tổ chức buổi seminar NCKH, hội thảo giúp SV định hình hướng nghiên cứu và triển khai nghiên cứu [H11.11.04.15]. Về tài chính, để động viên SV làm NCKH, Nhà trường nên tăng định mức khen thưởng cho những SV đạt thành tích cao trong NCKH và các cuộc thi học thuật các cấp.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học, thực hiện đối sánh và có những đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế, phù hợp với khả năng của người học.

Nhà trường đã ban hành các văn bản chi tiết về NCKH của SV và triển khai sâu rộng đến tất cả đối tượng SV. Hoạt động SV NCKH, hoạt động khởi nghiệp được Khoa ngày càng chú trọng, quan tâm, điều chỉnh trong những năm gần đây, do đó, số lượng đề tài NCKH của SV đang có xu hướng tăng lên.

3. Điểm tồn tại:

Hiện nay, các loại hình NCKH của SV Khoa DL còn chưa đa dạng; chưa có nhiều hoạt động, chính sách hấp dẫn thu hút SV tham gia NCKH, do đó, số lượng đề tài NCKH do SV thực hiện còn rất khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa đề xuất Nhà trường tiếp tục có thêm nhiều chính sách và hoạt động khuyến khích NCKH trong đó có tăng kinh phí dành cho NCKH của	K. DL; P.QLKH &HTQT;	Từ năm học 2025–2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
		SV, tính điểm rèn luyện, điều kiện xét học bổng, nâng cao kỹ năng NCKH cho SV, phát triển các hoạt động Khởi nghiệp...	P.CTCTSV &HTDN		
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục cải thiện các quy định chi tiết về NCKH của SV, hệ thống theo dõi giám sát NCKH SV. - Đẩy mạnh và truyền thông tốt hơn vai trò của câu lạc bộ NCKH nhằm khơi gợi SV niềm đam mê NCKH cho SV.	K. DL; P.QLKH &HTQT; P.CTCTSV &HTDN	Từ năm học 2025–2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 11.5 Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có ban hành quy trình khảo sát lấy ý các BLQ về các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD của Trường; qua đó có phân công cho các đơn vị, bộ phận phụ trách hằng năm tổng hợp, theo dõi giám sát, đối sánh mức độ hài lòng của các BLQ là Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phối hợp với Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV&HTDN và các khoa, đơn vị [H11.11.05.01].

Trường đã xác lập và duy trì hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ từ sau khi có khóa học tốt nghiệp. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ phục vụ công tác nâng cao chất lượng toàn diện trong Nhà trường thông qua quy trình Khảo sát dưới các hình thức như: khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát ý kiến SV năm cuối về khóa học; khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp về việc làm; khảo sát ý kiến GV và SV về chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ; khảo sát ý kiến NTD, cựu SV và GV về CTĐT và CĐR; khảo sát ý kiến SV về hoạt động NCKH và PVCD [H11.11.05.02].

Mức độ hài lòng của SV đối với hoạt động giảng dạy của GV được xác lập, giám sát và theo dõi định kỳ mỗi học kỳ qua kết quả khảo sát ý kiến SV sau khi kết thúc môn học. Khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy các môn học: Khảo sát online qua phần mềm xem điểm của SV sau khi kết thúc mỗi học kỳ, với các nội dung: (TC1) Thông tin chung học phần; (TC2) Phương pháp nội dung giảng dạy; (TC3) Kiểm tra đánh giá;

(TC4) Tác phong sư phạm; (TC5) Đánh giá chung.

Bảng 11.8. Tỷ lệ hài lòng của SV về hoạt động giảng dạy của GV

Stt	GV thuộc Khoa	Tỷ lệ hài lòng của SV về hoạt động giảng dạy các môn học (%)									
		2020-2021		2021-2022		2022-2023		2023-2024		2024-2025	
		HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
1	DL	95.8	93.13	96.9	91.8	93.9	95.1	86.3	89.7	91.9	-
2	TC-KT-NH	96.8	96.82	97.4	95.8	97.2	95.2	91.5	90.8	87.6	-
3	NN	95.1	93.27	94.8	93.5	93.3	96	84.2	83.1	85.2	-
4	QTKD	94.6	95.12	96	97.2	93.9	96.5	84.9	84.6	83.6	-
5	CNTT	96.4	93.98	92.5	98	92	93.6	84.7	85.1	81.8	-
6	LKT	93.9	83.72	93.8	93.6	96.2	97.6	83	85.5	82.6	-
7	KTCN	92.5	96.4	90	97.1	90.4	97.2	91.8	91.8	89.6	-
8	CB	97.3	91.55	99.4	93.8	93.4	93.4	84.9	84.2	84.9	-
9	KHSK	0	0	0	0	100	92.5	94.4	92.6	94.9	-
Toàn trường		95.3	92.98	95.1	95.1	94.5	95.2	87.3	87.5	86.9	-

Kết quả bảng trên cho thấy tỷ lệ hài lòng của SV về hoạt động giảng dạy các môn học thuộc khoa DL đều trên 85% qua các học kỳ **[H11.11.05.03]**.

Khảo sát ý kiến cựu SV còn giúp Trường/Khoa tìm hiểu những thông tin cơ bản về CTĐT của khóa học, những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung giúp SV sau khi ra trường tìm được việc làm và sớm thích nghi với công việc, đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng. Kết quả khảo sát cho thấy SV hài lòng về PPDH cũng như chuyên môn, kiến thức cung cấp có ích cho công việc hiện nay **[H11.11.05.04]**.

Khảo sát ý kiến GV và CB quản lý: các ý kiến đánh giá được thu thập thông qua các cuộc họp của Khoa DL hàng năm cho thấy đa số hài lòng về chất lượng SV tốt nghiệp **[H11.11.05.05]**.

Hàng năm, Trường khảo sát mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với chất lượng SV tốt nghiệp. Đối với ngành QTNH&DVAU, lựa chọn khảo sát chủ yếu là các nhà hàng, resort, khách sạn... có SV ngành QTNH&DVAU của Trường tham gia làm việc. Mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với SV tốt nghiệp trên 80%, đa số đáp ứng được các yêu cầu công việc và được đánh giá cao về kiến thức ngành và thái độ làm việc. Về kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm thì có sự không đồng đều ở các cựu SV, một số được đánh giá khá tốt nhưng một số lại không như mong đợi, cần được đào tạo thêm về các kỹ năng để đáp ứng yêu cầu công việc. Điều này cũng hợp lý vì SV mới ra

trường, nhiều bạn cũng chưa từng hoặc ít đi làm thêm trước đó nên chưa có kinh nghiệm trong giao tiếp và xử lý các tình huống thực tế nơi làm việc. Về khả năng ngoại ngữ thì hầu như tất cả SV các ngành đều cần được tăng cường đào tạo và tự rèn luyện thêm mới có thể đáp ứng sự hài lòng từ các nhà sử dụng lao động.

Hầu hết các đơn vị đều chọn tương đối đồng ý và đồng ý với mục tiêu, nội dung của CĐR và CTĐT các ngành của trường (>80%). Ít có ý kiến chuyên môn gì thêm. Có thể do các đơn vị không có nhiều thời gian để xem xét kỹ các CTĐT của Trường. Thông qua tỷ lệ có việc làm cao của SV sau khi tốt nghiệp và phản ánh của cựu SV cho thấy mức độ hữu ích của kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo trong Nhà trường so với yêu cầu thực tế của công việc ngày càng cao [H11.11.05.06].

Ngoài các hoạt động khảo sát ý kiến thì SV còn có thể phản hồi ý kiến trực tiếp và được giải đáp các thắc mắc, được cung cấp các thông tin cần thiết qua các hội nghị đối thoại với lãnh đạo các đơn vị của Trường hằng năm [H11.11.05.07].

Thông qua việc xác lập, giám sát và đối sánh định kỳ mức độ hài lòng và ý kiến đóng góp của các BLQ như SV, cựu SV, CBGVNV, nhà tuyển dụng... Nhà trường và Khoa DL đã có những cải tiến để nâng cao chất lượng như điều chỉnh CTĐT, đổi mới PPDH, tăng cường hoạt động hỗ trợ người học, nâng cao kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên ngành, tăng cường tiếng Anh giao tiếp cho SV.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có xây dựng các quy định, quy trình về việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ. Thực hiện khảo sát định kỳ và xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các BLQ, thực hiện việc đối sánh làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD.

3. Điểm tồn tại:

Chưa thực hiện việc phân tích, đối sánh mức độ hài lòng của các BLQ với các trường ĐH khác để cải tiến chất lượng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát ý kiến các BLQ định kỳ và đối sánh với các CSGD khác để phân tích xu thế, đưa ra các nhận định và giải pháp hiệu quả để ngày càng nâng cao mức độ hài lòng của các BLQ.	K. DL	Từ năm học 2025–2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện nội dung, quy trình, biểu mẫu và thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ định kỳ về hoạt động của Trường/Khoa.	P.KT-ĐBCL-TT&PC	Từ năm học 2025–2026	

5. *Tự đánh giá:* Đạt (4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 11:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường/Khoa đã giám sát việc đạt được các tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Phòng QLĐT và Khoa có thường xuyên tìm hiểu phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn và thực hiện các biện pháp hỗ trợ người học nhằm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn. Hoạt động NCKH của SV cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư hơn. Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ hoạt động một cách hiệu quả, các thông tin được phân tích, đối sánh để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Các loại hình để thu hút và khuyến khích SV NCKH còn chưa đa dạng; chưa có các hoạt động và chính sách hấp dẫn thu hút SV tham gia NCKH.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 11:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 11 có 05 tiêu chí, cả 05 tiêu chí đạt điểm 4/7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy của CTĐT ngành QTNH&DVAU

1.1 Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo

CTĐT ngành Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ Ăn uống được xây dựng với mục tiêu rõ ràng, phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của Trường Đại học Phan Thiết và đáp ứng các yêu cầu của Luật Giáo dục Đại học. Chuẩn đầu ra (CDR) được xác định cụ thể, bao quát đầy đủ các năng lực cần thiết về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, đồng thời đảm bảo sự liên kết chặt chẽ với mục tiêu đào tạo. Việc xây dựng, rà soát và điều chỉnh CDR được thực hiện định kỳ, có sự tham gia của các bên liên quan như giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng. Thông tin về mục tiêu và CDR được công bố minh bạch trên các kênh chính thức của Nhà trường và Khoa, đảm bảo khả năng tiếp cận và giám sát của người học và xã hội.

1.2 Bản mô tả chương trình đào tạo

Cập nhật định kỳ, đầy đủ, đúng quy định: Bản mô tả CTĐT được xây dựng đầy đủ, cập nhật định kỳ theo quy định của Bộ GDĐT, phản ánh rõ ràng mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, cấu trúc và tiến trình đào tạo.

Công khai minh bạch, dễ tiếp cận: Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần được công bố rộng rãi qua nhiều kênh thông tin như website trường/khoa, sinh hoạt đầu khóa, giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

Gắn kết thực tiễn, đáp ứng thị trường lao động: Việc cập nhật ĐCCT học phần giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy – học tập, hỗ trợ sinh viên tiếp cận kịp thời kiến thức mới, phù hợp yêu cầu thực tiễn, tăng khả năng thích ứng và làm việc hiệu quả sau tốt nghiệp.

Có sự tham gia của các bên liên quan: Hoạt động rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo có sự góp ý từ giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng, tạo tiền đề cho cải tiến liên tục và phù hợp thực tiễn.

1.3 Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Cấu trúc CTĐT ngành QTNH&DVAU được thiết kế hợp lý, các học phần được bố trí theo trình tự logic, từ kiến thức giáo dục đại cương đến kiến thức cơ sở và chuyên ngành, thể hiện rõ định hướng tích hợp và ứng dụng.

Nội dung chi tiết các học phần được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng, gắn với CĐR và được thể hiện cụ thể thông qua ma trận học phần, ma trận kỹ năng. Các phương pháp giảng dạy, kiểm tra – đánh giá được lựa chọn phù hợp, bảo đảm hỗ trợ người học đạt được CĐR của chương trình.

CTĐT được xây dựng dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ, có sự tham gia của đội ngũ giảng viên trong việc xác định tổ hợp phương pháp dạy học và đánh giá cho từng học phần, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo.

1.4 Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Nhà trường đã ban hành văn bản xác định rõ ràng mục tiêu và triết lý giáo dục, đồng thời công bố công khai rộng rãi đến các BLQ trong và ngoài trường.

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CĐR môn học và CTĐT. NH được tạo điều kiện chủ động tiếp cận các hoạt động học tập phù hợp. Mặt khác, các hoạt động dạy học được thiết kế hình thành và phát triển kỹ năng mềm, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp trong tương lai và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1.5 Đánh giá kết quả học tập của người học

Nhà trường có quy định rõ ràng về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH. Kế hoạch và những quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai với NH ngay từ khi bắt đầu khóa học, học kỳ, môn học.

Khoa DL áp dụng đa dạng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp bám sát các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ; thực hiện đánh giá nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với chuyên ngành QTNH&DVAU.

Kết quả học tập của NH được công bố kịp thời, đầy đủ, chính xác, giúp NH cải thiện kết quả học tập trong giai đoạn tiếp theo. SV Khoa DL dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình thông qua hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn của Trường, Khoa. Nhà trường và Khoa luôn quan tâm giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập của người học trong suốt quá trình người học tham gia học tập tại trường dưới nhiều hình thức.

1.6 Đội ngũ GV, NCV

Trường và Khoa đã có định hướng chiến lược rõ ràng trong công tác phát triển đội ngũ GV, có kế hoạch và triển khai tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ có cơ sở khoa học, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Việc tuyển dụng được thực hiện công khai, minh bạch, dựa trên các tiêu chí rõ ràng về học hàm, học vị, năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu đào tạo và định hướng phát triển của Trường/Khoa.

Đội ngũ GV cơ hữu và thỉnh giảng của Khoa được đánh giá có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm thực tiễn và được trẻ hóa, bảo đảm sự kế thừa và phát triển lâu dài giúp nâng cao chất lượng đào tạo.

Tỷ lệ GV/SV được xác định phù hợp, đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT, là cơ sở để phân bổ khối lượng công việc, đảm bảo chất lượng đào tạo và giám sát hiệu quả hoạt động giảng dạy. Khối lượng công việc của GV cũng được phân định rõ ràng, có quy chế quy đổi giờ chuẩn giảng dạy và NCKH theo từng vị trí, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi, đánh giá và xét thi đua, khen thưởng.

Nhà trường cũng ban hành đầy đủ các văn bản quy định về công tác đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ CBGVNV với các tiêu chí định lượng rõ ràng, minh bạch, có sự tham gia của nhiều cấp quản lý từ cá nhân, Khoa đến các đơn vị chức năng. Việc đánh giá diễn ra định kỳ hàng tháng, học kỳ và năm học, kết hợp giữa tự đánh giá, đánh giá từ cấp trên và lấy ý kiến SV, tạo sự khách quan, toàn diện và góp phần thúc đẩy động lực làm việc trong đội ngũ GV.

Hoạt động NCKH được triển khai đồng bộ, có quy trình giám sát hàng năm, với nhiều GV đạt được thành tích tốt, được công nhận bằng các danh hiệu thi đua, khen thưởng từ cấp Trường đến cấp Bộ và Tỉnh.

1.7 Đội ngũ nhân viên

Căn cứ nhu cầu và dự báo nguồn nhân lực hỗ trợ, Nhà trường và Khoa đã lập kế hoạch, tuyển dụng, thu hút đội ngũ NV hỗ trợ đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Đội ngũ NV hỗ trợ của Trường có năng lực chuyên môn và sẵn sàng phục vụ. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về tuyển dụng của Nhà trường đã được công bố công khai. Trường, Khoa luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho CB hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp

vụ. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ NV được thực hiện định kỳ hằng năm một cách công bằng và đúng theo quy định.

1.8 Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách và phương thức tuyển sinh được xây dựng rõ ràng, linh hoạt, công khai qua nhiều kênh và cập nhật hằng năm theo phân tích dữ liệu, dự báo nhu cầu nhân lực. Tiêu chí lựa chọn người học minh bạch, phù hợp với từng phương thức và chương trình đào tạo, có tham vấn từ cựu sinh viên, doanh nghiệp. Hệ thống giám sát, hỗ trợ học tập triển khai đồng bộ từ Ban Giám hiệu đến các bộ phận chuyên trách, với dữ liệu học tập – rèn luyện được theo dõi định kỳ. Hoạt động hỗ trợ sinh viên toàn diện, hiệu quả, góp phần nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và việc làm sau tốt nghiệp. Môi trường học tập được đầu tư đồng bộ, thân thiện, an toàn; khảo sát sự hài lòng người học được thực hiện định kỳ để kịp thời cải tiến.

1.9 Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Khoa DL có đầy đủ CSVC và trang thiết bị đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của cho CBGV, SV ngành QTNH&DVAU. Phòng học, phòng làm việc được đầu tư, sửa chữa và nâng cấp; phòng thực hành được trang bị các thiết bị hiện đại; Thư viện của Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo; Hệ thống CNTT hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH. Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho CB, GV và SV rèn luyện sức khỏe. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho CBNV, GV và SV làm việc và học tập, nghiên cứu.

1.10 Nâng cao chất lượng

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi hoạt động tích cực, định kỳ 2 năm 1 lần có điều tra khảo sát ý kiến các BLQ để thiết kế và phát triển CTĐT, thường xuyên thu thập thông tin phản hồi về hoạt động dạy học và KTĐG. Việc thiết kế và phát triển CTDH được triển khai theo quy trình và hướng dẫn.

Trường ĐHPT và Khoa DL thường xuyên rà soát, đánh giá quá trình dạy học và KTĐG, các hoạt động hỗ trợ, tiện ích và dịch vụ phục vụ dạy và học, có những biện pháp từng bước cải tiến chất lượng.

Cơ chế phản hồi có tính hiệu quả, được thực hiện thường xuyên.

Khoa DL đã có phong trào NCKH huy động được sự tham gia của GV và SV. Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ đào tạo, cộng đồng, được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1.11 Kết quả đầu ra

Trường/Khoa đã giám sát việc đạt được các tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Phòng QLĐT và Khoa có thường xuyên tìm hiểu phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn và thực hiện các biện pháp hỗ trợ người học nhằm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn. Hoạt động NCKH của SV cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư hơn. Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ hoạt động một cách hiệu quả, các thông tin được phân tích, đối sánh để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại cần cải tiến của CTĐT ngành QTNH&DVAU

2.1 Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo

Tuy nhiên, việc đối sánh mục tiêu và CDR của chương trình với các CTĐT tương đương trong và ngoài nước còn hạn chế. Việc đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của sinh viên sau tốt nghiệp chưa được thực hiện một cách định lượng, hệ thống; đồng thời khảo sát nhu cầu thị trường lao động phục vụ cải tiến chương trình vẫn chưa thật sự đầy đủ.

2.2 Bản mô tả chương trình đào tạo

Công bố thông tin còn mang tính một chiều: Hình thức truyền tải thông tin CTĐT và ĐCCT học phần chủ yếu theo chiều hướng một chiều; mức độ tương tác phản hồi từ người học và các bên liên quan chưa cao.

Thiếu đa dạng hình thức công bố: Việc công bố bản mô tả CTĐT vẫn chủ yếu tập trung trên website, chưa tận dụng hiệu quả các nền tảng như mạng xã hội, hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS) để tăng khả năng tiếp cận và phản hồi.

Phản hồi góp ý chưa toàn diện: Ý kiến đóng góp từ nhà tuyển dụng và cựu sinh viên chủ yếu tập trung vào CTĐT và chuẩn đầu ra; việc góp ý cụ thể cho cải tiến ĐCCT học phần vẫn còn hạn chế.

2.3 Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật chương trình chưa thực hiện đầy đủ việc đối sánh với các chương trình tương đương trong và ngoài nước để nâng cao tính cạnh tranh và hội nhập.

Một số học phần vẫn chưa thể hiện rõ mối liên kết chiều sâu về kiến thức và kỹ năng theo hướng phát triển năng lực xuyên suốt; sự tích hợp giữa các học phần nền tảng, cơ sở và chuyên sâu còn hạn chế.

Dù chương trình có triển khai các hoạt động gắn kết với doanh nghiệp nhằm hỗ trợ đạt chuẩn đầu ra, tuy nhiên phản hồi từ phía doanh nghiệp về chất lượng sinh viên vẫn chưa đầy đủ và chưa được khai thác hiệu quả phục vụ cải tiến chương trình.

2.4 Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Một số GV thỉnh giảng chưa quan tâm lắm đến triết lý giáo dục của Trường để chuyển tải vào các hoạt động giảng dạy cho phù hợp. SV của Khoa chưa thật sự chủ động trong việc tham gia các hoạt động học tập tích cực trên lớp cũng như việc tự học, tự nghiên cứu thêm, chưa thích ứng tốt với các hoạt động tại nơi thực tập.

2.5 Đánh giá kết quả học tập của người học

Khoa chưa thường xuyên thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần so với yêu cầu của các CDR để có hướng điều chỉnh thích hợp hơn. Số lượng môn học được xây dựng ngân hàng đề thi chung còn khá ít.

Còn nhiều SV chưa quan tâm đến các quy định về kiểm tra đánh giá khi được phổ biến vào đầu khóa, trước khi bắt đầu HP, dẫn tới chưa nắm rõ các quy định và chủ động theo dõi kết quả học tập của mình cũng như phản hồi các thắc mắc liên quan.

2.6 Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Công tác quy hoạch GV của Khoa chưa chú trọng về tỷ lệ nam/nữ. Tỷ lệ GV có học hàm học vị GS, PGS, TS của Khoa vẫn còn ít. Đội ngũ GV thỉnh giảng đến từ các tổ chức, doanh nghiệp còn chưa nhiều, phần nào hạn chế việc tiếp cận với kiến thức thực tiễn.

Năng lực NCKH, trình độ ngoại ngữ của các GV chưa đồng đều. Một số khóa đào tạo bồi dưỡng Nhà trường tổ chức có hỗ trợ kinh phí như Tiếng Anh, số lượng GV tham

gia chưa nhiều.

Chưa lượng hóa các tiêu chí cụ thể về hoạt động PVCD để quản trị kết quả công việc của CBGVNV.

Số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế chưa nhiều, chưa có các đề tài NCKH cấp Bộ và cấp Nhà nước.

2.7 Đội ngũ nhân viên

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được công khai, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển vẫn còn chưa nhiều. Công tác và cơ chế hỗ trợ cho CBNV học tập nâng cao trình độ của Nhà trường chưa đủ khích lệ CBNV vì còn mang tính tự túc từ phía CBNV. Đội ngũ NV chưa tiên phong trong công tác PVCD. Các quy định chưa đủ tính khuyến khích cho CBNV tham gia NCKH.

2.8 Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Một số kênh giám sát còn thủ công, rời rạc, chưa tích hợp với hệ thống quản lý tập trung và thiếu công cụ theo dõi cá nhân hóa. Truyền thông tuyển sinh chưa phong phú, thiếu điểm nhấn thu hút thí sinh. Tiêu chí tuyển chọn người học còn phổ thông, chưa có nét riêng cho từng ngành hoặc cho Trường. Dữ liệu tuyển sinh ngành QTNH&DVAU chưa ổn định, có năm chưa đạt chỉ tiêu. Hoạt động học thuật và ngoại khóa chuyên ngành còn hạn chế, thiếu gắn kết với thực tiễn. Cơ sở vật chất hỗ trợ người học đặc biệt còn thiếu, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu.

2.9 Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Tuy nhiên, công tác quản lý, khai thác sử dụng CSVC, CNTT và các trang thiết bị của Nhà trường và Khoa vẫn còn một số hạn chế so với yêu cầu ứng dụng CNTT ngày càng cao. Quy mô thư viện chưa thực sự đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo và NCKH của CBGV và SV.

2.10 Nâng cao chất lượng

Số lượng ý kiến phản hồi của các BLQ về quy trình xây dựng, thẩm định CTĐT và CDR chưa nhiều. Số lượng và mức độ quan tâm của các tổ chức nghề nghiệp lĩnh vực QTNH&DVAU tham gia đánh giá CTDH ngành QTNH&DVAU chưa nhiều. Số lượng đề tài NCKH của SV ứng dụng vào cải tiến việc dạy và học còn hạn chế. Khoa DL chưa tiến hành phân tích sâu về kết quả học tập của SV.

Một số phản hồi của các BLQ về CSVCS, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường. Cơ chế phản hồi thông qua các kênh khác kênh khảo sát chưa được đánh giá, cải tiến.

2.11 Kết quả đầu ra

Các loại hình để thu hút và khuyến khích SV NCKH còn chưa đa dạng; chưa có các hoạt động và chính sách hấp dẫn thu hút SV tham gia NCKH.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành QTNH&DVAU

3.1 Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của CSGD và Luật GDĐH, được cập nhật định kỳ qua các năm 2021, 2022, 2024. Nhà trường duy trì và cập nhật định kỳ CDR, lấy ý kiến các bên liên quan và công bố công khai. Quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CDR được thực hiện hiệu quả, có sự tham gia thực chất của các bên liên quan, đặc biệt là doanh nghiệp trong lĩnh vực nhà hàng và dịch vụ ăn uống. Đồng thời, tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý, theo dõi, cập nhật và công bố CDR thông qua nền tảng số, tài liệu hướng dẫn SV và hệ thống hỗ trợ cố vấn học tập nhằm nâng cao tính tiếp cận và gắn kết với người học.

3.2 Bản mô tả chương trình đào tạo

Khoa tiếp tục duy trì việc cập nhật định kỳ bản mô tả CTĐT và xây dựng đề cương chi tiết học phần đầy đủ, đúng quy định, đồng thời mở rộng kênh lấy ý kiến và tăng cường sự tham gia góp ý từ các bên liên quan nhằm đảm bảo nội dung phù hợp với thực tiễn và yêu cầu nghề nghiệp. Thông tin về bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công khai minh bạch trên nhiều nền tảng, từng bước nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận đối với các bên liên quan.

3.3 Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Khoa tiếp tục rà soát, hoàn thiện CTDH định kỳ, bảo đảm cập nhật phù hợp với CDR của CTĐT và phản hồi từ các bên liên quan nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Đồng thời, tiếp tục điều chỉnh ma trận kỹ năng CDR giữa CTĐT và các học phần, thể hiện rõ mức độ đóng góp của từng HP đối với việc đạt được CDR. Việc cải tiến CTDH được thực hiện thường xuyên, bám sát xu hướng, phù hợp với nguồn lực của Nhà trường, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và xã hội.

3.4 Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Nhà trường tiếp tục rà soát, cập nhật nội dung triết lý giáo dục phù hợp với từng giai đoạn phát triển, đồng thời phổ biến định kỳ đến toàn thể CB, GV, nhân viên và SV nhằm đảm bảo sự thấu hiểu và thực hiện hiệu quả. Các hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ NH được duy trì tốt, với điều kiện CSVC và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và đạt CĐR của từng HP cũng như CTĐT. Nhà trường thường xuyên khảo sát ý kiến các BLQ về hoạt động và phương pháp dạy học để kịp thời điều chỉnh, bảo đảm hiệu quả đào tạo. GV tiếp tục áp dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp, chú trọng rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng thiết yếu, góp phần nâng cao năng lực tự học và học tập suốt đời cho người học.

3.5 Đánh giá kết quả học tập của người học

Nhà trường định kỳ tổ chức tổng kết, rà soát mức độ bám sát CĐR trong nội dung các bài kiểm tra đánh giá kết quả của NH, đồng thời thường xuyên cập nhật quy định, quy chế mới của Bộ GDĐT và các thay đổi của CTĐT để kịp thời điều chỉnh quy định thi, kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu đo lường CĐR. Các quy chế, cách thức thi được phổ biến rõ ràng đến SV ngay từ đầu khóa học, học kỳ hoặc môn học. Phương pháp đánh giá được đa dạng hóa nhằm phản ánh đầy đủ kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của SV. Nhà trường tiếp tục rà soát, cập nhật hệ thống văn bản, quy trình đánh giá và công bố kết quả học tập kịp thời, đầy đủ, chính xác, đồng thời hướng dẫn và giải quyết nhanh chóng các khiếu nại liên quan (nếu có), góp phần hỗ trợ SV cải thiện kết quả học tập trong các giai đoạn tiếp theo.

3.6 Đội ngũ GV, NCV

Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác bồi dưỡng CB, GV, nâng cao chế độ, chính sách, phúc lợi và thường xuyên rà soát, cập nhật các văn bản liên quan đến quản lý nhân sự. Đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao được duy trì và phát triển; các quy định về tỷ lệ GV/SV được rà soát, giám sát và đánh giá khối lượng công việc theo hướng minh bạch, đa chiều. Các quy định, quy chế về bổ nhiệm, điều chuyển CBGV và tiêu chí đánh giá năng lực GV tiếp tục được thực hiện tốt, với hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Nhà trường khuyến khích GV tham gia hội thảo, công bố nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ được gắn với chiến lược phát triển nhân sự; tỷ lệ GV được đào tạo thường xuyên được duy trì; các chính sách hỗ trợ chuyên môn tiếp tục được hoàn thiện, gắn với cơ chế khuyến khích và đánh giá hiệu quả sau đào tạo. Việc đánh giá hiệu quả công việc GV được triển khai định kỳ, với chính sách

và văn bản quy định cụ thể, nghiêm túc, hiệu quả nhằm tạo động lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD. Các quy định này được điều chỉnh linh hoạt theo từng giai đoạn, phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng của CBGV. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh cả về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV và NCV.

3.7 Đội ngũ nhân viên

Nhà trường tiếp tục thực hiện phân tích, dự báo nhu cầu đội ngũ nhân viên nhằm xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng và quy hoạch phát triển phù hợp, đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD. Các tiêu chí tuyển dụng được xây dựng rõ ràng, quy trình lựa chọn, bổ nhiệm, điều chuyển NV được thực hiện theo kế hoạch và công bố công khai trên các phương tiện truyền thông. Hoạt động đánh giá, phân loại năng lực CBNV được duy trì công bằng, minh bạch qua nhiều cấp và có tham khảo ý kiến từ NH và GV. Nhà trường tiếp tục rà soát, xác định nhu cầu nâng cao chuyên môn của đội ngũ NV và CB hỗ trợ để xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp, đồng thời thực hiện đầy đủ, định kỳ các quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc, khen thưởng và công nhận kết quả làm việc của đội ngũ nhân viên.

3.8 Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Nhà trường tiếp tục duy trì và mở rộng các phương thức tuyển sinh linh hoạt như xét học bạ, xét kết quả thi tốt nghiệp THPT, xét điểm ĐGNL, đồng thời đẩy mạnh truyền thông đa kênh qua fanpage, Zalo, tư vấn trực tuyến, ngày hội hướng nghiệp... để thu hút người học. Quy trình xét tuyển online được tối ưu hóa nhằm nâng cao trải nghiệm cho thí sinh. Các tiêu chí tuyển chọn rõ ràng, phù hợp tiếp tục được phát huy hiệu quả, gắn với thực tiễn trong công tác tuyển sinh. Hệ thống giám sát tiến độ học tập, rèn luyện của SV được duy trì và nâng cao thông qua sự phối hợp giữa các đơn vị và cập nhật dữ liệu học vụ định kỳ. Nhà trường tăng cường kết nối doanh nghiệp, tư vấn thực tập, định hướng nghề nghiệp, phân công GV theo dõi sát sao để hỗ trợ người học sát thực tiễn. Hệ thống hỗ trợ người học tiếp tục được nâng cấp theo hướng đồng bộ, liên thông hiệu quả giữa các cấp Trường và Khoa. Đồng thời, khuyến khích, ghi nhận, tạo động lực cho CBNV tham gia hỗ trợ SV nhằm phát huy tinh thần trách nhiệm. Nhà trường tiếp tục nâng cấp CSVC, cải thiện môi trường học tập, nghiên cứu và hoạt động ngoại khóa, bảo đảm an toàn và tạo tâm lý thoải mái cho SV, đồng thời duy trì những điểm mạnh về văn hóa ứng xử của SV Trường. Hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan cũng được tiếp tục triển khai nhằm phục vụ cải tiến chất lượng.

3.9 Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường thường xuyên rà soát, nâng cấp hệ thống trang thiết bị, công cụ dạy học, máy tính thực hành... nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập. Thư viện được cập nhật đầu sách mới theo ngành, đồng thời tổ chức các hoạt động thúc đẩy văn hóa đọc cho SV nhằm nâng cao chất lượng học tập và nghiên cứu. Hoạt động phục vụ thư viện tiếp tục được cải tiến dựa trên ý kiến các bên liên quan. Việc đầu tư mở rộng, nâng cấp hạ tầng, CSV, đặc biệt là các phòng thực hành chuyên ngành, được triển khai sớm để tăng cường tổ chức học thực hành, giúp SV nâng cao khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn. Nhà trường đẩy mạnh khai thác hiệu quả hệ thống CNTT hiện có phục vụ đào tạo và NCKH, đồng thời tiếp tục quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB và SV. Các lớp tập huấn về phòng chống dịch bệnh và giữ gìn vệ sinh môi trường được tổ chức định kỳ để nâng cao nhận thức và kỹ năng cho toàn trường.

3.10 Nâng cao chất lượng

Nhà trường và Khoa tiếp tục thực hiện khảo sát các BLQ về CTDH theo kế hoạch định kỳ, đồng thời sử dụng phản hồi làm cơ sở điều chỉnh CTDH phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và xu hướng xã hội. Quy trình xây dựng, thẩm định CTĐT và CDR được rà soát, cải tiến thường xuyên nhằm đáp ứng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Hoạt động kiểm tra, đánh giá tiếp tục được hoàn thiện, đặc biệt là đánh giá kết quả NH theo hướng đa dạng, linh hoạt, đảm bảo độ bao quát và chuẩn xác theo CDR HP. Phong trào NCKH trong GV và SV được đẩy mạnh, các đề tài gắn kết với nhiệm vụ đào tạo và phục vụ cộng đồng, góp phần cải tiến việc dạy và học. Đồng thời, Nhà trường tiếp tục hoàn thiện cơ chế lấy ý kiến phản hồi các BLQ để nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho CBGV, SV; duy trì đánh giá định kỳ và cải tiến các dịch vụ hằng năm. Việc giám sát thực hiện quy trình lấy ý kiến phản hồi và sử dụng kết quả khảo sát được tăng cường, cùng với việc cập nhật thường xuyên nội dung các Phiếu khảo sát nhằm đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả.

3.11 Kết quả đầu ra

Nhà trường và Khoa tiếp tục hoàn thiện hệ thống và cơ chế giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của SV nhằm đưa ra nhận định phù hợp và giải pháp cải thiện hiệu quả. Các hoạt động hỗ trợ SV tiếp tục được duy trì và phát huy, góp phần tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn và rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình. Đồng thời, đẩy mạnh hợp tác với

doanh nghiệp, tổ chức trong giới thiệu việc làm, phát huy vai trò cựu SV trong hỗ trợ thực tập và kết nối cơ hội việc làm cho SV khóa sau. Việc khảo sát định kỳ tình hình việc làm của SV và nhu cầu DN được thực hiện thường xuyên để dự báo xu hướng, từ đó xây dựng giải pháp ổn định và nâng cao tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp. Công tác NCKH SV tiếp tục được cải thiện thông qua hoàn thiện các quy định chi tiết, hệ thống theo dõi, đồng thời đẩy mạnh truyền thông về vai trò của CLB NCKH nhằm khơi dậy đam mê nghiên cứu trong SV. Ngoài ra, nội dung, quy trình, biểu mẫu khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về hoạt động của Trường/Khoa tiếp tục được hoàn thiện và triển khai định kỳ nhằm phục vụ công tác cải tiến chất lượng.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Phan Thiết.

Mã: DPT

Tên CTĐT: CTĐT trình độ đại học ngành **QTNH&DVAU**

Mã CTĐT: 7810202

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4,00	3	100
Tiêu chí 1.1				4						
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								4,00	3	100
Tiêu chí 2.1				4						
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4,00	3	100
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4,00	3	100
Tiêu chí 4.1				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1				4				4,00	5	100
Tiêu chí 5.2				4						
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chuẩn 6								4,00	7	100
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7								4,00	5	100
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8								4,20	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 8.5				4						
Tiêu chuẩn 9								4,40	5	100
Tiêu chí 9.1				4						
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10								4,33	6	100
Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11								4,00	4	80
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,08	50	100

Bình Thuận, ngày tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Cục Quản lý chất lượng - BGDDT;
- TTKĐCLGD Sài Gòn;
- HĐT, BGH Trường (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, KT-ĐBCL&TTTPC.

PGS. TS. Võ Khắc Thường

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 20/6/2025)

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

Tiếng Anh: University of Phan Thiet

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: Trường ĐHPT

Tiếng Anh: UPT

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: Số 225 Nguyễn Thông, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

Số 02 Đại lộ Võ Nguyên Giáp, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (0252) 2461372-2461373

E-mail: dhphanthiet@upt.edu.vn Website: www.upt.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 2009

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2009

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2013

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☐ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☒

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ):

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa DL

Tiếng Anh: Faculty of Tourism

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Khoa DL

Tiếng Anh: FT

14. Tên trước đây (nếu có):

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7810202

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Số 225 Nguyễn Thông, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

18. Số điện thoại liên hệ: (02526) 272 929

E-mail: khoa_dl@upt.edu.vn Website: <http://ft.upt.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2012

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2020

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2024

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình,... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

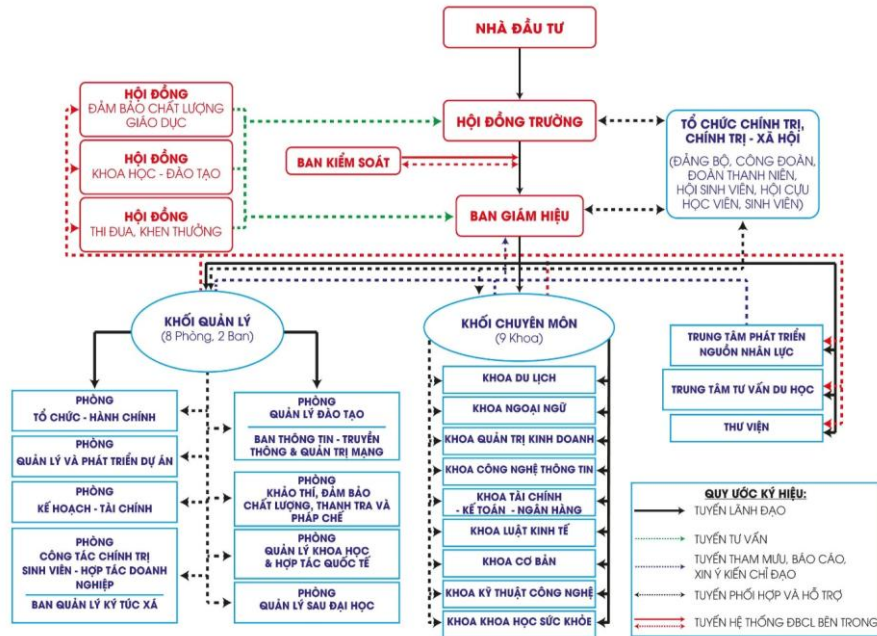
Được thành lập theo quyết định số 46/QĐ-ĐHPT ngày 02/8/2012 của Chủ tịch HĐQT trường Đại học Phan Thiết. Khoa DL hiện đang đào tạo 03 ngành là QTNH&DVAU, Quản trị Khách sạn và Quản trị dịch vụ DL & Lữ hành trình độ đại học, quy mô đào tạo 348 SV và tiếp tục phát triển các CTĐT. Đội ngũ cán bộ giảng dạy

cơ hữu của Khoa tính đến 25/6/2025 có 27 CBGV cơ hữu, trong đó có 3 Tiến sĩ, 20 ThS và 4 Đại học. Ngoài ra, Khoa còn có một số GV thỉnh giảng là các GS, PGS, Tiến sĩ, Thạc sĩ có kinh nghiệm và uy tín cao từ các Viện nghiên cứu, các trường ĐH trong nước và các doanh nghiệp về lĩnh vực DL tại TP. HCM trực tiếp tham gia giảng dạy và NCKH góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa. Khoa đã có các ký kết hợp tác với các doanh nghiệp: Mui Ne Bay Resort, Pandanus Resort, Asteria Mui Ne Resort, K-Town Phan Thiết Resort, Hiệp hội DL Bình Thuận...

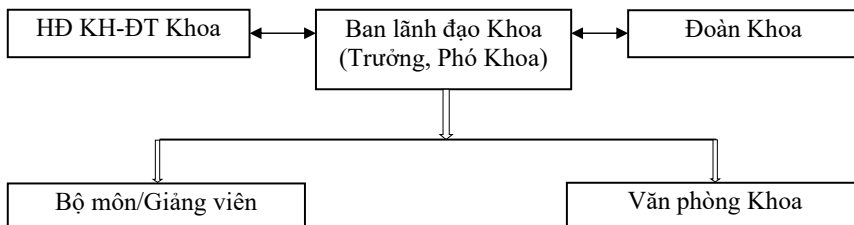
Khoa DL thường xuyên củng cố, phát triển Tổ ĐBCL của Khoa và thực hiện đầy đủ các hoạt động ĐBCL chung của Trường và các hoạt động ĐBCL của Khoa, bộ môn đối với các CTĐT của Khoa phụ trách.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (về sơ đồ riêng).

a) Cơ cấu tổ chức của Nhà trường bao gồm: HĐT, BGH (gồm Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng); Hội đồng KH-ĐT; Hội đồng ĐBCL; Hội đồng thi đua khen thưởng; 09 Khoa đào tạo (Khoa Cơ bản, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Tài chính - Kế Toán - Ngân hàng, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Luật Kinh tế, Khoa DL, Khoa Quản trị kinh doanh, Khoa Kỹ thuật công nghệ, Khoa Khoa học sức khỏe); 7 phòng và 2 ban thuộc phòng (Phòng TC-HC, Phòng QL&PTDA, Phòng QLĐT, Phòng KH-TC, Phòng QLKH&HTQT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, Phòng CTCTSV&HTDN); Thư viện; 2 trung tâm chức năng (Trung tâm PTNNL, Trung tâm tư vấn du học) và các tổ chức chính trị - xã hội (Đảng, Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV, Hội cựu SV, HV).



b) Cơ cấu tổ chức Khoa DL



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
Ban giám hiệu						
1	BGH	Võ Khắc Thường	1957	NGUT.PGS.TS, Hiệu trưởng	0903703753	thuongvk @upt.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
2	BGH	Đinh Phi Hồ	1957	PGS.TS, P. Hiệu trưởng	0938170757	dpho @upt.edu.vn
3	BGH	Nguyễn Phước Quý Quang	1974	TS, P. Hiệu trưởng		Nguyenphuocquyquang@gmail.com
4	BGH	Võ Khắc Trường Thanh	1984	TS, P. Hiệu trưởng		thanhvkt@upt.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.	Khoa DL	La Nữ Ánh Vân	1957	TS, P. Trưởng khoa		lnavan@upt.edu.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1.	Đảng bộ	Đinh Phi Hồ	1957	PGS.TS, Bí Thư	0938170757	dpho @upt.edu.vn
2.	Đoàn thanh niên	Lê Ngọc Duy	1996	ThS, Bí Thư	0793832868	lnduy @upt.edu.vn
3.	Hội SV	Lê Ngọc Duy	1996	ThS, Bí Thư	0793832868	lnduy @upt.edu.vn
4.	Công đoàn trường	Lâm Ngọc Diệp	1958	ThS, Chủ tịch	0983899193	lndiep @upt.edu.vn
III Các phòng, ban						
1	Phòng QLĐT	Võ Khắc Trường Thi	1983	TS, Trưởng phòng	0783938686	thivkt @upt.edu.vn
2	Phòng CTCTSV& HTDN	Nguyễn Như Trường	1988	ThS, Trưởng Phòng	0981963233	nntruong @upt.edu.vn
3	Phòng TC-HC	Lê Anh Linh	1987	ThS, Trưởng phòng		
4	Phòng QLKH-HTQT	Trần Tinh	1974	TS, Trưởng phòng	0913754312	ttinh @upt.edu.vn
5	Phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Nguyễn Thị Kiều Vi	1989	ThS, Trưởng Phòng	0388182785	nkvi @upt.edu.vn
6	Phòng KH-TC	Nguyễn Anh Đông	1968	ĐH, Trưởng phòng	0933166766	nadong @upt.edu.vn
8	Phòng QL&PTDA	Nguyễn Phước	1974	TS, Trưởng phòng	0913928990	npqquang @upt.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
		Quý Quang				
9	Trung tâm PTNNL	Phạm Thị Minh Hạnh	1965	TS, Giám đốc	0903823415	ptmhanh @upt.edu.vn
10	Thư viện	Huỳnh Thị Thanh Hậu	1993	CN, Nhân viên	0902086206	htthau @upt.edu.vn
11	Ban TTTT & QTM	Lương Quốc Vũ	1991	ThS, Trưởng ban	0785253368	lqv @upt.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 03

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☒
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 03

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu ¹ <i>Trong đó:</i>			
I.1	Đội ngũ trong biên chế	0	0	0
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	15	12	27
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	-	-	-
	Tổng số	15	12	27

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	-	-
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	-	-
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	-	-
4	Tiến sĩ	1	0	0	1	-	-
5	Thạc sĩ	4	0	4	0	-	-
6	Đại học	0	0	0	0	-	-
7	Cao đẳng	0	0	0	0	-	-
8	Trình độ khác	0	0	0	0	-	-
	Tổng số	5	0	4	1	-	-

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 4 người

¹Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 34 nhân với hệ số quy đổi (*Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT*).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	-	-	0
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	0	0	-	-	0
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	-	-	0
4	Tiến sĩ	2	1	0	0	1	-	-	2
5	Thạc sĩ	1	10	0	4	0	-	-	4
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	-	-	0
	Tổng		11	0	4	1	-	-	6

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người): 11

TT	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	1	20	1	0	0	0	0	0	1
5	Thạc sĩ	4	80	2	2	0	2	2	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	5	100	3	2	0	2	2	0	1

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 43,6 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 20%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 80%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)		
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	50	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	50	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2020-2021	109	109	0	24	14	-	0
2021-2022	117	117	0	22	14	21,7	0
2022-2023	24	24	0	11	15	-	0
2023-2024	32	32	0	26	15	-	0
2024-2025	38	38	0	33	15	19,3	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	24	22	11	26	33
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây: Đơn vị: người

	Năm học				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	5.668,72	5.668,72	5.668,72	5.668,72	5.668,72

Các tiêu chí	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	291	286	257	282	270
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	291	286	257	282	270
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	19.4	19.8	22	20	21

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0	0	0	0

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...					

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).					
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).					
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.					
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ)					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này.					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	2	1	1	1	1	3
4	Tổng		2	1	1	1	1	3

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 1

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0.08

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2020 – 2024	0	0	0

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	10	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	10	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		0	0	0	0	0	0

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0	0

50. Số lượng bài của các đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số* *	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	1	1	1	2	0	7,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	2	3	3	1	4	13
3	Tạp chí/ tập san của cấp trường	0,5	0	1	0	0	0	0,5
	Tổng		3	5	4	3	4	21

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 21

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,2

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí/ tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	2	11	2
Từ 6 đến 10 bài báo	2	6	2
Từ 11 đến 15 bài báo	2	5	0
Trên 15 bài báo	0	1	0
Tổng số cán bộ tham gia	6	23	4

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	4	14	7	3	1	29
2	Hội thảo trong nước	0,5	3	7	3	0	1	7
3	Hội thảo cấp trường	0,25	1	3	0	1	9	3,5
4	Tổng		8	24	10	4	11	39,5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 39,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 7,9

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	8	12	12
Từ 6 đến 10 báo cáo	1	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	9	12	12

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2020 – 2025	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	35	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	35	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	7

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 119.875,9

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 119.875,9

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 3.325 Nơi học: 9.717 Nơi vui chơi giải trí: 2.400

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

Tổng diện tích phòng học: 9.717

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,67

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: 87

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

Dùng cho hệ thống văn phòng: 1

Dùng cho người học học tập: 271

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0.09

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 5

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 20

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 80

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 64

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 12,8

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%):

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%):

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,2

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 7,9

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,09

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,67

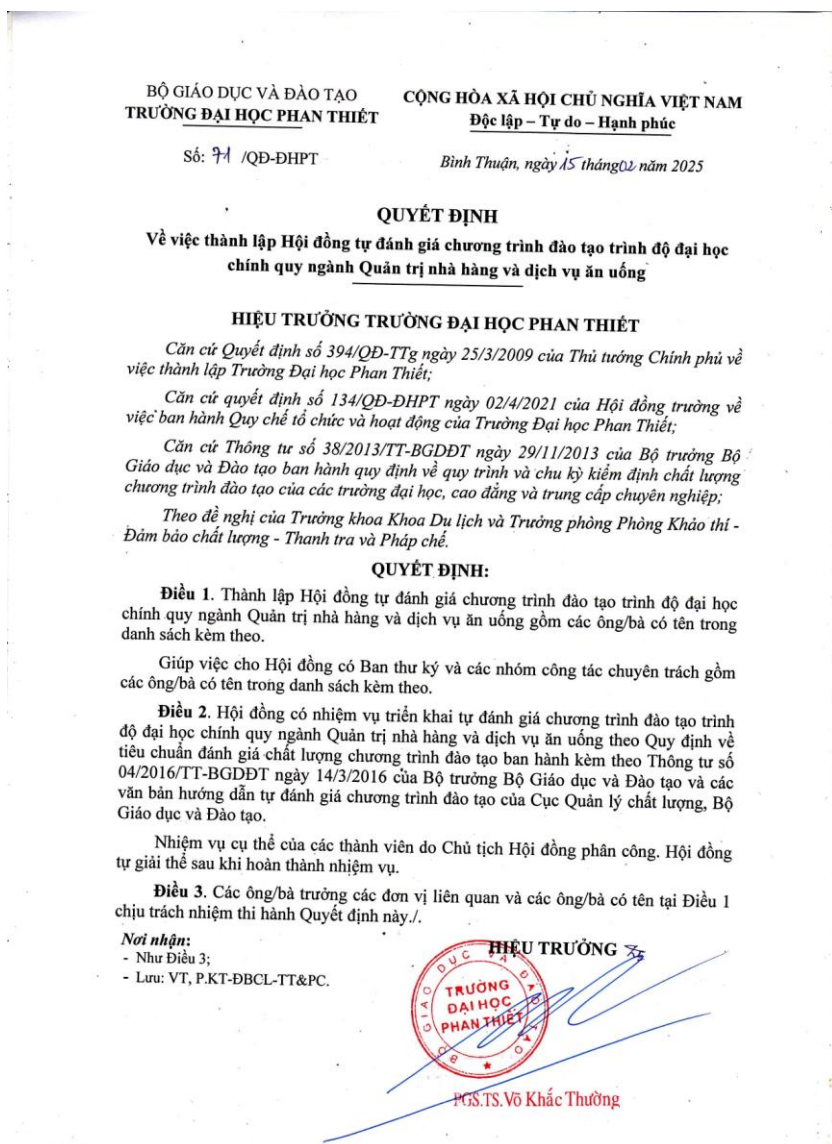
Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 21

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

Phụ lục II

CÁC TƯ LIỆU, TÀI LIỆU LIÊN QUAN

- Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, nhóm chuyên trách; Kế hoạch TĐG (kèm theo file hình ảnh)





**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG**

(Kèm theo Quyết định số 74/QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Phan Thiết)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Võ Khắc Thường	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	PGS.TS. Đinh Phi Hồ	Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy Trường	Phó Chủ tịch
3	TS. La Nữ Ánh Vân	Phó Trưởng Khoa Du lịch (phụ trách khoa)	Phó Chủ tịch
4	ThS. Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế (KT-ĐBCL-TT&PC)	Thành viên - Thư ký
5	ThS. Đinh Thị Kim Chi	Phó trưởng bộ môn, Khoa Du lịch	Thành viên
6	ThS. Lưu Mỹ Ngọc	Giảng viên Khoa Du lịch	Thành viên
7	TS. Võ Khắc Trường Thi	Trưởng phòng Quản lý đào tạo (QLĐT)	Thành viên
8	ThS. Lê Anh Linh	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính (TC-HC)	Thành viên
9	TS. Trần Tinh	Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT)	Thành viên
10	ThS. Nguyễn Như Trường	Trưởng phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp (CTCTSV&HTDN)	Thành viên
11	Đoàn Tố Quyên	Đại-diện Sinh viên ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Thành viên

(Danh sách gồm có 11 người).



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 11/QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Trưởng Ban
2	Trần Phúc Ngồn	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
3	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
4	Trần Minh Quân	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
5	Đỗ Thị Hoàng Yến	Trợ lý Khoa Du lịch	Thành viên
6	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
7	Võ Đức Nhân	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
8	Nguyễn Thị Minh Nga	Phó Trưởng phòng QLĐT	Thành viên
9	Trần Mai Mỹ Hòa	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
10	Lương Hoài Trình	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
11	Phạm Ngọc Linh Chi	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
12	Nguyễn Kim Long	Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN	Thành viên
13	Nguyễn Hữu Hà	Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN	Thành viên
14	Vũ Thụy Diễm Chi	Phó Trưởng phòng QLKH&HTQT	Thành viên
15	Huỳnh Thị Thanh Hậu	Nhân viên Thư viện	Thành viên
16	Nguyễn Minh Thanh	Nhân viên phòng KH-TC	Thành viên

(Danh sách gồm có 16 người).

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 71 /QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: Phụ trách tiêu chuẩn 1, 2, 3			
1	La Nữ Anh Vân	Phó Trưởng Khoa Du lịch	Nhóm trưởng
2	Đinh Thị Kim Chi	Phó trưởng bộ môn, Khoa Du lịch	Thành viên
3	Nguyễn Thị Minh Nga	Phó Trưởng phòng QLĐT	Thành viên
Nhóm 2: Phụ trách tiêu chuẩn 4, 5, 10			
1	Đinh Thị Kim Chi	Phó trưởng bộ môn, Khoa Du lịch	Nhóm trưởng
2	Trần Mai Mỹ Hòa	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
3	Lương Hoài Trinh	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
4	Trần Phúc Ngôn	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
Nhóm 3: Phụ trách Tiêu chuẩn 6, 7, 9			
1	La Nữ Anh Vân	Phó Trưởng Khoa Du lịch	Nhóm trưởng
2	Lưu Mỹ Ngọc	Giảng viên Khoa Du lịch	Thành viên
3	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
4	Võ Đức Nhân	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
5	Vũ Thụy Diễm Chi	Phó Trưởng phòng QLKH&HTQT	Thành viên
6	Huỳnh Thị Thanh Hậu	Nhân viên Thư viện	Thành viên
7	Nguyễn Minh Thanh	Nhân viên phòng KH-TC	Thành viên
Nhóm 4: Phụ trách Tiêu chuẩn 8, 11			
1	Lưu Mỹ Ngọc	Giảng viên Khoa Du lịch	Nhóm trưởng
2	Đỗ Thị Hoàng Yến	Trợ lý Khoa Du lịch	Thành viên
3	Phạm Ngọc Linh Chi	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
4	Nguyễn Kim Long	Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN	Thành viên
5	Nguyễn Hữu Hà	Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN	Thành viên
6	Trần Minh Quân	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
Chịu trách nhiệm rà soát toàn bộ nội dung của BCTĐG và viết Phần mở đầu, Phần kết luận của BCTĐG:			
1	La Nữ Anh Vân	Phó Trưởng Khoa Du lịch	Nhóm trưởng
2	Đinh Thị Kim Chi	Phó trưởng bộ môn, Khoa Du lịch	Thành viên
Phụ trách kết nối Danh mục Minh chứng, tổng hợp các Phụ lục, theo dõi tiến độ để báo cáo HĐĐG, lãnh đạo Nhà trường và các hoạt động chuẩn bị cho đánh giá ngoài CTĐT:			
1	Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Trưởng Ban Thư ký
2	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên

(Danh sách gồm có 19 người)/.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 121 /KH-ĐHPT

Bình Thuận, ngày 17 tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng CTĐT và để đăng ký KĐCLGD.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ TĐG là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn: Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn TĐG và ĐGN CTĐT; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng ban hành Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học chính quy ngành Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống được thành lập theo Quyết định số 71/QĐ-ĐHPT ngày 15/02/2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Phan Thiết, Hội đồng gồm có 11 thành viên (Danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký: Phụ trách kết nối giữa Hội đồng Tự đánh giá (TĐG) và các nhóm chuyên trách, tổng hợp các báo cáo và phân danh mục minh chứng các tiêu chuẩn/tiêu chí, tổng hợp các phụ lục, rà soát hình thức báo cáo và các hoạt động hỗ trợ khác phục vụ cho đánh giá ngoài CTĐT.

b) Các nhóm công tác, cá nhân

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn	Nhóm 1	- Phân tích tiêu chí, thu	Các

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
	1, 2, 3	(La Nữ Ánh Vân – Phó trưởng Khoa Du lịch – Nhóm trưởng)	thập thông tin và minh chứng từ tháng 02-06/2025; - Bổ sung minh chứng kết quả khảo sát SV sau tốt nghiệp, bổ sung minh chứng sau góp ý của Hội đồng TĐG từ tháng 06-07/2025.	nhóm chuyên trách đề xuất thêm khi cần.
2	Tiêu chuẩn 4, 5, 10	Nhóm 2 (Đinh Thị Kim Chi – Phó Trưởng bộ môn, Khoa Du lịch – Nhóm trưởng)		
3	Tiêu chuẩn 6, 7, 9	Nhóm 3 (La Nữ Ánh Vân – Phó trưởng Khoa Du lịch – Nhóm trưởng)		
4	Tiêu chuẩn 8, 11	Nhóm 4 (Luu Mỹ Ngọc – Giảng viên Khoa Du lịch – Nhóm trưởng)		

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá (nếu có)

1. Thời gian: Đã tập huấn ngày 26/11/2024 theo kế hoạch số 650/KH-ĐHPT ngày 21/11/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Phan Thiết. Hội đồng Tự đánh giá, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC sẽ tiếp tục hướng dẫn lại quy trình, biểu mẫu, nghiệp vụ cho các nhóm chuyên trách trong quá trình TĐG theo kế hoạch này.

2. Thành phần: Ban Giám hiệu, các tổ ĐBCL các đơn vị, giảng viên, nhân viên các khoa, phòng, ban của Trường.

3. Nội dung, chương trình tập huấn: Phổ biến các quy định về ĐBCL, KĐCL CSGD và CTĐT; Giới thiệu các nội dung liên quan trên phần mềm Quản lý hệ thống bảo đảm và KĐCLGD của Bộ GDĐT; Hệ thống ĐBCL bên trong của Trường; Quy trình TĐG CSGD và CTĐT, các biểu mẫu kèm theo; Hướng dẫn thực hiện phân tích tiêu chí, tìm thông tin minh chứng; việc số hóa minh chứng; thảo luận, chia sẻ các đơn vị.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	- Phân công nhiệm vụ cụ thể trong nội bộ mỗi nhóm;	- Nhân lực theo Hội đồng và các nhóm chuyên trách đã thành lập;	Tháng 02-7/2025 và theo đề xuất của các nhóm chuyên trách, Hội đồng TĐG khi cần.	Các nhóm chuyên trách đề xuất thêm trong quá trình thực hiện nếu cần.
2	Tiêu chuẩn 4, 5, 10	- Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin minh chứng;	- Tạo điều kiện về thời gian để các cán bộ được giao nhiệm vụ thực hiện;		
3	Tiêu chuẩn 6, 7, 9	- Viết báo cáo TĐG tiêu chí, tiêu chuẩn;	- Các máy in, máy scan, photo sử dụng tại các đơn vị cần được khắc phục sự cố kịp thời (nếu có) trong quá trình tăng cường sử dụng để chuẩn bị, sắp xếp minh chứng, in các báo cáo,...;		
4	Tiêu chuẩn 8, 11	- Đóng góp ý kiến chỉnh sửa/cải tiến ngay những nội dung có thể khắc phục được để	- Hệ thống mạng nội bộ, dữ liệu trực tuyến nội bộ cần được khắc phục sự cố kịp thời (nếu có) để chia sẻ, lưu		

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
		bổ sung vào báo cáo TĐG; - Tổng hợp hoàn thiện báo cáo TĐG và chuẩn bị cho đánh giá ngoài.	trữ minh chứng và tổ chức các hoạt động TĐG trực tuyến; - Kinh phí để đầu tư cải thiện cơ sở vật chất/ các cải tiến khác có thể cải tiến được ngay khi phát hiện sau TĐG (nếu có); - Kinh phí cho Hội đồng, các nhóm thực hiện (theo đề xuất của Hội đồng và chỉ đạo của BGH); - Kinh phí cho các hoạt động chuẩn bị cho đánh giá ngoài.		

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu có)

Các nhóm chuyên trách tự xác định và đề xuất thông qua Phòng KT-ĐBCL-TT&PC đối tượng, thời gian thực hiện và các hoạt động hỗ trợ (nếu có).

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG (nếu có)

Theo chỉ đạo của Hội Đồng trường, Ban Giám hiệu (nếu có).

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí, phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng (đề riêng ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 (từ ngày 10/02 đến ngày 15/02/2025)	1. Họp BGH và Trường/phó các Khoa thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.
Tuần 2 – 3 (từ ngày 17/02 đến ngày 01/03/2025)	1. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch TĐG CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ

Thời gian	Nội dung hoạt động
	GĐĐT và điều kiện cụ thể của Khoa Du lịch); - Trình Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch TĐG.
Tuần 4 – 8 (từ ngày 03/3 đến ngày 05/4/2025)	1. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích nội hàm các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 – 13 (từ ngày 07/4 đến ngày 10/5/2025)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 14 – 16 (từ ngày 12/5 đến ngày 31/5/2025)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: - Xem xét báo cáo của từng tiêu chuẩn do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 17 – 18 (từ ngày 02/6 đến ngày 14/6/2025)	1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT thảo luận với các bộ môn, phòng, ban,... về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19 – 21 (từ ngày 16/6 đến ngày 06/7/2025)	1. Công bố bản dự thảo BCTĐG trong nội bộ Nhà trường và Khoa Du lịch. 2. CBGVNV, người học,... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG. 3. Nhóm chuyên trách cập nhật kết quả khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp 2 khóa đầu tiên sau 1 năm và sau 6 tháng vào Tiêu chuẩn 11 và cơ sở dữ liệu.
Tuần 22 – 23 (từ ngày 07/7 đến ngày 15/7/2025)	1. Hội đồng tự TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện (nếu có) và các dữ liệu bổ sung; 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét phê duyệt.
Tuần 23 – 25 (từ ngày 16/7 đến ngày 31/7/2025)	1. Nhà trường gửi báo cáo TĐG và công văn cho Cục QLCL, Bộ GDĐT. 2. P.KT-ĐBCL-TT&PC, Khoa Du lịch bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã MC đã ghi trong báo cáo TĐG; 3. Theo dõi kết quả phản hồi báo cáo TĐG từ Cục QLCL và đăng ký ĐGN.

Nơi nhận:

- HĐT, BGH (để báo cáo);
- Hội đồng TĐG (để thực hiện);
- Khoa Du lịch (để thực hiện);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Lưu: VT, P.KT-ĐBCL-TT&PC.

**HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Võ Khắc Thường

- Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG (kèm theo)/.